



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH

## TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN



### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

(Đăng ký niêm yết số: 60/2012/QĐ – SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp ngày 27/4//2012)  
Theo Giấy CNĐKKD mã số doanh nghiệp 3500102710 đăng ký lần đầu ngày 13/12/2007 và đăng ký thay đổi lần 11 ngày 21/12/2011 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN :



### Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

#### **TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Trụ sở chính : Tòa nhà PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, H. Nhà Bè, TP. HCM.  
Điện thoại : (84-8) 37816777 Fax : (84-8) 37815777  
Email : [pvgas.cbtt@pvgas.com.vn](mailto:pvgas.cbtt@pvgas.com.vn) Website : [www.pvgas.com.vn](http://www.pvgas.com.vn)

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)**

Trụ sở chính : Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM.  
Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209 Website: [www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)  
Sàn giao dịch : 136 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM.  
Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209  
Chi nhánh Hà Nội : Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.  
Điện thoại : (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688

#### **PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Họ và tên : **Đỗ Tấn**  
Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Trưởng ban Kế hoạch  
Số điện thoại : (84-8) 37816777

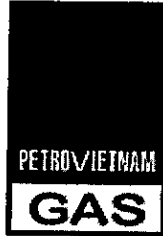


SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



# BẢN CÁO BẠCH

## TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN



### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

(Đăng ký niêm yết số: /QĐ – SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp ngày /2012) theo Giấy CNĐKKD mã số doanh nghiệp 3500102710 đăng ký lần đầu ngày 13/12/2007 và đăng ký thay đổi lần 11 ngày 21/12/2011 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN :



### Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

#### **TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Trụ sở chính : Tòa nhà PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, H. Nhà Bè, TP. HCM.  
Điện thoại : (84-8) 37816777 Fax : (84-8) 37815777  
Email : [pvgas.cbtt@pvgas.com.vn](mailto:pvgas.cbtt@pvgas.com.vn) Website : [www.pvgas.com.vn](http://www.pvgas.com.vn)

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (VCSC)**

Trụ sở chính : Số 67 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM.  
Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209 Website: [www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)  
Sàn giao dịch : 136 Hàm Nghi, Quận 1, Tp.HCM.  
Điện thoại : (84-8) 3914 3588 Fax: (84-8) 3914 3209  
Chi nhánh Hà Nội : Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.  
Điện thoại : (84-4) 6262 6999 Fax: (84-4) 6278 2688

#### **PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Họ và tên : **Đỗ Tấn**  
Chức vụ tại tổ chức niêm yết: Trưởng ban Kế hoạch  
Số điện thoại : (84-8) 37816777



<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO</b> .....	<b>1</b>
1. Rủi ro kinh tế .....	1
2. Rủi ro về pháp luật .....	3
3. Rủi ro đặc thù .....	4
4. Rủi ro khác.....	5
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH</b> .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1. Tổ chức niêm yết .....	6
2. Tổ chức tư vấn.....	6
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT</b> .....	<b>7</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT</b> .....	<b>8</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	8
1.1. Giới thiệu về PV Gas .....	8
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển .....	9
1.3. Các Danh hiệu, giải thưởng và chứng nhận đã đạt được.....	11
1.4. Định hướng phát triển.....	11
1.5. Quá trình tăng vốn .....	12
2. Cơ cấu của PV Gas .....	12
3. Bộ máy quản lý của PV Gas .....	13
3.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông .....	13
3.2. Hội Đồng Quản Trị .....	14
3.3. Ban Kiểm Soát.....	14
3.4. Ban Tổng giám đốc.....	15
3.5. Các phòng ban chức năng.....	15
4. Danh sách và cơ cấu cổ đông của PV Gas .....	18
4.1. Danh sách cổ đông sáng lập .....	18
4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết).....	18
4.3. Cơ cấu cổ đông của PV Gas.....	18
5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết.....	19
5.1. Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của PV Gas.....	19
5.2. Danh sách Công ty mà PV Gas đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối.....	19
5.3. Danh sách Công ty mà PV Gas đang góp vốn liên kết hoặc mua cổ phần .....	21
6. Hoạt động sản xuất kinh doanh .....	22
6.1. Tổng quan về hệ thống khí của PV Gas.....	22
6.2. Hoạt động mua bán khí và sản phẩm khí.....	27
6.3. Hoạt động vận chuyển khí và các dịch vụ khác .....	39

6.4. Tổng hợp doanh thu, giá vốn hàng bán, lợi nhuận gộp của PV Gas .....	42
6.5. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh .....	43
6.6. Trình độ công nghệ.....	45
6.7. Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới.....	46
6.8. Công tác đảm bảo hoạt động an toàn, chất lượng, môi trường.....	46
6.9. Hoạt động Marketing, phát triển thương hiệu.....	48
6.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký .....	49
7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....	52
7.1. Một số chỉ tiêu sản xuất hoạt động kinh doanh của PV Gas.....	52
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh .....	56
8. Triển vọng của ngành và vị thế của PV Gas trong ngành.....	58
8.1. Triển vọng ngành khí .....	58
8.2. Vị thế PV Gas trong ngành .....	60
9. Chính sách đối với người lao động của PV Gas.....	60
9.1. Số lượng người lao động.....	61
9.2. Chính sách với người lao động .....	61
10. Chính sách cổ tức.....	64
11. Tình hình hoạt động tài chính .....	64
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	70
12.1. Hội đồng quản trị .....	73
12.2. Ban kiểm soát.....	80
12.3. Ban Tổng giám đốc.....	84
12.4. Kế toán trưởng.....	96
13. Tài sản.....	97
14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2012-2014 .....	100
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....	102
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: Không có.....	103
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu: Không có.....	103
<b>V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT .....</b>	<b>103</b>
18. Loại cổ phiếu.....	103
19. Mệnh giá.....	103
20. Tổng số cổ phiếu niêm yết.....	103
21. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định.....	103
22. Giá niêm yết dự kiến .....	104
Là 31.000 đồng/cổ phiếu. ....	104
23. Phương pháp tính giá .....	104



23.1. Phương pháp P/E .....	105
24. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	107
25. Các loại thuế có liên quan .....	107
25.1. Đối với PV Gas.....	107
25.2. Đối với nhà đầu tư.....	109
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....</b>	<b>109</b>
1. Tổ chức tư vấn.....	109
2. Tổ chức kiểm toán.....	109
<b>VII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>110</b>

## I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro kinh tế

Hoạt động kinh doanh của một Công ty sẽ chịu một số ảnh hưởng nhất định từ những biến động của nền kinh tế trong nước nói riêng và nền kinh tế thế giới nói chung. Một số ảnh hưởng của nền kinh tế tác động đến hoạt động kinh doanh của PV Gas được phân tích cụ thể dưới đây:

#### 1.1 Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế

**Một nền kinh tế tăng trưởng nhanh luôn đặt ra yêu cầu lớn về nguồn cung cấp năng lượng kịp thời, ổn định. PV Gas hoạt động trong ngành công nghiệp khí Việt Nam, cung cấp sản lượng khí để sản xuất 40% sản lượng điện, 30% sản lượng phân đạm cả nước; do đó tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ phần nào tác động đến nhu cầu của các sản phẩm khí của PV Gas.**

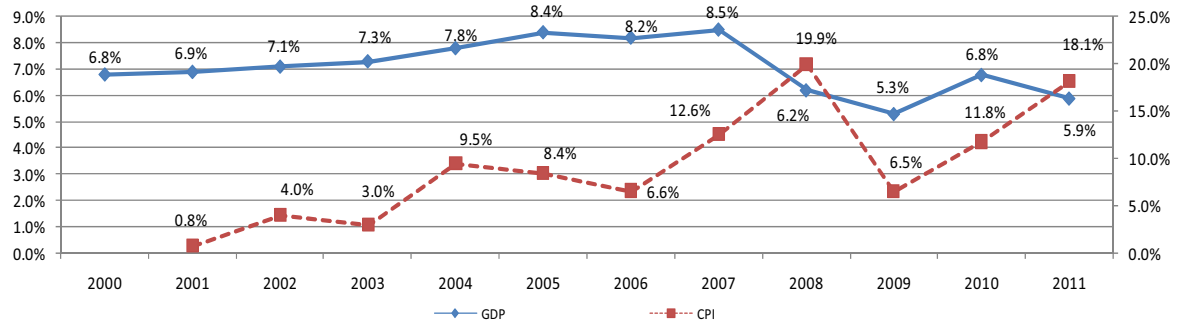
Việt Nam được đánh giá là một trong những nước đang phát triển có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định trong nhiều năm. Theo số liệu thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP (tổng sản phẩm quốc nội) của Việt Nam trong 5 năm trở lại đây dao động trong khoảng từ 5,89% - 8,5%/năm. Riêng năm 2008, là năm đầy khó khăn và thách thức với hàng loạt những bất ổn về tình hình tài chính, kinh tế, phát sinh từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, đã có nhiều tác động tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế các nước. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng GDP là 6,23%/năm, cao hơn rất nhiều so với các nước trong khu vực. Năm 2009, tuy vẫn còn gặp một số khó khăn nhưng nhìn chung, với những chính sách kích thích kinh tế phù hợp và kịp thời của Chính phủ đã giúp cho các doanh nghiệp trong nước tiếp cận được các nguồn vốn vay kịp thời để đầu tư vào sản xuất kinh doanh, tăng trưởng một cách mạnh mẽ.

Năm 2010, Việt Nam tiếp tục đạt mức tăng trưởng tương đối tốt đạt mức trên 6,7%. Kinh tế hồi phục giúp thúc đẩy đầu tư phát triển. Ước tính tổng đầu tư toàn xã hội năm 2010 tăng trưởng 12,9% so với năm 2009, ước bằng 41% GDP. Tuy nhiên hiệu quả việc sử dụng vốn đầu tư có chiều hướng giảm, chỉ số ICOR tăng tới mức cao, trên 8 so với mức 6,6 năm 2008 thể hiện việc hiệu quả sử dụng vốn đang giảm sút.

Năm 2011, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 5,89% thấp hơn mức tăng trưởng năm 2010. Nền kinh tế gặp nhiều thách thức, đặc biệt là tình hình lạm phát cũng như chi phí vốn vay tăng cao làm giảm hiệu quả sản xuất của các doanh nghiệp.

Những rủi ro của nền kinh tế thường rất khó dự đoán cũng như phòng tránh toàn diện. Vì thế, việc ý thức được những rủi ro này sẽ giúp PV Gas, bằng nội lực vững mạnh, có những phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra và hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh có tính đến các biện pháp phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu thiệt hại.

**Bảng: Tăng trưởng GDP, CPI Việt Nam 2000 đến 2011**



*Nguồn: Tổng cục thống kê, Global Insights, Economist*

## 1.2 Lạm phát

Lạm phát cũng là nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các công ty. Trong nhiều năm liền, từ năm 1996 đến năm 2006, Việt Nam vẫn giữ mức lạm phát ổn định ở một con số. Tuy nhiên, từ năm 2007 dưới ảnh hưởng tiêu cực của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã tăng mạnh lên mức 12,6% năm 2007 và 19,89% năm 2008. Năm 2009, Chính phủ đã thành công trong việc chỉ đạo phòng ngừa tái lạm phát cao, chỉ số giá tiêu dùng cả nước năm 2009 tăng 6,88%, đạt mục tiêu dưới 7%.

Năm 2010 và năm 2011 tình hình lạm phát có những diễn biến khá phức tạp. CPI năm 2010 tăng 11,75% và năm 2011 là 18,13%. Một số nguyên nhân dẫn đến tình hình lạm phát cao hiện nay gồm các yếu tố khách quan như giá các nguồn nguyên vật liệu, nhiên liệu trên thế giới tăng làm tăng giá thành, chi phí hoạt động sản xuất, đồng thời cũng một phần do yếu tố nguồn cung tiền dồi dào từ các năm trước. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp quản lý chặt chẽ về tín dụng, cũng như ổn định giá cả một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu để nỗ lực kiềm chế lạm phát.

## 1.3 Chính sách tiền tệ

**PV Gas đang trong giai đoạn tăng trưởng với các dự án đã và sắp được triển khai. Việc thu xếp vốn vay cũng như biến động lãi suất vay vốn cho các dự án này cũng ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả đầu tư của các dự án, ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của PV Gas.**

Chính sách tiền tệ là một trong những công cụ mà Nhà nước sử dụng để điều tiết nền kinh tế vĩ mô. Do vậy, sự thay đổi trong chính sách tiền tệ của Nhà nước cũng ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Chính sách tiền tệ là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến biến động của lãi suất cho vay. Nếu lãi suất cho vay cao sẽ làm cho chi phí kinh doanh của doanh nghiệp tăng cao, giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh và ngược lại.

PV Gas hiện đang nghiên cứu và triển khai nhiều dự án khí quan trọng, do đó cần các nguồn vốn vay để đầu tư. Với uy tín và hiệu quả hoạt động đã được khẳng định trong suốt quá trình hình thành và phát triển, PV Gas có thể tiếp cận được các nguồn vốn vay bằng nội tệ và ngoại tệ từ các ngân hàng trong và ngoài nước với lãi suất phù hợp, đảm bảo các dự án đầu tư được triển khai có hiệu quả và đúng tiến độ đã đề ra.

#### **1.4 Rủi ro về tỷ giá**

**Hiện nay một số hoạt động của PV Gas có ảnh hưởng từ biến động tỷ giá: i) Hoạt động mua bán khí lô PM3 và 46 – Cái Nước do cần thanh toán cho bên bán khí bằng USD ii) Hoạt động nhập khẩu các sản phẩm lỏng iii) Vay vốn bằng ngoại tệ để đầu tư dự án.**

**Nhờ bán hàng theo tỷ giá hiện hành nên PV Gas hạn chế được rủi ro về chênh lệch tỷ giá đối với hoạt động bán khí lô PM3, 46-Cái Nước và các sản phẩm lỏng nhập khẩu.**

**Đối với rủi ro biến động tỷ giá phát sinh từ các khoản vay nợ dài hạn của Tổng công ty, PV Gas đã tính toán đến các kịch bản tỷ giá, từ đó bao gồm rủi ro biến động tỷ giá vào kế hoạch đầu tư và sản xuất kinh doanh để đảm bảo trong tình huống bất lợi nhất thì kết quả hoạt động sản xuất vẫn đảm bảo đạt mức tăng trưởng bền vững.**

Tổng kết cả năm 2011, nhìn chung Chính phủ đã thành công trong việc giữ thị trường ngoại tệ trong nước tương đối ổn định.

## **2. Rủi ro về pháp luật**

Là công ty cổ phần, hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, nên hoạt động của PV Gas chịu ảnh hưởng của luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, luật dầu khí... Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

### **3. Rủi ro đặc thù**

#### **3.1. Rủi ro vận hành**

**Khí và các sản phẩm khí là các sản phẩm dễ cháy nổ. Nếu có sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển, tàng trữ, phân phối khí và các sản phẩm khí thì sẽ có thể gây thiệt hại về tài sản, con người, môi trường, làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas.**

Trong suốt quá trình hoạt động, PV Gas luôn đặt mục tiêu vận hành an toàn, chất lượng, bảo vệ môi trường là mục tiêu hàng đầu. Do đó, trong suốt quá trình hình thành và phát triển, PV Gas chưa để xảy ra một sự cố lớn nào ảnh hưởng đến hoạt động của mình. Một số biện pháp đảm bảo vận hành an toàn của PV Gas bao gồm:

- Áp dụng quy trình quản lý OHSAS 18001: 2007, ISO 14001: 2005 và ISO 9001:2000 (được cấp bởi tổ chức BSI) về các hoạt động thu gom, vận chuyển, tàng trữ, phân phối khí, các sản phẩm khí, và các dịch vụ liên quan;
- Áp dụng các công nghệ tiên tiến, đồng thời thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo độ tin cậy của hệ thống vận hành;
- Thường xuyên đào tạo, tuyên truyền về văn hóa “An toàn – Chất lượng – Môi trường”.

#### **3.2. Rủi ro về sản lượng khí**

**Kế hoạch sản xuất kinh doanh của PV Gas được xây dựng dựa vào dự báo sản lượng khí khai thác được trong các năm tới. Do đó, nếu có yếu tố tự nhiên làm sản lượng thực tế khai thác thấp hơn sản lượng dự báo thì cũng có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của PV Gas.**

Tuy nhiên, xét đến các mỏ khí đã và đang khai thác như các mỏ bể Cửu Long, bể Nam Côn Sơn, mỏ khí PM3 / 46 Cái Nước thì sản lượng dự báo không có chênh lệch lớn so với sản lượng thực tế khai thác chứng tỏ việc dự báo sản lượng là tương đối chính xác.

#### **3.3. Rủi ro về biến động giá năng lượng**

**Giá các sản phẩm mà PV Gas đang nhập khẩu như LPG biến động theo giá thị trường thế giới, do đó nếu có biến động đột ngột với mức độ lớn có thể tác động đến kết quả kinh doanh của PV Gas cũng như ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu và phân phối sản phẩm này.**

Do chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu vào cuối năm 2008, giá LPG trong năm 2009 giảm mạnh và chỉ bằng 66% giá năm 2008. Trong năm 2010 và 2011, giá LPG đã có sự khôi phục đáng kể với mức tăng lần lượt là 39% và 19%. Theo dự báo của Wood Mackenzie, giá LPG trong năm 2012 có thể tiếp tục tăng thêm 5-10% so với năm 2011, sau đó giảm nhẹ trong năm 2013 và duy trì ổn định trong giai đoạn 2014-2015.

Năm	2008	2009	2010	2011
Giá thế giới (USD/tấn)	776	511	712	850
Tăng/Giảm (%)		-34,1%	39,3%	19,4%

*Nguồn: PV Gas*

Giá LPG tăng trong năm 2010 và 2011 đã tác động làm doanh thu và lợi nhuận gộp của PV Gas tăng tương ứng (chi tiết được trình bày tại mục 6.2.2).

Nhằm hạn chế ảnh hưởng từ biến động giá năng lượng thế giới, PV Gas đã lập kế hoạch và tiến hành đầu tư xây dựng kho lạnh LPG tại Thị Vải, Bà Rịa – Vũng Tàu nhằm tăng năng lực tồn trữ sản phẩm lỏng nhập khẩu.

#### **4. Rủi ro chưa hoàn tất quyết toán cổ phần hóa**

Hiện nay PV Gas đã trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt số liệu quyết toán cổ phần hóa và đã thực hiện tạm nộp về Tập đoàn 1.903 tỷ đồng (tiền thu từ bán cổ phần sau khi trừ các khoản chi phí phục vụ công tác cổ phần hóa). Sau khi có Biên bản quyết toán cổ phần hóa được Tập đoàn và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nếu có chênh lệch so với số liệu quyết toán cổ phần hóa của PV Gas, PV Gas sẽ tiến hành điều chỉnh số liệu trên BCTC (làm tăng hoặc giảm giá trị tài sản và kết quả hoạt động kinh doanh của PV Gas).

#### **5. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác như thiên tai, hoả hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng ngoài tầm kiểm soát của PV Gas. Các rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của PV Gas. Để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, PV Gas đã thực hiện mua bảo hiểm cho các tài sản như nhà xưởng, hàng hoá thành phẩm tồn kho, hàng hoá vận chuyển đường biển và con người.

## II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

Bà Nguyễn Thị Lan	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Khang Ninh	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Mai Hữu Ngân	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật : Ông **Tô Hải**

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Tổng công ty	: Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
PV Gas	: Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
PVN	: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam)
PVEP	: Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí
EVN	: Tập đoàn Điện lực Việt Nam
PV Gas North	: Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc
PV Gas South	: Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam
GSO	: Tổng cục Thống kê
Tổ chức tư vấn	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
KNOG	: Tổng công ty Dầu khí Quốc gia Hàn Quốc
ONGC	: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Ấn Độ
EIA	: Cơ quan thống kê thông tin về Dầu khí của Hoa Kỳ
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban Kiểm soát
BTGD	: Ban Tổng Giám đốc
Người có liên quan	: Gồm những đối tượng được quy định tại luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11
CNĐKKD	: Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
HĐLĐ	: Hợp đồng lao động
QLDN	: Quản lý doanh nghiệp
UBND	: Ủy Ban Nhân Dân
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHYT	: Bảo hiểm y tế
KCN	: Khu Công nghiệp
HOSE	: Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM
HNX	: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
HĐKD	: Hoạt động kinh doanh
CPI	: Chỉ số giá tiêu dùng
EBITDA	: Thu nhập trước lãi vay, khấu hao/phân bổ và thuế
EPS	: Lợi nhuận sau thuế trên một cổ phiếu
GPP	: Gas Processing Plant – Nhà máy xử lý khí
GDS	: Gas Distribution Station – Trạm phân phối khí
GDC	: Gas Distribution Center – Trung tâm phân phối khí
LPG	: Liquefied Petroleum Gas, hỗn hợp hydrocarbon nhẹ, thể khí hóa lỏng, dùng làm chất đốt
LNG	: Liquefied Natural Gas, khí tự nhiên được hóa lỏng
CNG	: Compressed Natural Gas, khí tự nhiên được nén dưới áp suất cao



## IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT


### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu về PV Gas

Tên Công ty : **Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần**

Tên tiếng Anh : **PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION**

Tên viết tắt : **PV Gas**

Logo : 

Vốn điều lệ : 18.950.000.000.000 đồng

(Mười tám nghìn chín trăm năm mươi tỷ đồng)

Tương ứng : 1.895.000.000 cổ phiếu phổ thông

Trụ sở chính : Tòa nhà PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP. HCM

Điện thoại : (84-8) 37816777 Fax: (84-8) 37815777

Email : [pvgas.cbtt@pvgas.com.vn](mailto:pvgas.cbtt@pvgas.com.vn)

Website : [www.pvgas.com.vn](http://www.pvgas.com.vn)

Theo Giấy CNĐKKD mã số doanh nghiệp 3500102710 đăng ký lần đầu ngày 13/12/2007 và đăng ký thay đổi lần 11 ngày 21/12/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

**Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần có hoạt động chính là:** Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí; Chế biến khí và sản phẩm khí; Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate; Tư vấn đầu tư; Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng; Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí; Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ; Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư

nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; Dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí; Vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí); Các ngành nghề khác được chuyển đổi từ Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH Một thành viên.

## 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

### Giai đoạn 1990 – 2000:

- Ngày 20/9/1990, PV Gas được thành lập trên cơ sở Ban quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu với tên gọi ban đầu là Công ty Khí đốt với nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, tàng trữ, kinh doanh khí và sản phẩm khí. Ngay sau khi được thành lập, PV Gas đã nhanh chóng tổ chức triển khai xây dựng hệ thống thu gom và sử dụng khí Bạch Hổ, hệ thống cơ sở hạ tầng đầu tiên của ngành công nghiệp khí.
- Tháng 5/1995, PV Gas hoàn thành hệ thống đường ống dẫn khí Bạch Hổ - Bà Rịa, giai đoạn đưa nhanh khí vào bờ của Dự án khí Bạch Hổ, chấm dứt việc đốt bỏ ngoài khơi khí đồng hành của mỏ Bạch Hổ, cung cấp khí cho Nhà máy Điện Bà Rịa với công suất 1 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày.
- Tháng 10/1999, PV Gas đưa vào vận hành Nhà máy xử lý khí Dinh Cỗ và Kho Cảng Thị Vải, đánh dấu việc hoàn thành toàn bộ Dự án khí Bạch Hổ. Với việc hoàn thành toàn bộ Dự án khí Bạch Hổ giúp PV Gas có khả năng cung cấp các sản phẩm khí khô, LPG và Condensate cho thị trường nội địa.

### Giai đoạn 2000 đến nay:

- Tháng 11/2001, PV Gas hoàn thành hệ thống đường ống dẫn khí Rạng Đông – Bạch Hổ. Khí đồng hành từ Rạng Đông được thu gom và đưa vào bờ cùng với khí Bạch Hổ.
- Tháng 12/2002, Dự án đường ống khí Nam Côn Sơn hợp tác giữa PetroVietnam, BP và Conoco Phillips hoàn thành đưa vào vận hành với công suất 7 tỷ m<sup>3</sup>/năm. Dự án làm gia tăng đáng kể sản lượng khí cung cấp cho các nhà máy Điện, Đạm và các khách hàng công nghiệp ở khu vực các tỉnh phía Nam.
- Tháng 11/2003, hoàn thành mạng đường ống cấp khí thấp áp Phú Mỹ - Mỹ Xuân - Gò Dầu cung cấp khí nhiên liệu cho các hộ công nghiệp vừa và nhỏ tại địa bàn các tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai.
- Từ ngày 17/11/2006, PV Gas được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với hơn 1.000 nhân viên.
- Tháng 5/2007 dòng khí thương mại từ mỏ PM3 – CAA được đưa vào bờ

cung cấp cho Nhà máy điện Cà Mau 1 thuộc KCN Khánh An, tỉnh Cà Mau. Đây là công trình quan trọng của cụm Dự án Khí – Điện – Đạm, góp phần phát triển kinh tế cho tỉnh Cà Mau và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

- Ngày 18/7/2007, Tổng công ty Khí Việt Nam được thành lập trên cơ sở tổ chức lại Công ty TNHH một thành viên Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí và một số đơn vị kinh doanh Khí thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tháng 11/2009, lễ động thổ dự án đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn được tổ chức. Dự án sẽ vận chuyển khoảng 7 tỷ m<sup>3</sup> vào bờ khi đi vào vận hành dự kiến cuối năm 2014, ngày 5/3/2010 lễ ký kết hợp đồng Hợp tác kinh doanh dự án đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn giữa PV Gas, Chevron Vietnam, Mitsui Oil Exploration, PTTEP Thailand.
- Ngày 5/1/2009, Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 18/TTg-ĐMDN đã đồng ý cổ phần hóa Tổng công ty Khí Việt Nam.
- Ngày 20/04/2009, Hội đồng Quản trị Tập đoàn dầu khí Việt Nam quyết định cổ phần hóa Tổng công ty Khí Việt Nam.
- Ngày 19/08/2010, Hội đồng Quản trị Tập đoàn dầu khí Việt Nam phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng công ty Khí Việt Nam.
- Ngày 17/11/2010, Tổng công ty Khí Việt Nam đã tổ chức thành công đợt bán cổ phần lần đầu ra công chúng ("IPO") tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.
- Ngày 17/04/2011, Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông cổ đông lần thứ nhất.
- Ngày 16/5/2011, Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần chính thức trở thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500102710 đăng ký lần đầu ngày 13/12/2007, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 16/5/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM cấp.
- Sau gần 20 năm kể từ ngày thành lập, PV Gas đã trưởng thành từ một công ty có quy mô nhỏ thành một Tổng công ty vững mạnh, giữ vai trò chủ đạo trong ngành công nghiệp khí Việt Nam. Hàng năm PV Gas đóng góp vào Ngân sách Nhà nước hàng ngàn tỉ đồng. PV Gas đã đóng góp nguồn nguyên, nhiên liệu khí đầu vào để sản xuất 40% tổng sản lượng điện quốc gia, 30% tổng sản lượng đạm (phân bón) cả nước, giữ vững vị thế là nhà cung cấp khí khô duy nhất trong nước, nhà sản xuất và kinh doanh LPG số 1 tại Việt Nam.

### 1.3. Các Danh hiệu, giải thưởng và chứng nhận đã đạt được

- Huân chương Độc lập hạng III cho đơn vị có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc theo quyết định số 577/QĐ-CTN ngày 07/05/2010 của Chủ tịch nước CNXHVN Việt Nam;
- Huân chương Lao động hạng I cho Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2002 đến năm 2006, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Huân chương Lao động hạng II cho Đơn vị đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác từ năm 1999 đến năm 2001, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Huân chương Lao động hạng III cho Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1993 đến năm 1997, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và bảo vệ Tổ quốc;
- Huân chương Chiến công hạng III về công tác phòng cháy chữa cháy giai đoạn 1996 - 2000;
- Các danh hiệu thi đua khen thưởng khác trong công tác an ninh, an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, phát triển thương hiệu và hội nhập kinh tế quốc tế,... do Chính phủ, Ủy ban quốc gia, Bộ công thương, PVN,... khen tặng.

### 1.4. Định hướng phát triển

- Phát triển theo hướng tăng tốc, đột phá, đảm bảo an toàn, chất lượng, hiệu quả và bền vững trên cơ sở tiên tiến, hướng tới lợi ích chung của cộng đồng xã hội. Góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho đất nước;
- Phát triển công nghiệp khí thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng, đáp ứng được nhu cầu trong nước trên cơ sở gia tăng giá trị nguồn khí trong nước, tìm kiếm nguồn khí từ các nước trong khu vực và trên Thế giới;
- Phát triển theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, chế biến sâu để gia tăng giá trị của khí. Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước;
- Coi con người là yếu tố then chốt, hình thành đội ngũ nhân viên cán bộ quản lý có trình độ tiên tiến, tác phong công nghiệp, kỷ luật nghiêm ngặt. Tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ, tiến đến làm chủ công nghệ;
- Đưa PV Gas thành Tổng công ty mạnh trong ngành công nghiệp khí và

có thương hiệu trong khu vực và trên Thế giới, đưa thương hiệu PetroVietnam Gas thành thương hiệu an toàn, uy tín, chất lượng và phổ biến;

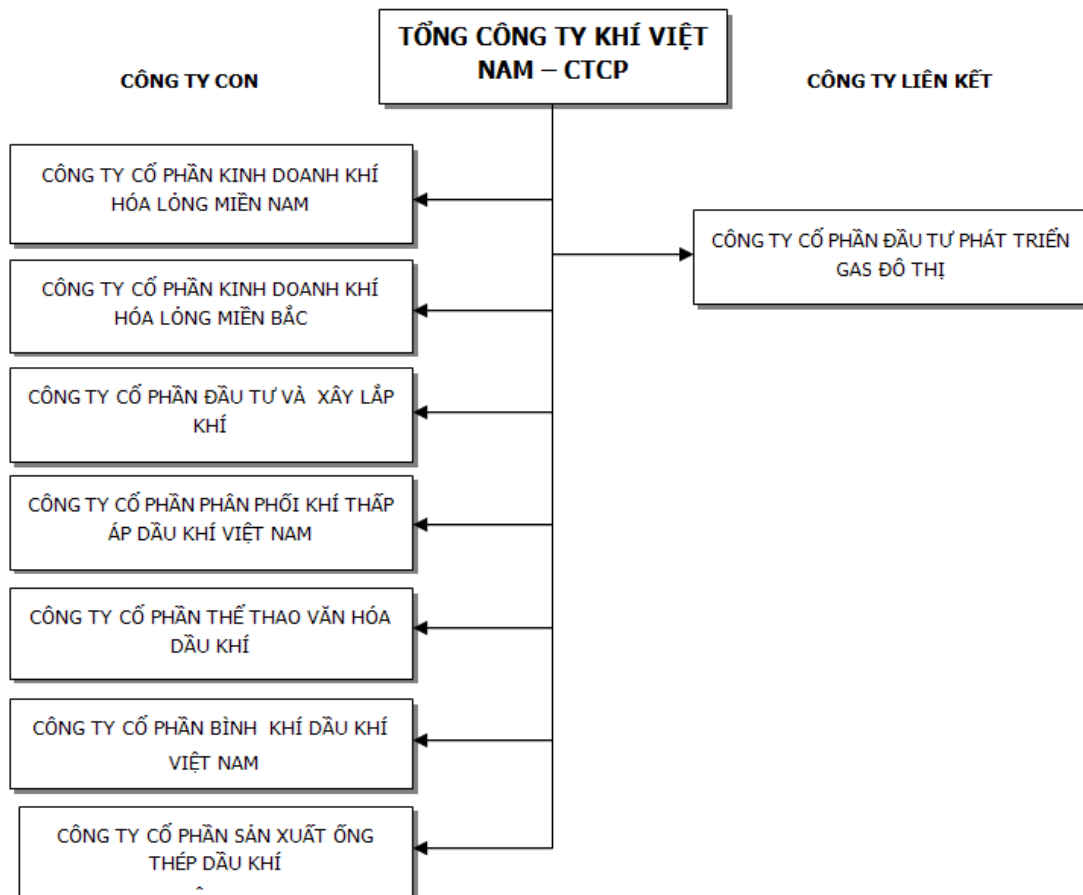
### 1.5. Quá trình tăng vốn

Từ khi thành lập, Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần chưa thực hiện tăng vốn điều lệ.

## 2. Cơ cấu của PV Gas

Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Tổng công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

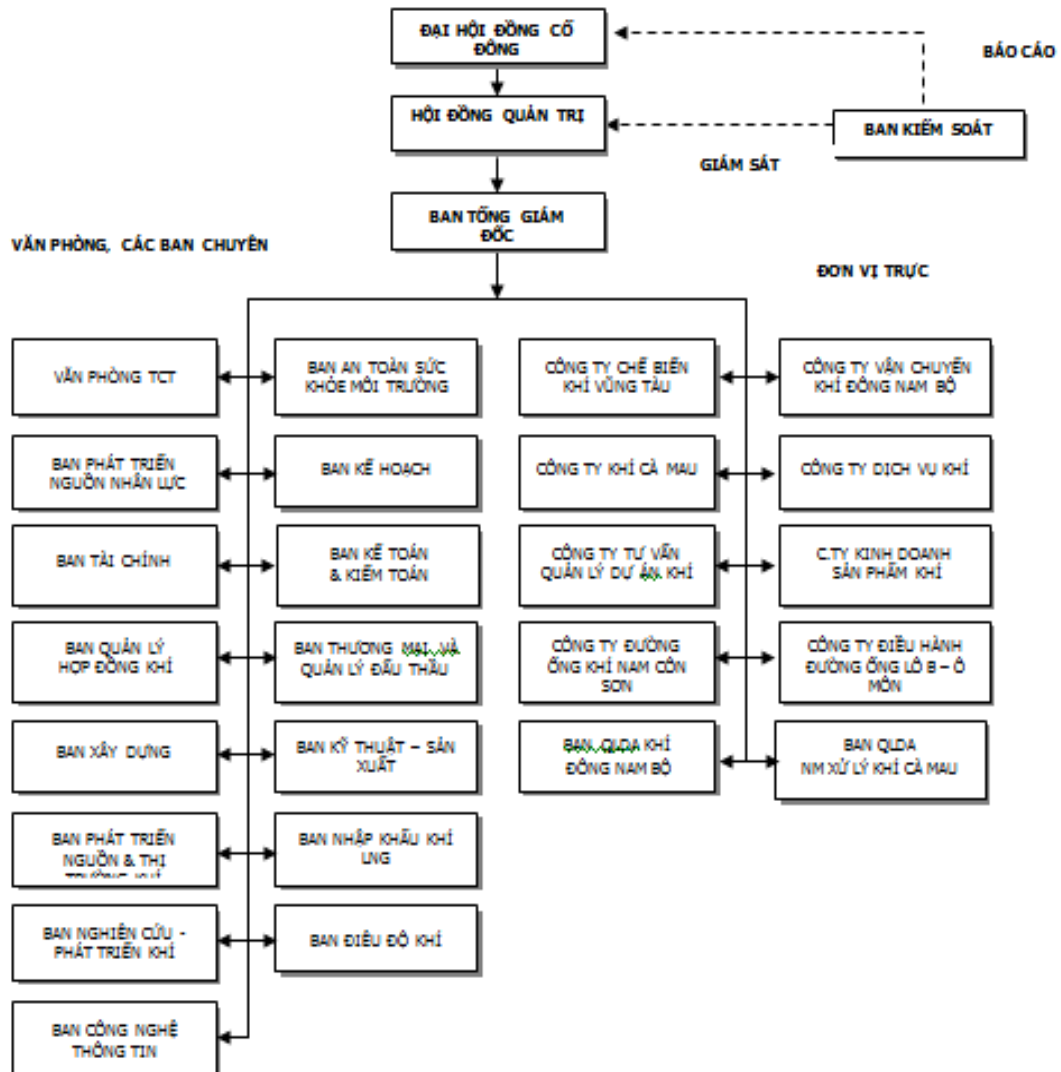
Hình: Cơ cấu của PV Gas tại thời điểm 31/12/2011



Nguồn: PV Gas

### 3. Bộ máy quản lý của PV Gas

PV Gas có cơ cấu bộ máy quản lý theo đúng mô hình công ty cổ phần như sau:



Nguồn: PV Gas

### Chức năng nhiệm vụ của bộ máy quản lý

#### 3.1. Đại Hội Đồng Cổ Đông

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của PV Gas. Đại hội đồng cổ đông có các nhiệm vụ chính sau:

- Thông qua định hướng phát triển của PV Gas;
- Quyết định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và BKS và phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
- Thông qua bổ sung và sửa đổi Điều lệ PV Gas;
- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- Quyết định giao dịch bán tài sản của PV Gas hoặc chi nhánh;
- Các nhiệm vụ khác theo điều lệ PV Gas và luật Doanh nghiệp.

### 3.2. Hội Đồng Quản Trị

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của PV Gas, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của PV Gas và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Tổng công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của PV Gas;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi.
- Các nhiệm vụ khác theo điều lệ PV Gas và luật Doanh nghiệp.

Hiện tại HĐQT Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

### 3.3. Ban Kiểm Soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ PV Gas hoặc trong một số trường hợp theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông vào từng thời điểm, nhiệm vụ chính như sau:

- Thực hiện giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.



- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính kinh doanh hằng năm, sáu tháng và hàng quý của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT.
- Các nhiệm vụ khác theo điều lệ PV Gas và luật Doanh nghiệp.

### 3.4. Ban Tổng giám đốc

#### Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện hợp pháp của PV Gas trước pháp luật, có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas theo đúng pháp luật, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của PV Gas, cụ thể:

- Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Quyết định tất cả vấn đề không thuộc thẩm quyền của HĐQT và ĐHĐCĐ, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty theo những thông lệ tốt nhất.
- Các nhiệm vụ khác theo điều lệ PV Gas và luật Doanh nghiệp.

#### Các Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc là người điều hành cao cấp của PV Gas. Tham mưu và cùng với Ban TGD, chịu trách nhiệm thực hiện những quyết định và mục tiêu chiến lược được giao bởi HĐQT Tổng công ty. Mặt khác, Phó Tổng giám đốc còn chịu trách nhiệm duy trì các hoạt động thuộc lĩnh vực mình quản lý.

### 3.5. Các phòng ban chức năng

Là bộ phận tham mưu, giúp việc theo chức năng, nhiệm vụ được giao cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc PV Gas trong công tác quản lý, điều hành PV Gas. PV Gas có các ban chuyên môn với chức năng, nhiệm vụ được quy định như sau:

**Văn phòng** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý và điều hành công tác:

- Quản lý công tác hành chính quản trị, văn thư – lưu trữ của PV Gas;
- Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định/Chỉ thị của HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong PV Gas.
- Quản lý công tác phát triển thương hiệu và truyền thông và quảng bá sản phẩm của PV Gas.

**Ban An toàn – Sức khỏe – Môi trường** có chức năng tham mưu, giúp



việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý, điều hành công tác:

- An toàn - Môi trường;
- Y tế - Vệ sinh Lao động;
- Thanh tra, Bảo vệ và An ninh Quốc phòng.

**Ban Phát triển Nguồn Nhân lực** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý, điều hành công tác:

- Tổ chức, đổi mới doanh nghiệp, nhân sự, tiền lương và chế độ chính sách của Cơ quan Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc, thành viên của PV Gas;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của PV Gas;
- Công tác thi đua khen thưởng của PV Gas.

**Ban Kế hoạch** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý, điều hành công tác:

- Xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Quản lý Công ty thành viên, hoạt động hợp tác đầu tư trong nước và ngoài nước;
- Quản lý tài sản, đất đai của PV Gas;
- Bảo hiểm.

**Ban Tài chính** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT và Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý, điều hành các công tác:

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát triển vốn của PV Gas;
- Quản lý và điều hành các hoạt động tài chính trong toàn PV Gas.

**Ban Kế toán - Kiểm toán** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý, điều hành công tác:

- Tổ chức thực hiện, quản lý và đảm bảo công tác kế toán - thống kê trong toàn PV Gas tuân thủ Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật kế toán, Luật thống kê, Luật thuế, các chế độ quản lý tài chính hiện hành, các quy định quản lý tài chính của Tập đoàn và Quy chế tài chính của PV Gas;
- Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ tại các đơn vị trực thuộc PV Gas, các công ty con, các công ty liên doanh/đơn vị có vốn góp của PV Gas. Thực hiện công tác thẩm tra và phê duyệt báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản và các dự án đầu tư, đề tài nghiên cứu khoa học...

**Ban Quản lý hợp đồng khí** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý công tác quản lý các hợp đồng mua bán sản phẩm khí.

**Ban Thương mại và Quản lý đấu thầu** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý, điều hành các công tác:

- Quản lý các hoạt động đấu thầu và mua sắm trong PV Gas
- Tổ chức thực hiện công tác thẩm định thầu trong PV Gas;
- Tư vấn về mặt pháp lý trong PV Gas.

**Ban Xây dựng** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý đầu tư xây dựng công trình và đầu tư mua sắm tài sản trong PV Gas.

**Ban Kỹ thuật - Sản xuất** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong công tác quản lý, điều hành các hoạt động kỹ thuật và sản xuất của PV Gas.

**Ban Phát triển nguồn và thị trường khí** có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý và điều hành các hoạt động phát triển nguồn và thị trường khí, sản phẩm khí để phục vụ cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của PV Gas.

**Ban Nhập khẩu khí LNG** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý, điều hành công tác nhập khẩu khí khô.

**Ban Nghiên cứu – Phát triển khí:** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý và điều hành các hoạt động nghiên cứu phát triển của PV Gas.

**Ban Điều độ khí** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas thực hiện công tác dự báo ấn định khí và điều độ công tác tiếp nhận, phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đảm bảo cung cấp kịp thời, liên tục, an toàn khí khô, khí lỏng cho khách hàng trên cơ sở các hợp đồng đã ký với hiệu quả cao nhất.

**Ban Công nghệ thông tin** có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc PV Gas trong quản lý, triển khai, ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý điều hành và sản xuất kinh doanh của PV Gas.

#### 4. Danh sách và cơ cấu cổ đông của PV Gas

##### 4.1. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy CNĐKKD mã số doanh nghiệp 3500102710 đăng ký lần đầu ngày 13/12/2007 và đăng ký thay đổi lần 11 ngày 21/12/2011 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp thì Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.

##### 4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của PV Gas tại thời điểm 3/4/2012

**Bảng: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của PV Gas**

STT	Tên cổ đông	GCNĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần hiện tại	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	0100681592	18 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội	1.832.835.900	96,72%
<b>Tổng</b>				<b>1.832.835.900</b>	<b>96,72%</b>

*Nguồn: PV Gas*

##### 4.3. Cơ cấu cổ đông của PV Gas tính đến ngày tại thời điểm 3/4/2012

**Bảng: Cơ cấu cổ đông của PV Gas**

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>1. Cổ đông Nhà nước</b>	1.832.835.900	96,72%	-	-	1.832.835.900	96,72%
<b>1. Cổ đông nội bộ</b>						
1.1 – Hội đồng quản trị	469.600	0,02%	-	-	469.600	0,02%
1.2 – Ban Tổng giám đốc	317.000	0,02%	-	-	317.000	0,02%
1.2 – Ban kiểm soát	64.800	0,00%	-	-	64.800	0,00%
1.3 – Kế toán trưởng	32.200	0,00%	-	-	32.200	0,00%

<b>2. Cổ đông trong công ty</b>						
2.1 – Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
2.2 – Cán bộ công nhân viên	5.042.200	0,27%	-	-	5.042.200	0,27%
<b>3. Cổ đông ngoài công ty</b>						
3.1 – Cá nhân	9.408.400	0,50%	19.000	0,00%	9.427.400	0,50%
3.2 – Tổ chức	40.965.900	2,16%	5.845.000	0,31%	46.810.900	2,47%
<b>Tổng</b>	<b>1.889.136.000</b>	<b>99,69%</b>	<b>5.864.000</b>	<b>0,31%</b>	<b>1.895.000.000</b>	<b>100,0%</b>

*Nguồn: PV Gas*

## 5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức niêm yết

### 5.1. Danh sách Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của PV Gas

#### **TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tên giao dịch Quốc tế: Vietnam Oil and Gas Group

Tên gọi tắt: PetroVietnam (viết tắt là PVN)

Địa chỉ: 18 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3 8 252526 Fax: (84-4) 3 8 265942

Website: [www.petrovietnam.com.vn](http://www.petrovietnam.com.vn) Email: [info@pvn.vn](mailto:info@pvn.vn)

Tỷ lệ sở hữu tại PV Gas: 96,72%.

### 5.2. Danh sách Công ty mà PV Gas đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

**Bảng: Danh sách công ty con của PV Gas tại thời điểm 31/12/2011**

STT	Tên Công ty	PV Gas sở hữu (%)	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ
1	<b>Công ty Cổ phần kinh doanh khí</b>	35,26%	380	• Kinh doanh khí hóa lỏng và các sản phẩm	PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê

	<b>hóa lỏng miền Nam<sup>1</sup></b> <i>(CNĐKKD số 4103007397 cấp ngày 23/07/2007 do Sở KHĐT TP.HCM cấp)</i>			dầu khí <ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức hệ thống phân phối, vận chuyển, đóng bình kinh doanh khí hóa lỏng</li> <li>Xuất nhập khẩu khí hóa lỏng...</li> </ul>	Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
2	<b>Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc<sup>2</sup></b> <i>(CNĐKKD số 0103018088 cấp ngày 25/06/2007 do Sở KHĐT Hà Nội cấp)</i>	35,88%	277,2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí hóa lỏng...</li> <li>Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ kiện, đầu tư xây dựng kho bãi, trạm chiết nạp, vận tải khí hóa lỏng...</li> </ul>	Tầng 11, Tòa nhà Viện Dầu khí, 173 Trung Kính, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
3	<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí</b> <i>(CNĐKKD số 0703000858 cấp ngày 31/08/2007 do Sở KHĐT Nam Định cấp)</i>	76,5%	216	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đầu tư xây dựng và phát triển các khu liên hợp công nghiệp – đô thị và dịch vụ; đầu tư xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, hóa chất, xi măng, vật liệu xây dựng...</li> </ul>	Đường 2B, KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu
4	<b>Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam</b> <i>(CNĐKKD số 4103006815 cấp ngày 23/05/2007 do Sở KHĐT Tp.HCM cấp)</i>	50,5%	429	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kinh doanh và vận chuyển khí thấp áp bằng đường ống...</li> </ul>	Tòa nhà PV Gas Tower, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Huyện Nhà Bè, TP. HCM
5	<b>Công ty Cổ phần sản xuất ống thép Dầu khí</b> <i>(CNĐKKD số 3501595378 do Sở</i>	85,0%	1.300	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sản xuất ống thép và thép tấm</li> </ul>	KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang

<sup>1</sup> PV Gas có 05 đại diện trong tổng số 05 thành viên HĐQT của Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam.

<sup>2</sup> PV Gas có 04 đại diện trong tổng số 05 thành viên HĐQT của Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc.

	<i>KHĐT Tiền Giang cấp ngày 20/08/2010)</i>				
6	<b>Công ty CP Bình khí Dầu khí Việt Nam</b> <i>(CNĐKKD số 3602360598 cấp ngày 30/07/2010 do Sở KHĐT Đồng Nai cấp)</i>	70,87%	71,5	<ul style="list-style-type: none"> <li>Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho khí nén và khí hóa lỏng, khí đốt...</li> </ul>	Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
7	<b>Công ty Cổ phần Thể thao – Văn hóa Dầu khí</b> <i>(CNĐKKD số 0103034607 cấp ngày 11/01/2009 do Sở KHĐT Hà Nội cấp)</i>	60,0%	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức và kinh doanh dịch vụ liên quan đến hoạt động thể thao và văn hóa trong và ngoài nước...</li> </ul>	80 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

*Nguồn: PV Gas*

### 5.3. Danh sách Công ty mà PV Gas đang góp vốn liên kết hoặc mua cổ phần

**Bảng: Danh sách công ty liên kết của PV Gas tại thời điểm 31/12/2011**

STT	Tên Công ty	PV Gas sở hữu (%)	Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ
1	<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị</b> <i>(CNĐKKD số 0103019021 do Sở KHĐT Hà Nội cấp ngày 10/08/2007)</i>	35,51%	188,7	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tư vấn, thiết kế, đấu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt máy thiết bị và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh gas; kinh doanh và vận chuyển gas qua mạng đường ống và các loại xe chuyên dụng...</li> </ul>	Tầng 4 tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 173 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

*Nguồn: PV Gas*

## 6. Hoạt động sản xuất kinh doanh

Hiện nay, PV Gas hoạt động trong 2 mảng kinh doanh chủ yếu:

- Sản xuất, mua bán khí và các sản phẩm khí: gồm khí khô, LPG, Condensate
- Dịch vụ: vận chuyển khí và các dịch vụ liên quan khác

### 6.1. Tổng quan về hệ thống khí của PV Gas

PV Gas hiện đang sở hữu, quản lý và vận hành 3 hệ thống đường ống dẫn khí tại Việt Nam nhằm thu gom, vận chuyển khí khai thác ngoài khơi vào bờ với tổng công suất khoảng 11 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm. Sản lượng khí PV Gas vận chuyển và phân phối qua hệ thống này tăng trưởng qua các năm, từ 1 triệu m<sup>3</sup>/ngày năm 1995 lên đến khoảng 27 triệu m<sup>3</sup>/ngày năm 2011.

**Bảng: Danh sách các đường ống dẫn khí PV Gas đang sở hữu, quản lý và vận hành**

Tên đường ống	Tỷ lệ sở hữu	Bể khí	Chiều dài (km)	Công suất (m <sup>3</sup> /năm)
Bạch Hổ	PV Gas (100%)	Cửu Long	145	2 tỷ
Nam Côn Sơn	PV Gas (51,0%) BP (32,7%) ConocoPhillips (16,3%)	Nam Côn Sơn	410	7 tỷ
PM3 – Cà Mau	PV Gas (100%)	Malay – Thổ Chu	325	2 tỷ

*Nguồn: PV Gas*

#### 6.1.1. Dự án đường ống dẫn khí bể Cửu Long

##### Cơ sở pháp lý:

- Chỉ thị số 223/CT ngày 24/04/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình đầu khí và sử dụng khí đồng hành;
- Quyết định số 07/CT ngày 07/01/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt Luận chứng kinh tế kỹ thuật "Hệ thống thu gom và vận chuyển khí Bạch Hổ - Thủ Đức".

##### Tổng quan về dự án:

- Đề án bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 1995 nhằm mục đích thu gom khí đồng hành từ bồn trữ Cửu Long. Khí được thu gom từ mỏ Bạch Hổ, qua giàn nén khí CCP đưa vào đường ống dẫn vào bờ cấp khí nhanh cho nhà máy điện Bà Rịa với công suất vận chuyển khoảng 6 triệu sm<sup>3</sup>/năm;

- Năm 1998 nhà máy khí GPP – Dinh Cố được đưa vào hoạt động, bắt đầu cung cấp các sản phẩm LPG, condensate và khí khô cho thị trường với công suất xử lý khí ẩm của nhà máy là 5,7 triệu m<sup>3</sup>/ngày. Các sản phẩm lỏng từ nhà máy Dinh Cố được đưa qua hệ thống đường ống tới kho cảng Thị Vải, từ đây sẽ đưa đến các hộ tiêu thụ, phân phối nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, dân dụng dần thay thế sản phẩm cùng loại nhập từ nước ngoài.
- Kho cảng Thị Vải đi vào hoạt động tháng 10 năm 1999, hiện có 33 kho LPG (sức chứa 215 tấn/kho) và 4 kho condensate (tổng sức chứa là 32,392 tấn condensate). Để phục vụ cho việc xuất nhập sản phẩm, kho cảng Thị Vải còn sở hữu 2 cầu cảng: i) Cầu cảng 1 năng lực tiếp nhận tàu 20.000 DWT phục vụ xuất nhập các sản phẩm lỏng (LPG, condensate v.v...) ii) cầu cảng 2 có năng lực tiếp nhận tàu 2.000 DWT chuyên phục vụ xuất nhập LPG.
- Năm 2001, hoàn thành đường ống Rạng Đông – Bạch Hổ, bổ sung nguồn khí từ mỏ Rạng Đông vào hệ thống khí Cửu Long với công suất thiết kế 4,5 triệu m<sup>3</sup>/ngày.

### Thông tin tóm tắt các hạng mục công trình trong hệ thống khí bể Cửu Long

<b>Công trình</b>	<b>Vốn đầu tư (triệu USD)</b>	<b>Hạng mục chính</b>	<b>Công suất</b>	<b>Hoàn thành</b>	<b>Hoạt động</b>
Giàn nén khí Trung tâm mỏ Bạch Hổ	211,8	Cụm thu gom, đuốc, giàn nén khí nhỏ, giàn nén khí trung tâm	2 tỷ m <sup>3</sup> khí ẩm/năm	1997	Khí đồng hành từ các mỏ thuộc bể Cửu Long theo đầu lên, sau khi được tách sơ bộ tại giàn khai thác sẽ theo đường ống dẫn khí về giàn nén trung tâm (CCP) ngoài khơi. Tại đây, khí đồng hành được nâng áp, tách nước.
Hệ thống đường ống dẫn khí	242,6	Hệ thống đường ống dẫn khí, condensate từ các mỏ vào bờ	2 tỷ m <sup>3</sup> khí ẩm/năm	1995	Khí sau khi ra khỏi giàn CCP theo hệ thống đường ống dẫn khí ngoài khơi đến điểm tiếp bờ Long Hải và đến Nhà máy xử lý khí Dinh Cố.
Nhà máy xử lý khí Dinh Cố	90,6	Nhà máy xử lý khí, trạm nén khí đầu vào	1,5 tỷ m <sup>3</sup> khí khô, 300.000 tấn LPG, 150.000 tấn condensate/năm	1998	Khí ẩm được đưa vào hệ thống xử lý để sản xuất ra 3 loại sản phẩm khí khô, LPG và Condensate. Khí khô được vận chuyển bằng hệ thống đường ống đến trạm khí Bà Rịa để cấp khí cho nhà máy điện Bà Rịa và đến trạm phân phối khí Phú Mỹ để



					cấp khí cho các nhà máy điện Phú Mỹ, nhà máy sản xuất đạm và các hộ tiêu thụ khí thấp áp tại Phú Mỹ.
Kho chứa, cảng xuất sản phẩm lỏng tại Thị Vải	75,4	Bồn chứa LPG, bồn chứa Condensate, trạm nạp LPG, cầu cảng	Công suất chứa: 6.600 tấn LPG, 8.500 tấn Condensate  Công suất cầu cảng: 20.000 DWT và 2.000 DWT	1998	LPG và Condensate được sản xuất tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cỗ theo đường ống đến Kho chứa và cảng xuất sản phẩm để tàng chứa trong các bồn chứa và xuất bán LPG cho các công ty kinh doanh LPG (bằng xe bồn thông qua trạm nạp LPG hoặc bằng tàu thông qua 2 cầu cảng) và Condensate cho PV Oil (bằng đường ống) để sản xuất xăng.
Kho LPG Gò Dầu	7,6	Bồn chứa LPG, trạm nạp LPG	4.200 tấn LPG	2009	LPG sản xuất tại Nhà máy xử lý khí Dinh Cỗ và nhập khẩu từ nước ngoài được tàng chứa trong các bồn chứa LPG và xuất bán cho các công ty kinh doanh LPG bằng xe bồn và bằng tàu.

*Nguồn: PV Gas*

### **6.1.2. Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn**

#### **Cơ sở pháp lý:**

- Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn hoạt động theo hình thức Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) ký ngày 15/12/2000 giữa Tập Đoàn dầu khí Việt Nam, BP Pipelines Vietnam B.V, BP 32,67% và Conoco Phillips Vietnam AS. Trong đó, tỷ lệ vốn góp của PVN là 51%, BP 32,67% và Conoco Phillips 16,33%. PV Gas được giao nhiệm vụ thay mặt PetroVietnam tham gia thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo quyết định số 865/QĐ-TCNSĐT ngày 06/05/2002.
- PV Gas đã ghi nhận doanh thu, chi phí (đầu tư và vận hành) và lợi nhuận trên báo cáo tài chính của PV Gas kể từ năm 2002.

#### **Hình thành và phát triển:**

- Ngày 15/12/2000, được cấp giấy chứng nhận đầu tư số 49122000122 của Bộ kế hoạch và đầu tư cấp cho PetroVietnam, BP Pipeline Vietnam B.V, Statoil Vietnam A.S (sau này chuyển nhượng sang cho ConocoPhillips Vietnam AS) thời hạn thực hiện dự án là 35 năm kể từ 15/12/2000;
- Ngày 10/02/2010, giấy chứng nhận đầu tư dự án này được chính thức chuyển đổi tên từ PetroVietnam sang PV Gas;

- BP Pipelines Vietnam B.V giữ quyền điều hành dự án trong giai đoạn xây dựng và 5 năm vận hành đầu tiên (2003 – 2007). Từ ngày 01/01/2008, BP Pipelines Vietnam BV đã bàn giao quyền điều hành cho PetroVietnam/PV Gas.

**Quy mô của dự án:**

- Hệ thống đường ống dẫn khí từ mỏ Lan Tây/Lan Đỏ (Lô 06.1), mỏ Rồng Đồi/Rồng Đồi Tây (Lô 11.2) đến trạm xử lý khí Dinh Cố. Công suất thiết kế là 20 triệu m<sup>3</sup> khí/ngày đem cung cấp khí cho các hộ tiêu thụ khí tại các khu công nghiệp Phú Mỹ, Nhơn Trạch, Hiệp Phước...

**Thông tin tóm tắt các hạng mục công trình trong hệ thống khí bể Nam Côn Sơn**

<b>Công trình</b>	<b>Vốn đầu tư (triệu USD)</b>	<b>Hạng mục chính</b>	<b>Công suất</b>	<b>Hoàn thành</b>	<b>Hoạt động</b>
Hệ thống đường ống dẫn khí và Trạm xử lý khí Dinh Cố	460,0	Hệ thống đường ống dẫn khí, condensate từ mỏ thuộc bể Nam Côn Sơn vào bờ	7 tỷ m <sup>3</sup> khí và 200.000 tấn condensate/năm	2002	Khí thiên nhiên từ lô 06.1 và 11.2 thuộc bể Nam Côn Sơn được khai thác, xử lý sơ bộ ngoài khơi, vận chuyển đưa vào bờ theo đường ống dẫn khí ngoài khơi, tiếp bờ tại Long Hải và về đến Trạm xử lý khí Dinh Cố của Nam Côn Sơn. Sau khi ra khỏi Trạm xử lý, khí khô được vận chuyển bằng đường ống đến Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ, Condensate Nam Côn Sơn theo đường ống vận chuyển Condensate Bạch Hổ lên Kho cảng Thị Vải.
Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ	25,4	Trung tâm phân phối khí	7 tỷ m <sup>3</sup> khí/năm	2002	Khí theo hệ thống đường ống Phú Mỹ - Tp HCM để cấp cho các nhà máy điện Phú Mỹ, nhà máy sản xuất đạm, các hộ tiêu thụ khí thấp áp tại Phú Mỹ – Mỹ Xuân – Gò Dầu và tiếp tục đến Nhơn Trạch, Hiệp Phước để cấp cho các nhà máy điện Nhơn Trạch, Hiệp Phước.
Đường ống Phú Mỹ - TPHCM	97	Đường ống dẫn khí từ Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ đến Nhơn Trạch, Hiệp Phước	2 tỷ m <sup>3</sup> khí/năm	2009	

*Nguồn: PV Gas*

### 6.1.3. Dự án đường ống dẫn khí PM3 – Cà Mau

#### Cơ sở pháp lý:

- Quyết định số 1072/QĐ-TTg ngày 07/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về hiệu chỉnh tổng mức đầu tư dự án “Đường ống dẫn khí PM3-Cà Mau”;
- Quyết định số 2195/QĐ-DKVN ngày 20/04/2007 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam về việc ủy quyền cho PV Gas ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và Lô 46 – Cái Nước.
- Quyết định số 5475/QĐ-DKVN ngày 22/07/2009 của Tập đoàn dầu khí Việt Nam về việc tạm chuyển giao vốn của Tập đoàn đã đầu tư vào Công trình đường ống PM3 – Cà Mau cho Tổng công ty Khí Việt Nam.

#### Tổng quan về dự án:

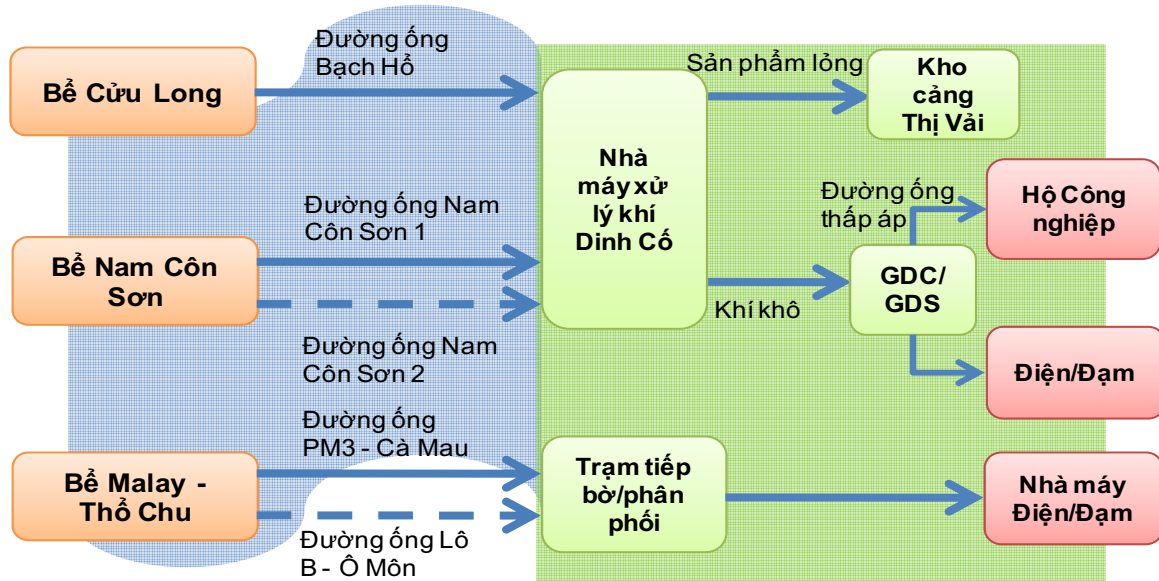
- Dự án đường ống dẫn khí PM3 – Cà Mau là một phần của dự án cụm Khí – Điện – Đạm cung cấp khí thiên nhiên làm nhiên liệu cho các Nhà máy Điện và nhà máy Đạm Cà Mau, được thiết kế với công suất tuyến ống là 2 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm.
- Khí được cung cấp cho các hộ tiêu thụ là Nhà máy điện Cà Mau 1, nhà máy điện Cà Mau 2 và nhà máy đạm Cà Mau. Sản lượng điện của 2 nhà máy điện sẽ chiếm 8% sản lượng điện quốc gia và sản lượng đạm sẽ đáp ứng 30% nhu cầu đạm quốc gia.

### 6.1.4. Các hệ thống liên quan

Ngoài 3 hệ thống đường ống chính kể trên, PV Gas còn sở hữu các hệ thống dẫn khí trên đất liền như sau:

- **Hệ thống đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Tp. Hồ Chí Minh:** Là tuyến ống nhằm cung cấp khí từ Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ đến nhà máy điện Nhơn Trạch 1, 2 và nhà máy điện Hiệp Phước. Công suất thiết kế là 2 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm.
- **Hệ thống đường ống dẫn khí thấp áp Phú Mỹ - Mỹ Xuân – Gò Dầu:** Hệ thống này nhận khí từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn từ trạm phân phối khí Phú Mỹ, cung cấp cho các hộ tiêu thụ tại khu công nghiệp Phú Mỹ – Mỹ Xuân – Gò Dầu.
- **Các trạm phân phối khí và các trung tâm phân phối khí khác.**

Hình: Tổng quan về hệ thống khí của PV Gas



(\*) Đường ống Nam Côn Sơn 2, Lô B – Ô Môn có kế hoạch đầu tư xây dựng

## 6.2. Hoạt động mua bán khí và sản phẩm khí

Hiện nay, Tổng công ty đang cung cấp cho thị trường 3 sản phẩm chính là khí khô, LPG và condensate:

- **Khí khô:** Là khí thiên nhiên hay khí đồng hành sau khi được xử lý tách loại nước và các tạp chất cơ học, tách khí hóa lỏng (LPG) và khí ngưng tụ (condensate) tại nhà máy xử lý khí. Khí khô được cung cấp cho nhà máy điện, nhà máy đạm và các hộ công nghiệp (trong ngành chế biến thực phẩm, gốm sứ, luyện kim v.v...)
- **LPG:** Sử dụng làm chất đốt trong dân dụng và công nghiệp (thường gọi là "gas"). Ngoài ra còn có thể dùng làm nhiên liệu cho động cơ trong giao thông vận tải v.v...
- **Condensate:** Được dùng chủ yếu để pha chế xăng, dung môi pha sơn, dung môi trong công nghiệp v.v...

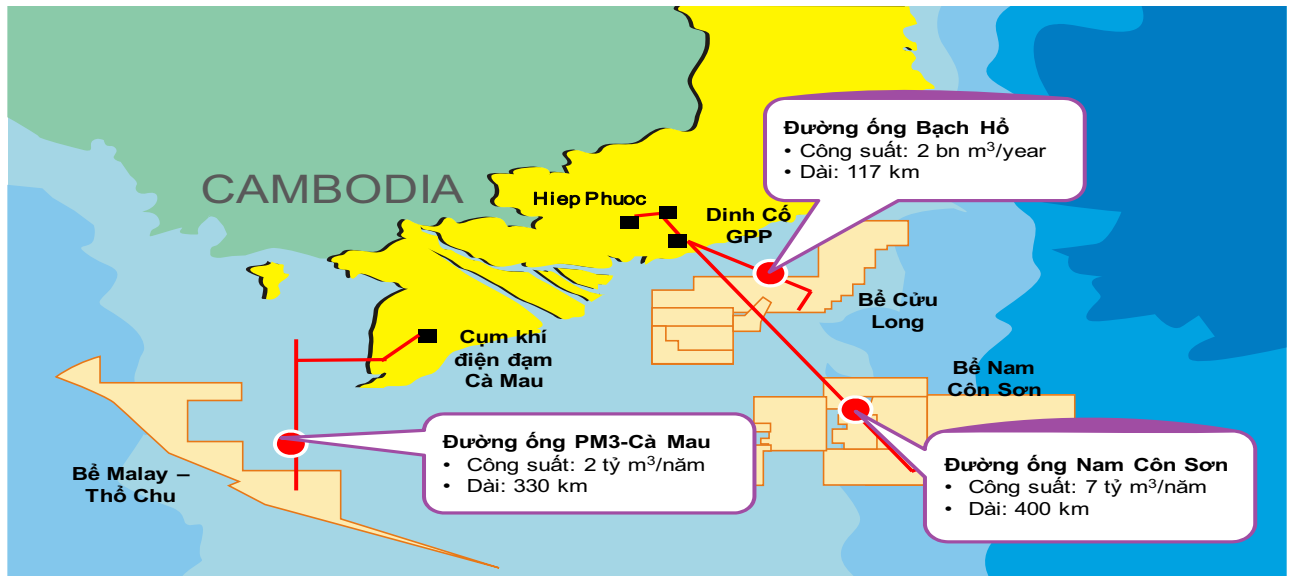
Ngoài 3 sản phẩm chính kể trên, PV Gas thông qua đơn vị thành viên là Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam sản xuất kinh doanh CNG phục vụ sản xuất công nghiệp và giao thông. Sản phẩm khí khô được sản xuất từ nguồn khí từ các mỏ khí ngoài khơi tại khu vực phía Nam, trong đó nguồn khí đồng hành từ bể Cửu Long sau khi xử lý, ngoài khí khô, còn thu được sản phẩm lỏng là LPG và condensate. Hiện nay, PV Gas mua khí từ các chủ mỏ khí và vận chuyển khí từ 3 bể khí sau:

**Bảng: Các bể khí PV Gas đang thực hiện thu gom khí**

<b>Tên bể</b>	<b>Mô tả</b>
<b>Bể Cửu Long</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các lô đang khai thác: Bạch Hổ (09.1), Rồng/Đồi Mồi (09.2), Sư tử Đen/Sư tử vàng/Sư tử trắng (15.1), Rạng Đông/ Phương Đông (15.2), Cá Ngừ Vàng (09.2), Hải sư trắng – Tê giác trắng (Lô 15-2/01), Nam Rồng – Đồi Mồi (Lô 09.3)</li> <li>• Sản phẩm khí: khí đồng hành (hay còn gọi là khí ẩm, đi cùng với dầu trong quá trình khai thác)</li> <li>• Khí đồng hành được vận chuyển qua đường ống dẫn khí Bạch Hổ vào bờ, xử lý tại nhà máy xử lý khí Dinh Cốt cho ra sản phẩm khí khô, LPG và condensate</li> <li>• Khách hàng: Nhà máy điện Bà Rịa, điện Phú Mỹ, đạm Phú Mỹ, hộ công nghiệp (khí thấp áp)</li> </ul>
<b>Bể Nam Côn Sơn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các lô đang khai thác: Lan Tây/Lan Đỏ (Lô 06.1), Rồng Đồi (11.2), Hải Thạch – Mộc Tinh (5.2/5.3), Chim Sáo (12W)</li> <li>• Sản phẩm khí: Khí tự nhiên</li> <li>• Được thu gom và vận chuyển vào bờ qua hệ thống đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn</li> <li>• Khách hàng: nhà máy điện Phú Mỹ, Phú Mỹ 2.1/2.2/3, Phú Mỹ 4, Hiệp Phước, Nhơn Trạch 1, nhà máy đạm Phú Mỹ, hộ công nghiệp (khí thấp áp)</li> </ul>
<b>Bể Malay – Thổ Chu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Các lô đang khai thác: Lô PM3-CAA và 46-Cái Nước,</li> <li>• Sản phẩm khí: Khí tự nhiên</li> <li>• Được thu gom và vận chuyển vào bờ qua hệ thống đường ống dẫn khí PM3 – Cà Mau</li> <li>• Khách hàng: nhà máy điện Cà Mau 1 và 2, nhà máy đạm Cà Mau</li> </ul>

*Nguồn: PV Gas*

Hình: Sơ đồ vị trí các bể khí và đường ống dẫn khí hiện hữu

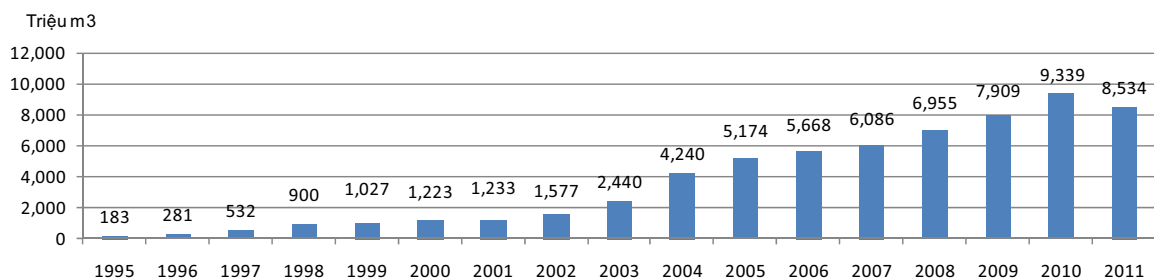


Nguồn: PV Gas

### 6.2.1. Sản phẩm khí khô – nhu cầu gia tăng phục vụ sản xuất công nghiệp

Cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước là sự phát triển của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ, trong đó có các khách hàng tiêu thụ khí khô của PV Gas, kéo theo sự gia tăng nhu cầu sử dụng khí làm nguyên, nhiên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất, kinh doanh. Do đó, sản lượng khí khô của PV Gas bán cho khách hàng cũng liên tục tăng qua các năm kể từ khi thành lập cho đến nay. Toàn bộ sản lượng khí đưa vào bờ đều được tiêu thụ hết, hiện chủ yếu cung cấp cho nhà máy điện, đạm (khoảng 95%), và một phần cho các hộ công nghiệp. Theo ước tính nhu cầu khí cho sản xuất điện sẽ tiếp tục tăng theo nhu cầu phát triển kinh tế từ 6,5 tỷ m<sup>3</sup> khí năm 2008 lên đến 15 tỷ m<sup>3</sup> khí năm 2015, nên nhu cầu đối với sản phẩm khí của PV Gas sẽ tiếp tục tăng trưởng trong các năm tới.

Hình: Sản lượng tiêu thụ khí khô qua các năm



Nguồn: PV Gas

**Bảng: Tóm tắt các thông tin về hoạt động mua bán khí của PV Gas**

Nguồn cung cấp	Khách hàng
<ul style="list-style-type: none"> <li>3 bể khí: Nam Côn Sơn, Cửu Long, Malay – Thổ Chu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà máy điện (88% sản lượng khí)</li> <li>Nhà máy đạm (7%)</li> <li>Hộ công nghiệp (5%)</li> </ul>
Cơ chế giá mua bán	Vị thế
<ul style="list-style-type: none"> <li>Theo các hợp đồng đã ký kết (Nam Côn Sơn, Cửu Long)</li> <li>Biến động theo giá dầu DO, FO (bể Malay – Thổ Chu)</li> <li>Giá bán cho điện từ tháng 3 năm 2011 (phần trên sản lượng bao tiêu) tăng theo lộ trình Chính phủ đã phê duyệt</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Doanh nghiệp duy nhất trong lĩnh vực cung cấp khí tại Việt Nam</li> <li>Cơ sở: hạ tầng đồng bộ, hoàn chỉnh, nhân lực kinh nghiệm, chuyên môn cao, năng lực tài chính mạnh</li> </ul>

*Nguồn: PV Gas*

**Định nghĩa:** khí khô là sản phẩm khí thu được từ khí thiên nhiên hay khí đồng hành sau khi được xử lý tách loại nước và các tạp chất cơ học, tách khí hóa lỏng (LPG) và khí ngưng tụ (Condensate) tại nhà máy xử lý khí. Thành phần bao gồm chủ yếu là Methane, Ethane, ngoài ra còn có propane, butane... và một số khí tạp chất khác. Ưu điểm của khí so với các nguồn nhiên liệu truyền thống khác như than đá, dầu DO, FO là thân thiện với môi trường và tạo ra nguồn nhiệt lượng cao.

**Công dụng:** do đặc tính khí khô là một loại nguyên, nhiên liệu sạch, có giá bán rẻ hơn so với một số loại nhiên liệu truyền thống khác và nguồn cung cấp ổn định với số lượng lớn nên khí khô do PV Gas sản xuất được sử dụng làm nhiên liệu đầu vào của các nhà máy nhiệt điện, của các công ty sản xuất gốm, sứ, gạch, kính...; làm nguyên liệu đầu vào của công ty sản xuất phân bón, CNG.

**Đối tượng khách hàng:** Hiện nay sản phẩm khí khô được cung cấp cho 3 đối tượng khách hàng chính: i) các nhà máy điện (dùng khí để vận hành) ii) nhà máy đạm (dùng khí làm nguyên liệu sản xuất đạm) iii) các hộ công nghiệp (trong ngành chế biến thực phẩm, luyện kim, gốm sứ v.v...) thông qua hệ thống thấp áp

- **Nhà máy điện:** Dự kiến tiêu thụ khoảng 7,4 tỷ m<sup>3</sup> khí trong năm 2012, tương đương 83,7% tổng sản lượng khí khô, để sản xuất 40% tổng sản lượng điện quốc gia. Do nhu cầu điện ngày càng tăng cùng với đà tăng



trường của kinh tế, dự báo nhu cầu khí cung cấp cho các nhà máy điện sẽ tiếp tục tăng trong các năm tới.

- **Nhà máy đạ**m:

- Nhà máy đạ
m Phú Mỹ: công suất 800 nghìn tấn ure/năm, dự kiến tiêu thụ khoảng 6,5% tổng sản lượng khí khô trong năm 2012.
- Nhà máy đạ
m Cà Mau: công suất 800 nghìn tấn ure/năm, đã chính thức cung ứng sản phẩm ra thị trường từ ngày 23/2/2012, dự kiến tiêu thụ khoảng 2,8% tổng sản lượng khí khô trong năm 2012.

- **Các hộ công nghiệp:** Khoảng 5,7% trong tổng sản lượng khí khô còn lại được bán cho các hộ tiêu thụ khí thấp áp tại các khu Công nghiệp tại Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai, và dự kiến bao gồm cả Hiệp Phước – TP. Hồ Chí Minh trong năm nay. Ngoài ra, có khoảng 1,4% trong tổng sản lượng khí khô được nén dưới dạng khí CNG để cung cấp cho các hộ công nghiệp nằm ngoài khu vực cung cấp khí thấp áp. Nhìn chung, các hộ công nghiệp được đánh giá là nhóm khách hàng tiềm năng do trong tương lai kỳ vọng sẽ ra đời thêm nhiều các khu công nghiệp dọc theo tuyến ống từ Bà Rịa-Vũng Tàu lên Tp. Hồ Chí Minh.

**Bảng: Sản lượng tiêu thụ khí khô của các nhà máy điện**

STT	Khách hàng	Công suất/năm	Tiêu thụ khí (Triệu m <sup>3</sup> /năm)	Địa điểm
1	NMĐ Bà Rịa	328 MW	540	BRVT
2	NMĐ Phú Mỹ 1	1.090 MW	1.216	BRVT
3	NMĐ Phú Mỹ 2.1, 2.1 mở rộng	964 MW	1.043	BRVT
4	NMĐ Phú Mỹ 2.2	740 MW	765	BRVT
5	NMĐ Phú Mỹ 3	740 MW	802	BRVT
6	NMĐ Phú Mỹ 4	450 MW	485	BRVT
7	NMĐ Nhơn Trạch 1	300 MW	450	Đồng Nai
8	NMĐ Hiệp Phước	375 MW	450	Tp HCM
9	NMĐ Cà Mau 1	500 MW	680	Cà Mau
10	NMĐ Cà Mau 2	500 MW	680	Cà Mau
<b>Tổng số</b>		<b>5.987 MW</b>	<b>7.111</b>	

*Nguồn: PV Gas*



**Bảng: Sản lượng tiêu thụ khí khô theo bể khí**

STT	Chỉ tiêu (triệu m3/năm)	2009	(%)	2010	(%)	2011	(%)
1	Nam Côn Sơn	5.521	70%	6.677	71%	5.869	69%
2	Cửu Long	1.192	15%	1.106	12%	1.115	13%
3	Malay – Thổ Chu	1.196	15%	1.556	17%	1.550	18%
	<b>Tổng</b>	<b>7.909</b>	<b>100%</b>	<b>9.339</b>	<b>100%</b>	<b>8.534</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: PV Gas*

Tổng sản lượng năm 2011 giảm gần 9% so với năm 2010 chủ yếu do nhu cầu khí cho các nhà máy nhiệt điện sụt giảm, bắt nguồn từ việc sản xuất thủy điện có nhiều thuận lợi về mặt thời tiết và tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn.

**Thị phần:** là đơn vị duy nhất được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao nhiệm vụ thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ kinh doanh khí và các sản phẩm khí và tình hình thị trường có lợi thế nghiêng về bên bán do cầu lớn hơn cung nên PV Gas có cơ hội được đầu tư hệ thống cơ sở vật chất ngành khí và trở thành nhà cung cấp khí khô duy nhất tại Việt Nam cho các nhà máy điện, đạm, hộ tiêu thụ khí thấp áp. Tuy nhiên không vì thế mà PV Gas chủ quan trong sản xuất và kinh doanh khí khô mà ngược lại, PV Gas vẫn không ngừng nỗ lực đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, góp phần tạo nên uy tín và thương hiệu của PV Gas.

**Cơ chế giá mua khí:** Cơ chế giá mua khí từ các chủ mỏ khí khác nhau phụ thuộc vào nguồn khí.

- **Bể Cửu Long:** Giá mua khí (khí ẩm) tại bể Cửu Long được ấn định bởi chủ khí (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam). Trước năm 2008, PetroVietnam chưa ấn định giá mua khí tại bể Cửu Long, do đó 90% phần lợi nhuận từ mua bán khí bể Cửu Long được trích nộp về PetroVietnam. Năm 2007, khoản trích nộp này là 123,9 tỷ đồng. Năm 2008, tuy giá mua khí bể Cửu Long đã được ấn định, khoản tiền mua khí là 1.053,5 tỷ đồng được trích nộp từ lợi nhuận từ mua bán khí bể Cửu Long. Giá mua khí vào bờ trong năm 2011 là 2,7 USD/triệu BTU, năm 2012 là 2,81 USD/triệu BTU, năm 2013 là 2,94 USD/triệu BTU, năm 2014 là 3,19 USD/triệu BTU, năm 2015 là 3,26 USD/triệu BTU.

- **Bể Nam Côn Sơn<sup>3</sup>**: Giá mua khí tại bể Nam Côn Sơn được xác định trong hợp đồng mua bán khí dài hạn giữa bên mua khí là PV Gas và bên bán khí là các chủ mỏ khí. Đối với lô 06.1, giá mua khí vào bờ từ 1/4/2011 đến 31/3/2012 được xác định là 3,46 USD/triệu BTU, từ 1/4/2012 đến 31/3/2013 là 3,53 USD/triệu BTU. Đối với lô 11.2, giá mua khí vào bờ bình quân từ 25/10/2011 đến 24/10/2012 là 3,19 USD/triệu BTU, từ 25/10/2012 đến 24/10/2013 là 3,26 USD/triệu BTU.
- **Bể Malay – Thổ Chu<sup>4</sup>**: Giá mua khí tại lô PM3 và 46-Cái Nước tại bể Malay – Thổ Chu được tính toán dựa trên giá dầu FO, DO tại thị trường Singapore theo phương pháp được ấn định trong hợp đồng mua khí giữa bên mua là PV Gas và bên bán là các chủ mỏ khí. Giá vốn hàng bán của sản phẩm khí từ lô PM3 và 46-Cái Nước khi PV Gas bán cho khách hàng bằng chi phí mua khí trả cho chủ mỏ khí cộng với chi phí vận chuyển khí vào bờ.

### Cơ chế giá bán khí:

#### Đối với khách hàng là các nhà máy điện:

Đối với sản lượng khí trong mức bao tiêu, giá khí bán tại nhà máy (đã bao gồm cước phí vận chuyển vào bờ và cước phí phân phối) từ nguồn Nam Côn Sơn trong năm 2011 là 3,612 USD/triệu BTU và trong năm 2012 là 3,681 USD/triệu BTU.

Theo công văn số 1151/TTg-KTN ngày 07/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ, lộ trình tăng giá khí bể Cửu Long và bể Nam Côn Sơn đối với phần sản lượng khí trên mức bao tiêu (\*) như sau (giá bán khí lô PM3 và 46-Cái Nước biến động theo giá dầu DO, FO thị trường Singapore):

- Từ 01/03/2011 tăng giá khí lên 4,80 USD/triệu BTU
- Từ 01/03/2012 tăng giá khí lên 4,99 USD/triệu BTU
- Từ 01/03/2013 tăng giá khí lên 5,19 USD/triệu BTU
- Từ 01/03/2014 tăng giá khí lên 5,39 USD/triệu BTU
- Từ 01/03/2015 tăng giá khí lên 5,61 USD/triệu BTU
- Từ 01/03/2016 trở đi thì giá khí được điều chỉnh tăng 2% mỗi năm.

*(\*) Mức bao tiêu đối với lô 06.1 và lô 11.2 thuộc bể Nam Côn Sơn lần lượt là 4,0 tỷ m<sup>3</sup> và 1,216 tỷ m<sup>3</sup>. Bể Cửu Long không áp dụng hình thức bao tiêu.*

<sup>3</sup> Các chủ khí của lô 06.1 bao gồm PVN, ONGC Videsh Ltd., BP Exploration Operating Company Ltd (nay là TNK). Các chủ khí của lô 11.2 bao gồm PVN và Korea National Oil Corporation.

<sup>4</sup> Các chủ khí của lô PM3 và 46-Cái Nước bao gồm PVN và Talisman VN Limited.

Lộ trình tăng giá khí như trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với PV Gas, nhằm tạo lợi nhuận thặng dư nhằm đầu tư cho các dự án chiến lược đảm bảo nguồn cung lâu dài về khí. Hiện nay, Chính phủ đã đồng ý chủ trương PV Gas tăng giá bán khí cho khách hàng theo giá thị trường khu vực, xem đây là điều kiện tiên quyết để nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động kinh doanh của PV Gas, tạo lập môi trường kinh doanh khí tại Việt Nam hoạt động theo cơ chế thị trường, tương đồng với nguyên tắc hoạt động của thị trường khí Thế giới. Điều này thể hiện rõ quyết tâm của Chính phủ đối với việc phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam không chỉ là ngành công nghiệp mũi nhọn của Việt Nam mà còn sớm hội nhập với ngành công nghiệp khí Thế giới, không chỉ ở khía cạnh kỹ thuật, trình độ, công nghệ, nhân lực mà còn ở khía cạnh giá cả mua bán khí (theo quy luật cung cầu).

**Đối với khách hàng là nhà máy đạm và các hộ công nghiệp:** Giá bán áp dụng cho nhà máy đạm Phú Mỹ là 4,59 USD/triệu BTU. Sản lượng khí còn lại sau khi cung ứng cho các nhà máy điện và đạm, sẽ được phân phối đến các hộ công nghiệp trong các khu công nghiệp thông qua đường ống thấp áp do Công ty Cổ phần khí thấp áp ("PV Gas D"), là công ty con của PV Gas, vận hành.

### Tình hình doanh thu, lợi nhuận gộp:

**Bảng: Kết quả sản xuất kinh doanh khí khô 2009, 2010, 2011**

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2009 Hợp nhất	2010 Hợp nhất	2011 Hợp nhất
1	Doanh thu bán khí	20.416,52	28.033,98	32.430,66
	<i>Tăng trưởng (%)</i>	<i>32,3%</i>	<i>37,3%</i>	<i>15,7%</i>
2	Giá vốn bán khí	17.749,04	25.034,22	26.913,04
	<i>Tăng trưởng (%)</i>	<i>32,1%</i>	<i>41,1%</i>	<i>7,5%</i>

*Nguồn: PV Gas*

Doanh thu năm 2010 tăng trưởng mạnh so với năm 2009 chủ yếu do sản lượng khí tiêu thụ tăng 18%. Trong năm 2011, bất chấp sản lượng tiêu thụ khí khô giảm gần 9% do nhu cầu khí cho các nhà máy điện sụt giảm nhưng doanh thu bán khí vẫn tăng đáng kể nhờ áp dụng lộ trình tăng giá bán khí trên bao tiêu từ ngày 1/3/2011 (xem Cơ chế giá tại mục 6.2.1).

### 6.2.2. Khí hóa lỏng (LPG) – Vị thế nhà cung cấp LPG số 1 thị trường Việt Nam

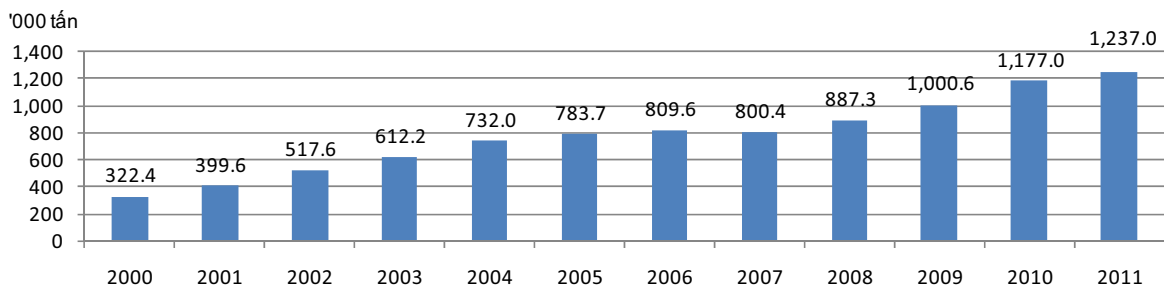
PV Gas giữ vị thế là nhà cung cấp LPG số 1 thị trường Việt Nam, thị phần năm 2011 là 77%. PV Gas có những ưu thế đặc thù mà các đơn vị cạnh tranh khác không có là:

- Năng lực tự sản xuất LPG thông qua nhà máy xử lý khí Dinh Cố, công suất 350.000 tấn LPG/năm với hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh.
- Hệ thống kho chứa LPG lớn nhất Việt Nam: i) Kho cảng Thị Vải sức chứa 6.600 tấn LPG, ii) kho LPG tại Gò Dầu sức chứa 4.200 tấn, iii) kho nổi (thuê tàu Chelsea Bridge) sức chứa 45.000 tấn. Với hệ thống kho chứa này, PV Gas nhập khẩu LPG từ những nước có nguồn dầu mỏ lớn tại Trung Đông bằng những hợp đồng định hạn khối lượng lớn, giá cả ổn định và rẻ hơn so với nhập khẩu nhỏ lẻ từ các nước trong khu vực.
- Cảng xuất nhập hàng 20.000 DWT (đang nâng cấp lên 60.000 DWT) và 2.000 DWT phục vụ nhu cầu xuất nhập LPG.

**Định nghĩa:** LPG là hỗn hợp hydrocarbon nhẹ chủ yếu gồm propane và butane, có thể bảo quản và vận chuyển dưới dạng lỏng trong điều kiện áp suất trung bình ở nhiệt độ môi trường.

**Công dụng:** LPG là nhiên liệu sạch, giá bán cạnh tranh so với nhiên liệu truyền thống khác, nguồn cung cấp ổn định với số lượng lớn, dễ vận chuyển, tàng chứa trong các bình, bồn chứa chuyên dụng nên LPG được dùng làm nhiên liệu đầu vào cho nhà máy, xí nghiệp sản xuất công nghiệp và đặc biệt được dùng rộng rãi hàng ngày trong các hộ gia đình.

**Hình: Nhu cầu tiêu thụ LPG thị trường Việt Nam giai đoạn 2000 – 2011**



**Bảng: Tóm tắt thông tin về hoạt động kinh doanh LPG của PV Gas**

Nguồn cung cấp	Khách hàng
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tự sản xuất tại nhà máy Dinh Cố</li> <li>• Từ năm 2009 có phân phối LPG do nhà máy lọc dầu Dung Quất sản xuất</li> <li>• Nhập khẩu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bán buôn: các công ty phân phối LPG khác</li> <li>• Bán lẻ: thông qua các công ty thành viên với hơn 2.000 đại lý trên toàn quốc</li> </ul>

Cơ chế giá bán LPG	Vị thế
--------------------	--------

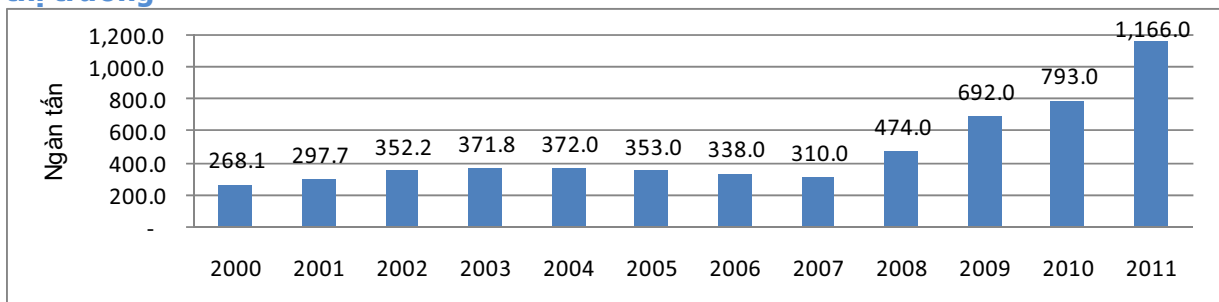
- |   |  |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Biến động theo giá thị trường</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà cung cấp LPG số 1 Việt Nam</li> <li>Thị phần 2011: 77%</li> </ul> |
|---|--|

*Nguồn: PV Gas*

**Khách hàng:** Đối với thị trường bán buôn LPG, khách hàng chính của PV Gas là các công ty mua bán và phân phối LPG như Petrolimex, Saigon Petro, Elf Gas, Shell Gas, Gia Đình Gas, cũng như một số khách hàng nước ngoài như Elf, Petredec, BW, Petronas và PTT Oil. Đối với thị trường bán lẻ, khách hàng là các hộ gia đình sử dụng LPG mang thương hiệu “PV Gas” được phân phối bởi PV Gas North, PV Gas South.

**Sản lượng:** Với các ưu điểm đặc thù của sản phẩm LPG, nhu cầu tiêu thụ LPG trong nước liên tục gia tăng với tốc độ tăng trưởng hàng năm rất nhanh. Sản lượng LPG của PV Gas được tiêu thụ liên tục tăng, từ 158.000 tấn năm 1999 đã tăng lên 372.000 tấn năm 2004. Giai đoạn năm 2005 đến 2007, do chưa triển khai nhập khẩu LPG với số lượng lớn, đồng thời nhu cầu tiêu thụ LPG tăng rất nhanh nên PV Gas chưa kịp cung ứng sản phẩm cho thị trường. Tuy nhiên, từ năm 2008, PV Gas đã tiến hành nhập khẩu LPG khối lượng lớn nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu trong nước và củng cố vị thế nhà cung cấp LPG số 1 tại thị trường Việt Nam.

**Hình: Sản lượng tiêu thụ LPG do PV Gas và các công ty thành viên cung cấp cho thị trường**



**Bảng: Tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ LPG do PV Gas và các công ty thành viên cung cấp cho thị trường trong giai đoạn 2009-2011**

	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>
<b>Sản lượng (tấn)</b>	692.000	793.000	1.166.000
<b>Tăng trưởng (%)</b>	46,0%	14,6%	47,0%

**Cơ chế giá:** Trước tháng 3/2001, Nhà nước quy định cụ thể giá LPG và giá LPG hầu như cố định, không thay đổi; sau tháng 3/2001, Nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cho phép PV Gas bán LPG theo giá thế giới và được chiết khấu tối đa 5%; trước tháng 4/2008, LPG chủ yếu từ nguồn sản xuất trong nước; sau tháng 4/2008, PV Gas nhập khẩu được rất nhiều LPG từ các nước trong khu vực, đặc biệt là Trung Đông, do đó giá bán sản phẩm LPG của PV Gas (cả nguồn tự sản xuất và nguồn nhập khẩu) được điều chỉnh theo biến động của giá thị trường Thế giới.

Doanh thu trong những năm gần đây tăng mạnh nhờ giá và sản lượng LPG hồi phục sau cuộc khủng hoảng kinh tế cuối năm 2008. Tổng sản lượng LPG (bao gồm cả công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam và công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc) trong năm 2011 đã tăng 18,4% so với năm 2010. Giá LPG bình quân trong năm 2011 là 950 USD/tấn, tăng 16,3% so với năm 2010 và tăng 57,0% so với năm 2009.

#### Kết quả sản xuất kinh doanh LPG 2009, 2010, 2011

STT	Chi tiêu (tỷ đồng)	2009 Hợp nhất	2010 Hợp nhất	2011 Hợp nhất
1	Doanh thu	8.230,83	17.291,69	28.626,71
	<i>Tăng trưởng (%)</i>	<i>3,2%</i>	<i>110%</i>	<i>65,6%</i>
2	Giá vốn hàng bán	6.388,29	14.714,79	25.393,66
	<i>Tăng trưởng (%)</i>	<i>23,0%</i>	<i>130%</i>	<i>72,6%</i>

*Nguồn: PV Gas*

### 6.2.3. Condensate

**Định nghĩa và Công dụng:** là sản phẩm thu được sau quá trình chưng cất phân đoạn trong nhà máy xử lý khí. Thành phần Condensate thương phẩm bao gồm chủ yếu là các hydrocacbon C5+. Condensate do PV Gas sản xuất được sử dụng làm nguyên liệu chính để sản xuất xăng.

Hiện nay, condensate được sản xuất bằng việc xử lý nguồn khí ẩm từ bể Cửu Long tại nhà máy xử lý khí Dinh Cố của PV Gas. Toàn bộ sản lượng condensate này được bán cho Tổng công ty dầu Việt Nam (PV Oil) để sản xuất xăng.

**Cơ chế giá:** Condensate do PV Gas sản xuất có giá bán năm 2011 là 244 USD/tấn, năm 2012 là 293 USD/tấn, năm 2013 là 352 USD/tấn. Từ năm 2014 giá bán condensate sẽ được xác định dựa trên giá thị trường.

#### Kết quả sản xuất kinh doanh Condensate 2009, 2010, 2011

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2010	2011	Tăng / giảm so với 2010
1	Sản lượng (tấn)	58.297,0	58.956,0	1,1%
2	Doanh thu	244,21	297,17	21,7%
3	Giá vốn hàng bán	127,62	184,70	44,7%

*Nguồn: PV Gas*

#### 6.2.4. Sự ổn định của nguồn nguyên liệu

Nguồn nguyên liệu đầu vào chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas là khí tự nhiên/khí ẩm. Tổng trữ lượng khí Việt Nam dự báo vào khoảng 1.400 tỷ m<sup>3</sup>, trong đó tổng trữ lượng được phê duyệt khai thác là 335 tỷ m<sup>3</sup> khí. Kết quả thăm dò cho thấy 7 bể có tiềm năng phát triển là Cửu Long, Nam Côn Sơn, Malay – Thổ Chu, Sông Hồng, Phú Khánh, Trường Sa và Hoàng Sa.

#### Bảng: Tổng quan trữ lượng và sản lượng khai thác của các bể

Bể	Ước tính trữ lượng	Ước sản lượng khai thác	Mô tả
Cửu Long	820	500	Đang khai thác, vị trí thềm lục địa phía nam Việt Nam và một phần đất liền thuộc khu vực sông Cửu Long.
Nam Côn Sơn	970	250	Đang khai thác, ước tính chứa trên 20% tổng sản lượng khí có thể khai thác của Việt Nam. Hai mỏ Lan Tây, Lan Đỏ (lô 06.1) thuộc bể này có trữ lượng khí lớn nhất Việt Nam hiện nay.
Malay – Thổ Chu	370	210	Đang khai thác, nằm ở Vịnh Thái Lan. 2 lô PM3-CAA và 46-Cái Nước đều khai thác cả dầu và khí.
Sông Hồng	1.100	250	Vị trí: kéo dài từ miền vịnh Hà Nội, vịnh Bắc Bộ đến miền Trung. Hàm lượng CO <sub>2</sub> cao nên chưa khai thác thương mại.
Phú Khánh	370	-	Vị trí: Nằm dọc theo bờ biển miền Trung



			Việt Nam, giáp bể Cửu Long phía Nam, Nam Côn Sơn phía Đông Nam, bể Sông Hồng phía Bắc. Trong quá trình thăm dò.
--	--	--	---

*Nguồn: Tổng công ty thăm dò khai thác Dầu khí  
Đơn vị tính: Triệu m<sup>3</sup> quy dầu (MMcmoe)*

Trong 3 bể hiện đang có hoạt động khai thác là Cửu Long, Nam Côn Sơn và Malay – Thổ Chu, trong các năm tới nhiều mỏ dầu/khí tiếp tục được đưa vào khai thác sẽ cung cấp thêm nguồn khí cho PV Gas ví dụ như mỏ Hải Sư Trắng, Tê Giác Trắng thuộc bể Cửu Long, mỏ Hải Thạch – Mộc Tinh, Chim Sáo, Thiên Ứng trong bể Nam Côn Sơn và lô B trong bể Malay – Thổ Chu. Ngoài ra nhằm nâng cao năng lực cung cấp khí cho nhu cầu ngày càng cao, PV Gas đã có và đang triển khai phương án nhập khẩu khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) từ đầu năm 2015. Với các nguồn khí bổ sung kể trên và các nguồn khí hiện đang khai thác, sản lượng khí đầu vào của PV Gas là tương đối ổn định.

**Ảnh hưởng biến động giá mua khí trả cho chủ mỏ khí đến doanh thu, lợi nhuận PV Gas:** Như đã trình bày trong phần cơ chế giá mua khí ở trên. Giá mua khí nguồn Nam Côn Sơn được ấn định trong hợp đồng mua khí dài hạn, còn giá mua khí từ bể Cửu Long cũng đã được xác định đến hết năm 2015 nên ít chịu rủi ro về biến động giá khí thế giới. Đối với nguồn khí PM3 và 46-Cái Nước, những biến động ảnh hưởng đến giá mua khí của PV Gas sẽ được phản ánh tương ứng vào giá bán của PV Gas cho các hộ tiêu thụ, do đó cũng hàm chứa ít rủi ro từ biến động giá khí thị trường.

### **6.3. Hoạt động vận chuyển khí và các dịch vụ khác**

#### **6.3.1. Dịch vụ vận chuyển khí:**

Khí sau khi được thu gom tại các bể khí sẽ được vận chuyển vào trạm tiếp nhận và phân phối trên đất liền qua các đường ống dẫn khí. Hiện nay, PV Gas đang sở hữu và vận hành 3 hệ thống đường ống dẫn khí chính là đường ống Bạch Hổ, đường ống Nam Côn Sơn và đường ống PM3 – Cà Mau. Do cước phí vận chuyển qua đường ống Bạch Hổ được cộng vào giá bán khí cho các hộ tiêu thụ nên không được ghi nhận riêng biệt trên Báo cáo kết quả kinh doanh như đường ống Nam Côn Sơn và PM3 – Cà Mau. Sắp tới, PV Gas sẽ đầu tư và đưa vào khai thác thêm 2 đường ống dẫn khí đó là đường ống Nam Côn Sơn 2 và đường ống Lô B – Ô Môn.

**Đường ống Nam Côn Sơn:** PV Gas sở hữu 51% đường ống Nam Côn Sơn. Việc vận chuyển khí qua đường ống Nam Côn Sơn được quy định trong



các hợp đồng vận chuyển khí giữa chủ sở hữu đường ống (PV Gas, BP và Conocophillips Vietnam AS) với các chủ mỏ khí:

- Khí từ Lô 06.1: Hợp đồng vận chuyển khí ký với chủ mỏ khí là PetroVietnam, BP Exploration Ltd và ONGC ngày 26/02/2001;
- Khí từ Lô 11.2: Hợp đồng vận chuyển, xử lý khí và condensate từ lô 11.2 ký với chủ mỏ khí là PetroVietnam và KNOG ngày 07/10/2005.

Cước vận chuyển áp dụng cho đường ống Nam Côn Sơn được quy định cụ thể trong các hợp đồng vận chuyển khí. Ngoài cước vận chuyển khí qua đường ống Nam Côn Sơn, PV Gas còn có 2 nguồn thu liên quan như sau:

- Nguồn thu từ dịch vụ vận chuyển condensate;
- Nguồn thu từ cước phân phối tại trung tâm phân phối khí (GDC) Phú Mỹ.

**Đường ống PM3 – Cà Mau:** PV Gas sở hữu 100% đường ống PM3 – Cà Mau. Cước vận chuyển khí qua đường ống PM3 – Cà Mau đã được tính trong giá bán khí cho khách hàng.

#### **Kết quả hoạt động vận chuyển khí năm 2009, 2010, 2011**

<b>STT</b>	<b>Chỉ tiêu (tỷ đồng)</b>	<b>2009 Hợp nhất</b>	<b>2010 Hợp nhất</b>	<b>2011 Hợp nhất</b>
1	Doanh thu	1.641,94	2.332,12	1.929,66
	Tăng trưởng (%)	8,4%	42,0%	-17,3%
2	Giá vốn hàng bán	377,34	402,72	448,15
	Tăng trưởng (%)	20,1%	6,7%	11,2%

*Nguồn: PV Gas*

Nhu cầu tiêu thụ khí khô phục vụ sản xuất điện thay đổi đã dẫn đến sự biến động trong doanh thu vận chuyển khí của PV Gas (tăng 42% trong năm 2010 và giảm 17% trong năm 2011). Do hầu hết chi phí trong giá vốn hàng bán là chi phí cố định (khấu hao, lương nhân viên,...) nên không chịu tác động từ sự thay đổi trong sản lượng khí khô vận chuyển qua đường ống.

#### **6.3.2. Dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và tư vấn đầu tư xây dựng các công trình khí**

Bên cạnh các sản phẩm kinh doanh chủ lực là khí khô, LPG, Condensate, khí thấp áp, CNG, PV Gas còn cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa và dịch vụ về đầu tư xây dựng các công trình khí. Hai dịch vụ này ra đời trước hết là để phục vụ cho chính PV Gas.

Để tạo dựng được hệ thống cơ sở vật chất hoàn chỉnh như hiện nay, hoạt động đầu tư và xây dựng các công trình khí đã được PV Gas triển khai liên tục kể từ khi thành lập với dự án đầu tiên đưa sớm khí vào bờ là Fast track đến hàng loạt các công trình khí trọng điểm lần lượt ra đời theo thời gian. Điều này giúp CBCNV của PV Gas làm việc trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng học hỏi, đúc rút kinh nghiệm từ thực tế, trau dồi thêm chuyên môn nghiệp vụ để hình thành và phát triển dịch vụ về đầu tư xây dựng các công trình khí không chỉ cho các dự án đầu tư xây dựng của PV Gas mà còn đủ năng lực để cung cấp dịch vụ ra bên ngoài. Dịch vụ về đầu tư xây dựng các công trình khí của PV Gas bao gồm: tư vấn quản lý dự án, tư vấn thiết kế và lập dự toán, giám sát thi công, thi công... công trình khí đã nhận được sự hài lòng của nhiều khách hàng trong ngành và hiện nay sẵn sàng cung cấp cho cả các khách hàng ngoài ngành.

Cùng với hoạt động vận hành hằng ngày các công trình khí là sự trưởng thành và ngày càng chuyên nghiệp trong nghiệp vụ bảo dưỡng sửa chữa. Từ chỗ phải chi rất nhiều tiền để thuê chuyên gia nước ngoài hướng dẫn, đến nay, đội ngũ công nhân kỹ thuật, kỹ sư của PV Gas rất tự tin tự thực hiện mọi hoạt động vận hành bảo dưỡng sửa chữa lớn, nhỏ, định kỳ toàn bộ hệ thống khí của PV Gas. Phù hợp với chiến lược phát triển hoạt động dịch vụ, PV Gas bắt đầu cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa công trình khí ra bên ngoài để phát huy nguồn nhân lực, khai thác tối đa cơ sở vật chất sẵn có trong lĩnh vực bảo dưỡng sửa chữa.

### Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2010 và 2011

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2010 Hợp nhất	(%)	2011 Hợp nhất	(%)
1	Doanh thu bán khí khô	28.033,98	58,4%	32.430,66	50,5%
2	Doanh thu bán LPG	17.291,69	36,0%	28.626,71	44,6%
3	Doanh thu bán Condensate	244,21	0,5%	297,17	0,5%
4	Doanh thu vận chuyển khí	2.332,12	4,9%	1.929,65	3,0%
5	Doanh thu khác	132,65	0,3%	929,61	1,5%
6	Các khoản giảm trừ doanh thu	-82,20	-0,2%	-75,25	-0,1%
	<b>Tổng</b>	<b>47.994,38</b>	<b>100%</b>	<b>64.224,50</b>	<b>100%</b>

Doanh thu khác trong năm 2011 tăng mạnh chủ yếu do Công ty CP Đầu tư và Xây lắp khí (PVID – công ty con của PV Gas) đã đi vào vận hành và có doanh thu (749 tỷ đồng).

#### Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất năm 2010 và 2011

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2010 Hợp nhất	(%)	2011 Hợp nhất	(%)
1	Lợi nhuận gộp bán khí khô	2.951,21	39,5%	5.517,61	52,2%
2	Lợi nhuận gộp bán LPG	2.436,14	32,5%	3.184,82	30,2%
3	Lợi nhuận gộp bán Condensate	78,47	1,1%	85,46	0,8%
4	Lợi nhuận gộp vận chuyển khí	1.954,38	26,1%	1.481,50	14,0%
5	Lợi nhuận gộp khác	60,7	0,8%	295,31	2,8%
	<b>Tổng</b>	<b>7.480,85</b>	<b>100%</b>	<b>10.564,70</b>	<b>100%</b>

#### 6.4. Tổng hợp doanh thu, giá vốn hàng bán, lợi nhuận gộp của PV Gas

##### Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009, 2010, 2011

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2009 Hợp nhất	2010 Hợp nhất	2011 Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	30.454,73	47.994,38	64.224,50
	<i>Tăng trưởng</i>	<i>22,3%</i>	<i>57,6%</i>	<i>33,8%</i>
2	Giá vốn hàng bán	25.000,23	40.513,53	53.659,80
	<i>Tăng trưởng</i>	<i>31,1%</i>	<i>62,1%</i>	<i>32,5%</i>
3	Lợi nhuận gộp	5.454,50	7.480,85	10.564,70
	<i>Tăng trưởng</i>	<i>-6,4%</i>	<i>37,2%</i>	<i>41,2%</i>
	Biên lợi nhuận gộp	17,9%	15,6%	16,5%

*Nguồn: PV Gas*

Trong các năm gần đây, tổng doanh thu và giá vốn của PV Gas tăng trưởng mạnh mẽ chủ yếu nhờ sự kết hợp giữa tăng sản lượng và tăng giá đầu ra ở tất cả các lĩnh vực hoạt động. So sánh với năm 2010, mặc dù tốc độ tăng trưởng doanh thu giảm từ 58% xuống còn 34% nhưng tốc độ tăng trưởng lợi nhuận

lại tăng từ 37% lên mức 41% nhờ biên lợi nhuận gộp của hoạt động bán khí và bán LPG đều tăng mạnh (xem chi tiết tại mục 6.2.1 và 6.2.2).

## 6.5. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng: Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009, 2010 và 2011**

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2009 Hợp nhất	Tỷ trọng trên DT	2010 Hợp nhất	Tỷ trọng trên DT	2011 Hợp nhất	Tỷ trọng trên DT
	Doanh thu thuần	30.454,73		47.994,38		64.224,50	
1	Giá vốn hàng bán	25.000,22	82,1%	40.513,53	84,4%	53.659,80	83,6%
2	Chi phí bán hàng	643,49	2,1%	703,30	1,5%	1.233,66	1,9%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	367,91	1,2%	1.072,23	2,2%	1.611,47	2,5%
4	Chi phí tài chính	1.239,40	4,1%	1.153,64	2,4%	1.711,07	2,7%
	<b>Tổng chi phí</b>	<b>27.251,02</b>	<b>89,5%</b>	<b>43.442,70</b>	<b>90,5%</b>	<b>58.215,99</b>	<b>90,7%</b>

*Nguồn: PV Gas*

### Giá vốn hàng bán:

Phân tích theo mảng kinh doanh (mua bán khí và sản phẩm khí, cung cấp dịch vụ) ở mục 6.1, 6.2 và 6.3 ở trên.

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** Hoạt động sản xuất, kinh doanh khí (chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của PV Gas) được xác định bởi các hợp đồng mua bán khí, vận chuyển khí dài hạn với khách hàng nên tính biến động thấp, đồng thời yêu cầu đối với các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm là không đáng kể so với các ngành sản xuất khác (ví dụ sản xuất hàng tiêu dùng). Do vậy, tỷ trọng chi phí bán hàng trên doanh thu thuần của PV Gas ở mức khá thấp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng nhỏ trên doanh thu thuần do đặc thù ngành khí có tính tự động hóa cao, dẫn đến yêu cầu số

lượng lao động trên đơn vị sản phẩm thấp (chuyên viên vận hành, bảo dưỡng sửa chữa, quản lý điều hành v.v...). Nguyên nhân dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp của PV Gas tăng mạnh trong những năm gần đây bao gồm:

- Việc trích quỹ phát triển khoa học công nghệ được đưa vào chi phí quản lý doanh nghiệp, thay vì trích từ lợi nhuận sau thuế như năm 2009 trở về trước. Ngoài ra, PV Gas đã tăng trích quỹ phát triển khoa học công nghệ trong năm 2010.
- Trong giai đoạn 03 năm kể từ khi chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần, giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí quản lý doanh nghiệp (năm 2011 là 568 tỷ đồng).

**Chi phí tài chính:** Chi phí tài chính của PV Gas bao gồm chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện và các chi phí tài chính khác.

**Chi tiết chi phí tài chính năm 2009, 2010, 2011 như sau:**

STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2009 Hợp nhất	2010 Hợp nhất	2011 Hợp nhất
1	Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	299,87	574,92	347,46
2	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	697,26	280,51	543,23
3	Chi phí lãi vay	239,50	286,16	500,64
4	Lãi do chậm nộp tiền cổ phần hóa	-	-	294,95
5	Chi phí dự phòng và chi phí tài chính khác	2,75	12,04	24,80
	<b>Tổng chi phí tài chính</b>	<b>1.239,40</b>	<b>1.153,64</b>	<b>1.711,07</b>

*Nguồn: PV Gas*

Theo hướng dẫn công tác quyết toán cổ phần hóa ban hành kèm theo quyết định số 2704/QĐ-BCT ngày 08/5/2008 của Bộ Công thương, báo cáo quyết toán thuế là 1 hồ sơ bắt buộc trong bộ hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, ngay khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, PV Gas đã tiến hành lập báo cáo tài chính và tổng hợp kê khai thuế từ 01/01/2011 đến 15/5/2011.

Ngày 25/6/2011, PV Gas đã nộp Tờ khai quyết toán Thuế Thu nhập doanh nghiệp giai đoạn 01/01/2011 đến 15/5/2011 cho Cục thuế TP Hồ Chí

Minh và Cục thuế Bà Rịa – Vũng Tàu. Do cơ quan thuế chưa thực hiện quyết toán thuế nên PV Gas chưa có cơ sở nộp tiền cổ phần hóa về Tập đoàn.

Ngày 12/12/2011, sau khi có số liệu quyết toán thuế của Cơ quan thuế, PV Gas đã có công văn 3084/KVN–TC trình Tập đoàn phê duyệt số liệu quyết toán cổ phần hóa của PV Gas và đã thực hiện nộp về Tập đoàn 1.903.010.099.091 đồng (tiền thu từ bán cổ phần sau khi trừ các khoản chi phí phục vụ công tác cổ phần hóa).

## **6.6. Trình độ công nghệ**

PV Gas là Công ty duy nhất tại Việt Nam đã đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng các công trình khí, từ khâu thu gom, vận chuyển, chế biến, phân phối khí và các sản phẩm khí với công nghệ hiện đại, được quản lý và vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế.

PV Gas hiện đang quản lý và vận hành 3 hệ thống đường ống khí có các đặc thù khác nhau như đường ống khí tự nhiên 2 pha dài nhất thế giới (đường ống NCS - 400 km), đường ống khí khô PM3-Cà Mau (từ vùng chông lẩn Việt Nam/Malaysia) và đường ống khí đồng hành từ bể Cửu Long. Ngoài ra PV Gas cũng là công ty duy nhất tại Việt nam sở hữu, quản lý và vận hành 2 nhà máy chế biến khí với các dây chuyền xử lý hiện đại. Trong đó nhà máy xử lý khí Dinh Cỗ thuộc hệ thống Cửu Long sử dụng công nghệ làm lạnh tiến tiến Turbo - Expander (tận dụng nội năng để làm lạnh và nén khí) để làm lạnh tới  $-70^{\circ}\text{C}$  với hiệu suất cao. Khả năng thu hồi LPG từ khí của nhà máy Dinh Cỗ lên tới trên 90% đối với Propane và trên 95% đối với Butane. Đây cũng là nhà máy đầu tiên tại Việt nam sản xuất được LPG (gần đây có thêm nhà máy lọc dầu Dung Quất). Bên cạnh đó, nhà máy xử lý khí Dinh Cỗ thuộc hệ thống Nam Côn Sơn lại có đặc điểm là có khả năng xử lý 1 lượng khí rất lớn, tới 20 triệu  $\text{m}^3$  khí và hơn 1000 tấn condensate trên 1 ngày đêm 1 cách ổn định cho các nhà máy điện tại khu vực Đông Nam Bộ góp phần đảm bảo an ninh năng lượng của Việt Nam. Tất cả các công trình của PV Gas (từ đường ống vận chuyển tới nhà máy xử lý và các kho chứa, cảng xuất) đều được ứng dụng các công nghệ điều khiển tiên tiến để đảm bảo an toàn, vận hành ổn định và quản lý chặt chẽ, hiệu quả như công nghệ điều khiển phân tán dự phòng (DCS - Redundancy), công nghệ giám sát an toàn và phòng chống cháy với 3 cấp dự phòng (SSD và F&G Triple Redundancy). Các sản phẩm, công nghệ của các hãng chế tạo hàng đầu trên thế giới đều có mặt tại hệ thống công trình khí của PVGas như ABB, Invensys, Yokogawa... và được đội ngũ kỹ thuật của PV Gas làm chủ toàn diện.

Ngoài ra, PV Gas cũng đã đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin nhằm

đảm bảo tính chính xác trong quá trình vận hành hoạt động vận chuyển và phân phối khí và các sản phẩm khí như hệ thống giám sát dữ liệu tự động (SCADA), hệ thống quản lý bảo dưỡng CMMS bằng Maximo.

Không chỉ đầu tư vào hệ thống tài sản với công nghệ hiện đại, PV Gas đồng thời đầu tư vào việc áp dụng các hệ thống quản lý quy trình vận hành an toàn, quản lý chất lượng như: OHSAS 18001:2007, ISO 14001:2005 và ISO 9001:2000 do BSI cấp. Việc áp dụng các hệ thống quản lý này giúp cho PV Gas đảm bảo việc vận hành hiệu quả cũng như là đảm bảo an toàn hoạt động, bảo vệ môi trường.

Định hướng triển khai về khoa học công nghệ của PV Gas là: Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, chế biến sâu, gia tăng giá trị khí, đảm bảo an toàn, hiệu quả, chất lượng; sớm đưa khí có hàm lượng CO<sub>2</sub> cao vào sử dụng, bảo vệ tài nguyên và môi trường sinh thái. Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị công nghệ ngành khí tiên tiến trên thế giới.

## 6.7. Tình hình nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới

Hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của PV Gas. Hoạt động này bao gồm:

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động
- Phát triển sản phẩm mới nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu của thị trường
- Áp dụng công nghệ tiên tiến nhất
- Hỗ trợ các công ty con, công ty thành viên trong việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Một trong những sản phẩm chiến lược của PV Gas trong các năm tới là khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) nhằm bổ sung nguồn khí cung cấp cho nhu cầu tiêu thụ trong nước đang ngày càng tăng lên cùng với sự phát triển của nền kinh tế. Theo kế hoạch, đến năm 2015 sẽ hoàn thành dự án kho cảng LNG nhằm phục vụ tốt hơn việc nhập khẩu, phân phối sản phẩm LNG này. PV Gas đã năng động nghiên cứu và tham khảo các giải pháp tiếp nhận, hóa khí LNG tiên tiến trên Thế giới nhằm lựa chọn giải pháp tối ưu, đảm bảo ổn định, an toàn, tiết kiệm chi phí nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

## 6.8. Công tác đảm bảo hoạt động an toàn, chất lượng, môi trường

Nhằm đảm bảo môi trường làm việc an toàn, đảm bảo sức khỏe của người lao động, đồng thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được xuyên suốt,



công tác an toàn luôn được PV Gas chú trọng thực hiện, kiểm tra giám sát. Công tác an toàn bao gồm xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường, đào tạo và huấn luyện tuyên truyền về an toàn và kiểm tra định kỳ.

PV Gas đã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001: 2007, ISO 9001, ISO 14001 do BSI cấp. Ngoài ra, Tổng công ty cũng xây dựng hệ thống quản lý tích hợp theo tiêu chuẩn của PV Gas gồm các văn bản của hệ thống và các quy trình kiểm soát hoạt động, đáp ứng yêu cầu của ba tiêu chuẩn trên.

Nhằm nâng cao ý thức về an toàn cho toàn bộ người lao động, PV Gas chú trọng đến công tác huấn luyện tuyên truyền về an toàn thông qua các hoạt động như:

- Huấn luyện an toàn định kỳ cho người lao động khối văn phòng Tổng Công ty, huấn luyện an toàn định kỳ cho người sử dụng lao động tại các công ty trực thuộc/thành viên của PV Gas.
- Đào tạo về phương pháp tiếp cận quá trình và thiết lập các chỉ số đo lường năng lực quá trình (KPIs). Tổ chức đào tạo các chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý môi trường theo OHSAS 18001:2007. Tổ chức các hội thảo chuyên đề quản lý an toàn theo các nội dung như: Quản lý nhà thầu, giấy phép làm việc, kiểm tra an toàn thiết bị, an toàn vận hành, an toàn trong công tác bảo dưỡng sửa chữa.

Nhằm đảm bảo các quy định về an toàn được thực hiện đầy đủ, PV Gas có quy định định kỳ 6 tháng các Ban chuyên môn cấp Tổng Công ty, có sự tham gia của Ban Tổng giám đốc thực hiện kiểm tra an toàn tại các công ty trực thuộc, công ty thành viên. Các công ty trực thuộc này căn cứ vào quy mô, hoạt động của đơn vị lập quy trình kiểm tra an toàn, quy định cụ thể nhiệm vụ, nội dung kiểm tra định kỳ cấp cơ sở, khu vực sản xuất kinh doanh.

Công tác phòng cháy chữa cháy và ứng cứu khẩn cấp có vai trò quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas do đặc thù nhiên liệu khí có đặc tính cháy, nổ. Công tác diễn tập phòng cháy chữa cháy và ứng cứu sự cố được thực hiện thường xuyên theo các cấp: cấp cơ sở sản xuất, cấp Tổng công ty với quy mô lớn hơn theo các phương án diễn tập được phê duyệt, có sự tham gia của nhiều lực lượng có liên quan.

PV Gas đồng thời chú trọng vào công tác đảm bảo chất lượng môi trường. Các công ty thành viên của PV Gas thực hiện giám sát môi trường định kỳ và nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho cơ quan quản lý môi trường tại địa phương và báo cáo lên Tổng Công ty. PV Gas nghiêm túc thực hiện phân



loại chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại, ký hợp đồng xử lý từng loại chất thải với các đối tác có đủ năng lực phát lý và kỹ thuật. Các dự án khí được nghiên cứu và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhằm đảm bảo tuân thủ theo đúng các tiêu chuẩn môi trường.

## 6.9. Hoạt động Marketing, phát triển thương hiệu

**Mục tiêu:** Xây dựng PetroVietnam Gas trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng tại Việt Nam và quốc tế, hướng tới lợi ích người tiêu dùng và cộng đồng xã hội.

**Thông tin chung:** Hệ thống nhận diện thương hiệu, nhãn hiệu Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần, PetroVietnam Gas được Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc, thành viên thực hiện thông qua các hình thức sau:

- Logo:



- Slogan: “An toàn, chất lượng, hiệu quả”; “Năng lượng cuộc sống”
- Biểu mẫu kinh doanh: Tiêu đề, danh thiếp, phong bì, nhãn, hóa đơn, ngân phiếu...
- Bao bì và nhận diện sản phẩm: Bao bì, bảng tên, miếng gắn trên sản phẩm...
- Quảng cáo và khuyến mãi: báo chí, tạp chí, posters, brochures và tờ bướm, catalogue, thư gửi trực tuyến, thông cáo báo chí, các mẫu in ấn, tài liệu truyền thông với nhân viên...
- Kiến trúc: Phòng trưng bày/thiết kế nội thất cửa hàng, đại lý chính thức, văn phòng chính, nhà máy, khu tiếp tân...
- Bảng hiệu: Phòng trưng bày/bảng hiệu bên ngoài cửa hàng, bảng hiệu bên ngoài đại lý chính thức, bảng hiệu cổng nhà máy, các bảng hiệu trong nhà máy.
- Vận chuyển: các logo nhãn hiệu, hình ảnh quảng cáo trên xe ô tô, xe tải, các loại xe khác.

### Thực hiện:

- Tài trợ, quảng cáo
- Tài trợ cho Giải bóng đá vô địch Quốc gia Việt Nam V-League các năm

2007, 2008 và 2009.

- Tài trợ cho các tổ chức và đơn vị thể thao thông qua các sự kiện. Ngoài ra, PV GAS còn tiến hành quảng cáo sản phẩm của PV GAS qua các phương tiện thông tin đại chúng, panô, áp phích...
- Tham gia Diễn đàn trao đổi thông tin về ngành công nghiệp khí khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (GASEX) từ năm 1998.
- Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí (PSCC) vừa chính thức trở thành đơn vị thành viên của PV GAS. PSCC đang quản lý đội bóng chuyên nam Dầu khí, qua đó quảng bá hình ảnh, thương hiệu của PV GAS thông qua các hoạt động thể thao và văn hóa.

### **Nhãn hiệu hàng hóa và đăng ký bảo hộ**

Bảo hộ thương hiệu, nhãn hiệu trong và ngoài nước: Đến nay PV GAS đã hoàn tất đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trong nước từ ngày 30/11/2006 và tại các nước: Trung Quốc, Nga, Hàn Quốc, Campuchia, Lào, Thái Lan, Singapore, Philippines, Malaysia, Indonesia, Myanmar, Mỹ, Nhật, Anh, Pháp, Đức, Ý.

### **6.10. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký**

#### **Hợp đồng mua khí:**

- Hợp đồng mua khí thiên nhiên từ Lô 06.1 bể Nam Côn Sơn giữa PV Gas và BP Exploration Operating Company Ltd ngày 15/12/2000, sản lượng khí bao tiêu cung cấp trong giai đoạn bình ổn là 2,7 tỷ m<sup>3</sup>/năm. Thời hạn hợp đồng: năm 2023.
- Hợp đồng mua khí từ Lô 11.2 bể Nam Côn Sơn giữa PV Gas và KNOG ngày 19/05/2005 với lượng khí bao tiêu cung cấp trong giai đoạn bình ổn là 1,3 tỷ m<sup>3</sup>/năm. Thời hạn hợp đồng tùy thuộc trữ lượng khí thương mại Lô 11.2, không sớm hơn 2028.
- Hợp đồng mua khí PM3 bể Malay – Thổ Chu cho giai đoạn 1 là 10 năm kể từ tháng 11 năm 2003 giữa PVN và Petronas - Malaysia (PV Gas được PVN ủy quyền thực hiện hợp đồng này). Hợp đồng này có thể được gia hạn cho 10 năm tiếp theo (giai đoạn 2) nếu các bên cam kết phát triển mỏ để bán khí cho Petronas và PV Gas.
- Hợp đồng mua khí 46-Cái Nước bể Malay – Thổ Chu được ký giữa Petronas và PVN (PV Gas được PVN ủy quyền thực hiện hợp đồng này). Hợp đồng chấm dứt vào ngày lượng khí tương đương với trữ lượng khai

thác khí thương mại Lô 46-Cái Nước được khai thác và giao cho PV Gas (ước tính khoảng 20 năm).

- Lô 09-1 (Bạch Hổ và Rồng) của Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô (Vietsovpetro).
- Lô 09.2 bể Cửu Long: Hợp đồng mua khí giữa PVN và chủ mỏ là PVEP, Soco Vietnam Ltd, PTTEP Hoan Vu Ltd, có thời hạn đến năm 2038 với tổng sản lượng khí giao nhận tương đương 7,1 tỷ m<sup>3</sup> khí.
- Lô 09.3 (Nam Rồng – Đồi Mồi) của Tổng Công ty khai thác dầu khí (PVEP), công ty Dầu khí Zarubezhneft, công ty Dầu khí Idemitsu.
- Lô 15.1 bể Cửu Long: Hợp đồng mua khí giữa PVN và chủ mỏ là PVEP, ConocoPhillips (U.K.) Cuu Long Ltd, Geopetrol Vietnam S.A, KNOC và SK Energy Co. Ltd, ngày 17/10/2008. Thời hạn hợp đồng tuân theo các hợp đồng khai thác dầu khí với tổng khối lượng khí giao nhận tương đương 2,1 tỷ m<sup>3</sup> khí.
- Lô 15.2 bể Cửu Long: Hợp đồng mua khí giữa PVN và chủ mỏ là PVEP, ConocoPhillips (U.K.) Cuu Long Ltd và Công ty Dầu khí Nhật Việt ký ngày 22/02/2005, ký bổ sung giao nhận khí Phương Đông ngày 30/06/2008.
- Lô 15-2/01 (Hải sư trắng – Tê giác trắng) của Talisman Vietnam 15-2/01, Tổng công ty khai thác dầu khí (PVEP).

Đối với các lô 09.2, 15.1 và 15.2 thuộc bể Cửu Long, PV Gas đã ký hợp đồng mua khí với PVN.

#### **Hợp đồng vận chuyển khí:**

- Thỏa thuận vận chuyển, xử lý, quản lý khí từ Lô 06.1 bể Nam Côn Sơn giữa PV Gas, BP Pipeline Vietnam và ConocoPhillips Vietnam A.S (chủ vận chuyển khí) và PetroVietnam, BP Exploration Ltd và ONGC (chủ khí lô 06.1) ngày 26/02/2001. Thời hạn hợp đồng là 20 năm.
- Thỏa thuận vận chuyển, xử lý, quản lý khí và Condensate từ Lô 11.2 bể Nam Côn Sơn giữa PV Gas, BP Pipeline Vietnam và ConocoPhillips Vietnam A.S (chủ vận chuyển khí) và PetroVietnam, KNOC (chủ khí lô 11.2) ngày 07/10/2005. Thời hạn hợp đồng tùy vào trữ lượng khí thương mại Lô 11.2 được các bên thống nhất, nhưng không sớm hơn 2028.

#### **Hợp đồng bán khí:**

- Hợp đồng bán khí giữa PV Gas và Công ty Nhiệt điện Hiệp Phước ký ngày 24/01/2008 về việc bán khí từ bể Nam Côn Sơn với lượng khí nỗ lực của hai bên trong cung cấp và tiêu thụ.

- Hợp đồng mua bán khí Nam Côn Sơn giữa PV Gas (bên bán) và EVN (bên mua) ngày 16/12/2000 về việc bán khí Lô 06.1 và các lô khác trong bể Nam Côn Sơn cho các Nhà máy điện thuộc EVN tại Phú Mỹ. Thời hạn hợp đồng tùy thuộc vào trữ lượng khí cung cấp từ các mỏ. Lượng khí bao tiêu cung cấp trong giai đoạn bình ổn là 1,85 tỷ m<sup>3</sup>/năm.
- Hợp đồng bán khí giữa PV Gas và Công ty TNHH Năng lượng Mê Kông ngày 18/09/2001, hết hạn năm 2023 về việc bán khí Lô 11.2 bể Nam Côn Sơn với lượng khí bao tiêu cung cấp giai đoạn bình ổn là 0,85 tỷ m<sup>3</sup>/năm.
- Hợp đồng bán khí giữa PV Gas và Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ 3 BOT ngày 22/5/2001, hết hạn năm 2023 về việc bán khí từ Lô 06.1 bể Nam Côn Sơn với lượng khí bao tiêu cung cấp giai đoạn bình ổn là 0,85 tỷ m<sup>3</sup>/năm.
- Hợp đồng bán khí Lô PM3-CAA và Lô 46-Cái Nước giữa PV Gas và Công ty TNHH Một Thành viên Điện lực Dầu khí Cà Mau với thời hạn theo các hợp đồng mua khí từ các lô ký giữa PV Gas và các chủ mỏ khí.
- Hợp đồng Nhon Trạch 1 ký tháng 06/2008 có thời hạn hợp đồng là 20 năm với khối lượng bao tiêu khoảng 447 triệu Sm<sup>3</sup>/năm.
- Hợp đồng Nhon Trạch 2 ký tháng 04/2010, kết thúc vào 31/12/2036 với khối lượng bao tiêu khoảng 785 triệu Sm<sup>3</sup>/năm.

## 7. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### 7.1. Một số chỉ tiêu sản xuất hoạt động kinh doanh của PV Gas

**Bảng: Chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh**

<b>Chỉ tiêu (tỷ VNĐ)</b>	<b>2009 Hợp nhất</b>	<b>2010 Hợp nhất</b>	<b>2011 Hợp nhất</b>
Tổng tài sản	21,893.8	39,679.3	45,610.8
<i>Tăng trưởng</i>	<i>25%</i>	<i>81%</i>	<i>15%</i>
Vốn chủ sở hữu	7,351.6	22,045.7	23,480.4
<i>Tăng trưởng</i>	<i>31%</i>	<i>200%</i>	<i>6,5%</i>
Lợi ích cổ đông thiểu số	231.8	616.4	1,536.8
<i>Tăng trưởng</i>	<i>60%</i>	<i>166%</i>	<i>149%</i>
Doanh thu thuần	30,454.7	47,994.4	64,224.5
<i>Tăng trưởng</i>	<i>22%</i>	<i>58%</i>	<i>34%</i>
Doanh thu từ hoạt động tài chính	615.1	787.2	1,340.7
<i>Tăng trưởng</i>	<i>29%</i>	<i>28%</i>	<i>70%</i>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,818.8	5,338.9	7,349.2
<i>Tăng trưởng</i>	<i>-25%</i>	<i>40%</i>	<i>38%</i>
Lợi nhuận khác	20.7	293.6	333.0
<i>Tăng trưởng</i>	<i>15%</i>	<i>1.321%</i>	<i>13%</i>
Phần lãi trong Công ty liên kết, liên doanh	94.6	93.2	3.5
<i>Tăng trưởng</i>	<i>-6%</i>	<i>-1%</i>	<i>-96%</i>
Lợi nhuận trước thuế	3,934.1	5,725.7	7,685.7
<i>Tăng trưởng</i>	<i>-26%</i>	<i>46%</i>	<i>34%</i>
Lợi nhuận sau thuế	3,310.7	4,923.8	6,420.5
<i>Tăng trưởng</i>	<i>-19%</i>	<i>49%</i>	<i>30%</i>
Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	3,285.1	4,747.7	5,912.7
<i>Tăng trưởng</i>	<i>-20%</i>	<i>45%</i>	<i>25%</i>
Tỷ lệ chi trả cổ tức/Vốn điều lệ *	NA	NA	12%

\* PV Gas dự kiến chi trả cổ tức 12% cho giai đoạn từ 16/5/2011 đến 31/12/2011.

Nguồn: PV Gas

Các chỉ tiêu về tổng tài sản, doanh thu và lợi nhuận của PV Gas trong năm 2011 đều đã tăng gấp đôi so với năm 2009, chủ yếu nhờ sản lượng và giá bán cùng tăng mạnh. Cụ thể, doanh thu khí khô năm 2011 đã tăng gần 60% so với năm 2009, doanh thu bán LPG năm 2011 tăng gần 250% so với năm 2009 (chi tiết xem thêm tại mục 6.2.1 và 6.2.2).

Kết quả trên cho thấy PV Gas đã thành công trong việc mở rộng phát triển kinh doanh và kiểm soát chi phí để duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trước những khó khăn chung của kinh tế thế giới cũng như của Việt Nam.

## 7.2. Giải trình một số khoản mục trong BCTC năm 2010 và 2011

### 7.2.1. Chi phí thu dọn công trình khí

Trong năm 2010, PV Gas đã tiến hành trích lập dự phòng chi phí thu dọn các công trình khí khi kết thúc khai thác với số tiền 77.140.233.977 đồng (số dư lũy kế đến 31/12/2010 là 578.774.423.056 đồng) như sau:

#### Cơ sở trích lập:

- Căn cứ quyết định số 40/2007/QĐ-TTg ngày 21/03/2007 về việc thu dọn các công trình cố định, thiết bị và phương tiện phục vụ hoạt động dầu khí;
- Nghị quyết số 79/NQ-KVN ngày 24/08/2009 của Hội đồng thành viên PV Gas về việc phê duyệt khái toán chi phí thu dọn các công trình khí.

#### Phương thức trích lập:

- Dựa trên sản lượng thực tế khai thác hàng năm, PV Gas phân bổ chi phí thu dọn công trình khí theo công thức sau:

$$\text{Mức trích lập hàng năm} = \frac{\text{Sản lượng khai thác trong năm} \times \text{Tổng chi phí thu dọn}}{\text{Tổng sản lượng khai thác của đời dự án}}$$

Tuy nhiên, do PV Gas chưa nhận được phê duyệt của Bộ Công thương đối với kế hoạch thu dọn theo quyết định số 40/2007/QĐ-TTg nên Đơn vị kiểm toán không đưa ra ý kiến về khoản chi phí dự phòng này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục liên quan trên BCTC.

Trong năm 2011, thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại công văn số 13515/BTC-TCDN ngày 07/10/2011 về việc xử lý tài chính trong công tác quyết toán cổ phần hóa PV Gas, PV Gas không tiếp tục trích lập chi phí này

và thực hiện hoàn nhập toàn bộ số dư lũy kế chi phí thu dọn công trình khí vào kết quả kinh doanh của PV Gas trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Do Báo cáo tài chính của PV Gas (giai đoạn hoạt động theo mô hình công ty cổ phần) hiện nay đã không còn khoản mục chi phí này nên trong BCTC năm 2011 không còn ý kiến loại trừ của đơn vị kiểm toán.

### **7.2.2. Thời điểm xác định doanh thu bán khí**

Căn cứ vào Hợp đồng thuê đường ống với Chủ khí lô 06.1 và Hợp đồng bán khí với Tập đoàn điện lực Việt Nam, hóa đơn giá trị gia tăng sẽ được lập sau 02 tháng kể từ tháng các bên thực hiện việc giao nhận khí.

Như vậy, doanh thu ghi nhận từ hoạt động vận chuyển và bán khí trong tháng 11 và tháng 12 của năm 2010 sẽ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của năm 2011. Tương tự, doanh thu ghi nhận từ hoạt động vận chuyển và bán khí trong tháng 11 và tháng 12 của năm 2011 sẽ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của năm 2012.

Theo các chuẩn mực kế toán hiện hành, doanh thu phát sinh trong niên độ kế toán nào thì sẽ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong niên độ kế toán đó (doanh thu tháng 11 và tháng 12 của năm 2011 nên được hạch toán vào kết quả kinh doanh của năm 2011).

Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại công văn số 5110/TC/TCT ngày 16/5/2003 của Bộ Tài chính, thời điểm xác định doanh thu vận chuyển khí cho các Chủ khí lô 06.1 và doanh thu bán khí cho Tập đoàn điện lực Việt Nam của PV Gas là thời điểm lập hóa đơn giá trị gia tăng.

Do cách thức hạch toán của PV Gas có sự khác biệt với các chuẩn mực kế toán hiện hành nên Đơn vị kiểm toán chỉ lưu ý để người đọc nhận biết.

### **7.2.3. Chênh lệch giá bán khí cho sản xuất Đạm Phú Mỹ**

Theo chỉ đạo tại công văn số 2732/VPCP-KTN ngày 29/4/2011 của Văn phòng chính phủ, giá khí sản xuất đạm Phú Mỹ từ ngày 16/5/2011 đến 31/12/2011 được điều chỉnh tăng (tổng giá trị tăng là 410.678.013.139 đồng) và phần chênh lệch tăng này được hạch toán vào tài khoản riêng của PV Gas để điều tiết hỗ trợ một phần cho sản xuất Đạm Cà Mau. Hiện tại, PV Gas đang chờ hướng dẫn của Bộ Tài chính để quyết toán số tiền trên.

### **7.2.4. Quyết toán cổ phần hóa**

Hiện nay PV Gas đang trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do báo cáo tài chính năm 2011 chưa bao gồm các điều



chính (nếu có) sau khi biên bản quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt nên Đơn vị kiểm toán lưu ý để người đọc nhận biết.

### 7.2.5. Mục đích lập BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2011 không phải là báo cáo theo luật định. Ban lãnh đạo PV Gas quyết định lập báo cáo này chỉ với mục đích để tham khảo thêm thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong một năm tài chính và để phục vụ công tác niêm yết cổ phiếu PV Gas trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.

### 7.2.6. Giá trị lợi thế kinh doanh

Căn cứ theo Điều 29 – Nghị định 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, **giá trị lợi thế kinh doanh là một trong các căn cứ để xác định giá trị thực tế của doanh nghiệp theo phương pháp tài sản.**

Trên cơ sở đó, Tổng công ty đã thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo phương pháp tài sản và ghi nhận tổng giá trị lợi thế kinh doanh là 2.730 tỷ đồng.

Căn cứ theo Điều 52 – Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, **Nghị định 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực thay thế Nghị định số 109/2007/NĐ-CP** và các doanh nghiệp đã có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền trước ngày Nghị định 59/2011/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì **tiếp tục thực hiện theo phương án được duyệt và các quy định của Nghị định 59/NĐ-CP.**

Theo hướng dẫn tại Khoản 10 – Điều 18 - Thông tư 202/2011/TT-BTC **ngày 30/12/2011** của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ, khi xác định giá trị doanh nghiệp theo phương pháp tài sản, **giá trị lợi thế kinh doanh được thực hiện phân bổ dần vào chi phí kinh doanh được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn không quá 10 năm kể từ khi doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển sang công ty cổ phần.**

Như vậy, nội dung hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 1560/BTC-TCT **ngày 29/1/2011: "Giá trị lợi thế kinh doanh nằm trong phần giá trị doanh nghiệp do đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp thực hiện theo phương pháp tài sản theo quy định hiện hành thì giá trị lợi**



**thể kinh doanh chưa được phân bổ dần vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN” là không còn phù hợp.**

Công văn của Bộ Tài chính này được ban hành trước khi Thông tư 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP của Chính phủ được ban hành. Theo đó, Thông tư này đã hướng dẫn cụ thể việc xử lý đối với giá trị lợi thể kinh doanh nêu trên.

Do đó, việc Tổng công ty phân bổ lợi thể kinh doanh vào chi phí sản xuất kinh doanh được khấu trừ thuế khi xác định thu nhập chịu thuế trong 03 năm kể từ khi Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần là phù hợp theo các quy định hiện hành.

### **7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm 2010 và năm 2011**

#### **7.3.1. Nhân tố thuận lợi**

**Kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh dẫn đến nhu cầu sử dụng khí tăng cao:** Nhu cầu khí phục vụ sản xuất công nghiệp, đặc biệt là sản xuất điện phục vụ sự phát triển của nền kinh tế luôn gia tăng. Bên cạnh đó, tình hình thời tiết diễn ra bất thường đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của các nhà máy thủy điện dẫn đến thiếu điện, đặc biệt trong mùa khô. Do đó các nhà máy điện dùng khí đã tăng công suất để bù đắp sản lượng điện thiếu hụt, dẫn đến sản lượng khí tiêu thụ tăng lên đáng kể.

**Là công ty duy nhất tại Việt Nam trong ngành công nghiệp khí:** PV Gas là Công ty duy nhất tại Việt Nam có cơ sở hạ tầng, công nghệ, kỹ thuật đồng bộ với hoạt động thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, kinh doanh khí và các sản phẩm khí. Hiện nay, công tác thăm dò, khai thác các mỏ dầu khí mới được đang được PetroVietnam thực hiện, trong tương lai sẽ có thể phát triển các mỏ khí mới bổ sung nguồn khí mà PV Gas đang cung cấp cho các khách hàng. Các yếu tố sau đảm bảo vị thế là Công ty duy nhất hoạt động trong ngành khí tại Việt Nam của PV Gas là:

- Đòi hỏi cơ sở hạ tầng khí đồng bộ, đảm bảo các yêu cầu khắt khe về an toàn, áp dụng các công nghệ tiên tiến. Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống ống dẫn khí, cùng với hành lang an toàn tuyến ống cũng đòi hỏi quỹ đất lớn. Cho đến nay, tổng diện tích xây dựng tuyến ống, hành lang an toàn, nhà máy xử lý khí, kho bãi, trạm phân phối là trên 550 ha.

- Đòi hỏi nguồn lực tài chính mạnh để đảm bảo hoạt động xuyên suốt do nguồn vốn đầu tư vào các dự án khí thường rất lớn (thống kê cho thấy tổng vốn đầu tư vào ba bể khí từ năm 1995 đến nay là vào khoảng 1,4 tỷ USD), các dự án xây dựng công trình khí thường kéo dài trung bình 5 năm do quy mô, yêu cầu xây dựng, lắp đặt rất chặt chẽ.

**Được sự quan tâm đầu tư, chỉ đạo sát sao của các cấp lãnh đạo, sự phối hợp tích cực của các đơn vị thành viên khác trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam:** PV Gas là một đơn vị thành viên chủ lực của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoạt động trong ngành công nghiệp khí, luôn nhận được sự quan tâm đầu tư, chỉ đạo sát sao và ủng hộ của Đảng, Nhà nước, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như sự phối hợp tích cực của các đơn vị thành viên khác trong Tập đoàn nhằm ưu tiên phát triển công nghiệp khí thành ngành kinh tế kỹ thuật quan trọng trong chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**Ban quản trị điều hành luôn chú trọng vào nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Ban quản trị, điều hành PV Gas là những thành viên có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực dầu khí (trung bình 20 năm trong ngành dầu khí), về cả chuyên môn, kỹ thuật, lẫn công tác điều hành, quản trị. Ban quản trị, điều hành luôn chú trọng vào nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, đạt và vượt các mục tiêu đề ra, góp phần vào tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận.

**Nguồn lực tài chính vững mạnh tích lũy từ 20 năm sản xuất kinh doanh hiệu quả:** Nguồn lực tài chính vững mạnh được tích lũy từ 20 năm sản xuất kinh doanh hiệu quả cùng với sự hỗ trợ từ Tập đoàn và các tổ chức tài chính, ngân hàng tạo điều kiện thuận lợi để PV Gas đầu tư bổ sung, đầu tư mới, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh

**Thiết lập được và duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước:** PV Gas đã thiết lập và duy trì quan hệ hợp tác với các đối tác có uy tín trong và ngoài nước, trong và ngoài ngành cùng học hỏi, trao đổi công nghệ, nhân lực, tài chính, kinh nghiệm... để cùng phát triển.

### 7.3.2. Nhân tố khó khăn

**Áp lực phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:** Áp lực duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trước những đòi hỏi mới của công nghệ, của trình độ quản lý và trước sự thu hút, cạnh tranh về lao động giỏi của các doanh nghiệp khác.

**Áp lực cập nhật, đổi mới công nghệ:** Các máy móc, vật tư chủ yếu phải nhập khẩu và luôn đứng trước thách thức về công nghệ mới.

**Áp lực về quản lý:** Phạm vi, quy mô hoạt động của PV Gas ngày càng mở rộng, do vậy công tác quản lý, vận hành sẽ phức tạp hơn

**Công tác đảm bảo an toàn vận hành:** Khí là nguồn dễ cháy nổ, công trình khí trải dài trên nhiều địa bàn, nên công tác đảm bảo an toàn, an ninh và môi trường cần được ưu tiên và coi trọng hàng đầu.

## **8. Triển vọng của ngành và vị thế của PV Gas trong ngành**

### **8.1. Triển vọng ngành khí**

Ngành công nghiệp khí Việt Nam bắt đầu phát triển khi dòng khí đầu tiên từ mỏ Bạch Hổ xuất hiện vào năm 1995. Ngành công nghiệp khí chỉ thực sự phát triển cơ sở vật chất hạ tầng trong một thập kỷ qua khi dòng khí đầu tiên từ mỏ Bạch Hổ xuất hiện, đánh dấu bước ngoặt phát triển kỷ nguyên mới của ngành công nghiệp khí Việt Nam. Đến nay, ngành công nghiệp khí đã cung cấp 53 tỷ m<sup>3</sup> khí, 4,5 triệu tấn LPG, 1,2 triệu tấn Condensate, trong đó trên 90% sản lượng khí được khai thác trong 10 năm qua. Năm 2009 và năm 2010, tổng sản lượng khí khô PV Gas cung cấp tương ứng 8 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm và trên 11 tỷ m<sup>3</sup> khí/năm.

Ngành khí là một trong những ngành công nghiệp có vai trò nền tảng của phát triển kinh tế thông qua việc cung cấp nguồn nhiên liệu, nguyên liệu cho việc sản xuất điện, đạm và sản xuất công nghiệp khác. Do đó tiềm năng tăng trưởng của ngành khí sẽ song hành cùng với tăng trưởng nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu cho sản xuất công nghiệp.

#### **Nhu cầu sử dụng khí cho sản xuất công nghiệp gia tăng:**

Theo số liệu thống kê từ PV Gas, các nhà máy điện chạy khí đang sản xuất ra khoảng 40% tổng sản lượng điện quốc gia. Từ năm 2000 đến nay, sản lượng điện sản xuất đã tăng bình quân gần 14% mỗi năm phục vụ cho phát triển kinh tế. Tuy nhiên, tình trạng thiếu điện diễn biến ngày càng phức tạp do thời tiết khô hạn, dẫn đến các nhà máy thủy điện không cung cấp đủ sản lượng điện, cũng như nhu cầu sử dụng điện tăng nhanh. Chính phủ có chủ trương chuyển dần trọng tâm từ việc xây dựng các nhà máy thủy điện sang sử dụng các nguồn nhiên liệu ổn định hơn như khí, dầu mỏ, than đá. Với các tính năng ưu việt của khí như lượng nhiệt năng cao, thân thiện với môi trường và tương đối rẻ hơn các nguồn nhiên liệu khác, do đó dự báo các năm tới, số lượng dự án các nhà máy điện dùng khí sẽ tăng lên. Như vậy, thị trường tiêu thụ khí tại các nhà máy điện còn rất nhiều tiềm năng để phát triển.

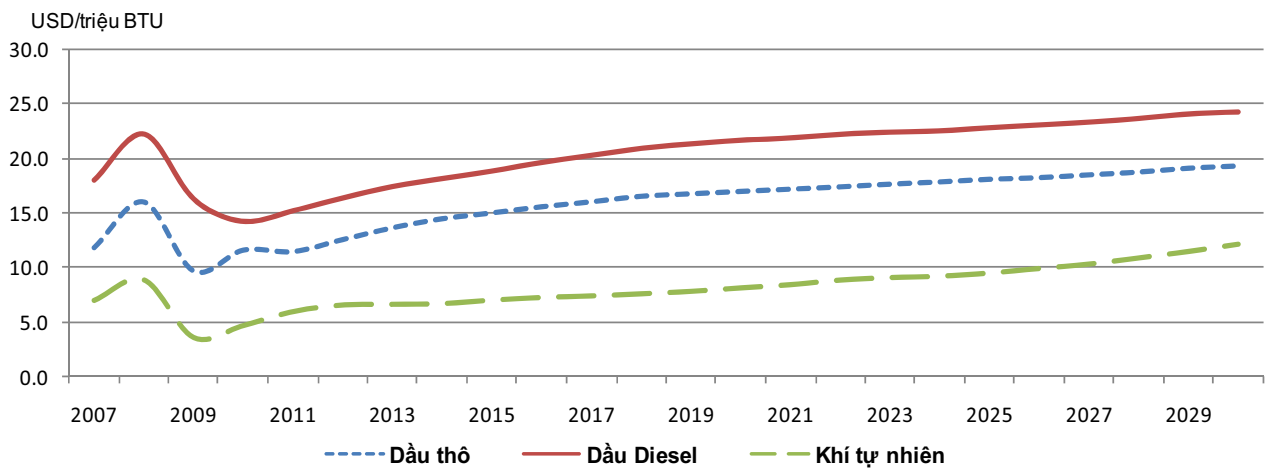
Hiện nay một số dự án nhà máy điện sử dụng khí đang được triển khai, xây

dựng và dự kiến sẽ làm tăng nhu cầu khí thêm 4,6 tỷ m<sup>3</sup> mỗi năm cho đến năm 2014, và thêm 6,0 tỷ m<sup>3</sup> khí mỗi năm sau năm 2014.

### **Khí là nhiên liệu cho hiệu năng cao và thân thiện với môi trường.**

**Về hiệu năng:** Khí là một nguồn nhiên liệu tương đối rẻ hơn so với các nguồn nhiên liệu khác có nguồn gốc từ dầu mỏ. Ví dụ, theo biểu đồ bên dưới, để thu được một lượng nhiệt là 1 triệu BTU thì giá mua dầu diesel gấp 2 lần giá khí tự nhiên.

**Hình: Dự báo giá các nguồn nhiên liệu Thế giới**



Nguồn: EIA

**Về mức độ thân thiện với môi trường:** Khí được xem là một sản phẩm thân thiện hơn với môi trường khi so sánh với các nhiên liệu khác như dầu, than đá. Theo thống kê của EIA (Hoa Kỳ) thì quá trình sử dụng các nguồn nhiên liệu sẽ thải ra môi trường lượng khí thải như sau:

**Bảng: Lượng khí thải ra môi trường theo nguồn nhiên liệu**

<b>Chất thải (kg/tỷ BTU)</b>	<b>Khí tự nhiên</b>	<b>Dầu</b>	<b>Than đá</b>
CO <sub>2</sub>	52.650	73.800	93.600
CO	18,0	14,9	93,6
SO <sub>2</sub>	0,5	504,9	1.166,0
NO <sub>2</sub>	41,4	201,6	205,7

Nguồn: EIA

Do đó, xét trên khía cạnh hiệu quả sử dụng và đặc biệt là thân thiện với môi trường, trong tương lai dự báo nhu cầu sử dụng khí sẽ tăng lên.

## **Tiềm năng từ sử dụng các sản phẩm khí mới, thân thiện với môi trường.**

**CNG:** Khí nén tự nhiên CNG mới chỉ bắt đầu xuất hiện trên thị trường từ năm 2008 phục vụ nhu cầu sử dụng làm nhiên liệu cho các hộ công nghiệp thuộc các khu công nghiệp phía Nam. Hiện nay Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam và công ty con (Công ty CP CNG Việt Nam) là nhà cung cấp duy nhất tại thị trường Việt Nam với tổng công suất hơn 120 triệu m<sup>3</sup>/năm, theo kế hoạch sẽ nâng dần lên 250 triệu m<sup>3</sup>/năm vào năm 2015. CNG cũng đang trong giai đoạn thử nghiệm dùng làm nhiên liệu cho giao thông vận tải, do đó sẽ rất có tiềm năng khi được thương mại hóa.

## **8.2. Vị thế PV Gas trong ngành**

**PV Gas là nhà cung cấp khí khô duy nhất tại Việt Nam:** Với lợi thế là thành viên của PVN, PV Gas có toàn quyền khai thác, phân phối khí và các sản phẩm khí từ các mỏ dầu khí do PVN sở hữu hoặc liên doanh. Bên cạnh đó, PV Gas với hơn 20 năm hình thành và phát triển, đã đầu tư xây dựng một hệ thống cơ sở hạ tầng công trình khí, từ khâu thu gom, vận chuyển, chế biến, phân phối khí và các sản phẩm khí với công nghệ hiện đại được quản lý và vận hành theo chuẩn quốc tế và vẫn đang tiếp tục được đầu tư mở rộng phục vụ sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, PV Gas cũng đã tích lũy được những kinh nghiệm thực tế quý giá về xây dựng, lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa an toàn, liên tục, hiệu quả các công trình khí, đồng thời xây dựng được một đội ngũ nhân viên vận hành, quản lý chuyên nghiệp, chuyên môn cao. Với những đặc trưng đó, PV Gas trở thành Công ty khí hàng đầu Việt Nam, hoạt động đơn lẻ trong ngành.

**PV Gas giữ vị thế nhà cung cấp LPG số 1 trên thị trường Việt Nam:** Thị phần năm 2010 của PV Gas trong thị trường LPG là khoảng 69%. Ưu thế lớn để PV Gas tiếp tục củng cố và duy trì vị trí hàng đầu này là: i) PV Gas có năng lực sản xuất sản phẩm LPG từ nhà máy xử lý khí Dinh Cỗ với công suất 350.000 tấn/năm, ii) có hệ thống kho chứa, cầu cảng xuất nhập LPG đồng bộ tại kho cảng Thị Vải, ii) hệ thống đại lý rộng khắp cả nước với hơn 2.000 đại lý thông qua các công ty thành viên.

## **9. Chính sách đối với người lao động của PV Gas**

PV Gas sở hữu nguồn nhân lực có chất lượng cao, có kinh nghiệm vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và quản lý, tiếp cận với công nghệ hiện đại trong

ngành công nghiệp khí. Lực lượng lao động đa phần là trẻ, năng động, được đào tạo bài bản, Nhìn chung, các chính sách về lương, thưởng, chế độ khác cho người lao động luôn được quan tâm với mục đích khuyến khích nâng cao hiệu quả công việc, cũng như là giúp người lao động an tâm công việc, gắn bó lâu dài với PV Gas.

### 9.1. Số lượng người lao động

Tổng số lao động của Tổng công ty tại thời điểm 31/12/2011 là 1.068 người, cơ cấu lao động theo trình độ và loại hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng: Cơ cấu lao động theo trình độ và hợp đồng lao động tại PV Gas**

<b>Phân loại theo trình độ học vấn</b>	<b>Tổng số lao động</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Trên đại học	85	7,96%
Đại học	660	61,79%
Khác	323	30,25%
<b>Tổng</b>	<b>1.068</b>	<b>100%</b>
<b>Phân loại theo Hợp đồng lao động</b>	<b>Tổng số lao động</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Lao động không xác định thời hạn	718	67,22%
Từ 1 – 3 năm	342	32,02%
Thời vụ	8	0,76%
<b>Tổng</b>	<b>1.068</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: PV Gas*

### 9.2. Chính sách với người lao động

#### 9.2.1. Chính sách lương thưởng phúc lợi

PV Gas tự hào là một trong những Công ty có chính sách đãi ngộ cao và đa dạng tại Việt Nam. Đây là nguồn động viên, khích lệ rất lớn để người lao động yên tâm công tác, tạo mối gắn kết lâu dài giữa người lao động với PV Gas.

Hiện nay PV Gas đang áp dụng khá thành công hệ thống trả lương, trả thưởng khoa học, hợp lý, khách quan, công bằng, trong đó việc trả lương, trả thưởng căn cứ vào các yếu tố:

- Phạm vi, trách nhiệm của chức danh công việc đảm nhận;
- Năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm làm việc;
- Năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện công việc;

- Mức thu nhập trên thị trường lao động: Mức thu nhập bình quân đầu người năm 2011 khoảng 27,9 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, theo Chính sách nhân viên của PV Gas, ngoài những chế độ theo quy định của Nhà nước như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ, PV Gas còn có rất nhiều chế độ khác thể hiện sự đa dạng của các hình thức đãi ngộ và tính đặc thù trong hoạt động của PV Gas: i) Phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp biển, phụ cấp công việc không ổn định, phụ cấp công việc đặc thù, phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, phụ cấp lưu động, phụ cấp làm đêm, i) thưởng 6 tháng, hàng năm, thưởng quý, thưởng an toàn, thưởng ban quản lý điều hành, thưởng danh hiệu thi đua, thưởng thành tích đột xuất trong sản xuất, thưởng nhân viên suất xắc tháng, thưởng sáng kiến cải tiến, thưởng vào các ngày lễ, ngày thành lập ngành, thành lập PV Gas, thưởng danh hiệu công đoàn, iii) trợ cấp thai sản của PV Gas, trợ cấp thâm niên làm việc trong ngành khi nghỉ hưu, bảo hiểm sinh mạng, phẫu thuật nằm viện ở mức cao, iv) chính sách hỗ trợ nhà ở, chính sách hỗ trợ con em CBCNV trong học tập và thi tuyển vào PV Gas, chế độ về hưu trước 03 tháng vẫn được hưởng nguyên lương.

### 9.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

**Tuyển dụng:** Chính sách tuyển dụng của PV Gas là tìm kiếm và lựa chọn được những người có trình độ chuyên môn, kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo, đủ sức khỏe (theo tiêu chuẩn tuyển dụng và tiêu chuẩn chức danh công việc) để đáp ứng yêu cầu công việc. Nhằm đảm bảo tuyển dụng được các lao động có trình độ, tay nghề tốt phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, PV Gas đã xây dựng và áp dụng Quy trình tuyển dụng, trong đó luôn đảm bảo tính công bằng, minh bạch và tiêu chuẩn hóa. PV Gas không hạn chế nguồn tuyển dụng mà ngược lại còn tích cực đa dạng hóa nguồn tuyển, kể cả lao động là người nước ngoài, Việt kiều; công khai hóa quá trình tuyển dụng, các vị trí tuyển dụng có tiêu chuẩn chức danh công việc, yêu cầu trình độ cụ thể.

Trọng tâm của công tác tuyển dụng của PV Gas là cùng với công tác đào tạo đảm bảo, củng cố và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện có và sẵn sàng đáp ứng các nhu cầu về nhân lực phục vụ cho việc triển khai, tiếp nhận, vận hành hiệu quả các dự án trong tương lai của PV Gas. Với định hướng phát triển đã được phê duyệt và với tiềm lực của mình, PV Gas sẵn sàng cạnh tranh, thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực có chất lượng cao trên thị trường.



PV Gas sẽ từng bước triển khai kế hoạch tuyển dụng phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của PV Gas trong từng giai đoạn phát triển và trước mắt là tập trung cho các dự án mới.

**Đào tạo:** Do đặc điểm cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị của ngành công nghiệp là loại kỹ thuật cao, tự động hoá, nên yêu cầu người lao động, đặc biệt là bộ phận vận hành, sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa phải có chuyên môn, tay nghề cao và phải thường xuyên được bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao nghiệp vụ. Do đó, các khóa đào tạo trọng điểm của PV Gas cũng rất đặc thù và chuyên sâu như đào tạo về hệ thống đo đếm khí, đánh giá an toàn thiết bị dầu khí, kỹ năng vận hành, bảo dưỡng, xử lý sự cố, kỹ năng quản lý, quản lý an toàn.

Năm 2011, PV Gas đã tổ chức 372 khóa đào tạo với 4.121 lượt người tham gia, tổng chi phí đào tạo lên tới gần 9,53 tỷ đồng, trong đó hầu hết là các khóa đào tạo nâng cao hoặc tiếp cận với kiến thức mới, tiên tiến trong khu vực và thế giới.

PV Gas sẽ tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo CBCNV theo định hướng như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh công việc, trong đó đặc biệt là đào tạo kỹ năng mềm cho tất cả cán bộ quản lý.
- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, đào tạo trong công việc nhằm tận dụng và phát huy kiến thức, kinh nghiệm thực tiễn của CBCNV PV Gas. Tiếp tục triển khai đào tạo theo các lĩnh vực: quản lý, kỹ thuật, công nghệ, đầu tư xây dựng, an toàn.
- Chú trọng các khóa đào tạo dài hạn/chuyên sâu để có những chuyên gia, cán bộ quản lý giỏi, cán bộ kỹ thuật để chuẩn bị cho các dự án mới.
- Xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, cán bộ nguồn nhằm đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn cán bộ để có thể đảm đương các chức danh quan trọng.
- Tăng cường hợp tác với các nhà thầu Dầu khí, Liên doanh, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước trong công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

### 9.2.3. Điều kiện làm việc

**Thời gian làm việc:** Hiện nay, PV Gas đang áp dụng chế độ làm việc 40 giờ/tuần đối với tất cả CBCNV, trong một số trường hợp có thể làm thêm giờ để đáp ứng yêu cầu công việc cấp bách, đột xuất. Tuy nhiên, do xây dựng định biên lao động đầy đủ và có chế độ làm việc, phân ca, kíp làm việc hợp lý nên

số CBCNV làm thêm giờ rất ít. Vì vậy, PV Gas luôn đảm bảo chế độ nghỉ ngơi và làm việc theo đúng quy định của Pháp luật.

**Điều kiện làm việc:** Nơi làm việc kang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Do đặc thù của ngành khí nên công tác an toàn – vệ sinh lao động luôn được đưa lên hàng đầu. Vì vậy, PV Gas luôn trang bị đầy đủ dụng cụ và đồ bảo hộ lao động cho CBCNV. 100% CBCNV làm việc tại các công trình khí có xe ô tô đưa đón. Định kỳ hàng năm tổ chức 02 lần đánh giá về điều kiện, môi trường làm việc và khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc tại công trình khí.

**Phụ cấp làm việc:** Tất cả CBCNV được hưởng chế độ phụ cấp ăn ca. Hầu hết các cơ sở làm việc đều có tổ chức bếp ăn, đảm bảo chất lượng, sạch sẽ và thường xuyên được kiểm tra giám sát về an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngoài ra một số CBCNV còn được hưởng chế độ phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp biển, phụ cấp công việc không ổn định, phụ cấp công việc đặc thù, phụ cấp năng nhọc, độc hại, nguy hiểm, phụ cấp lưu động, phụ cấp làm đêm, chế độ bồi dưỡng hiện vật cho CBCNV làm việc tại các công trình khí. CBCNV được hưởng đầy đủ chế độ công tác phí khi đi công tác.

## 10. Chính sách cổ tức

Tổng công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Tổng công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

HĐQT Tổng công ty xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ phù hợp với điều lệ của Tổng công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT luôn cân nhắc xem xét các kế hoạch kinh doanh trong các năm tới để tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, đảm bảo công ty phát triển nhanh và bền vững. Chính sách chi trả cổ tức trên phù hợp với định hướng phát triển của Tổng công ty đồng thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Ngày 17/4/2012, ĐHCĐ đã thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức trên VDL trong giai đoạn từ 16/5/2011 đến 31/12/2012 là 12%, kế hoạch chi trả cổ tức trong năm 2012 là 20% trên VDL.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

Tổng công ty Cổ phần Khí Việt Nam được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 18/TTg-ĐMDN ngày 5/1/2009 về việc cổ

phần hóa doanh nghiệp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và quyết định số 1132/QĐ-DKVN ngày 20/04/2009 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Vốn Điều lệ của Tổng công ty theo phương án cổ phần hóa được Hội đồng thành viên tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt ngày 19/08/2010 là 18.950 tỷ đồng.

### 11.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cho từng nhóm tài sản như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc : 4 – 15 năm
- Máy móc, thiết bị : 3 – 7 năm
- Phương tiện vận tải : 2 – 7 năm
- Thiết bị văn phòng : 3 – 5 năm
- Tài sản cố định khác : 3 – 20 năm

Nguyên giá các công trình khí được ghi tăng theo giá trị sổ sách kế toán tại thời điểm ghi nhận để tạm tính khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Khi có phê duyệt quyết toán, nguyên giá và khấu hao tài sản cố định của các công trình khí sẽ được điều chỉnh lại.

### 11.2. Thu nhập bình quân

**Bảng: Thu nhập bình quân đầu người qua các năm**

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Thu nhập bình quân (VNĐ/người/tháng)	19,7 triệu	23,6 triệu	27,9 triệu

*Nguồn: PV Gas*

### 11.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Căn cứ vào các báo cáo kiểm toán năm 2009, 2010 và 2011 Tổng công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

### 11.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước.

PV Gas có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi

nhuận chịu thuế.

PV Gas được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với các dự án Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ, dự án dịch vụ vận chuyển condensate Nam Côn Sơn và dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn. PV Gas cũng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu, giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn.

Kể từ năm 2010, PV Gas bắt đầu áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với:

- Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải: PV Gas được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu, giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.
- Dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2: PV Gas được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu, giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.
- Dự án Đường ống Dẫn khí Sư Tử Đen / Sư Tử Vàng – Rạng Đông: PV Gas được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm đầu, giảm 50% cho 2 năm tiếp theo.
- Dự án Đường ống dẫn khí PM3 – Cà Mau: PV Gas được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu, giảm 50% cho 3 năm tiếp theo.

### 11.5. Trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập, sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

<b>Chỉ tiêu (tỷ VNĐ)</b>	<b>2010 Hợp nhất</b>	<b>2011 Hợp nhất</b>
Quỹ đầu tư phát triển	1.469,7	357,7
Quỹ dự phòng tài chính	1.753,7	456,6
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	214,4
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32,2	121,6

### 11.6. Tổng dự nợ vay hiện nay

**Bảng: Các khoản vay ngắn hạn lớn tại thời điểm 31/12/2011**

<b>STT</b>	<b>Ngân hàng</b>	<b>Loại tiền tệ</b>	<b>Số dư</b>	<b>Lãi suất (%/năm)</b>	<b>Mục đích vay</b>
------------	------------------	---------------------	--------------	-------------------------	---------------------

1	Tổng công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Tỷ VND	291,07	15%	Vốn lưu động
---	---	--------	--------	-----	--------------

*Nguồn: PV Gas*

Khoản nợ vay Tổng công ty tài chính CP Dầu khí Việt Nam là giá trị hợp nhất trên BCTC của PV Gas từ các khoản nợ vay của PV Gas South (101 tỷ đồng), PVID (144 tỷ đồng), và Công ty CP Bình khí Dầu khí Việt Nam (46 tỷ đồng).

Ngoài các khoản vay ngắn hạn trên, số dư vay và nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán là phần nợ dài hạn đến hạn trả.

**Bảng: Các khoản vay dài hạn lớn tại thời điểm 31/12/2011**

STT	Hợp đồng vay	Ngân hàng	Loại tiền tệ	Dư nợ cuối kỳ <sup>5</sup>	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
<b>Khoản vay tại công ty mẹ</b>							
1	01/2002/HĐT D-PM3-CM	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Triệu USD	120,00	LSHĐ 6 tháng + 0,5%	Dự án PM3-CM	Không
2	01/2010/HĐ-2164818	Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	Tỷ VND	233,92	Lãi suất trả sau kỳ hạn 12 tháng + 2%	Dự án kho lạnh LPG	Không
3	-	Ngân hàng Standard Chartered Vietnam	Triệu USD	118,22	LIBOR 6 tháng + 2,65%/năm	Kho lạnh LPG; Dự án Ròng Đồi Mới; Hải Sư Trắng – Tê Giác Trắng	Không
4	329	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Triệu USD	28,53	6,5%	Đường ống Sư Tử Vàng – Ròng Đồi	Không
5	02/TDĐT-DH/PVFC07	Tổng Công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Triệu USD	19,5	SIBOR 6 tháng + 1,65%	Dự án Phú Mỹ - TPHCM	Không
6	17879	Ngân hàng Châu Âu	Triệu USD	20,9	4,48%	Đường ống Nam Côn Sơn	Bảo lãnh Bộ Tài chính

<sup>5</sup> Chưa loại trừ giá trị nợ vay dài hạn đến hạn trả (được ghi nhận bên mục nợ ngắn hạn).

7	-	Ngân hàng Calyon	Triệu USD	13,6	SIBOR 6 tháng + 1,3%	Đường ống PM3-Cà Mau	Bảo lãnh Bộ Tài chính
<b>Khoản vay tại công ty con</b>							
1	0268/2010/H DHM	Ngân hàng Công thương Việt Nam	Triệu USD	56,06	LSHĐ 12 tháng + 3,5%	PV Pipe - Nhà máy chế tạo ống thép	Không
2	201/PV-PV Pipe-TD11	Tổng Công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Tỷ VND	500,00	4.9%/năm	PV Pipe - Nhà máy chế tạo ống thép	Không
3	53/PV Gas-PV Gas South /TD10	Tổng Công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Tỷ VND	489,45	10,5%	PV Gas South - Đầu tư Trạm nạp kho chứa LGP – CNG	Không
4	54/PV Gas -PV Gas North/TD10	Tổng Công ty tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	Tỷ VND	243,00	10,5%	PV Gas North - Đầu tư Kho chứa LPG	Không

Nguồn: PV Gas

## 11.7. Tình hình công nợ

**Bảng: Các khoản phải thu ngắn hạn**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2009	2010	2011
Phải thu khách hàng	2.934,74	6.158,06	5.848,36
Trả trước cho người bán	280,10	693,71	532,35
Phải thu nội bộ ngắn hạn	70,90	46,76	-
Các khoản phải thu khác	544,31	519,89	576,92
<i>Dự phòng các khoản phải thu khó đòi</i>	<i>(15,50)</i>	<i>(6,11)</i>	<i>(7,45)</i>
<b>Tổng</b>	<b>3.814,56</b>	<b>7.412,31</b>	<b>6.950,18</b>

Nguồn: PV Gas

Năm 2010, khoản phải thu khách hàng tăng mạnh so với năm 2009 là do (1) khoản phải thu tiền bán khí cho PV Power (Tổng công ty Điện lực Dầu khí) tăng và (2) giá trị khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh LPG tăng theo doanh thu.

**Bảng: Các khoản nợ phải trả**

<b>Chi tiêu (tỷ đồng)</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>
<b><i>Nợ ngắn hạn</i></b>	<b><i>6.544,02</i></b>	<b><i>9.810,19</i></b>	<b><i>10.348,75</i></b>
Vay và nợ ngắn hạn	1.283,04	2.064,74	2.866,90
Phải trả người bán	3.471,73	4.461,72	4.215,28
Người mua trả tiền trước	272,03	132,61	20,50
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8,75	254,31	596,75
Phải trả người lao động	71,24	85,73	158,88
Chi phí phải trả	131,74	408,73	1.042,98
Phải trả nội bộ	642,38	-	45,13
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	627,94	2.370,15	1.280,70
Quỹ khen thưởng phúc lợi	35,13	32,21	121,62
<b><i>Nợ dài hạn</i></b>	<b><i>7.759,19</i></b>	<b><i>7.202,11</i></b>	<b><i>10.242,97</i></b>
Phải trả dài hạn nội bộ	1.629,67	44,27	44,26
Phải trả dài hạn khác	188,05	198,97	265,91
Vay và nợ dài hạn	5.482,74	5.382,52	8.149,81
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	21,57	22,51	3,14
Dự phòng phải trả dài hạn	66,69	578,77	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	4,34	633,14
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	370,46	970,74	1.146,71

*Nguồn: PV Gas*

Trong năm 2011, PV Gas đã ghi nhận doanh thu từ việc bán khí từ bể Cửu Long trong tháng 11 và tháng 12, tuy nhiên do chưa nhận được hóa đơn từ bên bán khí đầu vào (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) nên PV Gas đã thực hiện trích trước chi phí này với giá trị 508 tỷ đồng, dẫn đến khoản mục Chi phí phải trả trong năm 2011 tăng cao so với năm 2010.

**11.8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**
**Bảng: Các chỉ tiêu tài chính năm 2009, 2010, và 2011**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2011</b>
<b><i>Chỉ tiêu khả năng thanh toán</i></b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,64	1,66	1,90



Hệ số thanh toán nhanh	1,47	1,57	1,80
<b><i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i></b>			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,65	0,43	0,45
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,94	0,77	0,88
<b><i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i></b>			
Vòng quay hàng tồn kho	21,9	46,7	48,27
Vòng quay tổng tài sản	1,39	1,21	1,41
Vòng quay tài sản cố định	3.02	2.55	2,96
<b><i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i></b>			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	10,9%	10,3%	10,0%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	45,0%	22,3%	27,3%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	65,3%	47,1%	33,9%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	15,1%	12,4%	14,1%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần (%)	12,5%	11,1%	11,4%

Điểm nổi bật về chỉ số tài chính của PV Gas chính là khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh ở mức khá cao (lần lượt là 1,9 và 1,8 lần trong năm 2011), cơ cấu nợ trên tổng tài sản ở mức hợp lý (tỷ lệ nợ chiếm 45% trong tổng tài sản năm 2011), cho thấy năng lực tài chính của PV Gas lành mạnh và ổn định.

Chỉ số vòng quay hàng tồn kho của PV Gas cao là do đặc thù sản xuất kinh doanh của PV Gas, ngoại trừ việc kinh doanh sản phẩm lỏng như LPG phát sinh hàng tồn kho do hoạt động tàng trữ sản phẩm, hầu như không phát sinh hàng tồn kho. Các khoản mục khác trong hàng tồn kho của PV Gas bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí sản xuất dở dang v.v...

Chỉ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu giảm từ mức 45,0% năm 2009 xuống mức 22,3% năm 2010 là do vốn chủ sở hữu tăng trên cơ sở đánh giá lại tài sản.

## **12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

**Bảng: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và kế toán trưởng của PV Gas**

STT	Tên	Năm sinh	Kinh nghiệm
-----	-----	----------	-------------

<b>I HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>			
1	Bà Nguyễn Thị Lan <i>Chủ tịch</i>	1961	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân quản trị kinh doanh (tại Úc), thông thạo tiếng Anh</li> <li>14 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, giữ nhiều vị trí quan trọng về tài chính – kế toán, từng giữ chức kế toán trưởng và phó tổng giám đốc PV Gas.</li> </ul>
2	Ông Vũ Đình Chiến <i>Phó Chủ tịch</i>	1954	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ sư cơ khí, thành thạo tiếng Anh, Nga.</li> <li>Hơn 30 năm kinh nghiệm ngành dầu khí, đã đảm nhận nhiều chức vụ quản lý tại Vietsovpetro, PVN và PV Gas.</li> </ul>
3	Ông Đỗ Khang Ninh <i>Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc</i>	1960	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thạc sĩ thiết kế đường ống và kho chứa dầu khí, thông thạo tiếng Anh, tiếng Nga.</li> <li>25 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, đã đảm nhận nhiều chức vụ quản lý tại Vietsovpetro và PV Gas.</li> </ul>
4	Ông Phan Quốc Nghĩa <i>Thành viên</i>	1967	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thạc sĩ kỹ nghệ công nghiệp (tại Thái Lan), Thạc sĩ quản trị kinh doanh, thông thạo tiếng Anh.</li> <li>Công tác tại PV Gas từ năm 1999, từng giữ vị trí trưởng Ban phát triển thị trường của PV Gas.</li> </ul>
5	Ông Nguyễn Trung Dân <i>Thành viên</i>	1955	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân Toán Cơ (tại Belorussia), thông thạo tiếng Anh, tiếng Nga.</li> <li>25 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, giữ nhiều chức vụ tại PV Gas như Trưởng phòng kế hoạch, Phó Giám đốc.</li> </ul>
<b>II BAN KIỂM SOÁT</b>			
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn <i>Trưởng ban</i>	1975	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân Tài chính kế toán.</li> <li>14 năm kinh nghiệm về tài chính kế toán, từng là chuyên viên phòng kế toán Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm khí, trưởng phòng kế toán công ty tư vấn quản lý dự án khí, Tổng công ty Khí Việt Nam.</li> </ul>
2	Bà Hồ Thị Ái Thanh <i>Thành viên</i>	1976	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân tài chính doanh nghiệp, Thạc sĩ quản trị kinh doanh</li> <li>Từ năm 1999 đến năm 2007 là chuyên viên phòng tài chính – kế toán tại PV Gas.</li> </ul>
3	Ông Phạm Đình Đạt <i>Thành viên</i>	1962	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân kinh tế kế hoạch</li> <li>Từ năm 1990 đến năm 2007, ông từng công tác tại nhiều vị trí như chuyên viên phòng kế hoạch, phó phòng kế hoạch Ban quản lý dự án khí...</li> </ul>
<b>III BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>			
1	Ông Đỗ Khang Ninh <i>Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc</i>	1960	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thạc sĩ thiết kế đường ống và kho chứa dầu khí, thông thạo tiếng Anh, tiếng Nga.</li> <li>25 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, đã đảm</li> </ul>

			nhận nhiều chức vụ quản lý tại Vietsovetro và PV Gas.
2	Ông Trần Hưng Hiến <i>Phó Tổng giám đốc</i>	1957	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thạc sỹ ngành xây dựng đường ống, bể chứa dầu khí (tại CHLB Nga), thông thạo tiếng Anh, tiếng Nga.</li> <li>25 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, từng giữ nhiều chức vụ quản lý tại Công ty Thiết kế &amp; Xây dựng Dầu khí, Công ty Thương mại Dầu khí...</li> </ul>
3	Ông Nguyễn Thanh Nghị <i>Phó Tổng giám đốc</i>	1963	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân kinh tế kế hoạch, thông thạo tiếng Anh.</li> <li>15 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, bảo hiểm, từng giữ chức Phó tổng giám đốc tại Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam.</li> </ul>
4	Ông Dương Mạnh Sơn <i>Phó Tổng giám đốc</i>	1969	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy – công nghệ hàn, Thạc sĩ quản trị kinh doanh, thông thạo tiếng Anh.</li> <li>Hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, từng giữ chức phó phòng kỹ thuật Công ty Thiết kế &amp; Xây dựng Dầu khí, trưởng ban xây dựng PV Gas.</li> </ul>
5	Ông Nguyễn Quốc Huy <i>Phó Tổng giám đốc</i>	1972	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cử nhân Khoa học ngành Tin học, thông thạo tiếng Anh.</li> <li>16 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, chuyên ngành quản lý kỹ thuật công nghệ, đã đảm nhận nhiều chức vụ quản lý tại PV Gas.</li> </ul>
6	Ông Bùi Ngọc Quang <i>Phó Tổng giám đốc</i>	1960	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ sư Khoan – Khai thác dầu khí, thông thạo tiếng Anh.</li> <li>Hơn 20 năm công tác trong ngành, đã từng là TGD, chủ tịch HĐQT Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí; Phó Ban Kế hoạch, Trưởng Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ tại PVN;</li> </ul>
7	Ông Phạm Hồng Lĩnh <i>Phó Tổng giám đốc</i>	1957	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ sư xây dựng; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, thông thạo tiếng Anh</li> <li>Hơn 20 năm công tác trong ngành, đảm nhận nhiều vị trí quản lý tại PV Gas.</li> </ul>
8	Ông Nguyễn Mậu Dũng <i>Phó Tổng giám đốc</i>	1968	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ sư cơ khí; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, thông thạo tiếng Anh</li> <li>20 năm công tác trong ngành, đã từng là Trưởng phòng Kỹ thuật CTCP Đầu tư và thiết kế Dầu khí; Thanh viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty TNHHMTV Xây lắp Dầu khí Hà Nội...</li> </ul>
9	Ông Hồ Tùng Vũ <i>Phó Tổng giám đốc</i>	1959	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kỹ sư Kinh tế Dầu khí; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, thông thạo tiếng Anh.</li> <li>Hơn 20 năm công tác trong ngành, đã từng là Phó TGD Tổng công ty Dầu Việt Nam.</li> </ul>

<b>IV KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>			
1	Ông Mai Hữu Ngạn <i>Kế toán trưởng</i>	1960	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Cử nhân Kinh tế - Kế toán, thông thạo tiếng Anh.</li> <li>• Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành dầu khí, đã giữ nhiều chức vụ quan trọng về kế toán tại PV Gas.</li> </ul>

*Nguồn: PV Gas*

### **12.1. Hội đồng quản trị**

#### **Bà Nguyễn Thị Lan – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Ngày sinh : 03/11/1961
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 273602799
- Ngày cấp : 23/04/2011
- Nơi cấp : Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : 119/11 đường 3/2, quận 10, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán  
: Cử nhân quản trị kinh doanh (tại Australia)
- Quá trình công tác :
  - Từ 1988 đến 1990: Cán bộ Phòng Tài chính kế toán, Công ty Thủy sản khu vực 3, Bộ Thủy sản tại Tp. Hồ Chí Minh;
  - Từ 1990 đến 1994: Cán bộ Phòng Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản, Chi cục Kho bạc Tp. Hồ Chí Minh;
  - Từ 11/1994 đến 06/1997: Du học tại Úc, chuyên ngành quản trị kinh doanh, trường NSW Business & English Colleges;
  - Từ 08/1997 đến 12/1999: Chuyên viên Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ tháng 01/2000 đến 10/2006: Phó phòng Tài chính kế toán, Công ty Chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ tháng 10/2006 đến 12/2006: Kế toán trưởng Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ tháng 12/2006 đến 08/2007: Thành viên Hội đồng thành viên

- kiêm Kế toán trưởng Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
- Từ tháng 09/2007 đến 01/2009: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 02/2009 đến 07/2010: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Kiểm soát viên chính Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ tháng 08/2010 đến 12/2010: Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ tháng 01/2011 đến 16/04/2011: Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 17/04/2011 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
  - Số cổ phần nắm giữ: 506.435.900 cổ phần
    - Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần
    - Đại diện sở hữu: 506.335.900 cổ phần
  - Người có liên quan nắm giữ cổ phần:
    - Bà Nguyễn Thị Thu Hường; Quan hệ: chị gái; Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.000 cổ phần
  - Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
  - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
  - Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
  - Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
  - Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

**Ông Vũ Đình Chiến** – *Phó chủ tịch Hội đồng quản trị*

- Ngày sinh : 16/07/1954
- Nơi sinh : Thái Nguyên
- Số CMND : 273465454
- Ngày cấp : 16/08/2008
- Nơi cấp : Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 221 (phía sau) Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, chuyên ngành đường ống bể chứa dầu khí (tốt nghiệp tại Cộng hòa Liên bang Nga)
- Quá trình công tác :
  - Từ 09/1977 đến 09/1982: Kỹ sư, Vụ Xây dựng Cơ bản, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam (đơn vị tiền thân của Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam);
  - Từ 10/1982 đến 05/1987: Phó phòng, Vụ Xây dựng cơ bản, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam;
  - Từ 06/1987 đến 08/1989: Phó phòng, Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsovetro, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam;
  - Từ 09/1989 đến 05/1991: Học viên, Học viện Chính trị Quốc gia Nguyễn Ái Quốc;
  - Từ 05/1991 đến 05/1993: Trưởng phòng Xây dựng cơ bản, Tổng cục Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam;
  - Từ 05/1993 đến 06/1998: Phó trưởng phòng vận chuyển xử lý và phân phối khí, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam);
  - Từ 07/1998 đến 12/2007: Giám đốc Công ty Chế biến và kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 1/2008 đến 16/04/2011: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 17/04/2011 đến nay: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần;
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 379.103.200 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 103.200 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: 379.000.000 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần:

- Bà Hồ Thị Mai Lan; Quan hệ: vợ; Số lượng cổ phần nắm giữ: 9.100 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

**Ông Đỗ Khang Ninh** – *Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc*

- Ngày sinh : 17/08/1960
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 025408499
- Ngày cấp : 15/11/2010
- Nơi cấp : Tp. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : Phòng BB3 – 8, Chung cư Cảnh viên 2, phường Tân Phú, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành thiết kế đường ống và kho chứa dầu khí (tốt nghiệp tại Cộng hòa Liên bang Nga)
- Quá trình công tác:
  - Từ 04/1984 đến 1986: Công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp xây lắp Dầu khí (nay là Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam);
  - Từ 1986 đến 1996: Phó phòng Công nghệ và xây dựng mỏ, Viện nghiên cứu khoa học và thiết kế, Xí nghiệp liên doanh dầu khí Vietsovpetro;
  - Từ 1996 đến 1999: Phó Giám đốc Ban quản lý dự án khí (đơn vị tiền thân của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 1999 đến 2004: Phó Giám đốc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ



- phần);
- Từ 2004 đến 06/2007: Giám đốc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 07/2007 đến 03/2008: Thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 04/2008 đến 01/2010: Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 01/2010 đến 16/04/2011: Thành viên Hội đồng thành viên; Tổng Giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 17/04/2011 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
  - Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
  - Số cổ phần nắm giữ: 379.182.600 cổ phần
    - Sở hữu cá nhân: 182.600 cổ phần
    - Đại diện sở hữu: 379.000.000 cổ phần

Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Bà Đỗ Thị Bích Quyên; Quan hệ: em;  
Số lượng cổ phần nắm giữ: 700 cổ phần.

- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

#### **Ông Phan Quốc Nghĩa – Thành viên Hội đồng quản trị**

- Ngày sinh : 10/03/1967
- Nơi sinh : Trà Vinh
- Số CMND : 022232190
- Ngày cấp : 20/08/2002
- Nơi cấp : Tp. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú : 144 đường số 8, khu Nam Long, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí, Cử nhân Anh ngữ; Thạc sỹ quản trị kinh doanh; Thạc sỹ kỹ nghệ công nghiệp (tại Thái Lan)
- Quá trình công tác :
  - Từ 06/1990 đến 04/1999: công tác tại Công ty liên doanh Coats Total Phong Phú;
  - Từ 04/1999 đến 12/2000: Tổng Công ty Dầu Khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam) tiếp nhận và cử đi học tại Viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái lan;
  - Từ 04/2001 đến 06/2006: Kỹ sư Phòng Nam Côn Sơn, Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 06/2006 đến 10/2006: Phó phòng Nam Côn Sơn, Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 10/2006 đến 08/2007: Quyền Trưởng phòng Nam Côn Sơn, Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 08/2007 đến 11/2007: Trưởng phòng Nam Côn Sơn, Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ tháng 11/2007 đến 02/2009: Trưởng Ban Kinh tế thị trường, Tổng Công ty Khí Việt Nam;
  - Từ tháng 02/2009 đến 16/04/2011: Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 17/04/2011 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 284.280.900 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 30.900 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: 284.250.000 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có

- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

### **Ông Nguyễn Trung Dân** – *Thành viên Hội đồng quản trị*

- Ngày sinh : 15/06/1955
- Nơi sinh : Hải Dương
- Số CMND : 025346365
- Ngày cấp : 02/11/2010
- Nơi cấp : TP. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú : 1B4-3, lô R1-1, KP. Sky Garden, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Q. 7, Tp. HCM
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Toán cơ (tại Belorussia)
- Quá trình công tác :
  - Từ 1980 đến 1981: công tác tại Ban kiến thiết Khu công nghiệp Dầu khí Vũng Tàu;
  - Từ 1981 đến 1985: chuyên viên phòng Kế hoạch, trợ lý Trưởng Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu (đơn vị tiền thân của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 1985 đến 1987: Tổ trưởng Tổ Đơn giá - Dự toán, Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu;
  - Từ 1987 đến 1990: Phó phòng thẩm tra thiết kế - dự toán, Ban Quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu;
  - Từ 1991 đến 1993: Phó phòng Kế hoạch, Công ty Khí đốt (nay là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 1994 đến 1995: Trưởng phòng Kế hoạch, Công ty Khí đốt;
  - Từ 1996 đến 16/04/2011: Phó Giám đốc Công ty chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);

- Từ 1997 đến 2010: kiêm ủy viên/Chủ tịch Hội đồng quản trị các công ty liên doanh VT Gas và Thăng Long Gas;
- Từ 2002 đến 2006: kiêm Trưởng ban QLDA Căn cứ đầu mối phân phối LPG Hải Phòng;
- Từ 2006 đến 2007: kiêm ủy viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Khí;
- Từ 2007 đến 2010: kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Khu Công nghiệp Hòa Cầm;
- Từ 17/04/2011 đến nay: thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 284.302.900 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 52.900 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: 284.250.000 cổ phần
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: Bà Vũ Hồng Nga; Quan hệ: Vợ; Số lượng cổ phần nắm giữ: 7.800 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

## 12.2. Ban kiểm soát

### **Ông Nguyễn Anh Tuấn** – *Trưởng ban kiểm soát*

- Ngày sinh : 10/06/1975
- Nơi sinh : Lai Châu
- Số CMND : 273168211
- Ngày cấp : 21/11/2000
- Nơi cấp : Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình

- Địa chỉ thường trú : 36/39 Hoàng Văn Thụ, Phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác :
  - Từ 09/1997 đến 09/1999: Chuyên viên, Cục Quản lý vốn và Tài sản nhà nước tại Doanh nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
  - Từ 10/1999 – 05/2006: Kế toán tổng hợp, Phó trưởng phòng Tài chính kế toán – Ban quản lý dự án nhà số 1 & 5 Lê Duẩn, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
  - Từ 06/2006 đến 11/2006: Chuyên viên Phòng Kế toán, Xí nghiệp Chế Biến khí (Nay là Công ty Chế biến khí Vũng Tàu), Công ty chế biến và kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần);
  - Từ 11/2006 đến 06/2008: Trưởng phòng kế toán – Ban QLDA đường ống dẫn khí Phú Mỹ Hồ Chí Minh;
  - Từ 07/2008 đến 08/2010: Trưởng phòng kế toán, Công ty Tư vấn QLDA Khí, Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 08/2010 đến 16/04/2011: Kiểm soát viên chính Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 17/04/2011 đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần;
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Trưởng ban kiểm soát Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 31.200 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 31.200 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: không có
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính

xác, trung thực của các nội dung trên.

**Bà Hồ Thị Ái Thanh** – *Thành viên ban kiểm soát*

- Ngày sinh : 18/12/1976
- Nơi sinh : Vĩnh Phú
- Số CMND : 191148859
- Ngày cấp : 10/02/2010
- Nơi cấp : Huế
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Huế
- Địa chỉ thường trú : J11 Khu Đại An, phường 9, Tp. Vũng Tàu
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính doanh nghiệp;  
: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
  - Từ 04/1999 đến 08/2007: Chuyên viên Phòng Tài chính - kế toán, Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần);
  - Từ 09/2007 đến 16/04/2011: Kiểm soát viên chuyên trách Tổng Công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 17/04/2011 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần;
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Thành viên ban kiểm soát Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 11.100 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 11.100 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: không có
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

**Ông Phạm Đình Đạt** – *Thành viên ban kiểm soát*

- Ngày sinh : 22/05/1962
- Nơi sinh : Hưng Yên
- Số CMND : 273142821
- Ngày cấp : 04/01/2000
- Nơi cấp : Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 4/15A Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế kế hoạch
- Quá trình công tác :
  - Từ 09/1984 đến 05/1985: Học tiếng Nga tại Trường Đào tạo CBCNV cho Xí nghiệp liên doanh Dầu khí Vietsovpetro;
  - Từ 05/1985 đến 09/1990: Chuyên viên Phòng Kế hoạch, Ban quản lý công trình Dầu khí Vũng Tàu (đơn vị tiền thân của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 09/1990 đến 06/1993: Chuyên viên Phòng Kế hoạch, Công ty Khí đốt (nay là Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 06/1993 đến 03/2001: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Ban quản lý Dự án Khí, Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 03/2001 đến 12/2004: Phó Phòng Kế hoạch Ban quản lý Dự án Khí (nay là Công ty quản lý dự án Khí), Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 12/2004 đến 09/2007: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí;
  - Từ tháng 09/2007 đến 16/04/2011: Kiểm soát viên chuyên trách Tổng Công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 17/04/2011 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần;



- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Thành viên ban kiểm soát Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có
- Số cổ phần nắm giữ: 22.500 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 22.500 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: không có
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

### 12.3. Ban Tổng giám đốc

**Ông Đỗ Khang Ninh** – *Thành viên Hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc* (Xem phần 12.1. Hội đồng quản trị)

**Ông Trần Hưng Hiền** – *Phó Tổng giám đốc*

- Ngày sinh : 10/10/1957
- Nơi sinh : Nghệ An
- Số CMND : 024456028
- Ngày cấp : 12/11/2005
- Nơi cấp : Tp. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú : 109/6 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận 1, Tp. HCM
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ ngành xây dựng đường ống, bể chứa dầu khí (tại CHLB Nga); Cử nhân quản lý công nghiệp
- Quá trình công tác :

- Từ 03/1982 đến 04/1984: Kỹ sư phòng Kỹ thuật, Ban Quản lý Công trình Dầu khí Vũng Tàu (đơn vị tiền thân của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
- Từ 05/1984 đến 03/1994: Kỹ sư, Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật, Phó giám đốc Xí nghiệp kết cấu thép thuộc Xí nghiệp Liên hiệp xây lắp Dầu khí (nay là Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam);
- Từ 04/1994 đến 04/1998: Phó phòng, Trưởng phòng kinh tế kỹ thuật, Công ty thiết kế và Xây dựng Dầu khí (nay là Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam);
- Từ 05/1998 đến 02/2004: Phó Ban quản lý dự án; Trưởng phòng quản lý dự án đầu tư, Công ty Thương mại Dầu khí (nay là Tổng công ty Dầu Việt Nam);
- Từ 03/2004 đến 09/2006: Trưởng Ban Quản lý dự án đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Tp. Hồ Chí Minh, Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam;
- Từ 10/2006 đến 18/05/2011: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam;
- Từ 19/05/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 52.800 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 52.800 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: không có
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

**Ông Nguyễn Thanh Nghị** – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 24/12/1963

- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Số CMND : 023148073
- Ngày cấp : 15/08/2007
- Nơi cấp : Tp. HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú : 25/3A Giải phóng, P. 4, Q. Tân Bình, Tp. HCM
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kế hoạch
- Quá trình công tác :
  - Từ 12/1979 đến 03/1980: Học viên đại đội 3, Trường tập huấn, Bộ tư lệnh Không quân;
  - Từ 03/1980 đến 04/1982: Học viên Trường trung cấp kinh tế, Bộ Cơ khí và luyện kim (do Cục Kỹ thuật - Bộ Tư lệnh Không quân cử đi học);
  - Từ 04/1982 đến 07/1993: Viên chức Quốc phòng, Nhà máy A41 Không quân, Sân bay Tân Sơn Nhất;
  - Từ 07/1993 đến 05/1996: Phụ trách phòng nghiệp vụ, Công ty Bảo hiểm Bà Rịa - Vũng Tàu, Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt);
  - Từ 05/1996 đến 08/1996: Phụ trách phòng nghiệp vụ, Công ty Bảo hiểm Dầu khí – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Dầu khí (nay là Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam);
  - Từ 09/1996 đến 07/2003: Chuyên viên; Trưởng phòng; Phó giám đốc thường trực Công ty Bảo hiểm Dầu khí – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Dầu khí ;
  - Từ 08/2003 đến 05/2006: Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí – Chi nhánh Tây Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Dầu khí;
  - Từ 05/2006 đến 06/2008: Giám đốc Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn, Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam;
  - Từ 06/2008 đến 07/2009: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam;
  - Từ 07/2009 đến 18/05/2011: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam;

- Từ 19/05/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 50.000 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 50.000 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: không có
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

**Ông Dương Mạnh Sơn** – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 23/11/1969
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số CMND : 273328246
- Ngày cấp : 11/10/2005
- Nơi cấp : Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : 804 Chung cư Thanh Niên, 236/10 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. HCM
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy – công nghệ hàn  
: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
  - Từ 05/1992 đến 03/1994: Kỹ sư, phân xưởng vỏ tàu, Nhà máy sửa chữa tàu biển Phà Rừng, Hải Phòng;
  - Từ 03/1994 đến 05/1995: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp Đường

- ống - bể chứa thuộc Xí nghiệp Liên hiệp xây lắp Dầu khí (nay là Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam);
- Từ 05/1995 đến 05/1997: Kỹ sư Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu Khí (nay là Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam);
  - Từ 05/1997 đến 04/1998: Phó phòng Tiếp thị và Triển khai dự án, Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu Khí;
  - Từ 04/1998 đến 06/1999: Phó phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu Khí;
  - Từ 06/1999 đến 04/2002: công tác tại Công ty đăng kiểm Lloyd's Register of Shipping, Vương quốc Anh;
  - Từ 04/2002 đến 01/2005: Phó phòng Kỹ thuật Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 01/2005 đến 03/2006: Phụ trách Phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 03/2006 đến 10/2006: Trưởng phòng Kỹ thuật sản xuất Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 10/2006 đến 06/2007: Giám đốc Xí nghiệp kinh doanh Khí Thấp áp (nay là Công ty cổ phần phân phối Khí Thấp áp), Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 10/2007 đến 02/2009: Trưởng ban xây dựng, Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 2/2009 đến đến 18/05/2011: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 19/05/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
  - Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
  - Số cổ phần nắm giữ: 61.500 cổ phần
    - Sở hữu cá nhân: 61.500 cổ phần
    - Đại diện sở hữu: không có
  - Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
  - Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
  - Hành vi vi phạm pháp luật: không có
  - Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có

- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

### **Ông Nguyễn Quốc Huy – Phó Tổng giám đốc**

- Ngày sinh : 29/10/1972
- Nơi sinh : Hưng Yên
- Số CMND : 273193864
- Ngày cấp : 15/05/2003
- Nơi cấp : Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : 13 Liên Hiệp, phường 9, Tp. Vũng Tàu
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học ngành tin học
- Quá trình công tác :
  - Từ 09/1994 đến 01/1997: Chuyên viên phòng công nghệ khí và Trung tâm vận hành khí, Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 01/1997 đến 12/2001: Trưởng Phòng kỹ thuật – Trung tâm vận hành khí, Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 12/2001 đến 08/2002: Trưởng Phòng kỹ thuật Trung tâm vận hành, Phó quản đốc Kho cảng Thị Vải, Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 08/2002 đến 10/2002: Phó Giám đốc Trung tâm vận hành, kiêm Phó Quản đốc Kho cảng Thị Vải, Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 10/2002 đến 10/2006: Phó Giám đốc Xí nghiệp Chế biến khí (nay là Công ty Chế biến khí Vũng Tàu), kiêm Quản đốc Kho cảng Thị Vải, Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm khí;
  - Từ 10/2006 đến 03/2008: Phó Tổng giám đốc Công ty chế biến khí Vũng Tàu, Tổng công ty Khí Việt Nam;
  - Từ 03/2008 đến 09/2008: Quyền Tổng giám đốc Công ty chế biến

- khí Vũng Tàu, Tổng công ty Khí Việt Nam;
- Từ 08/2008 đến 01/2010: Tổng giám đốc Công ty chế biến khí Vũng Tàu, Tổng công ty Khí Việt Nam;
- Từ 01/2010 đến 18/05/2011: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam;
- Từ 19/05/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: không có
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

**Ông Bùi Ngọc Quang – Phó Tổng giám đốc**

- Ngày sinh : 30/08/1960
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Số CMND : 273060770
- Ngày cấp : 21/05/2011
- Nơi cấp : Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 12G2 Trung tâm thương mại, phường 7, Tp. Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại liên lạc : 0643 584 584
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khoan – Khai thác dầu khí



- Quá trình công tác :
  - Từ 03/1983 đến 07/1989: Kỹ sư Khoan, Công ty Dầu khí I Thái Bình;
  - Từ 08/1989 đến 10/1991: Phòng Kỹ thuật, Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí Hà Nội;
  - Từ 11/1991 đến 10/1995: Trưởng phòng hợp đồng, Công ty liên doanh ADF - Việt Nam;
  - Từ 11/1995 đến 03/2001: Phó Giám đốc thứ nhất, Công ty liên doanh M-I-Việt Nam;
  - Từ 03/2001 đến 08/2006: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Phó Giám đốc thứ nhất Công ty M-I-Việt Nam;
  - Từ 09/2006 đến 12/2008: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí;
  - Từ 01/2009 đến 04/2009: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí;
  - Từ 04/2009 đến 08/2009: Phó Ban Kế hoạch, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
  - Từ 08/2009 đến 12/2010: Trưởng Ban quản lý dự án khí Đông Nam Bộ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
  - Từ 01/2011 đến 18/05/2011: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam kiêm Trưởng Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ;
  - Từ 19/05/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần, kiêm Trưởng Ban QLDA Khí Đông Nam Bộ.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: không có
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

**Ông Phạm Hồng Lĩnh – Phó Tổng giám đốc**

- Ngày sinh : 12/09/1957
- Nơi sinh : Quảng Bình
- Số CMND : 273175499
- Ngày cấp : 12/04/2001
- Nơi cấp : Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú : 501 Nguyễn An Ninh, phường 9, Tp. Vũng Tàu
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
  - Từ 1983 đến 1995: Phó giám đốc Xí nghiệp cung ứng vật tư vận tải; Phó giám đốc Xí nghiệp Xây dựng số 1; Phó phòng Vật tư thiết bị; Trưởng phòng kinh tế - kỹ thuật Xí nghiệp liên hiệp xây lắp dầu khí (nay là Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam);
  - Từ 1995 đến 1998: Phó Giám đốc Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí (nay là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí);
  - Từ 1998 đến 2001: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn đầu tư xây dựng Dầu khí;
  - Từ 2001 đến 2007: Trưởng Ban quản lý Dự án nhà số 1-5 Lê Duẩn, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
  - Từ 2007 đến 02/2009: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam, kiêm Trưởng Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ (nay là Công ty điều hành Đường ống Lô B - Ô Môn, Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
  - Từ 02/2009 đến 03/2010: Trưởng Ban QLDA Khí Tây Nam Bộ, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
  - Từ 04/2010 đến 10/10/2011: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam (nay là Tổng công ty khí Việt Nam – Công ty cổ phần), kiêm Giám đốc Công ty Điều hành Đường ống Lô B – Ô Môn;
  - Từ 11/10/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Phó Tổng giám đốc Tổng

công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 52.700 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 52.700 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: không có
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

#### **Ông Nguyễn Mậu Dũng** – Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh : 02/01/1968
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Số CMND : 013318103
- Ngày cấp : 22/05/2010
- Nơi cấp : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú : 407/2 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
  - Từ 12/1991 đến 12/1994: Cán bộ kỹ thuật tại Xí nghiệp Xây lắp Đường ống - bể chứa thuộc Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí Vũng Tàu (nay là Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam);
  - Từ 01/1995 đến 04/1997: Đội phó Đội đường ống Xí nghiệp Xây lắp Đường ống - bể chứa thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí;

- Từ 05/1997 đến 11/1998: Đội trưởng Đội đường ống Xí nghiệp Xây lắp Đường ống - bể chứa thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí;
- Từ 12/1998 đến 06/1999: Trưởng phòng Kỹ thuật Xí nghiệp Xây lắp Đường ống - bể chứa thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí;
- Từ 07/1999 đến 09/2000: Phó giám đốc Xí nghiệp Xây lắp Đường ống - bể chứa thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí;
- Từ 10/2000 đến 10/2001: Trưởng phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí;
- Từ 11/2001 đến 01/2005: Giám đốc Xí nghiệp Đường ống - Bể chứa thuộc Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí;
- Từ 01/2005 đến 12/2006: Học viên cao học Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh;
- Từ 01/2007 đến 12/2007: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty cổ phần tư vấn Đầu tư và thiết kế Dầu khí;
- Từ 01/2008 đến 02/2009: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH 1 Thành viên Xây lắp Dầu khí Hà Nội;
- Từ 03/2009 đến 21/04/2011: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp khí;
- Từ 22/04/2011 đến 18/05/2011: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp khí (PVID); Giám đốc công ty cổ phần chế tạo ống thép Dầu khí (PVPipe);
- Từ 19/05/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần; Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Xây lắp khí (PVID); Giám đốc công ty cổ phần chế tạo ống thép Dầu khí (PVPipe);.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
  - Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần chế tạo ống thép Dầu khí;
  - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp khí
- Số cổ phần nắm giữ: 100.000 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: không có

- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

### **Ông Hồ Tùng Vũ – Phó Tổng giám đốc**

- Ngày sinh : 28/08/1959
- Nơi sinh : Quảng Bình
- Số CMND : 022010869
- Ngày cấp : 02/12/2003
- Nơi cấp : Tp.HCM
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thừa Thiên Huế
- Địa chỉ thường trú : Khu Cantavil, An Phú, quận 2, Tp. HCM
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Dầu khí  
: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác :
  - Từ 07/1983 đến 05/1990: Nhân viên Công ty xuất nhập khẩu thiết bị kỹ thuật Dầu khí;
  - Từ 06/1990 đến 03/1994: Phó phòng Công ty xuất nhập khẩu thiết bị kỹ thuật Dầu khí;
  - Từ 04/1994 đến 10/1994: Trưởng phòng Công ty xuất nhập khẩu thiết bị Dầu khí;
  - Từ 11/1994 đến 06/2001: Trưởng phòng Công ty Thương mại Dầu khí (nay là Tổng công ty Dầu Việt Nam);
  - Từ 07/2001 đến 06/2008: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Dầu khí;
  - Từ 06/2008 đến 12/2010: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam

- Từ 01/2011 đến 18/05/2011: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam;
- Từ 19/05/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: Không có
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: không có
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

#### 12.4. Kế toán trưởng

##### **Ông Mai Hữu Ngạn** – *Kế toán trưởng*

- Ngày sinh : 12/10/1960
- Nơi sinh : Nam Định
- Số CMND : 271490329
- Ngày cấp : 31/08/2005
- Nơi cấp : Bà Rịa – Vũng Tàu
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú : 35 Đường Đống Đa, phường Thăng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại liên lạc : 08 37816777
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - ngành kế toán
- Quá trình công tác :
  - Từ 05/1988 đến 10/1991: Kế toán tổng hợp, Xí nghiệp thi công cơ giới, Công ty Thiết kế và xây dựng Dầu khí (nay là Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam);

- Từ 11/1991 đến 12/2003: Kế toán tổng hợp, Phụ trách kế toán, Xí nghiệp dịch vụ cung ứng vật tư hàng hóa, Công ty Dịch vụ - Du lịch Dầu khí (nay là Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí);
- Từ 12/2002 đến 07/2007: Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp Vận chuyển Khí (nay là Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ), Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm khí (nay là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần);
- Từ 8/2007 đến 18/05/2011: Kế toán trưởng Tổng công ty Khí Việt Nam;
- Từ 19/05/2011 đến nay: Kế toán trưởng Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty cổ phần.
- Chức vụ công tác hiện nay ở Tổng công ty: Kế toán trưởng Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 32.200 cổ phần
  - Sở hữu cá nhân: 32.200 cổ phần
  - Đại diện sở hữu: không có
- Người có liên quan nắm giữ cổ phần: bà Lê Thị Lệ Thủy; Quan hệ: vợ; Số lượng cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần
- Các khoản nợ đối với Tổng công ty: không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: không có
- Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.
- Cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

### 13. Tài sản

**Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2011**

STT	Khoản mục (đơn vị: tỷ đồng)	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>A</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>27.455,38</b>	<b>10.574,99</b>	<b>16.880,39</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	1.246,56	206,77	1.039,79



2	Máy móc thiết bị	1.279,36	312,63	966,72
3	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	467,42	139,20	328,22
4	Thiết bị quản lý	105,72	63,09	42,63
5	Tài sản cố định khác	24.356,33	9.853,29	14.503,03
<b>B</b>	<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>277,34</b>	<b>11,18</b>	<b>266,16</b>
1	Quyền sử dụng đất	255,49	0,43	255,06
2	Phần mềm máy tính	16,03	10,48	5,54
3	Bản quyền bằng sáng chế	1,46	0,24	1,22
4	Giấy phép, giấy phép nhượng quyền	4,29	-	4,29
5	Khác	0,07	0,02	0,05
<b>C</b>	<b>Tài sản thuê tài chính</b>	<b>233,36</b>	<b>16,05</b>	<b>217,31</b>
1	Máy móc, thiết bị	231,84	14,94	216,90
2	Máy móc thiết bị	1,52	1,11	0,41
<b>D</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>27.966,08</b>	<b>10.602,21</b>	<b>17.363,86</b>

Nguồn: PV Gas

### Tình hình sử dụng đất đai của PV Gas:

Loại đất (m <sup>2</sup> )	BRVT	Đồng Nai	Tp. HCM	Quảng Ngãi	Cà Mau	Bạc Liêu	Tổng
Nhà nước giao đất							
<i>Không thu tiền sử dụng đất</i>	1.414.348	760.135	298.403		1.397.157		3.870.042
<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	52.053		7.441				59.494
Nhà nước cho thuê đất (trả tiền thuê hằng năm)	1.370.506			44.673	97.069	2.812	1.515.061
Đất thuê lại của đơn vị khác	3.986						3.986
<b><i>Trong tổng số diện tích đất trên đây, có:</i></b>							
Quản lý, sử dụng đất trong các BCC theo tỷ lệ góp vốn	785.128 (*)		7.441 (**)				

Nguồn: PV Gas

(\*): PV Gas góp 51% trong BCC đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn

(\*\*): PV Gas góp 70% trong BCC cao ốc Dragon Tower

Trong đó, nổi bật là 27.568 m<sup>2</sup> đất xây dựng trụ sở, văn phòng tại trung tâm Tp. Vũng Tàu, 7.441 m<sup>2</sup> đất xây dựng trụ sở, văn phòng tại khu Nam Tp. HCM, gần 150.000 m<sup>2</sup> đất khu vực Nhà máy xử lý khí Dinh Cỗ, 356.139 m<sup>2</sup> đất Kho chứa và cảng xuất sản phẩm lỏng tại Thị Vải, 634.335 m<sup>2</sup> đất Trạm xử lý khí Dinh Cỗ Nam Côn Sơn (thuộc BCC đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn) tại Bà Rịa Vũng Tàu và khoảng 387 ha đất tuyến ống và hành lang an toàn tuyến ống đi qua các tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Tp. HCM và Cà Mau.

Do sử dụng đất đúng mục đích được giao, hiệu quả, luôn hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước nên giá trị sử dụng đất của PV Gas ngày càng gia tăng theo thời gian.

**14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2012-2014**

Chỉ tiêu (đơn vị: tỷ đồng)	2012 Kế hoạch*	2012 Phấn đấu**	2013	2014
Vốn Điều lệ	18.950	18.950	18.950	18.950
<b>Doanh thu</b>	<b>55.168</b>	-	<b>59.119</b>	<b>63.729</b>
Lợi nhuận trước thuế	6.437	7.200	9.102	9.748
Thuế TNDN	1.152	1.230	1.866	2.174
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>5.285</b>	<b>5.970</b>	<b>7.236</b>	<b>7.574</b>
EPS (VNĐ/cổ phiếu)	2.789	3.150	3.818	3.997
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	9,6%	-	12,2%	11,9%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ	27,9%	31,5%	38,2%	40,0%
Cổ tức/Mệnh giá	20,0%	20,0%	20,0%	20,0%

\* Đã được ĐHĐCĐ thông qua theo nghị quyết số 50/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2012.

\*\* Kế hoạch phấn đấu về lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty mẹ theo nghị quyết số 50/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2012.

*Nguồn: PV Gas*

**Cơ sở lập Kế hoạch sản xuất kinh doanh trên:**
**14.1. Cơ sở kế hoạch doanh thu**

**Về sản lượng:** Nhu cầu khí các năm tới được dự báo tiếp tục tăng để phục vụ cho sản xuất công nghiệp:

- **Sản xuất Điện:** Dự kiến từ 85% đến 90% sản lượng khí khô sẽ phục vụ cho sản xuất điện. Hiện nay có một số nhà máy điện sử dụng khí đang được xây dựng và dự kiến sẽ cần khoảng 4,6 tỷ m<sup>3</sup> khí mỗi năm đến năm 2014, và tăng thêm 6,0 tỷ m<sup>3</sup> khí mỗi năm sau năm 2014.
- **Sản xuất Đạm:** Khi nhà máy đạm Cà Mau đi vào hoạt động dự kiến năm 2012, nhu cầu khí để sản xuất đạm sẽ tăng từ khoảng 550 triệu m<sup>3</sup> khí lên đến khoảng 1 tỷ m<sup>3</sup> khí.
- **Sản xuất Công nghiệp khác:** Nhu cầu tiêu thụ khí từ các hộ công nghiệp đang có xu hướng gia tăng ở mức từ 5% đến 10% mỗi năm, tập trung tại khu vực Đồng Nai, Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh và Bà Rịa – Vũng Tàu. Các ngành công nghiệp có nhu cầu lớn đối với khí là chế biến thực phẩm, luyện thép, sản xuất gạch nung, gạch ngói v.v...

Việc gia tăng nhu cầu khí và theo đó là gia tăng sản lượng khí cung cấp cũng góp phần làm tăng doanh thu từ hoạt động vận chuyển khí bằng đường ống của PV Gas.

**Về giá:** Ngoài việc gia tăng sản lượng, việc điều chỉnh tăng giá khí theo lộ trình đã được Chính phủ phê duyệt cũng góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất

kinh doanh của PV Gas, tạo nguồn lợi nhuận để đầu tư các dự án mới để mở rộng sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, dự báo giá dầu các năm tới xu hướng tăng là chủ đạo do nguồn cung dần hạn chế, theo đó giá các sản phẩm như LPG, condensate cũng tăng theo, góp phần gia tăng doanh thu của PV Gas.

## 14.2. Cơ sở kế hoạch chi phí

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của PV Gas chủ yếu là:

- Chi phí mua khí
- Chi phí vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính (chi phí lãi vay, chi phí chênh lệch tỷ giá...)
- Chi phí khấu hao, phân bổ tài sản cố định

Các chi phí trên được dự báo dựa trên thống kê chi phí các năm trước, cũng như dựa trên kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch đầu tư tài sản cố định v.v...

## 14.3. Kế hoạch đầu tư

PV Gas có kế hoạch thực hiện đầu tư và đưa vào hoạt động một số dự án trọng điểm sau:

**Bảng: Danh mục dự án trọng điểm của PV Gas 2012 – 2015<sup>6</sup>**

STT	Chỉ tiêu	Hoàn thành	Công suất	Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	Tỷ lệ vay của dự án (Dự kiến)	% Sở hữu của PV Gas
1	Dự án đường ống Nam Côn Sơn 2	2014	7 tỷ m <sup>3</sup> /năm	18.790	70%	100%
2	Dự án nhà máy tách lỏng GPP tại Cà Mau	2014	400.000 tấn LPG/năm	14.264	70%	51%
3	Dự án đường ống dẫn khí Lô B – Ô Môn	2014	6,4 tỷ m <sup>3</sup> /năm	15.541	70%	51%
4	Nhập khẩu LNG giai đoạn 1	2015	1,4 tỷ m <sup>3</sup> /năm	6.513	70%	51%
5	Mạng kết nối Đông Tây	2014	3 – 7,6 tỷ m <sup>3</sup> /năm	8.365	70%	51%
6	Đầu tư kho lạnh	2012	60 nghìn tấn	2.550	70%	100%

<sup>6</sup> Dựa trên Quyết định số 3157/QĐ-DKVN ngày 15/4/2010 của Tổng giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Kế hoạch đầu tư xây dựng trong những năm tới chủ yếu tập trung vào:

**i. Bổ sung nguồn cung cấp khí** để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng của thị trường nội địa, hướng đến nhiều hơn các khách hàng công nghiệp – đối tượng khách hàng mang lại lợi nhuận cao, bên cạnh các khách hàng truyền thống là nhà máy điện, đạm; ***góp phần gia tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh khí.***

Việc bổ sung nguồn cung cấp khí được thực hiện bằng 2 hình thức:

- + Mở rộng thu gom các mỏ khí ngoài khơi Việt Nam: dự án Đường ống Nam Côn Sơn 2, lô B – Ô Môn.
- + Nhập khẩu khí từ nước ngoài về: dự án Nhập khẩu LNG.

**ii. Khai thác hiệu quả và gia tăng giá trị sử dụng của nguồn cung cấp khí:** dự án Mạng kết nối Đông Tây, Nhà máy xử lý khí Cà Mau

Cùng với 2 Nhà máy xử lý khí tại Dinh Cố, 1 Nhà máy xử lý khí thuộc dự án Đường ống Nam Côn Sơn 2 đang triển khai đầu tư, Nhà máy xử lý khí Cà Mau sẽ là Nhà máy xử lý khí thứ 4 của PV Gas đi vào hoạt động vào cuối năm 2014 để gia tăng giá trị sử dụng khí - sản xuất thêm 2 sản phẩm LPG và Condensate từ nguồn khí khu vực Tây Nam Bộ, bên cạnh sản phẩm khí khô đang được khai thác hiện nay; ***làm tăng thêm đáng kể doanh thu và lợi nhuận cho PV Gas.***

**iii. Tăng cường hệ thống cơ sở vật chất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh LPG:** dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau, Kho lạnh LPG; trong đó kho lạnh LPG có sức chứa 60.000 tấn lớn nhất và hiện đại nhất tại Việt Nam, hội đủ điều kiện cho phép PV GAS có những giải pháp tàng trữ LPG với khối lượng lớn, ***tăng khả năng cung cấp LPG về lâu dài, ổn định nguồn cung trong nước, tăng thêm tính chủ động, lợi thế và hiệu quả kinh doanh của PV Gas trong hoạt động sản xuất kinh doanh LPG của PV Gas.***

Các dự án kể trên dự kiến đều có tỷ lệ vay nợ trên tổng vốn đầu tư khá cao, khoảng 70%. Để đảm bảo tính hiệu quả cho dự án, các rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá, lãi suất đều đã được PV Gas tính toán và đưa vào mô hình kinh tế.

## **15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, VCSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của PV Gas.

Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến

hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà PV Gas đưa ra là có tính khả thi và PV Gas có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán, mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

#### **16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty:**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP tại nghị quyết số 50/NQ-ĐHĐCĐ đã thông qua chủ trương niêm yết cổ phiếu PV Gas tại Singapore và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương án và kế hoạch triển khai.

#### **17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu: Không có**

### **V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT**

**18. Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông

**19. Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

**20. Tổng số cổ phiếu niêm yết:** 1.895.000.000 cổ phiếu  
(Một tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu cổ phiếu)

#### **21. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định**

Khi cổ phiếu của PV Gas niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của PV Gas cam kết không chuyển nhượng 100% số lượng cổ phiếu mà các thành viên này nắm giữ trong thời gian 6 tháng kể từ khi niêm yết và 50% số lượng cổ phiếu trên trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Theo quy định tại Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, tổ chức Công đoàn tại PV Gas được sử dụng nguồn quỹ hợp pháp (của công đoàn) tại PV Gas (không huy động, vay vốn) để mua cổ phần khi PV Gas cổ phần hóa và số cổ phần này không được chuyển nhượng.

Do đó, chi tiết số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng như sau:

**Bảng : Chi tiết về số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng**

<b>STT</b>	<b>Cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng</b>	<b>Chức vụ tại PV Gas</b>
Cam kết không chuyển nhượng 100% số lượng cổ phiếu trong 6 tháng, và 50% số lượng cổ phiếu đó trong 6 tháng tiếp theo đối với thành viên HĐQT, ban Tổng giám đốc, ban kiểm soát và kế toán trưởng			
1	Nguyễn Thị Lan	100.000	Chủ tịch HĐQT
2	Vũ Đình Chiến	103.200	Phó chủ tịch HĐQT
3	Đỗ Khang Ninh	182.600	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
4	Phan Quốc Nghĩa	30.900	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Trung Dân	52.900	Thành viên HĐQT
6	Dương Mạnh Sơn	61.500	Phó Tổng giám đốc
7	Nguyễn Quốc Huy	0	Phó Tổng giám đốc
8	Trần Hưng Hiến	52.800	Phó Tổng giám đốc
9	Nguyễn Thanh Nghị	50.000	Phó Tổng giám đốc
10	Phạm Hồng Linh	52.700	Phó Tổng giám đốc
11	Bùi Ngọc Quang	0	Phó Tổng giám đốc
12	Hồ Tùng Vũ	0	Phó Tổng giám đốc
13	Nguyễn Mậu Dũng	100.000	Phó Tổng giám đốc
14	Nguyễn Anh Tuấn	31.200	Trưởng ban kiểm soát
15	Hồ Thị Ái Thanh	11.100	Thành viên ban kiểm soát
16	Phạm Đình Đạt	22.500	Thành viên ban kiểm soát
17	Mai Hữu Ngân	32.200	Kế toán trưởng
Công đoàn của doanh nghiệp cổ phần hóa được sử dụng nguồn quỹ hợp pháp để mua cổ phần của doanh nghiệp cổ phần hóa. Số cổ phần này không được chuyển nhượng.			
1	Công đoàn PV Gas	50.000	
	<b>Tổng</b>	<b>933.600</b>	

## **22. Giá niêm yết dự kiến: 36.000 đồng/cổ phiếu**

Ngày 17/11/2010, PV Gas đã tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần bán được thực tế: 60.857.200 cổ phần.
- Giá đấu bình quân thực tế: 31.000 đ/cp.

Tại thời điểm soạn thảo Bản cáo bạch này, PV Gas đã phối hợp với công ty



CP Chứng khoán Bản Việt đề định giá cổ phiếu PV Gas và đã thống nhất mức giá niêm yết dự kiến là 36.000 đồng/cổ phiếu, dựa trên phương pháp P/E và phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (xem chi chi tiết tại mục 23).

## 23. Phương pháp tính giá

### 23.1. Phương pháp P/E

PV Gas là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam hoạt động đồng bộ từ khâu thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến, phân phối khí và sản phẩm khí. Hiện tại, chưa có doanh nghiệp đang niêm yết tại Việt Nam có hoạt động và quy mô tương đương với PV Gas. Do đó chỉ số P/E ngành được tính toán dựa trên cả chỉ số của các Công ty có hoạt động, quy mô tương đồng với PV Gas trong khu vực và Thế giới cũng như P/E thị trường chứng khoán Việt Nam.

### Xác định chỉ số P/E trung bình

**Bảng: Danh sách các Công ty ngành khí được chọn để xác định chỉ số P/E**

Tên Công ty	Quốc gia	Hoạt động kinh doanh	P/E
Gail India Ltd	Ấn Độ	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khai thác, chế biến, vận chuyển, tàng trữ, phân phối khí và sản phẩm khí,</li> <li>Sở hữu 5.800 km đường ống khí, 1.922 km đường ống dẫn LPG, cảng LNG Dahej...</li> </ul>	11,5x
Tokyo Gas	Nhật	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khai thác, chế biến, vận chuyển, tàng trữ, phân phối khí và sản phẩm khí,</li> </ul>	11,0x
Osaka Gas	Nhật	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nhà phân phối khí lớn của Nhật, chuyên nhập khẩu khí và sở hữu hệ thống sản xuất tại Úc, Indonesia,</li> <li>Sở hữu cảng và kho chứa LNG, cung cấp các dịch vụ khí...</li> </ul>	17,8x
Korea Gas	Hàn Quốc	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thăm dò, khai thác, sản xuất khí tại nhiều nước trên Thế giới,</li> <li>Xuất nhập khẩu sản phẩm LNG...</li> </ul>	15,2x
<b>Trung bình</b>			<b>13,8x</b>

*Nguồn: Tổng hợp các báo cáo*

Như vậy chỉ số P/E bình quân của nhóm các công ty hoạt động trong ngành khí trong khu vực được lựa chọn như trên là 13,8 (số liệu ngày 19/03/2012). Chỉ số P/E của thị trường chứng khoán Việt Nam là 10,5 (số liệu ngày

19/3/2012). Tổng công ty thống nhất chọn chỉ số P/E của PV Gas là bình quân của 2 giá trị trên là 12,2 để thực hiện tính giá tham chiếu trong ngày niêm yết đầu tiên của cổ phiếu trên HOSE.

### Xác định thu nhập trên mỗi cổ phiếu của PV Gas

$$\begin{aligned} \text{Thu nhập trên mỗi} & & \text{Thu nhập sau thuế 2011} \\ \text{cổ phiếu (EPS)} & = & \frac{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành trong năm 2011}}{5.913 \cdot 10^9} \\ & = & \frac{1.895.000.000}{5.913 \cdot 10^9} \\ & = & 3.120 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

**Bước 3:** Xác định giá cổ phiếu niêm yết dự kiến

#### Phương pháp P/E

Giá cổ phiếu niêm yết dự kiến (P) = P/E x EPS = 12,2 x 3.120 = **38.068 đ/cp**

Như vậy, giá một cổ phần của Tổng công ty được tính theo phương pháp chỉ số giá trên thu nhập một cổ phiếu (PE) là **38.068 đồng/cổ phần**.

### 23.2. Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức

Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức là phương pháp xác định giá trị mỗi cổ phần trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai với giả định giá cổ phần bằng giá trị hiện tại của dòng cổ tức trong tương lai của doanh nghiệp. Giá cổ phần của Tổng công ty được tính toán dựa trên cơ sở các kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2012- 2014 và mức độ rủi ro cũng như triển vọng phát triển trong hoạt động của doanh nghiệp.

Trong phương pháp chiết khấu dòng cổ tức, giá trị hiện tại một cổ phần của doanh nghiệp sẽ được xác định theo công thức:

$$P_0 = \sum D_i / (1+k)^i + D_n / (1+k)^n \quad (*)$$

Trong đó:

- $P_0$  là giá trị hiện tại một cổ phần của doanh nghiệp
- $D_i$  là giá trị cổ tức của năm thứ  $i$  ( $i$  có giá trị từ 1 cho đến 3) tính cho giai đoạn 2012 - 2014.
- $k$  là tỷ lệ chiết khấu
- $D_n$  là giá trị các dòng cổ tức tương lai từ năm 2014 trở đi được tính về thời điểm 2014 là:  $D_n = D_{n+1} / (k-g)$  (\*\*)

- $g$  là tỷ lệ tăng trưởng ổn định từ năm 2015
- $n = 3$  (3 năm từ 2012 - 2014)
- $D_{n+1}$  là giá trị cổ tức năm 2015 = giá trị cổ tức 2014  $\times (1+g)$ .

Các giả định:

- Theo kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty, cổ tức năm 2012, 2013 và 2014 dự kiến là 20%/năm.
- Tỷ lệ chiết khấu được tính theo công thức sau:  $k = \text{Lãi suất Trái phiếu Chính phủ 5 năm} + \text{Phần bù rủi ro} = 11,2\% + 4,0\% = 15,2\%$ .

Giả định tỷ lệ tăng trưởng ( $g$ ) của dòng cổ tức từ năm 2014 trở đi xấp xỉ 10%/năm.

Áp dụng công thức (\*) và (\*\*) tính được  $P_0 = 31.718$  đồng/cổ phần

Như vậy, giá một cổ phần của Công ty được tính theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM) là **32.225** đồng/cổ phần.

Dựa trên kết quả định giá theo phương pháp P/E (38.068 đ/cp) và phương pháp chiết khấu dòng cổ tức DDM (32.225 đ/cp), kết hợp với việc xem xét tiềm năng phát triển, năng lực tài chính và vị thế của PV Gas trong ngành công nghiệp khí của Việt Nam, Tổng công ty chọn mức giá niêm yết dự kiến là **36.000 đồng/cổ phần**.

## 24. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

Theo quyết định 55/200/QĐ-TTg ngày 15/04/2009, nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

## 25. Các loại thuế có liên quan

### 25.1. Đối với PV Gas

#### Thuế thu nhập Doanh nghiệp đối với công ty mẹ:

PV Gas có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

PV Gas được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với các dự án Trung tâm phân phối khí Phú Mỹ, dự án dịch vụ vận chuyển condensate Nam Côn Sơn và dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn. PV Gas cũng được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu, giảm 50% cho 7 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn.

Kể từ năm 2010, PV Gas bắt đầu áp dụng chính sách ưu đãi thuế đối với:

- Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải: PV Gas được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu, giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.
- Dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp giai đoạn 2: PV Gas được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu, giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.
- Dự án Đường ống Dẫn khí Sư Tử Đen / Sư Tử Vàng – Rạng Đông: PV Gas được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm đầu, giảm 50% cho 2 năm tiếp theo.
- Dự án Đường ống dẫn khí PM3 – Cà Mau: PV Gas được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu, giảm 50% cho 3 năm tiếp theo.

#### **Thuế thu nhập Doanh nghiệp đối với công ty con PV Gas South:**

- Đối với công ty con PV Gas South, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế 02 năm và giảm 50% cho 06 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.
- Đối với công ty CP CNG Việt Nam (công ty con của PV Gas South), công ty này có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo thuế suất 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty CP CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm và giảm 50% cho 06 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi.

#### **Thuế thu nhập Doanh nghiệp đối với công ty con PV Pipe:**

Công ty con PV Pipe được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được ưu đãi thuế, được miễn thuế 02 năm và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

**Thuế giá trị gia tăng (VAT):** theo phương pháp khấu trừ. Việc áp dụng, tính và nộp thuế VAT được tuân theo luật thuế VAT và các quy định hiện hành.

Các loại thuế khác: thuế thu nhập cá nhân, thuế môn bài, thuế nhập khẩu... tuân theo các luật thuế và các quy định hiện hành.

## 25.2. Đối với nhà đầu tư

Theo Nghị định 100/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 09 năm 2008 và Thông tư số 84/2008/TT-BTC hướng dẫn ngày 08/9/2008 thì các cá nhân hoạt động chuyển nhượng chứng khoán đều phải nộp thuế thu nhập cá nhân, với mức thuế suất được áp dụng là 20% trên thu nhập chịu thuế hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán. Đồng thời, lợi tức cổ phần của các cá nhân cũng chịu thuế thu nhập cá nhân. Ngoài ra, còn có các văn bản khác hướng dẫn cụ thể về các chính sách thuế liên quan đến lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Các nhà đầu tư sẽ áp dụng các quy định gần nhất để tính và nộp thuế khi thực hiện hoạt động đầu tư.

Tổ chức đầu tư trong và ngoài nước có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp từ việc mua, bán cổ phiếu.

Tổ chức đầu tư nước ngoài không đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu.

## VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

### 1. Tổ chức tư vấn

#### **Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC)**

Trụ sở chính: 67 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 3588

Fax: (84-8) 3914 3209

Website: [www.vcsc.com.vn](http://www.vcsc.com.vn)

### 2. Tổ chức kiểm toán

#### **Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính năm 2009, 2010:**

#### **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +84 04 6288 3568

Fax: +84 04 6288 5678

Website: [www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

## VII. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất
2. Bản sao hợp lệ Điều lệ Tổng công ty
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2009
4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2010
5. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán từ 1/1/2011 đến 15/5/2011
6. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011
7. Sơ yếu lý lịch HĐQT, ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 19 tháng 4 năm 2012

**ĐẠI DIÊN TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc



**NGUYỄN THỊ LAN**

**ĐỖ KHANG NINH**

Kế toán trưởng

Trưởng Ban Kiểm soát

**MAI HỮU NGÂN**

**NGUYỄN ANH TUẤN**



**ĐẠI DIÊN TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Tổng Giám Đốc



**TÔ HẢI**



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3500102710

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 12 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ 11: ngày 21 tháng 12 năm 2011

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: TÔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION

Tên công ty viết tắt: PV GAS

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tòa nhà PV Gas Tower, số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 37816777

Fax: 08 37815666

Email: [pvgas@pvgas.com.vn](mailto:pvgas@pvgas.com.vn)

Website: [www.pvgas.com.vn](http://www.pvgas.com.vn)

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác khí đốt tự nhiên chi tiết: Thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí	0620 (Chính)
2	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí	3520
3	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate	4661
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Tư vấn đầu tư; Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng.	7110
5	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí	4390
6	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí	4669

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ.	6810
8	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí	7210
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí; Vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).	4933
10	(được chuyển đổi từ Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

#### 4. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 18.950.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười tám nghìn chín trăm năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.895.000.000

5. Số cổ phần được quyền chào bán: 0

#### 6. Vốn pháp định

#### 7. Danh sách cổ đông sáng lập

#### 8. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chức danh: Tổng giám đốc

Họ và tên: ĐỖ KHANG NINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 17/08/1960

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Giấy chứng minh nhân dân

Số: 025408499

Ngày cấp: 15/11/2010

Nơi cấp: công an Tp. Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

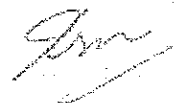
421 An Dương Vương, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

421 An Dương Vương, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

#### 9. Thông tin về chi nhánh

1. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY DỊCH VỤ KHÍ  
Địa chỉ chi nhánh: Số 101 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  
Mã số chi nhánh: 3500102710-022
2. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM CÔNG TY KHÍ CÀ MAU  
Địa chỉ chi nhánh: Tầng 4, Tòa nhà Cửu Long Plaza, phường Tân Thành, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam  
Mã số chi nhánh: 3500102710-015
3. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY ĐIỀU HÀNH ĐƯỜNG ỐNG LÔ B-Ô MÔN  
Địa chỉ chi nhánh: Tầng 4, Tòa nhà trung tâm thương mại Cửu Long, Phường Tân Thành, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam  
Mã số chi nhánh: 2000966830
4. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ  
Địa chỉ chi nhánh: Lầu 11, tòa nhà PV Gas Tower, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Mã số chi nhánh: 3500102710-023
5. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY CHẾ BIẾN KHÍ VŨNG TÀU  
Địa chỉ chi nhánh: 101 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  
Mã số chi nhánh: 3500102710-024
6. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY VẬN CHUYỂN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ  
Địa chỉ chi nhánh: Số 101 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  
Mã số chi nhánh: 3500102710-017
7. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY ĐƯỜNG ỐNG KHÍ NAM CÔN SON  
Địa chỉ chi nhánh: Nhà máy xử lý khí Nam Côn Sơn, tỉnh lộ 44, Dinh Cố, Xã An Ngãi, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  
Mã số chi nhánh: 3500410112-001
8. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - CÔNG TY TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ  
Địa chỉ chi nhánh: 101 Lê Lợi, Phường 6, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  
Mã số chi nhánh: 3500102710-018



9. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU

Địa chỉ chi nhánh: Tầng 4, Tòa nhà Cửu Long Plaza, Phường Tân Thành, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 3500102710-027

10. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN - BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Địa chỉ chi nhánh: Lầu 12, Khách sạn Dầu Khí, số 9-11 Hoàng Diệu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Mã số chi nhánh: 3500102710-028

#### 10. Thông tin về văn phòng đại diện

1. Tên văn phòng đại diện: VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN HÀ NỘI TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN (ĐÃ GIẢI THỂ TB SỐ 80.ĐKKD NGÀY 3/6/2009)

Địa chỉ văn phòng đại diện: Phòng 3 tầng 9 tòa nhà Prime, Số 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số văn phòng đại diện:

#### 11. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Chứng thực bản sao  
đúng với bản chính.

Số chứng thực 12.XX.Z... Quyển số 7... SCT/BS

Ngày 28-12-2011



Chủ tịch UBND Xã Phước Kiến

ĐOÀN NGUYỄN ÁI THƯ



TRƯỜNG PHÒNG  
Phó Trưởng Phòng

Hồ Hoàng Sơn

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM -**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**



## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	4
Điều 1. Định nghĩa .....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY .....	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty .....	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY .....	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty .....	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động .....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	7
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	7
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu .....	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	8
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần .....	8
Điều 9. Thu hồi cổ phần .....	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT .....	9
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý .....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	9
Điều 11. Quyền của cổ đông .....	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông .....	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông .....	11
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	12
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền .....	13
Điều 16. Thay đổi các quyền .....	13
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	19
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	19
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị .....	20
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị .....	22
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	22
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY .....	25
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý .....	25
Điều 29. Cán bộ quản lý .....	25
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....	25
Điều 31. Thư ký Tổng công ty .....	26
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ .....	27
Điều 32. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý .....	27

10  
37  
AN  
TY  
AN  
HO

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	27
Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	28
<b>X. BAN KIỂM SOÁT.....</b>	<b>28</b>
Điều 35. Ban kiểm soát.....	28
Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát.....	29
<b>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>30</b>
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	30
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>	<b>30</b>
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn .....	30
<b>XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN .....</b>	<b>30</b>
Điều 39. Cổ tức .....	30
Điều 40. Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận .....	31
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN. 31</b>	<b>31</b>
Điều 41. Tài khoản ngân hàng .....	31
Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	31
Điều 43. Năm tài khóa .....	32
Điều 44. Hệ thống kế toán .....	32
<b>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA</b>	
<b>CÔNG CHÚNG .....</b>	<b>32</b>
Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý .....	32
Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng .....	33
<b>XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY.....</b>	<b>33</b>
Điều 47. Kiểm toán.....	33
<b>XVII. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT.....</b>	<b>33</b>
<b>XVIII. CON DẤU .....</b>	<b>33</b>
Điều 49. Con dấu .....	33
<b>XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....</b>	<b>34</b>
Điều 50. Chấm dứt hoạt động .....	34
Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông .....	34
Điều 52. Điều chỉnh thời hạn hoạt động .....	34
Điều 53. Thanh lý .....	34
<b>XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>35</b>
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	35
<b>XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>35</b>
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	35
<b>XXII. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>35</b>
Điều 56. Ngày hiệu lực .....	35
Điều 57: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty./.	36



## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2012. Điều lệ này sẽ chi phối và điều chỉnh mọi hoạt động của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
  - a. “Tổng công ty” là Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.
  - b. “Tập đoàn” là Tập đoàn Dầu khí Việt nam.
  - c. “Đại hội đồng cổ đông” là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.
  - d. “Hội đồng” là Hội đồng quản trị của Tổng công ty.
  - e. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
  - f. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
  - g. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh .
  - h. “Cán bộ quản lý” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
  - i. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
  - j. “Cổ đông” là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Tổng công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần của Tổng công ty.
  - k. “Cổ tức” là số tiền hàng năm được trích từ lợi nhuận của Tổng công ty để trả cho mỗi cổ phần.
  - l. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết.
  - m. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

### II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty**

1. Tên hợp pháp của Tổng công ty bằng tiếng Việt là:

## TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tên tiếng Anh là: PETROVIETNAM GAS JOINT STOCK CORPORATION

Tên giao dịch: PETROVIETNAM GAS

Tên viết tắt của Tổng công ty là: PV GAS

### 2. Hình thức:

- a. Tổng Công ty được thành lập bằng hình thức chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- b. Tổng công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam; có con dấu riêng, độc lập về tài sản, tự chủ về tài chính, được mở tài khoản trong nước và nước ngoài theo quy định của Pháp luật; có Điều lệ Tổng công ty; chịu trách nhiệm hữu hạn về tài chính đối với các khoản nợ trong phạm vi vốn Điều lệ; là pháp nhân thừa kế duy nhất quyền lợi và nghĩa vụ của Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên.
- c. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

### 3. Trụ sở:

**Trụ sở chính** : Tòa nhà PV GAS TOWER, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 37816777

Fax : (08) 37815666 - 37815777

E-mail :

Website : [www.pvgas.com.vn](http://www.pvgas.com.vn)

### 4. Các chi nhánh và đơn vị trực thuộc:

Tổng công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc khác tại lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.

Cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của Chi nhánh, Văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc của Tổng công ty được quy định trong Quy chế Tổ chức hoạt động do Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt.

### 5. Các công ty con:

Tổng công ty với tư cách là công ty mẹ, sẽ tham gia thành lập, mua cổ phần và góp vốn vào các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần khác, theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### 6. Thời hạn hoạt động:

Là vô hạn kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh trừ các trường hợp quy định tại Điều 50 và điều 51.

### 7. Logo của Tổng công ty:



### III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

#### Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty:

- Thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí và sản phẩm khí;
- Tổ chức phân phối, kinh doanh khí và các sản phẩm khí khô, LNG, CNG, LPG, Condensate v.v.; kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho, bãi.v.v.;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, thống nhất trong toàn Tổng công ty từ khâu nguồn cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ trên phạm vi cả nước và ở nước ngoài;
- Tiêu thụ LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của Tập đoàn;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình khí;
- Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông, lâm, ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; dịch vụ vận tải của các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí;
- Xuất, nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, khí lỏng, Condensate;
- Nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí;
- Tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí;
- Đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài;
- Đầu tư mua, bán, chuyển nhượng, đàm phán, ký các hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí;
- Mua các công ty khí quốc tế khác để trở thành công ty thành viên của Tổng công ty; bán các công ty con khi cần thiết;
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu của Tổng công ty:

Tổng công ty được thành lập để huy động và sử dụng các nguồn lực trong việc phát triển sản xuất - kinh doanh và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu tạo ra lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

Phát triển Tổng Công ty vững mạnh, an toàn, chất lượng, hiệu quả, hiện đại, phạm vi hoạt động hoàn chỉnh trong tất cả các khâu thu gom, vận chuyển, chế biến, tàng trữ, kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu; hoạt động đa ngành; đóng vai trò chủ đạo trong công nghiệp khí trên toàn quốc và phát triển ra thị trường quốc tế.

#### Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
3. Tổng công ty tham gia thành lập, mua cổ phần và góp vốn với tư cách là công ty mẹ vào các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần khác, có quan hệ gắn bó lâu dài với Tổng công ty về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường của Tổng công ty cũng như các hoạt động kinh doanh khác.

#### IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

##### Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. ~~Vốn điều lệ của Tổng công ty là: 18.950.000.000.000 đồng (Mười tám ngàn, chín trăm năm mươi tỷ đồng)~~  
Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 1.895.000.000 (Một tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng/cổ phần).
2. Tổng công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông.
4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông dự kiến phát hành thêm phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Tổng công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

##### Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều này.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Tổng công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

11/12/2016 10:11

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Tổng công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Tổng công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

#### **Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

#### **Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần đều có thể tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và Pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
2. Trong trường hợp một cổ đông là cá nhân chết, những người thừa kế hợp pháp hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Tổng công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

#### **Điều 9. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần phải trả, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4,5 và 6 dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Tổng công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo mức lãi xuất cho vay cao nhất của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

### Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc;
- d. Ban kiểm soát.

## VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
  - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
  - e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
  - g. Trường hợp Tổng công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
  - h. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
  - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (6) tháng trở lên có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 35.2;
  - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
  - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
  - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

## **Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- 3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- 4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Tổng công ty.
- 6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1/1/2011  
M  
1/1/2011



### Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
  - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
  - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
  - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
  - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
  - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
  - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3.c Điều này hoặc khi nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3.d và 3.e Điều này.
  - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4.a Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3.d Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
  - d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

## **Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
  - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
  - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
  - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
  - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
  - d. Lựa chọn Công ty kiểm toán;
  - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;
  - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và các cổ đông của Tổng công ty;
  - l. Quyết định giao dịch bán tài sản Tổng công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - m. Tổng công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
  - n. Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - o. Tổng công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
  - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Tổng công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
  - a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 15. Các đại diện được ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và của người được ủy quyền dự họp;
  - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được ủy quyền dự họp;
  - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).
4. Trừ trường hợp tại khoản 3 điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
  - a. Người ủy quyền đó đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 16. Thay đổi các quyền**

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Tổng công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó

có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty sẽ không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4.b hoặc Điều 13.4.c.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Tổng công ty;
  - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Tổng công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Tổng công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Tổng công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Tổng công ty, thông báo có thể được đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Tổng công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Tổng công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất bảy (7) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:
  - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
  - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
  7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

#### **Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

#### **Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Tổng công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội cổ đông quyết định.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ

13. Hàng năm Tổng công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
  - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Tổng công ty;
  - c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến những việc sau đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:
  - a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
  - b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán;
  - c. Sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Tổng công ty;
  - d. Giao dịch bán tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh giao dịch mua do Tổng công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty hoặc chi nhánh tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất.

#### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các quyết định đã được thông qua;
- Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty;
- Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

## **Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng



giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ Tổng công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

## VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Tổng công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Số thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để có đủ điều kiện đề cử thành viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng theo các tỷ lệ dưới đây được đề cử hoặc ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Từ 5% đến dưới 10%: một thành viên;
  - b. Từ 10% đến dưới 30%: hai thành viên;
  - c. Từ 30% đến dưới 50%: ba thành viên;
  - d. Từ 50% đến dưới 65%: bốn thành viên;
  - e. Từ 65% trở lên: đủ số thành viên.
4. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
  - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp.
  - b. Có trình độ học vấn, có năng lực, kinh nghiệm về tổ chức quản trị Doanh nghiệp.
  - c. Có hiểu biết Luật pháp.
  - d. Có nhiều kinh nghiệm, đặc biệt trong lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty.
  - e. Có sức khoẻ, phẩm chất, đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.
5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
6. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:



- a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
  8. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
  9. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.

#### **Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
  - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
  - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các chức danh quản lý Tổng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ;
  - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty;
  - e. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
  - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
  - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
  - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
  - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý của Tổng công ty hoặc người đại diện của Tổng công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của

Tổng công ty. Việc miễn nhiệm và cách chức nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người miễn nhiệm, cách chức (nếu có);

- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
  - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Tổng công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Tổng công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm, căn cứ vào phân cấp của Tổng công ty để quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Tổng công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thu tóm Tổng công ty và liên doanh);
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
  - h. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
  - i. Việc Tổng công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
  - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
  - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành trong bộ máy điều hành của Tổng công ty (bao gồm cả chức Chủ tịch và Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội

đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

## **Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoạt động chuyên trách và sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc của Tổng công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

## **Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (7) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
  - a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
  - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;

- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
  - d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
  5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.
  6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
  7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (5) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
  8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
  9. Biểu quyết.
    - a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
    - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
    - c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
    - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 33.4a và 33.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
  10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
  - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
  - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:
  - a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.
15. Những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị được Hội đồng quản trị mời họp, có quyền thảo luận tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết.
16. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

## VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

### Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Tổng công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng công ty có một Tổng giám đốc và một số Phó tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

### Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng lao động đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

### Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.
2. Nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (5) năm trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Tổng công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định tất cả các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Tổng công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu

- quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
  - e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
  - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
  - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;
  - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Tổng công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty.
  - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
  5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

### **Điều 31. Thư ký Tổng công ty**

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

## IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

### Điều 32. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

### Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Tổng công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
  - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.



5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

#### **Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường. Tổng công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Tổng công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Tổng công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty (hay công ty con của Tổng công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty (hay công ty con của Tổng công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Tổng công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

### **X. BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 35. Ban kiểm soát**

1. Tổng công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
  - a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
  - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
  - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Tổng công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Tổng công ty nếu thấy cần thiết;
  - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
  - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
  - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Tổng công ty;

- g. Xem xét báo cáo của Tổng công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
  - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
  3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (2) người.
  4. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ không vượt quá mức được Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

### **Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông hoặc đại diện cổ đông của Tổng công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Tổng công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
  - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
  - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Tổng công ty;
  - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

## XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

### Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Tổng công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Tổng công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Tổng công ty cấp một bản Điều lệ Tổng công ty miễn phí. Trường hợp Tổng công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

## XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

### Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

### Điều 39. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng công ty.
3. Tổng công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Tổng công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Tổng công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Tổng công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

#### **Điều 40. Các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận**

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

##### **Điều 41. Tài khoản ngân hàng**

1. Tổng công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Tổng công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

##### **Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ**

Hàng năm, Tổng công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Tổng công ty.

### **Điều 43. Năm tài khóa**

Năm tài khóa của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

### **Điều 44. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Tổng công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Tổng công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.
3. Tổng công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

### **Điều 45. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Tổng công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Tổng công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Tổng công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Tổng công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp Tổng công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Tổng công ty phải được công bố trên website đó.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Tổng công ty, tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

TH. S. H. S. C.

## **Điều 46. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

## **XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 47. Kiểm toán**

1. Hàng năm Tổng công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo nội dung và kế hoạch kiểm toán được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.
2. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán của Tổng công ty sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
3. Tổng công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
4. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Tổng công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Tổng công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
5. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Tổng công ty.
6. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

## **XVII. QUAN HỆ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

### **Điều 48. Quan hệ giữa Tổng công ty với Công ty con, Công ty liên kết, công ty tự nguyện liên kết**

1. Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đối với công ty con, công ty liên kết, tự nguyện tham gia liên kết theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này, điều lệ của các công ty đó và các quy định khác có liên quan. Quan hệ của Tổng Công ty với công ty con, công ty liên kết được thực hiện thông qua các thoả thuận về thương hiệu, thị trường, công nghệ, nghiên cứu, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và các thoả thuận khác.
2. Công ty tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Tổng Công ty và các đơn vị thành viên khác theo thoả thuận liên kết giữa Công ty đó với Tổng Công ty.

## **XVIII. CON DẤU**

### **Điều 49. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 50. Chấm dứt hoạt động**

1. Tổng công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
  - a. Toà án tuyên bố Tổng công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông**

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Tổng công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

### **Điều 52. Điều chỉnh thời hạn hoạt động**

Thời hạn hoạt động của Tổng công ty là vô thời hạn được quy định tại Điều 2 Điều lệ này.

### **Điều 53. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (3) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
  - a. Các chi phí thanh lý;
  - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

001  
G C  
K P  
T  
O N C  
O P I  
T P

- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

### Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
  - a. Cổ đông với Tổng công ty; hoặc
  - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấpCác bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

## XXI. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

## XXII. NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 57 điều, đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty nhất trí thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2012 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
2. Điều lệ được lập thành 15 bản, có giá trị như nhau, trong đó:
  - a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.
  - b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

12/16  
A  
TY  
VN  
01



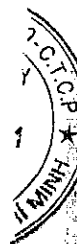
- c. 09 bản lưu trữ tại Văn phòng Tổng công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

**Điều 57: Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty./.**

TỔNG GIÁM ĐỐC



**Đỗ Khang Ninh**



# Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**

Cho mục đích tham khảo thêm thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính, không phải là báo cáo tài chính theo luật định



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 37

100  
CỔ  
ĐẠI  
ĐẠI  
VIỆ  
D.

CTCP  
HỒ CHÍ MINH

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty TNHH một thành viên sang công ty cổ phần kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 để cho mục đích tham khảo thêm thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất toàn bộ các báo cáo tài chính năm 2011 của các công ty con và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

#### **Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Lê Minh Hồng	Chủ tịch (chuyên công tác ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2011)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dân	Phó Tổng Giám đốc (chuyên công tác ngày 16 tháng 5 năm 2011)
Ông Bùi Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (chuyên công tác ngày 04 tháng 01 năm 2011)
Ông Trần Hưng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2011)
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc (chuyên công tác ngày 01 tháng 01 năm 2011)

125  
NG  
HIỆM  
017  
N  
T

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

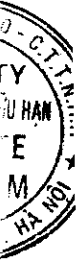
Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Khang Ninh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 3 năm 2012



Số: *MMT* /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) từ trang 5 đến trang 37. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất tới các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phải là báo cáo theo luật định. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 để cho mục đích tham khảo thêm thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất toàn bộ các báo cáo tài chính năm 2011 của các công ty con và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 31 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, thời điểm Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2011 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011 với số tiền lần lượt là 3.137 tỷ đồng và 2.699 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2010 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011 với số tiền lần lượt là 2.640 tỷ đồng và 2.590 tỷ đồng).

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang phản ánh trên khoản mục “Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác” phần tăng thêm do điều chỉnh giá bán khí đối với lượng khí đã giao từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần với số tiền 410.678.013.139 đồng để điều tiết hỗ trợ sản xuất cho Nhà máy đạm Cà Mau theo Văn bản số 2732/VPCP-KTN ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ. Hiện tại, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để quyết toán số tiền trên.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 16 tháng 5 năm 2011. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.



**Khúc Thị Lan Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 21 tháng 3 năm 2012  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Huy Công**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

M. N. T. Đ. K.

0102  
CÓN  
KHÍ  
F. N/  
NG T  
PHÁI  
P. H. C.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>19.228.454.339.267</b>	<b>16.241.376.873.327</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>10.045.200.208.018</b>	<b>4.927.167.508.497</b>
1. Tiền	111		2.469.909.918.705	2.872.009.982.480
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.575.290.289.313	2.055.157.526.017
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>317.329.590.057</b>	<b>2.201.551.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	<b>6</b>	317.329.590.057	2.201.551.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.950.175.738.591</b>	<b>7.412.309.845.015</b>
1. Phải thu khách hàng	131		5.848.359.560.410	6.158.060.939.052
2. Trả trước cho người bán	132		532.350.611.965	693.709.660.160
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	46.763.079.934
4. Các khoản phải thu khác	135	<b>7</b>	576.915.982.111	519.889.674.724
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7.450.415.895)	(6.113.508.855)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>1.058.438.475.370</b>	<b>868.236.939.046</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.116.531.431.416	946.220.261.132
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(58.092.956.046)	(77.983.322.086)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>857.310.327.231</b>	<b>832.111.580.769</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		84.694.771.269	97.609.993.625
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		240.658.682.211	338.099.836.975
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>9</b>	35.267.267.043	30.910.899.789
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	<b>10</b>	496.689.606.708	365.490.850.380
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>25.690.247.699.060</b>	<b>23.422.228.747.821</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.271.313.000</b>	<b>6.640.270.170</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		4.271.313.000	6.640.270.170
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>21.690.932.957.816</b>	<b>18.850.461.723.708</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>11</b>	16.880.391.593.443	17.746.980.365.758
- Nguyên giá	222		27.455.376.602.037	25.537.511.197.950
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.574.985.008.594)	(7.790.530.832.192)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	<b>12</b>	217.309.123.704	54.268.768.464
- Nguyên giá	225		233.362.226.977	55.482.747.970
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(16.053.103.273)	(1.213.979.506)
3. Tài sản cố định vô hình	227	<b>13</b>	266.163.593.071	175.342.128.678
- Nguyên giá	228		277.339.154.931	183.172.745.374
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.175.561.860)	(7.830.616.696)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>14</b>	4.327.068.647.598	873.870.460.808
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>990.464.441.887</b>	<b>1.328.255.146.316</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	<b>16</b>	123.325.626.151	627.856.495.218
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>18</b>	892.138.815.736	712.708.531.956
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(25.000.000.000)	(12.309.880.858)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.004.578.986.357</b>	<b>3.236.871.607.627</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>19</b>	2.982.084.940.813	3.231.988.195.711
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.696.280.326	3.985.054.753
3. Tài sản dài hạn khác	268		18.797.765.218	898.357.163
<b>C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI</b>	<b>269</b>	<b>20</b>	<b>692.064.922.695</b>	<b>15.653.645.437</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200+269)</b>	<b>270</b>		<b>45.610.766.961.022</b>	<b>39.679.259.266.585</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>20.591.723.900.161</b>	<b>17.012.302.518.162</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.348.754.186.231</b>	<b>9.810.187.656.841</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	2.866.904.584.313	2.064.741.524.603
2. Phải trả người bán	312		4.215.277.931.471	4.461.715.612.146
3. Người mua trả tiền trước	313		20.504.283.485	132.607.101.700
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22	596.751.265.911	254.312.586.058
5. Phải trả người lao động	315		158.882.685.476	85.731.706.964
6. Chi phí phải trả	316	23	1.042.983.577.594	408.726.828.356
7. Phải trả ngắn hạn nội bộ	317	24	45.128.506.078	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	1.280.701.753.553	2.370.146.587.757
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		121.619.598.350	32.205.709.257
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.242.969.713.930</b>	<b>7.202.114.861.321</b>
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	26	44.264.383.269	44.265.687.854
2. Phải trả dài hạn khác	333	27	265.905.529.389	198.972.135.791
3. Vay và nợ dài hạn	334	28	8.149.810.808.499	5.382.515.946.148
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		3.137.375.655	22.506.110.661
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	578.774.423.056
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		633.140.614.765	4.336.402.478
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.146.711.002.353	970.744.155.333
<b>B. NGUỒN VỐN (400= 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>23.482.279.466.687</b>	<b>22.050.598.270.233</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>23.480.353.215.187</b>	<b>22.045.720.711.829</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.950.000.000.000	10.455.050.754.975
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		30.966.515.289	1.254.472.277
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	6.710.919.929.696
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(71.056.425.755)	(2.561.854.279)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		357.653.653.654	1.469.719.828.337
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		456.640.566.558	1.753.694.107.517
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		214.429.579.255	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.541.719.326.186	1.657.643.473.306
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.926.251.500</b>	<b>4.877.558.404</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.926.251.500	4.877.558.404
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>30</b>	<b>1.536.763.594.174</b>	<b>616.358.478.190</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>45.610.766.961.022</b>	<b>39.679.259.266.585</b>
(440 = 300+400+439)				

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2011	31/12/2010
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	3.394.214.263	3.394.214.263
2. Ngoại tệ các loại	4.234.016	11.533.069
	128	45.781
	-	801.015



**Đỗ Khang Ninh**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2012

**Mai Hữu Ngân**  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	64.299.749.211.153	48.076.583.629.369
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	75.249.571.335	82.202.154.080
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10	31	64.224.499.639.818	47.994.381.475.289
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	53.659.795.476.998	40.513.530.803.167
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		10.564.704.162.820	7.480.850.672.122
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	1.340.655.103.339	787.185.251.907
7. Chi phí tài chính	22	34	1.711.071.240.942	1.153.645.789.497
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		795.580.913.288	286.160.142.607
8. Chi phí bán hàng	24		1.233.654.667.320	703.305.657.661
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.611.467.625.426	1.072.230.676.234
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		7.349.165.732.471	5.338.853.800.637
11. Thu nhập khác	31	35	394.901.889.652	388.532.367.714
12. Chi phí khác	32	36	61.863.897.237	94.938.178.040
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		333.037.992.415	293.594.189.674
14. Phần lãi trong công ty liên kết	45		3.494.842.988	93.218.925.586
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		7.685.698.567.874	5.725.666.915.897
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	1.265.060.723.188	805.723.755.516
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		144.259.671	(3.892.254.720)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6.420.493.585.015	4.923.835.415.101
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		507.805.284.977	176.119.934.507
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		5.912.688.300.038	4.747.715.480.594
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	2.285	-



**Đỗ Khang Ninh**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2012

**Mai Hữu Ngạn**  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>7.685.698.567.874</b>	<b>5.725.666.915.897</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.798.656.500.751	1.734.004.329.585
Các khoản dự phòng	03	72.119.982.228	17.300.074.479
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	543.234.837.703	280.517.297.371
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.226.713.315.909)	(594.212.732.078)
Chi phí lãi vay	06	795.580.913.288	286.160.142.607
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>10.668.577.485.935</b>	<b>7.449.436.027.861</b>
Biến động các khoản phải thu	09	1.314.786.561.964	(3.137.418.026.067)
Biến động hàng tồn kho	10	(166.744.194.873)	249.706.985.736
Biến động các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(818.000.681.519)	3.841.314.505.165
Biến động chi phí trả trước và tài sản khác	12	455.028.257.928	(215.214.089.933)
Tiền lãi vay đã trả	13	(507.098.901.033)	(250.336.602.265)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.038.210.312.525)	(692.967.021.571)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	213.502.324.383	77.308.776.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(324.922.805.167)	(87.717.444.689)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.796.917.735.093</b>	<b>7.234.113.110.237</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(5.154.669.623.329)	(4.203.527.550.485)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	16.225.586.608	3.116.696.463
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.768.111.030.057)	(4.113.067.180.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.266.051.386.124	4.307.394.500.583
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(276.097.502.000)	(313.975.518.713)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	179.347.745.000	261.732.326.603
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	799.032.796.800	515.640.326.257
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.938.220.640.854)</b>	<b>(3.542.686.399.292)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.574.198.062.749	3.738.675.625.675
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.839.431.427.553)	(3.389.011.330.044)
3. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(35.841.449.861)	(1.363.685.469)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.441.026.146.645)	(1.400.369.267.196)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.742.100.961.310)</b>	<b>(1.052.068.657.034)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>5.116.596.132.929</b>	<b>2.639.358.053.911</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.927.167.508.497	2.281.485.673.442
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.436.566.592	6.323.781.144
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>10.045.200.208.018</b>	<b>4.927.167.508.497</b>



Đỗ Hoàng Ninh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2012

*(Signature)*  
 Mai Hữu Ngân  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có các công ty con sau:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS South")
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "PVGAS North")
- Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS D")
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (sau đây gọi tắt là "PVID")
- Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PSCC")
- Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Cylinder")
- Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Pipe").

**Hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, LPG, Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, khí LNG, LPG, Condensate chế biến khí; tổ chức phân phối, kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phải là báo cáo theo luật định. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 để cho mục đích tham khảo thêm thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong một năm tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất toàn bộ các báo cáo tài chính năm 2011 của các công ty con và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 và báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

9 - C  
TY  
H HAN  
E  
M  
H A N

102

CÔNG  
HÍ  
N  
G T  
PHÁ  
P H C

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**Quyết toán cổ phần hóa**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 41.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2011. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

***Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác và các tài sản tài chính khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày theo giá gốc, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng, khoản tiền ủy thác quản lý vốn ngắn hạn và hưởng lãi suất ủy thác tương ứng với kết quả của hoạt động ủy thác và các khoản đầu tư ngắn hạn khác.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	2011
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 12
Phương tiện vận tải	2 - 9
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 20

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp, quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ ba đến sáu năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% tổng số vốn tương đương quyền biểu quyết của các công ty này, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh, khoản trả trước tiền thuê đất, giá trị vô bình gas và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian ba (03) năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh/giá trị tài sản đầu tư theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào giá trị tài sản xây dựng trên lô đất trong thời gian xây dựng và vào chi phí hoạt động kinh doanh hợp nhất kể từ khi tài sản xây dựng ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị vô bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính của vô bình (ký quỹ, ký cược vô bình gas nhận được từ khách hàng được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác và được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vô bình gas). Giá trị vô bình gas được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười (10) năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng không quá ba (03) năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm Tổng Công ty phát hành hoá đơn giá trị gia tăng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

**Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn sản xuất kinh doanh**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 24.660.145.215 đồng và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

**Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn xây dựng chưa hoạt động:**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ các khoản mục tiền tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại, được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” trên bảng cân đối kế toán. Khi công trình xây dựng được hoàn thành, toàn bộ chênh lệch tỷ giá phát sinh lũy kế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm. Lỗ chênh lệch tỷ giá của các công ty con của Tổng Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 95.716.570.970 đồng.

50  
G  
MH  
IT  
NA  
TP  
01  
GC  
KI  
ET  
ON  
OP  
TF

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

##### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

##### **Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập từ 10% thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty không thực hiện trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Số dư quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền 1.146.711.002.353 đồng là số nhận bàn giao từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trích quỹ như trên là phù hợp với hoạt động phát triển khoa học và công nghệ của Tổng Công ty.

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Y  
C  
H  
A  
N  
E  
V  
H  
I  
N

027

NG  
I  
NA  
TY  
H  
A  
N  
H  
O

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	15.669.406.599	10.526.193.376
Tiền gửi ngân hàng	2.453.746.469.267	2.861.483.789.104
Tiền đang chuyển	494.042.839	-
Các khoản tương đương tiền (i)	7.575.290.289.313	2.055.157.526.017
	<b>10.045.200.208.018</b>	<b>4.927.167.508.497</b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng và tổ chức tài chính.

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi có kỳ hạn và ủy thác quản lý vốn từ 12 tháng trở xuống	314.229.590.057	2.201.551.000.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	3.100.000.000	-
	<b>317.329.590.057</b>	<b>2.201.551.000.000</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	171.685.872.819	295.068.392.611
Phải thu CBCNV tiền đặt cọc mua nhà tại Công ty Địa ốc Phú Long	201.625.000.000	25.000.000.000
Ứng trước cho PVC Mekong thực hiện xây dựng khu văn phòng cho thuê Bạc Liêu	49.998.681.817	52.466.871.038
Các khoản phải thu khác	153.606.427.475	147.354.411.075
	<b>576.915.982.111</b>	<b>519.889.674.724</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi trên đường	46.379.441.072	65.407.079.328
Nguyên liệu, vật liệu	546.017.332.265	312.601.443.267
Công cụ, dụng cụ	35.756.779.421	31.718.750.049
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	21.157.667.225	33.895.442.968
Thành phẩm	58.760.517.432	51.233.605.255
Hàng hóa	408.459.694.001	451.363.940.265
	<b>1.116.531.431.416</b>	<b>946.220.261.132</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(58.092.956.046)	(77.983.322.086)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<b>1.058.438.475.370</b>	<b>868.236.939.046</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế xuất nhập khẩu	30.972.345.274	8.899.075.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.011.824.334
Các loại thuế khác	4.294.921.769	-
	<u>35.267.267.043</u>	<u>30.910.899.789</u>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	248.053.350	2.843.894.276
Tạm ứng	12.729.966.825	9.975.918.095
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	478.761.148.691	352.671.038.009
Khác	4.950.437.842	-
	<u>496.689.606.708</u>	<u>365.490.850.380</u>

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ  
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	803.041.499.270	880.826.714.396	288.181.734.862	74.406.791.894	23.491.054.457.528	25.537.511.197.950
Tăng do mua công ty con	3.124.816.993	90.586.659.503	4.544.504.183	4.162.763.818	6.863.619.370	109.282.363.867
Mua trong năm	21.177.848.522	71.684.904.074	64.679.564.434	14.259.668.403	17.321.298.957	189.123.284.390
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	507.389.853.206	204.909.040.389	113.780.512.934	13.713.071.407	106.336.212.146	946.128.690.082
Điều chỉnh theo quyết toán	(72.990.275.119)	15.538.619.536	50.289.768	55.777.273	644.644.002.431	587.298.413.889
Tăng khác	604.623.085	24.370.138.561	41.196.643.942	830.477.998	-	67.001.883.586
Thanh lý, nhượng bán	(1.654.885.870)	(848.961.994)	(44.984.981.107)	(1.286.423.036)	(29.201.260)	(48.804.453.267)
Giảm khác	(3.278.748.191)	(7.509.650.811)	-	(472.708.480)	79.096.329.022	67.835.221.540
Phân loại lại	(10.859.520.879)	(200.364.549)	(24.076.293)	45.621.229	11.038.340.492	-
Tại ngày 31/12/2011	1.246.555.211.017	1.279.357.099.105	467.424.192.723	105.715.040.506	24.356.325.058.686	27.455.376.602.037

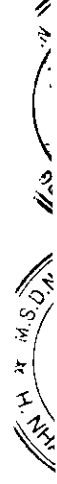
**GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2011	136.483.222.254	133.718.165.898	84.880.269.933	43.090.164.391	7.392.359.009.716	7.790.530.832.192
Tăng do mua công ty con	1.051.277.596	31.630.305.903	2.437.446.104	2.296.753.460	-	37.415.783.063
Khấu hao trong năm	71.485.015.349	148.092.804.438	80.684.280.161	18.261.117.796	2.460.973.703.683	2.779.496.921.427
Thanh lý, nhượng bán	(468.746.544)	(713.102.905)	(27.971.272.835)	(1.202.007.213)	(13.336.961)	(30.368.466.458)
Điều chỉnh theo quyết toán	(3.275.674)	(40.369.243)	-	(182.081.628)	(2.894.481)	(228.621.026)
Giảm khác	(1.781.779.245)	(54.578.702)	(1.330.158)	(231.655.731)	207.903.232	(1.861.440.604)
Phân loại lại	(181.289)	181.289	(827.351.893)	1.056.938.222	(229.586.329)	-
Tại ngày 31/12/2011	206.765.532.447	312.633.406.678	139.202.041.312	63.089.229.297	9.853.294.798.860	10.574.985.008.594

<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2011	1.039.789.678.570	966.723.692.427	328.222.151.411	42.625.811.209	14.503.030.259.826	16.880.391.593.443
Tại ngày 31/12/2010	666.558.277.016	747.108.548.498	203.301.464.929	31.316.627.503	16.098.695.447.812	17.746.980.365.758

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết với nguyên giá là 161.185.800.340 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 126.689.407.039 đồng).

Các công trình khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày trong nhóm "Tài sản cố định khác" bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 5.595.290.547.246 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 5.183.293.694.915 đồng) được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	47.933.998.993	7.548.748.977	55.482.747.970
Mua trong năm	183.906.992.984	-	183.906.992.984
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.027.513.977)	(6.027.513.977)
Tại ngày 31/12/2011	231.840.991.977	1.521.235.000	233.362.226.977
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	-	1.213.979.506	1.213.979.506
Khấu hao trong năm	14.940.035.187	827.895.575	15.767.930.762
Thanh lý, nhượng bán	-	(928.806.995)	(928.806.995)
Tại ngày 31/12/2011	14.940.035.187	1.113.068.086	16.053.103.273
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2011	216.900.956.790	408.166.914	217.309.123.704
Tại ngày 31/12/2010	47.933.998.993	6.334.769.471	54.268.768.464

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	165.886.369.823	11.533.997.929	1.464.370.376	4.288.007.246	-	183.172.745.374
Tăng do mua công ty con	-	300.849.600	-	-	-	300.849.600
Tăng trong năm	95.007.787.992	3.749.817.110	-	-	68.800.000	98.826.405.102
Tăng khác	-	445.000.000	-	-	-	445.000.000
Thanh lý	(5.405.845.145)	-	-	-	-	(5.405.845.145)
Tại ngày 31/12/2011	255.488.312.670	16.029.664.639	1.464.370.376	4.288.007.246	68.800.000	277.339.154.931
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2011	105.409.864	7.646.039.855	79.166.977	-	-	7.830.616.696
Tăng do mua công ty con	-	161.199.836	-	-	-	161.199.836
Khấu hao trong năm	326.341.271	2.885.399.471	162.707.820	-	17.200.000	3.391.648.562
Điều chỉnh theo quyết toán	-	(207.903.234)	-	-	-	(207.903.234)
Tại ngày 31/12/2011	431.751.135	10.484.735.928	241.874.797	-	17.200.000	11.175.561.860
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2011	255.056.561.535	5.544.928.711	1.222.495.579	4.288.007.246	51.600.000	266.163.593.071
Tại ngày 31/12/2010	165.780.959.959	3.887.958.074	1.385.203.399	4.288.007.246	-	175.342.128.678

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	164.505.330.445	74.713.934.650
Kho chứa LPG lạnh	726.034.786.968	23.421.977.190
Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ	678.769.567.041	206.983.958.658
Dự án đầu tư nâng công suất cầu cảng PVGAS Vũng Tàu	89.054.416.608	42.386.681.914
Dự án dây chuyền cấp khí cho Nhà máy đạm Cà Mau	40.142.631.634	33.282.518.193
Dự án Chung cư C2 Chí Linh	46.438.795.278	-
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	124.917.169.830	14.513.863.444
Kho cảng nhập khẩu khí thiên nhiên hóa lỏng	95.032.151.310	46.208.014.500
Hệ thống phân phối khí thấp áp	234.256.925.069	42.285.135.297
Dự án nhà máy sản xuất ống thép dầu khí	1.988.240.629.620	43.638.411.410
Công trình CNG cho xe ô tô	25.964.412.486	-
Khác	113.711.831.309	346.435.965.552
	<b>4.327.068.647.598</b>	<b>873.870.460.808</b>

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (i)	TP HCM	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc (i)	Hà Nội	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	TP HCM	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	77,92%	91,00%	Sản xuất vỏ bình khí
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí	Vũng Tàu	76,50%	76,50%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hoá Dầu khí	Hà Nội	60,00%	60,00%	Hoạt động thể thao và văn hóa
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	85,00%	85,00%	Sản xuất ống thép

(i) Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng Công ty góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc xác định các công ty này là công ty con của Tổng Công ty phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabeny	47.401.583.592	50.040.701.639
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	75.924.042.559	75.859.870.612
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (i)	-	150.136.467.188
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (i)	-	351.819.455.779
	<b>123.325.626.151</b>	<b>627.856.495.218</b>

010  
 00  
 KH  
 TI  
 NG  
 PH  
 TP



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

- (i) Trong năm, Tổng Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam để nắm quyền kiểm soát các công ty này. Theo đó, đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam đã trở thành công ty con của Tổng Công ty.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hà Nội	35,51%	Kinh doanh khí
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Vũng Tàu	23,84%	Năng lượng

**17. GÓP VỐN LIÊN DOANH**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	70%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí chiếm tỷ lệ:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long chiếm tỷ lệ:	10%

Dưới đây là số liệu về kết quả kinh doanh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty:

	<u>31/12/2011</u> <b>VND</b>
Nguyên giá tài sản cố định	674.860.658.916
Hao mòn lũy kế tài sản cố định	7.919.251.823
Giá trị còn lại của tài sản cố định	666.941.407.093
	<b>Năm 2011</b> <b>VND</b>
Doanh thu	37.239.007.501
Chi phí quản lý tài sản liên doanh	12.683.001.881
Thu nhập khác	924.600.000
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.171.015.348
<i>Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:</i>	
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	9.219.710.743
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	2.634.203.070
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	1.317.101.535

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư cổ phiếu (i)	393.071.635.736	393.170.000.000
Ủy thác quản lý vốn dài hạn và tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	499.067.180.000	318.067.180.000
Đầu tư dài hạn khác	-	1.471.351.956
	<b>892.138.815.736</b>	<b>712.708.531.956</b>

- (i) Đầu tư cổ phiếu bao gồm khoản mua cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á với số tiền là 311.250.000.000 đồng. Do số cổ phiếu này thuộc loại hạn chế chuyển nhượng và Tổng Công ty dự kiến nắm giữ dài hạn nên không thực hiện đánh giá mức tổn thất có thể xảy ra để trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

**19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh doanh nghiệp (i)	2.161.043.042.522	2.729.738.580.027
Chi phí vô bình gas chờ phân bổ	661.205.721.543	384.906.006.871
Chi phí trả trước dài hạn khác	159.836.176.748	117.343.608.813
	<b>2.982.084.940.813</b>	<b>3.231.988.195.711</b>

- (i) Lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Giá trị đã phân bổ vào chi phí trong năm là 568.695.537.506 đồng.

**20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	2011 VND	2010 VND
Số dư đầu năm	15.653.645.437	-
Tăng trong năm	725.118.707.394	17.392.939.375
Phân bổ vào chi phí trong năm	(48.707.430.136)	(1.739.293.938)
Số dư cuối năm	<b>692.064.922.695</b>	<b>15.653.645.437</b>

**21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	305.474.786.062	372.543.727.376
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 28)	2.561.429.798.251	1.692.197.797.227
	<b>2.866.904.584.313</b>	<b>2.064.741.524.603</b>

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	279.879.102.281	198.313.636.734
Thuế xuất, nhập khẩu	800.149.771	779.675.279
Thuế thu nhập doanh nghiệp	301.592.319.680	45.979.045.628
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.774.432.954	2.136.945.844
Thuế thu nhập cá nhân	10.021.047.535	1.634.019.477
Các loại thuế khác	1.684.213.690	5.469.263.096
	<b>596.751.265.911</b>	<b>254.312.586.058</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	43.857.915.342	54.880.344.256
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	87.017.231.586	66.165.414.580
Chi phí lãi vay	60.102.327.597	83.046.712.033
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí (i)	317.429.515.918	136.051.323.285
Trích trước chi phí mua khí	508.230.740.004	-
Các khoản khác	26.345.847.147	68.583.034.202
	<b>1.042.983.577.594</b>	<b>408.726.828.356</b>

- (i) Tổng Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng các công trình khí trên cơ sở dự toán chi phí phát sinh cho các hạng mục sẽ được sửa chữa trong năm 2011 và 2012. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích trước các khoản chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.

**24. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN NỘI BỘ**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Quản lý phí phải nộp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	45.128.506.078	-
	<b>45.128.506.078</b>	<b>-</b>

Theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty, Tổng Công ty phải nộp cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phí quản lý hàng năm theo mức từ 0,05% đến 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

**25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Phải trả về cổ phần hóa (i)	294.945.729.713	1.886.949.950.000
Phải trả do tăng giá bán khí (ii)	410.678.013.139	-
Các khoản phải trả khác	575.078.010.701	483.196.637.757
	<b>1.280.701.753.553</b>	<b>2.370.146.587.757</b>

- (i) Phản ánh số tiền lãi phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam do chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa. Khoản phải trả này sẽ được quyết toán chính thức khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.
- (ii) Phản ánh phần tăng thêm do điều chỉnh giá bán khí đối với lượng khí đã giao từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần với số tiền là 410.678.013.139 đồng để điều tiết hỗ trợ sản xuất cho Nhà máy đạm Cà Mau theo Văn bản số 2732/VPCP-KTN ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ. Hiện tại, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để quyết toán số tiền trên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**26. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải trả dài hạn nội bộ	44.264.383.269	44.265.687.854
	<b>44.264.383.269</b>	<b>44.265.687.854</b>

Phải trả dài hạn nội bộ phản ánh khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về số vốn cấp cho Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ (đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty) để thực hiện Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Rồng Đồi Mồi.

**27. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải trả về cổ phần hóa	2.068.800.000	-
Nhận ký quỹ ký cược vỏ bình gas	263.836.729.389	198.972.135.791
	<b>265.905.529.389</b>	<b>198.972.135.791</b>

**28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>10.298.929.108.071</b>	<b>7.033.281.647.694</b>
- Công ty mẹ	7.537.352.700.319	5.495.240.263.086
- PVGAS South	708.370.512.154	969.725.314.713
- PVID	339.514.330.559	325.316.069.895
- PVGAS North	-	243.000.000.000
- PV Pipe	1.667.691.565.039	-
- PV Cylinder	46.000.000.000	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>412.311.498.679</b>	<b>41.432.095.681</b>
- PVGAS South	169.311.498.679	41.432.095.681
- PVGAS North	243.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>10.711.240.606.750</b>	<b>7.074.713.743.375</b>
Trừ: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(2.561.429.798.251)	(1.692.197.797.227)
	<b>8.149.810.808.499</b>	<b>5.382.515.946.148</b>

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trong vòng một năm	2.561.429.798.251	1.692.197.797.227
Trong năm thứ hai	2.545.330.557.746	1.376.633.727.161
Từ ba năm đến năm thứ năm	3.596.858.839.088	2.679.316.899.934
Sau năm năm	2.007.621.411.665	1.326.565.319.053
	<b>10.711.240.606.750</b>	<b>7.074.713.743.375</b>
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(2.561.429.798.251)	(1.692.197.797.227)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>8.149.810.808.499</b>	<b>5.382.515.946.148</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết một số khoản vay dài hạn có số dư lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Các khoản vay tại Công ty mẹ:

(1) Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm:

Khoản vay tín chấp nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Công văn số 3250/DKVN-TCKT ngày 08 tháng 5 năm 2009. Khoản vay này có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 120.000.000 USD, chịu lãi suất là lãi suất huy động 6 tháng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam áp dụng đối với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam + 0,5%/năm. Khoản vay này có thời hạn 11 năm, trả gốc và lãi 6 tháng/lần sau 12 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên và được sử dụng để đầu tư Dự án Đường ống PM3 Cà Mau.

Khoản vay tín chấp theo Hợp đồng số 01/2010/HĐ-2164818 ngày 20 tháng 4 năm 2010 có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 233.915.363.010 đồng, chịu lãi suất là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam áp dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh + phí 2%/năm. Khoản vay có thời hạn 13 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, 36 tháng ân hạn, trả gốc và lãi 6 tháng/lần và được sử dụng để đầu tư xây dựng kho chứa LPG lạnh.

Khoản vay tín chấp theo Hợp đồng số 02/2010/HĐ-2164818 ngày 20 tháng 4 năm 2010 có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 91.379.844.287 đồng, chịu lãi suất là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam áp dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh + phí 2%/năm. Khoản vay này có thời hạn 6,5 năm, 18 tháng ân hạn, trả gốc và lãi 6 tháng/lần và được sử dụng để đầu tư xây dựng kho chứa LPG lạnh và trạm xuất xe bồn tại Dung Quất.

- (2) Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Standard Chartered với số tiền vay là 133.000.000 USD và chịu lãi suất là 2,65%/năm. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, được sử dụng để đầu tư Dự án Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ, Rồng Đồi Mồi và các dự án khác. Gốc và lãi được trả từ tháng thứ 12 kể từ thời điểm ký hợp đồng vay ngày 01 tháng 12 năm 2010. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 118.222.222 USD.
- (3) Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (Sea Bank) có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 28.534.852 USD và 71.743.447.716 đồng, chịu lãi suất lần lượt là 6,5%/năm và 11,4%/năm. Các khoản vay này có thời hạn 7 năm và được sử dụng để đầu tư các công trình xây dựng cơ bản của Tổng Công ty. Gốc và lãi vay được trả 6 tháng/lần sau 24 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- (4) Các khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 19.507.047 USD và 122.677.749.745 đồng. Các khoản vay này có thời hạn từ 4 - 7 năm và được sử dụng để đầu tư các công trình xây dựng cơ bản của Tổng Công ty.
- (5) Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư Châu Âu với số tiền vay là 65 triệu USD và chịu lãi suất 4,48%/năm. Khoản vay này có thời hạn 11 năm, trả gốc và lãi 6 tháng/lần theo lịch trả nợ bắt đầu từ tháng 6 năm 2004. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư Dự án Đường ống Nam Côn Sơn và được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 20.971.944 USD.
- (6) Khoản vay từ Ngân hàng Calyon Việt Nam có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 13.636.364 USD, chịu lãi suất Sibor 6 tháng + 1,3%/năm. Các khoản vay này có thời hạn 7 năm, trả gốc và lãi 6 tháng/lần sau 24 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên và được sử dụng để đầu tư Dự án Đường ống dẫn khí PM3 Cà Mau. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính.
- (7) Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 271.542.116.000 đồng, với lãi suất là lãi suất huy động bình quân của 5 ngân hàng thương mại + 3,5%. Các khoản vay này có thời hạn 5 năm, trả gốc và lãi 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được sử dụng để đầu tư Dự án Cao ốc văn phòng PVGAS Tower.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (8) Khoản vay tín chấp tại Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 3.023.010 USD, chịu lãi suất Libor 3 tháng + 2,65%/năm. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, trả gốc và lãi 6 tháng/lần và được sử dụng để đầu tư cho Dự án Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng - Tê Giác Trắng - Bạch Hổ và các dự án khác.

Các khoản vay tại PV Pipe:

- (1) Khoản vay từ Ngân hàng Công thương Việt Nam với hạn mức là 76.000.000 USD. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy chế tạo ống thép dầu khí. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần, bắt đầu từ ngày 19 tháng 2 năm 2012 đến ngày 19 tháng 11 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,5%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần và được trả vào ngày mùng 10 hàng tháng. Công ty PV Pipe sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư nợ vay là 56.063.547,39 USD.
- (2) Khoản vay tín chấp từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với hạn mức là 500.000.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là thanh toán chi phí đầu tư Dự án Nhà máy chế tạo ống thép dầu khí và đáp ứng nhu cầu vốn lưu động trong quá trình sản xuất nhà máy. Thời hạn cho vay tối đa là 36 tháng, thời gian ân hạn tối đa là 12 tháng. Khoản vay này sẽ được trả làm 3 lần, bắt đầu từ ngày 08 tháng 3 năm 2012 đến ngày 21 tháng 2 năm 2014. Khoản vay chịu lãi suất 4,9%/năm. Lãi suất được thanh toán theo yêu cầu của bên cho vay. Khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, số dư nợ vay là 500.000.000.000 đồng.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính tại PV GAS South:

- (1) Các khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam bằng USD và VND với số dư tiền vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 tương đương là 489.453.640.204 đồng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG và các kho chứa Dung Quất, Gò Dầu và đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị cho dự án CNG Việt Nam. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền tạo ra từ các tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng.
- (2) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ cho dự án CNG Việt Nam điều chỉnh và dự án đầu tư 6 bồn và rơ moóc. Khoản vay này được giải ngân bằng đồng Việt Nam với hạn mức tín dụng là 208.000.000.000 đồng và đáo hạn sau 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền tạo ra từ các tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Số dư tiền vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 162.217.101.970 đồng.
- (3) Các khoản vay và các khoản nợ thuê tài chính tại các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác với số tiền vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 226.011.268.659 đồng để tài trợ cho các dự án đầu tư, xây dựng khác của Công ty.

Các khoản vay tại PV GAS North:

Khoản vay tín chấp từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy thác qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 243.000.000.000 đồng, nhằm mục đích đầu tư cho Dự án Tổng kho khí hóa lỏng Miền Bắc tại Đình Vũ, Hải Phòng, xây dựng cơ sở vật chất và tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PV GAS North.

Các khoản vay tại PVID:

- (1) Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 11.819.845 USD và 51.527.466.262 đồng. Thời hạn của khoản vay là 78 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được sử dụng để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy bọc ống tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (2) Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Phú Mỹ với dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 41.803.138.260 đồng. Khoản vay được trả hàng quý với thời hạn là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ  
Xã Phước Kiến, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MÃ SỐ B 09-DN/HN****29. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch do đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại ngày 01/01/2011	10.455.050.754.975	-	1.254.472.277	6.710.919.929.696	-	1.469.719.828.337	1.753.694.107.517	1.657.643.473.306	-	22.045.720.711.829	-	-	-	-	-	-	22.045.720.711.829
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	-	54.825.664.331	11.160.328.356	90.157.744.175	-	-	-	-	-	-	-	-	128.186.362.068
Tăng vốn trong năm (i)	8.494.949.245.025	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	8.494.949.245.025
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.912.688.300.038	-	-	-	-	-	-	5.912.688.300.038
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	-	-	482.595.662.065	533.921.614.416	-	-	(1.230.946.855.736)	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(40.537.196.682)	-	-	-	-	-	(40.537.196.682)
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thường ban điều hành (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(161.904.325.043)	-	-	-	(161.904.325.043)
Chuyển lợi nhuận về Tập đoàn Dầu khí (iii)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.728.248.972.316)	-	-	-	(2.728.248.972.316)
Chuyển các quỹ về vốn đầu tư của chủ sở hữu và phải trả về cổ phần hóa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thay đổi khác	-	-	29.712.043.012	-	-	5.183.504.848	-	2.329.961.762	-	-	-	-	-	-	-	-	37.225.509.622
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>18.950.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>30.966.515.289</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>357.653.653.654</b>	<b>456.640.566.558</b>	<b>3.541.719.326.186</b>	<b>214.429.579.255</b>	<b>71.056.425.755</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>23.480.353.215.187</b>

(i) Tổng Công ty đã thực hiện kết chuyển các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng.

(ii) Trong đó bao gồm, Công ty mẹ Tổng Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất số 61/NQ-QĐHĐCDLI ngày 22 tháng 4 năm 2011 vào Quỹ đầu tư phát triển số tiền 214.429.579.255 đồng, Quỹ dự phòng tài chính số tiền 428.859.158.509 đồng, Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ số tiền 214.429.579.255 đồng và Quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành với số tiền 107.214.789.627 đồng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng số tiền trích các quỹ trên sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

(iii) Phần ảnh số lợi nhuận sau thuế phát sinh trong giai đoạn hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên chuyển trả chủ sở hữu là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.832.835.900	96,72	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	62.164.100	3,28	621.641.000.000
	<b>1.895.000.000</b>	<b>100</b>	<b>18.950.000.000.000</b>

**30. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	772.377.185.300	285.729.190.000
Thặng dư vốn cổ phần	37.365.433.320	11.092.487.421
Quỹ đầu tư phát triển	178.287.165.203	47.866.021.663
Quỹ dự phòng tài chính	33.916.629.704	6.567.925.699
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(14.353.832.779)	22.103.150
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	529.171.013.426	265.080.750.257
	<b>1.536.763.594.174</b>	<b>616.358.478.190</b>

**31. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2011 VND	2010 VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>64.299.749.211.153</b>	<b>48.076.583.629.369</b>
Doanh thu bán khí khô	32.430.656.101.906	28.033.980.271.575
Doanh thu bán LPG	28.626.711.770.361	17.291.694.878.109
Doanh thu vận chuyển khí	1.929.655.701.435	2.332.121.553.959
Doanh thu vận chuyển condensate	48.699.710.795	41.922.399.780
Doanh thu bán condensate	297.173.290.500	244.208.818.044
Doanh thu cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	37.239.007.501	-
Doanh thu khác	929.613.628.655	132.655.707.902
Các khoản giảm trừ doanh thu	75.249.571.335	82.202.154.080
Chiết khấu thương mại	48.233.817.652	61.592.761.338
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu	27.015.753.683	20.609.392.742
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>64.224.499.639.818</b>	<b>47.994.381.475.289</b>

Tổng Công ty xác định thời điểm ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2011 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011 với số tiền lần lượt là 3.137 tỷ đồng và 2.699 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2010 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011 với số tiền lần lượt là 2.640 tỷ đồng và 2.590 tỷ đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán khí khô	26.913.044.255.341	25.034.219.185.182
Giá vốn bán LPG	25.393.661.433.474	14.714.790.566.928
Giá vốn vận chuyển khí	448.153.958.657	402.719.073.630
Giá vốn vận chuyển condensate	35.851.780.774	34.254.348.206
Giá vốn bán condensate	184.700.867.648	127.619.305.531
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	7.919.251.823	-
Giá vốn khác	676.463.929.281	199.928.323.690
	<b>53.659.795.476.998</b>	<b>40.513.530.803.167</b>

**33. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	899.194.542.896	414.071.606.291
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	122.455.945.482	191.566.034.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	72.949.141.388	48.970.897.695
Lãi từ bán các khoản đầu tư	242.493.160.054	126.107.460.266
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.562.313.519	6.469.252.938
	<b>1.340.655.103.339</b>	<b>787.185.251.907</b>

**34. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	500.635.183.575	286.160.142.607
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	347.456.862.446	574.922.779.744
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	543.234.837.703	280.517.297.371
Lỗ từ bán các khoản đầu tư	1.366.417.529	-
Lãi phải trả do chậm nộp tiền thu được từ cổ phần hóa	294.945.729.713	-
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	12.945.239.580	2.309.880.858
Chi phí tài chính khác	10.486.970.396	9.735.688.917
	<b>1.711.071.240.942</b>	<b>1.153.645.789.497</b>

**35. THU NHẬP KHÁC**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản	47.835.177.029	3.116.696.463
Thu tiền phạt, bồi thường theo hợp đồng	284.684.057.015	342.460.426.810
Thu nhập khác	62.382.655.608	42.955.244.441
	<b>394.901.889.652</b>	<b>388.532.367.714</b>

**36. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>2011</b>	<b>2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thanh lý tài sản	34.392.287.929	2.163.619.300
Chi phí khác	27.471.609.308	92.774.558.740
	<b>61.863.897.237</b>	<b>94.938.178.040</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2011 VND	2010 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.685.698.567.874</b>	<b>5.725.666.915.897</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.265.060.723.188</b>	<b>805.723.755.516</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty mẹ	1.058.136.072.180	754.316.165.108
- PVGAS South	50.374.850.228	37.315.896.294
- PVGAS North	44.696.263.053	1.459.538.016
- PVID	8.767.873.062	11.042.183.641
- PSCC	87.562.077	76.499.640
- PV Cylinder	-	-
- PV Pipe	1.832.736.899	-
- PVGAS D	101.165.365.689	-
- Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	-	1.513.472.817
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>144.259.671</b>	<b>(3.892.254.720)</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>6.420.493.585.015</b>	<b>4.923.835.415.101</b>

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty có các khoản ưu đãi thuế lớn như sau:

- (i) Công ty mẹ - Tổng Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với Dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001, Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí Sư Tử Đen/Sư Tử Vàng - Rạng Đông theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 491210000102 ngày 08 tháng 5 năm 2008. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

(ii) Công ty con PVGAS South được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế hai năm và giảm 50% cho sáu năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - công ty con của PVGAS South có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

(iii) Công ty con - PV Pipe được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 53101000116 ngày 21 tháng 10 năm 2010 của UBND tỉnh Tiền Giang, Công ty được hưởng ưu đãi đầu tư đối với dự án đầu tư trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang). Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Cụ thể: Thuế suất ưu đãi 20% áp dụng trong thời gian 10 năm được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế, miễn thuế 2 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

**38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>2011</u>
	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ	5.912.688.300.038
Lợi nhuận trả cho các bên tham gia liên doanh tòa nhà PVGas Tower	3.951.304.604
Lợi nhuận từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến 15 tháng 5 năm 2011 của Công ty TNHH Một thành viên	1.578.507.222.062
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.330.229.773.372
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	1.895.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.285</u>

**39. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>2011</u>
	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	37.140.316.925.250
Chi phí nhân công	663.536.914.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.798.656.500.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.256.267.840.395
Chi phí khác	3.053.864.849.688
	<u>44.912.643.030.683</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**i) Cam kết vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kho chứa LPG lạnh	726.034.786.968	397.060.862.464
Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hồ	678.769.567.041	146.342.089.379
Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Rồng - Đồi Mồi	124.917.169.830	708.110.363.535
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	164.505.330.445	570.936.571.491
	<u>1.694.226.854.284</u>	<u>1.822.449.886.869</u>

**(ii) Cam kết khác**

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận chuyển khí:

**Cam kết mua hàng**

Theo thỏa thuận bổ sung của Hợp đồng GSPA Lô 06.1 ngày 30 tháng 9 năm 2009 giữa các chủ khí Lô 06.1 (Công ty TNHH BP Exploration Operating - đã chuyển nhượng cho Công ty TNK Vietnam B.V. ngày 17 tháng 10 năm 2011, Công ty TNHH ONGC Videsh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - đã chuyển nhượng cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV từ ngày 10 tháng 6 năm 2010 và hiện tại Tổng Công ty kế thừa), Tổng Công ty cam kết mua một lượng khí tối thiểu là 4 tỷ m<sup>3</sup>/năm trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Theo Hợp đồng GSPA Lô 11.2 ký ngày 19 tháng 4 năm 2005 giữa chủ khí Lô 11.2 (Công ty Dầu Quốc gia Hàn Quốc và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - đã chuyển nhượng cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV từ ngày 10 tháng 6 năm 2010 và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua một lượng khí tối thiểu là 1,216 tỷ m<sup>3</sup>/năm kể từ nay cho đến hết Giai đoạn Bình Ổn của Lô 11.2.

Theo Hợp đồng mua bán khí thượng nguồn PM3 CAA (hợp đồng UGSA PM3 CAA) ngày 10 tháng 02 năm 2000 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV làm đại diện và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) với các nhà thầu lô PM3 CAA và Petronas có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua từ các nhà thầu một lượng khí cố định là 1,3 tỷ m<sup>3</sup>/năm, từ năm hợp đồng thứ 9 (từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012) là 1,664 tỷ m<sup>3</sup>/năm, từ năm hợp đồng thứ 10 trở đi (từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013) là 1,819 tỷ m<sup>3</sup>/năm).

Theo Hợp đồng mua bán khí Lô 46 Cái Nước ngày 23 tháng 7 năm 2003 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV làm đại diện và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) và các nhà thầu Lô 46 Cái Nước có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua từ các chủ khí một lượng khí cố định hàng năm là 0,206 tỷ m<sup>3</sup>/năm.

**Cam kết bán hàng**

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 16 tháng 12 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chuyển nhượng cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV từ ngày 10 tháng 6 năm 2010 và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có thời hạn 20 năm, theo đó, Tổng Công ty cam kết sẽ bán một lượng khí cố định hàng năm là 1,85 tỷ m<sup>3</sup> cho EVN trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**40. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 22 tháng 5 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chuyển nhượng cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV từ ngày 10 tháng 6 năm 2010 và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) và Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT), Tổng Công ty cam kết cung cấp cho PM3 BOT một lượng khí tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 18 tháng 9 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV làm đại diện và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) và Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT), Tổng Công ty cam kết cung cấp cho PM 2.2 BOT một lượng khí tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

Theo Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và lô 46 Cái Nước tháng 5 năm 2007 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV làm đại diện và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) và Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau, Tập đoàn cam kết cung cấp cho công ty này một lượng khí cố định hàng năm là 1,5 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

**41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và số 28 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ 31/12/2011</u>	<u>Giá trị ghi sổ 31/12/2010</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.045.200.208.018	4.927.167.508.497
Đầu tư ngắn hạn	317.329.590.057	2.201.551.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.216.200.126.626	6.693.600.184.855
Đầu tư dài hạn	867.138.815.736	700.398.651.098
Tài sản tài chính khác	478.761.148.691	352.671.038.009
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>17.924.629.889.128</u></b>	<b><u>14.875.388.382.459</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	11.016.715.392.812	7.447.257.470.751
Phải trả người bán và phải trả khác	6.991.903.184.983	8.652.578.208.268
Chi phí phải trả	1.042.983.577.594	408.726.828.356
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>19.051.602.155.389</u></b>	<b><u>16.508.562.507.375</u></b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Tổng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	2.866.904.584.313	8.149.810.808.499	11.016.715.392.812
Phải trả người bán và phải trả khác	5.535.022.269.972	1.456.880.915.011	6.991.903.184.983
Chi phí phải trả	1.042.983.577.594	-	1.042.983.577.594
	<b>9.444.910.431.879</b>	<b>9.606.691.723.510</b>	<b>19.051.602.155.389</b>
<b>31/12/2010</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	2.064.741.524.603	5.382.515.946.148	7.447.257.470.751
Phải trả người bán và phải trả khác	6.859.821.806.234	1.792.756.402.034	8.652.578.208.268
Chi phí phải trả	408.726.828.356	-	408.726.828.356
	<b>9.333.290.159.193</b>	<b>7.175.272.348.182</b>	<b>16.508.562.507.375</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**41. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.045.200.208.018	-	10.045.200.208.018
Đầu tư ngắn hạn	317.329.590.057	-	317.329.590.057
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.216.200.126.626	-	6.216.200.126.626
Đầu tư dài hạn	-	867.138.815.736	867.138.815.736
Tài sản tài chính khác	478.761.148.691	-	478.761.148.691
	<u>17.057.491.073.392</u>	<u>867.138.815.736</u>	<u>17.924.629.889.128</u>

31/12/2010	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.927.167.508.497	-	4.927.167.508.497
Đầu tư ngắn hạn	2.201.551.000.000	-	2.201.551.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.693.600.184.855	-	6.693.600.184.855
Đầu tư dài hạn	-	700.398.651.098	700.398.651.098
Tài sản tài chính khác	352.671.038.009	-	352.671.038.009
	<u>14.174.989.731.361</u>	<u>700.398.651.098</u>	<u>14.875.388.382.459</u>

**42. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>2011</u> VND	<u>2010</u> VND
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	1.967.082.038.863	2.319.901.990.195
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí	1.926.772.134.124	1.385.148.769.958
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	297.173.290.500	226.824.229.261
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	13.794.031.472.969	9.388.720.913.680
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	297.873.728.326	300.330.951.266
<b>Mua hàng</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.279.090.625.388	3.011.433.411.897
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	10.472.590.321.292	23.990.562.071.242
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	559.833.031.446	35.234.354.016
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.711.219.882.696	2.496.193.711.762
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VietsovPetro	206.218.644.332	107.403.850.899
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	159.652.736.603	-
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	13.940.508.323	12.584.463.386

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**42. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	1.154.163.132.997	1.903.755.212.653
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	300.023.952.348	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	165.577.192.223	191.118.523.920
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	62.180.376.705	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần	195.468.590.693	269.472.389.393
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	100.630.797.547	234.281.935.550
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	62.300.330.400	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	46.274.800.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC CM)	49.998.681.817	52.466.871.038
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	46.763.079.934
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	894.818.602.495	617.183.250.587
- Phí quản lý	45.128.506.078	-
- Vốn cấp cho BQLDA khí Đông Nam Bộ	44.264.383.269	44.265.687.854
- Tiền mua khí	508.230.740.004	570.314.060.919
- Phải trả khác tại PV GAS South	2.249.243.431	2.603.501.814
- Tiền lãi chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa	294.945.729.713	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	96.228.984.596	13.306.123.941
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	702.015.053.140	840.773.308.789
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	132.565.294.118	284.491.114.324
Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	248.070.281.647	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	127.928.474.017	72.990.732.547
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp ráp máy Dầu khí (PVC-MS)	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu Khí (PVC-IC)	40.000.000.000	-
<b>Các khoản ủy thác đầu tư</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	350.772.275.057	777.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	50.000.000.000	-
<b>Các khoản vay</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	2.350.208.932.728	1.350.776.354.012

**43. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu trình bày trên cột so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị được cổ phần hóa theo quyết định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) để cho mục đích thông tin.



**Đỗ Khang Ninh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 21 tháng 3 năm 2012

**Mai Hữu Ngạn**  
**Kế toán trưởng**



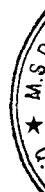


**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

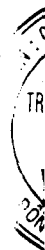
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011  
(ngày chính thức chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên  
thành Công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**



**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 (ngày chính thức chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và đến ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Khang Ninh	Thành viên
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Dân	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hưng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mậu Dũng	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



  
Đỗ Khang Ninh  
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

125  
NG  
HIỆM  
011  
T N  
3001  
G C  
KH  
T  
ÔNG  
3 PH  
TP.

Số: 081 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là “Tổng Công ty”) từ trang 5 đến trang 31. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 27 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, thời điểm Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2011 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền lần lượt là 3.137 tỷ đồng và 2.699 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn tháng 4 năm 2011 và từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 của đơn vị cổ phần hóa là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty tương ứng là 2.781 tỷ đồng và 2.422 tỷ đồng).

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty đang phản ánh trên khoản mục phải trả khác phần tăng thêm do điều chỉnh giá bán khí đối với lượng khí đã giao từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần với số tiền 410.678.013.139 đồng để điều tiết hỗ trợ sản xuất cho Nhà máy đạm Cà Mau theo Văn bản số 2732/VPCP-KTN ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ. Hiện tại, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để quyết toán số tiền trên.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 16 tháng 5 năm 2011. Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.



**Khúc Thị Lan Anh**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 05 tháng 3 năm 2012  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Trần Huy Công**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>16.194.708.159.618</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>8.318.284.343.963</b>
1. Tiền	111		1.663.284.343.963
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.655.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>190.772.275.057</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	190.772.275.057
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.423.798.661.499</b>
1. Phải thu khách hàng	131		5.500.102.073.633
2. Trả trước cho người bán	132		397.783.513.426
3. Các khoản phải thu khác	135	7	526.765.083.754
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(852.009.314)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>571.283.791.904</b>
1. Hàng tồn kho	141		629.376.747.950
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(58.092.956.046)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>690.569.087.195</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		62.682.902.614
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		143.480.267.395
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	31.011.244.460
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	453.394.672.726
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>22.290.069.281.351</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.393.990.280.314</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.177.903.306.342
- Nguyên giá	222		25.214.941.963.196
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.037.038.656.854)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	227.536.482.176
- Nguyên giá	228		235.472.593.313
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.936.111.137)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.988.550.491.796
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.681.631.981.365</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	1.817.724.517.585
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	48.240.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17	815.667.463.780
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.214.447.019.672</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	2.214.426.174.672
2. Tài sản dài hạn khác	268		20.845.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>38.484.777.440.969</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Báo cáo tài chính riêng

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>15.341.627.396.976</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.844.905.246.778</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	1.759.596.890.619
2. Phải trả người bán	312		3.086.627.296.397
3. Người mua trả tiền trước	313		8.698.301.177
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	556.555.423.277
5. Phải trả người lao động	315		110.824.708.514
6. Chi phí phải trả	316	21	1.002.476.535.650
7. Phải trả nội bộ	317	22	45.128.506.078
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	1.170.305.293.441
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		104.692.291.625
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.496.722.150.198</b>
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	24	44.264.383.269
2. Phải trả dài hạn khác	333		2.068.800.000
3. Vay và nợ dài hạn	334	25	5.838.157.009.699
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		540.967.277
5. Doanh thu chưa thực hiện	338		464.979.987.600
6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.146.711.002.353
<b>B. NGUỒN VỐN (400= 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>23.143.150.043.993</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>26</b>	<b>23.141.658.792.493</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.950.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		10.281.997.027
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		214.429.579.255
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		428.859.158.509
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		214.429.579.255
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.323.658.478.447
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.491.251.500</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.491.251.500
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>38.484.777.440.969</b>


**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2011
1. Nợ khó đòi đã xử lý	3.394.214.263
2. Ngoại tệ các loại	2.355.212,05
	28,81



Đỗ Khang Ninh  
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

  
Mai Hữu Ngân  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 16/5/2011 đến ngày 31/12/2011</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	36.545.893.902.380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	16.354.224.832
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>36.529.539.677.548</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	30.525.106.503.747
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>6.004.433.173.801</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	670.841.467.731
7. Chi phí tài chính	22	30	529.633.557.169
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		395.291.680.177
8. Chi phí bán hàng	24		380.651.580.906
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		956.203.216.076
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))</b>	<b>30</b>		<b>4.808.786.287.381</b>
11. Thu nhập khác	31	31	324.276.414.261
12. Chi phí khác	32	32	19.508.678.700
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>304.767.735.561</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5.113.554.022.942</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	821.011.133.245
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>4.292.542.889.697</b>



**Đỗ Khang Ninh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

**Mai Hữu Ngạn**  
Kế toán trưởng

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MÃ SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

Từ ngày 16/5/2011

đến ngày 31/12/2011

**CHỈ TIÊU**

Mã số

**I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Lợi nhuận trước thuế

01

5.113.554.022.942

2. Điều chỉnh cho các khoản:

Khấu hao tài sản cố định

02

1.547.696.105.296

Các khoản dự phòng

03

58.944.965.360

Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện

04

63.920.601.090

(Lãi) từ hoạt động đầu tư

05

(636.047.560.476)

Chi phí lãi vay

06

395.291.680.177

3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động

08

6.543.359.814.389

Giảm các khoản phải thu

09

4.976.083.311.405

Giảm hàng tồn kho

10

1.114.504.359.470

(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu

11

(9.548.025.909.796)

nhập doanh nghiệp phải nộp)

Giảm chi phí trả trước và tài sản khác

12

658.052.756.770

Tiền lãi vay đã trả

13

(94.802.147.766)

Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp

14

(697.790.544.259)

Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh

15

33.549.620.171

Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh

16

(63.909.104.939)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

20

2.921.022.155.445

**II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định

21

(1.742.711.197.246)

2. Tiền chi cho vay

23

(201.822.715.057)

3. Tiền thu hồi cho vay

24

709.910.440.000

4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

25

(476.797.740.000)

5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

26

121.443.785.000

6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia

27

562.129.471.072

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư

30

(1.027.847.956.231)

**III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được

33

3.708.398.408.129

2. Tiền chi trả nợ gốc vay

34

(2.236.059.672.234)

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

40

1.472.338.735.895

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ

50

3.365.512.935.109

Tiền và tương đương tiền nhận bàn giao (i)

60

4.949.395.161.272

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ

61

3.376.247.582

Tiền và tương đương tiền cuối kỳ

70

8.318.284.343.963



Đỗ Khang Ninh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

Mai Hữu Ngân  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 2011 với vốn điều lệ là 18.950 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.203.

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

- Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ;
- Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu;
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí;
- Công ty Dịch vụ Khí;
- Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí;
- Ban quản lý Dự án Khí - Đông Nam Bộ;
- Công ty Khí Cà Mau;
- Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn;
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau.

**Hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: thu gom, vận chuyển, tàng trữ khí và sản phẩm khí. Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống chi tiết: Chế biến khí và sản phẩm khí. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Tổ chức phân phối và kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG Condensate; Xuất nhập khẩu các sản phẩm khí khô, LNG, LPG, Condensate chế biến khí; tổ chức phân phối, kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, Condensate. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan chi tiết: Tư vấn đầu tư, thiết kế xây dựng công trình công nghiệp cơ khí chế tạo. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình công nghiệp, dân dụng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác chi tiết: Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, hóa chất trong lĩnh vực chế biến và sử dụng khí và các sản phẩm khí, nhập vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cảng. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư cơ sở hạ tầng hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng từ khâu nguồn từ cung cấp đến khâu phân phối bán buôn, bán lẻ. Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực khí, cải tạo công trình khí. Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông lâm ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ chi tiết: Dịch vụ vận tải và các phương tiện có sử dụng nhiên liệu khí, vận chuyển sản phẩm khí (kinh doanh dịch vụ vận chuyển các sản phẩm khí).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Quyết toán cổ phần hóa**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động đầu tiên của Tổng Công ty dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 (ngày chính thức chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 36.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

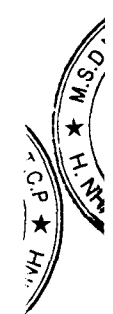
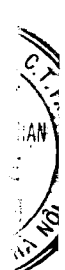
**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá (nếu có).

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày theo giá gốc, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng, khoản tiền ủy thác quản lý vốn ngắn hạn và hưởng lãi suất ủy thác tương ứng với kết quả của hoạt động ủy thác.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 16/5/2011
	đến ngày 31/12/2011
	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 15
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	2 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 20

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty đã được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

0010  
 G C  
 KH  
 T  
 ONC  
 O PI  
 TP

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, Tổng Công ty ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn tại thời điểm phát hành hóa đơn giá trị gia tăng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện chủ yếu là phần giá trị chênh lệch giữa khối lượng khí giao nhận thực tế thấp hơn so với lượng khí theo định mức bao tiêu giữa Tổng Công ty với khách hàng. Giá trị này sẽ được bù trừ với phần giá trị sử dụng vượt định mức bao tiêu trong các kỳ tiếp theo.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

TRÁ  
V  
CÔNG  
27/10  
NG T  
JAN  
TY  
I AN  
HỒ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 giảm 10.281.997.027 đồng và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ tăng một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty không thực hiện trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Số dư quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền 1.146.711.002.353 đồng là số nhận bàn giao từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc trích quỹ như trên là phù hợp với hoạt động phát triển khoa học và công nghệ của Tổng Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011
	VND
Tiền mặt	1.587.812.235
Tiền gửi ngân hàng	1.661.696.531.728
Các khoản tương đương tiền (i)	6.655.000.000.000
	<u>8.318.284.343.963</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2011
	VND
Ủy thác quản lý vốn ngắn hạn	190.772.275.057
	<u>190.772.275.057</u>



**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>
Phải thu các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác liên doanh thực hiện xây dựng đường ống Lô B - Ô Môn	171.685.872.819
Phải thu CBCNV tiền đặt cọc mua nhà tại Công ty Địa ốc Phú Long	201.625.000.000
Ứng trước cho PVC Mekong thực hiện xây dựng khu văn phòng cho thuê tại Bạc Liêu	49.998.681.817
Lãi dự thu hợp đồng ủy thác quản lý vốn và tiền gửi có kỳ hạn	63.369.648.226
Các khoản phải thu khác	40.085.880.892
	<b>526.765.083.754</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	287.033.099.216
Công cụ, dụng cụ	5.028.746.476
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.391.017.444
Thành phẩm	50.509.165.501
Hàng hóa	275.414.719.313
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>629.376.747.950</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(58.092.956.046)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>571.283.791.904</b>

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>
Thuế xuất nhập khẩu	30.972.345.274
Thuế khác	38.899.186
	<b>31.011.244.460</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>
Tạm ứng	2.291.598.378
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	451.103.074.348
	<b>453.394.672.726</b>

00  
 T  
 HỮU  
 TI  
 AN  
 TP.

JUN  
 TI  
 V  
 HA B

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-DN**

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 16/5/2011						
Tài sản nhận bàn giao (i)	199.161.869.307	88.092.052.083	113.277.381.893	62.471.321.869	23.842.874.444.572	24.305.877.069.724
Mua trong kỳ	12.555.004.014	5.710.184.281	141.580.001	8.127.619.644	16.477.691.211	43.012.079.151
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	482.484.055.266	1.865.310.832	-	13.674.120.952	89.054.416.608	587.077.903.658
Điều chỉnh theo quyết toán	(29.829.173.374)	-	-	-	269.398.397.874	239.569.224.500
Thanh lý, nhượng bán	(178.998.870)	(718.461.994)	(37.627.108.897)	(758.729.807)	(29.201.260)	(39.312.500.828)
Tặng/giảm khác	-	(140.103.551)	-	(238.038.480)	79.096.329.022	78.718.186.991
Phân loại lại	(10.859.520.879)	(200.364.549)	(24.076.293)	45.621.229	11.038.340.492	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>653.333.235.464</b>	<b>94.608.617.102</b>	<b>75.767.776.704</b>	<b>83.321.915.407</b>	<b>24.307.910.418.519</b>	<b>25.214.941.963.196</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 16/5/2011						
Tài sản nhận bàn giao (i)	40.354.088.918	59.616.420.861	43.413.995.836	39.567.376.830	8.332.920.787.049	8.515.872.669.494
Khấu hao trong kỳ	23.559.441.036	6.618.950.006	6.574.631.882	9.375.779.084	1.500.108.916.052	1.546.237.718.060
Thanh lý, nhượng bán	(88.749.702)	(646.660.164)	(23.423.103.867)	(674.534.653)	(13.336.961)	(24.846.385.347)
Tặng/giảm khác	-	(40.369.243)	-	(182.081.628)	(2.894.481)	(225.345.352)
Phân loại lại	(181.290)	181.289	(827.351.893)	1.056.938.222	(229.586.329)	(1)
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>63.824.598.962</b>	<b>65.548.522.749</b>	<b>25.738.171.958</b>	<b>49.143.477.855</b>	<b>9.832.783.885.330</b>	<b>10.037.038.656.854</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2011						
Tại ngày 16/5/2011	589.508.636.502	29.060.094.353	50.029.604.746	34.178.437.552	14.475.126.533.189	15.177.903.306.342
Tại ngày 31/12/2011	-	-	-	-	-	-

(i) Tài sản cố định hữu hình nhận bàn giao từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên khi chính thức chuyển thành Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần.

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết với nguyên giá là 45.468.689.886 đồng.

Các công trình khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày trong nhóm "Tài sản cố định khác" bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 5.595.290.547.246 đồng được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.



**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ	Hoạt động chính	Số tiền đầu tư tại ngày 31/12/2011 VND
			quyền biểu quyết nắm giữ		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (i)	TP HCM	35,26%	35,26%	Phân phối khí hóa lỏng	226.460.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc (i)	Hà Nội	35,88%	35,88%	Phân phối khí hóa lỏng	118.364.908.900
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	TP HCM	50,50%	50,50%	Phân phối khí thấp áp	778.958.445.000
Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	Đồng Nai	70,87%	70,87%	Sản xuất vỏ bình khí	50.699.840.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp khí	Vũng Tàu	76,50%	76,50%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	184.839.835.833
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hoá Dầu khí	Hà Nội	60,00%	60,00%	Hoạt động thể thao và văn hóa	6.173.987.852
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	85,00%	85,00%	Sản xuất ống thép	452.227.500.000
					<b>1.817.724.517.585</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con và quyết định không cần trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư này.

- (i) Các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng Công ty góp dưới 50% vốn điều lệ nhưng nắm quyền chi phối. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, quyền chi phối của Tổng Công ty đối với các công ty nhận đầu tư này đã được xác định chắc chắn và việc xác định các công ty này là công ty con của Tổng Công ty là phù hợp với bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành.

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	48.240.000.000
	<b>48.240.000.000</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Việt Nam	35,51%	Kinh doanh khí

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ  
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thiết kế Dầu khí và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long hợp tác cùng góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác Dự án "Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower" tại số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty thực hiện quản lý và hạch toán kết quả kinh doanh của hợp đồng và phân chia lợi nhuận sau thuế cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

Phần vốn góp của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ:	70%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí chiếm tỷ lệ:	20%
Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long chiếm tỷ lệ:	10%

Dưới đây là số liệu về tình hình hoạt động của hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty:

	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>
Nguyên giá tài sản cố định	674.860.658.916
Hao mòn lũy kế tài sản cố định	7.919.251.823
Giá trị còn lại của tài sản cố định	666.941.407.093
	<b>Từ ngày 16/5/2011</b>
	<b>đến ngày 31/12/2011</b>
	<b>VND</b>
Doanh thu	37.239.007.501
Chi phí quản lý tài sản liên doanh	12.683.001.881
Thu nhập khác	924.600.000
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.171.015.348
<i>Phân chia theo tỷ lệ góp vốn:</i>	
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	9.219.710.743
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí	2.634.203.070
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	1.317.101.535

**17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>
Đầu tư cổ phiếu (i)	356.600.283.780
Ủy thác quản lý vốn dài hạn	459.067.180.000
	<b>815.667.463.780</b>

- (i) Đầu tư cổ phiếu bao gồm giá trị khoản mua cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á với số tiền là 311.250.000.000 đồng. Tổng Công ty dự kiến nắm giữ dài hạn nên không thực hiện đánh giá mức tổn thất có thể xảy ra để trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

**18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>
Giá trị lợi thế kinh doanh doanh nghiệp (i)	2.161.043.042.522
Chi phí trả trước dài hạn khác	53.383.132.150
	<b>2.214.426.174.672</b>

- (i) Lợi thế kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian 3 năm kể từ khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Giá trị đã phân bổ vào chi phí trong kỳ là 568.695.537.506 đồng.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2011
	VND
Vay ngắn hạn	60.401.199.999
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	1.699.195.690.620
	<b>1.759.596.890.619</b>

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011
	VND
Thuế giá trị gia tăng	279.494.275.830
Thuế thu nhập doanh nghiệp	266.123.791.183
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.774.432.954
Thuế thu nhập cá nhân	6.774.529.414
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	1.388.393.896
	<b>556.555.423.277</b>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

Chi tiêu	Tại ngày 16/5/2011		Tại ngày 31/12/2011	
	VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa (Phải thu)	-	5.655.464.327	5.694.363.513	(38.899.186)
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa (Phải nộp)	-	1.982.381.937.371	1.702.887.661.541	279.494.275.830
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	9.253.513.533	9.253.513.533	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	20.006.502.728	17.232.069.774	2.774.432.954
Thuế nhập khẩu (Phải thu)	-	117.823.341.039	148.795.686.313	(30.972.345.274)
Thuế nhập khẩu (Phải nộp)	-	268.527.139	268.527.139	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	963.914.335.440	697.790.544.257	266.123.791.183
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	79.440.500	79.440.500	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	30.045.328.238	23.270.798.824	6.774.529.414
Thuế môn bài	-	4.500.000	4.500.000	-
Thuế nộp thay nhà thầu phụ	-	52.402.564.791	51.014.170.895	1.388.393.896
Phí và các khoản lệ phí khác	-	792.801.979	792.801.979	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.182.628.257.085</b>	<b>2.657.084.078.268</b>	<b>525.544.178.817</b>

Trong đó:

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (được trình bày tại Thuyết minh số 9) 31.011.244.460

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước 556.555.423.277

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2011
	VND
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	43.857.915.342
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	87.017.231.586
Chi phí lãi vay	37.027.236.349
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí (i)	317.429.515.918
Trích trước chi phí mua khí Cừu Long	508.230.740.004
Các khoản khác	8.913.896.451
	<b>1.002.476.535.650</b>

- (i) Tổng Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng các công trình khí trên cơ sở dự toán chi phí phát sinh cho các hạng mục sẽ được sửa chữa trong năm 2011 và 2012. Tổng Công ty tin tưởng rằng việc trích trước các khoản chi phí này là phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. PHẢI TRẢ NỘI BỘ NGẮN HẠN**

31/12/2011

VND

Phí quản lý phải nộp Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

45.128.506.078

45.128.506.078

Theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty, Tổng Công ty phải nộp cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phí quản lý hàng năm theo mức từ 0,05 % đến 0,5% tính trên từng loại doanh thu.

**23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

31/12/2011

VND

Phải trả do tăng giá bán khí (i)

410.678.013.139

Lãi phải trả phát sinh do chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa (ii)

294.945.729.713

Các khoản phải trả, phải nộp khác

464.681.550.589

1.170.305.293.441

(i) Phản ánh phần tăng thêm do điều chỉnh giá bán khí đối với lượng khí đã giao từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần với số tiền là 410.678.013.139 đồng để điều tiết hỗ trợ sản xuất cho Nhà máy đạm Cà Mau theo Văn bản số 2732/VPCP-KTN ngày 29 tháng 4 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ. Hiện tại, Tổng Công ty đang chờ hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để quyết toán số tiền trên.

(ii) Phản ánh số tiền lãi phải trả Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam do chậm nộp tiền thu từ cổ phần hóa. Khoản phải trả này sẽ được quyết toán chính thức khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày Tổng Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

**24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ**

31/12/2011

VND

Phải trả dài hạn nội bộ

44.264.383.269

44.264.383.269

Phải trả dài hạn nội bộ phản ánh khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về số vốn cấp cho Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ (đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty) để thực hiện Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Rồng Đồi Mồi.

V. 35  
TỔN  
VIỆ  
C  
C  
BFF.



**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ  
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>7.537.352.700.319</b>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (1)	2.824.655.207.297
Ngân hàng Standard Chartered (2)	2.462.332.444.575
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (3)	666.067.348.245
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (4)	528.970.514.247
Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (5)	436.803.640.884
Ngân hàng Calyon Việt Nam (6)	284.018.181.686
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Tp. Hồ Chí Minh (7)	271.542.116.000
Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH - chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (8)	62.963.247.385
<b>Trừ: nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày trên phần nợ ngắn hạn)</b>	<b>1.699.195.690.620</b>
<b>Vay dài hạn phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.838.157.009.699</b>

Chi tiết các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

(1) Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam bao gồm:

Khoản vay tín chấp nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Công văn số 3250/DKVN-TCKT ngày 08 tháng 5 năm 2009. Khoản vay này có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 120.000.000 USD, chịu lãi suất là lãi suất huy động 6 tháng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam áp dụng đối với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam + 0,5%/năm. Khoản vay này có thời hạn 11 năm, trả gốc và lãi 6 tháng/lần sau 12 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên và được sử dụng để đầu tư Dự án đường ống PM3 Cà Mau.

Khoản vay tín chấp theo Hợp đồng số 01/2010/HĐ-2164818 ngày 20 tháng 4 năm 2010 có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 233.915.363.010 đồng, chịu lãi suất là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam áp dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh + phí 2%/năm. Khoản vay có thời hạn 13 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên, 36 tháng ân hạn, trả gốc và lãi 6 tháng/lần và được sử dụng để đầu tư xây dựng kho chứa LPG lạnh.

Khoản vay tín chấp theo Hợp đồng số 02/2010/HĐ-2164818 ngày 20 tháng 4 năm 2010 có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 91.379.844.287 đồng, chịu lãi suất là lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam áp dụng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh + phí 2%/năm. Khoản vay này có thời hạn 6,5 năm, 18 tháng ân hạn, trả gốc và lãi 6 tháng/lần và được sử dụng để đầu tư cho Dự án đầu tư xây dựng kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn tại Dung Quất.

(2) Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Standard Chartered với số tiền vay là 133.000.000 USD và chịu lãi suất là 2,65%/năm. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, được sử dụng để đầu tư Dự án đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ, Rồng Đồi Mồi và các dự án khác. Gốc và lãi được trả từ tháng thứ 12 kể từ thời điểm ký hợp đồng vay ngày 01 tháng 12 năm 2010. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 118.222.222 USD.

(3) Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á (Sea Bank) có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 28.534.852 USD và 71.743.447.716 đồng, chịu lãi suất lần lượt là 6,5%/năm và 11,4%/năm. Các khoản vay này có thời hạn 7 năm và được sử dụng để đầu tư các công trình xây dựng cơ bản của Tổng Công ty. Gốc và lãi vay được trả 6 tháng/lần sau 24 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên.

0010  
 G CÔNG  
 KHÍ  
 T N  
 NG  
 PH  
 TP. H

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- (4) Các khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 19.507.047 USD và 122.677.749.745 đồng. Các khoản vay này có thời hạn từ 4 - 7 năm và được sử dụng để đầu tư các công trình xây dựng cơ bản của Tổng Công ty.
- (5) Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư Châu Âu với số tiền vay là 65 triệu USD và chịu lãi suất 4,48%/năm. Khoản vay này có thời hạn 11 năm, trả gốc và lãi 6 tháng/lần theo lịch trả nợ bắt đầu từ tháng 6 năm 2004. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư Dự án đường ống Nam Côn Sơn và được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 20.971.944 USD.
- (6) Khoản vay từ Ngân hàng Calyon Việt Nam có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 13.636.364 USD, chịu lãi suất Sibor 6 tháng + 1,3%/năm. Các khoản vay này có thời hạn 7 năm, trả gốc và lãi 6 tháng/lần sau 24 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên và được sử dụng để đầu tư Dự án đường ống dẫn khí PM3 Cà Mau. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính.
- (7) Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank) có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 271.542.116.000 đồng, với lãi suất là lãi suất huy động bình quân của 5 ngân hàng thương mại + 3,5%. Các khoản vay này có thời hạn 5 năm, trả gốc và lãi 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được sử dụng để đầu tư Dự án Cao ốc văn phòng PVGAS Tower.
- (8) Khoản vay tín chấp tại Ngân hàng Bangkok đại chúng TNHH - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 3.023.010 USD, chịu lãi suất Libor 3 tháng + 2,65%/năm. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, trả gốc và lãi 6 tháng/lần và được sử dụng để đầu tư cho dự án Công trình Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng - Tê Giác Trắng - Bạch Hổ và các dự án khác.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.699.195.690.620
Trong năm thứ hai	1.719.383.417.702
Từ ba năm đến năm thứ năm	2.391.334.218.607
Sau năm năm	1.727.439.373.390
	<b>7.537.352.700.319</b>
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	1.699.195.690.620
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.838.157.009.699</b>

2710  
GTAM  
TY  
N  
C

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN****Báo cáo tài chính riêng**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 16/5/2011	-	-	-	-	-	-	-
Nhận bàn giao (i)	18.950.000.000.000	15.355.220.314	-	-	-	-	18.965.355.220.314
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	4.292.542.889.697	4.292.542.889.697
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	214.429.579.255	428.859.158.509	214.429.579.255	(857.718.317.019)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(107.214.789.627)	(107.214.789.627)
Chênh lệch tỷ giá	-	(5.073.223.287)	-	-	-	-	(5.073.223.287)
Giảm khác (iii)	-	-	-	-	-	(3.951.304.604)	(3.951.304.604)
Số dư tại ngày 31/12/2011	18.950.000.000.000	10.281.997.027	214.429.579.255	428.859.158.509	214.429.579.255	3.323.658.478.447	23.141.658.792.493

- (i) Phản ánh số nhận bàn giao từ Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên khi chính thức chuyển thành Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần.
- (ii) Tổng Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ kết quả kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất số 61/NQ-QĐHĐCĐLL ngày 22 tháng 4 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng số tiền trích các quỹ trên sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.
- (iii) Phân chia lợi nhuận của hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác Dự án Tòa nhà văn phòng PV Gas Tower cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Số lượng (Cổ phần)	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp tại ngày 31/12/2011 (VND)
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.832.835.900	96,72	18.328.359.000.000
Các cổ đông khác	62.164.100	3,28	621.641.000.000
	<b>1.895.000.000</b>	<b>100</b>	<b>18.950.000.000.000</b>

**27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

Từ ngày 16/5/2011  
đến ngày 31/12/2011  
VND

<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>36.545.893.902.380</b>
Doanh thu bán khí khô	19.279.833.528.948
Doanh thu bán LPG	15.433.784.207.970
Doanh thu vận chuyển khí	1.482.148.686.455
Doanh thu bán condensate	179.896.473.147
Doanh thu cho thuê tòa nhà PV GAS Tower	37.239.007.501
Doanh thu khác	132.991.998.359
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>16.354.224.832</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu	16.354.224.832
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>36.529.539.677.548</b>



**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (Tiếp theo)**

Tổng Công ty xác định thời điểm ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn là thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2011 chưa được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 với số tiền lần lượt là 3.137 tỷ đồng và 2.699 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn tháng 4 năm 2011 và từ ngày 01 tháng 5 năm 2011 đến ngày 15 tháng 5 năm 2011 của đơn vị cổ phần hóa là Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011 tương ứng là 2.781 tỷ đồng và 2.422 tỷ đồng).

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 16/5/2011 đến ngày 31/12/2011 <u>VND</u>
Giá vốn bán khí khô	16.265.234.147.261
Giá vốn bán LPG	13.795.300.883.104
Giá vốn vận chuyển khí	281.920.495.332
Giá vốn bán condensate	100.937.408.580
Giá vốn cho thuê tòa nhà PVGAS Tower	7.919.251.823
Giá vốn khác	73.794.317.647
	<u><u>30.525.106.503.747</u></u>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 16/5/2011 đến ngày 31/12/2011 <u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	543.089.160.879
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41.254.077.380
Cổ tức, lợi nhuận được chia	86.498.229.472
	<u><u>670.841.467.731</u></u>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 16/5/2011 đến ngày 31/12/2011 <u>VND</u>
Lãi phải trả do chậm nộp tiền thu được từ cổ phần hóa	294.945.729.713
Chi phí lãi vay	100.345.950.464
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	69.054.858.373
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	63.920.601.090
Lỗ từ bán các khoản đầu tư	1.366.417.529
	<u><u>529.633.557.169</u></u>

Chi phí lãi tiền vay đã được vốn hóa vào giá trị các công trình xây dựng cơ bản trong kỳ là khoảng 34,7 tỷ đồng.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ  
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***31. THU NHẬP KHÁC**

	Từ ngày 16/5/2011 đến ngày 31/12/2011 <b>VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản	19.708.772.391
Tiền được bồi thường	10.094.983.352
Thu tiền phạt hợp đồng	257.418.628.184
Thu nhập khác	37.054.030.334
	<b>324.276.414.261</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 16/5/2011 đến ngày 31/12/2011 <b>VND</b>
Chi phí thanh lý tài sản	11.882.184.737
Chi phí khác	7.626.493.963
	<b>19.508.678.700</b>

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 16/5/2011 đến ngày 31/12/2011 <b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.113.554.022.942</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(58.962.625.968)
Các khoản chi phí không được khấu trừ từ kỳ trước chuyển sang	(2.519.802.621)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.052.071.594.353</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường</b>	<b>864.657.800.924</b>
Thuế thu nhập được ưu đãi miễn, giảm	(43.646.667.679)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>821.011.133.245</b>

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với Dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001, Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên (đơn vị cổ phần hóa) đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

DA  
CÔN  
NH  
DEL  
ỆT  
UA

UN:3  
TỔ

VII  
C  
C  
A BÈ

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí Sư Tử Đen/Sư Tử Vàng - Rạng Đông theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 491210000102 ngày 08 tháng 5 năm 2008. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

Tổng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH Một thành viên đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án từ năm 2010 và Tổng Công ty được kế thừa ưu đãi này.

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ ngày 16/5/2011</u> <u>đến ngày 31/12/2011</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.735.575.569.066
Chi phí nhân công	237.541.621.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.547.696.105.296
Chi phí dịch vụ mua ngoài	517.025.622.807
Chi phí khác	1.323.654.067.714
	<u><u>20.361.492.986.394</u></u>

**35. CÁC KHOẢN CAM KẾT****i) Cam kết vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành sau:

	<u>31/12/2011</u> <u>VND</u>
Kho chứa LPG lạnh	726.034.786.968
Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ	678.769.567.041
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	124.917.169.830
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	164.505.330.445
	<u><u>1.694.226.854.284</u></u>

**ii) Cam kết khác**

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận chuyển khí:

**Cam kết mua hàng**

Theo thỏa thuận bổ sung của Hợp đồng GSPA Lô 06.1 ngày 30 tháng 9 năm 2009 giữa các chủ khí Lô 06.1 (Công ty TNHH BP Exploration Operating - đã chuyển nhượng cho Công ty TNK Vietnam B.V. ngày 17 tháng 10 năm 2011, Công ty TNHH ONGC Videsh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - đã chuyển nhượng cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV từ ngày 10 tháng 6 năm 2010 và hiện tại Tổng Công ty kế thừa), Tổng Công ty cam kết mua một lượng khí tối thiểu là 4 tỷ m<sup>3</sup>/năm trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

0011  
G C C  
KH  
T I  
ONG  
O PH  
TP.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***35. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Theo Hợp đồng GSPA Lô 11.2 ký ngày 19 tháng 4 năm 2005 giữa chủ khí Lô 11.2 (Công ty Dầu Quốc gia Hàn Quốc và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - đã chuyển nhượng cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV từ ngày 10 tháng 6 năm 2010 và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua một lượng khí tối thiểu là 1,216 tỷ m<sup>3</sup>/năm kể từ nay cho đến hết Giai Đoạn Bình Ổn của Lô 11.2.

Theo Hợp đồng mua bán khí thượng nguồn PM3 CAA (hợp đồng UGSA PM3 CAA) ngày 10 tháng 02 năm 2000 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV làm đại diện và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) với các nhà thầu lô PM3 CAA và Petronas có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua từ các nhà thầu một lượng khí cố định là 1,3 tỷ m<sup>3</sup>/năm, từ năm hợp đồng thứ 9 (từ ngày 01 tháng 4 năm 2011 đến ngày 31 tháng 3 năm 2012) là 1,664 tỷ m<sup>3</sup>/năm, từ năm hợp đồng thứ 10 trở đi (từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 31 tháng 3 năm 2013) là 1,819 tỷ m<sup>3</sup>/năm).

Theo Hợp đồng mua bán khí Lô 46 Cái Nước ngày 23 tháng 7 năm 2003 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV làm đại diện và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) và các nhà thầu Lô 46 Cái Nước có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua từ các chủ khí một lượng khí cố định hàng năm là 0,206 tỷ m<sup>3</sup>/năm.

**Cam kết bán hàng**

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 16 tháng 12 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chuyển nhượng cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV từ ngày 10 tháng 6 năm 2010 và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có thời hạn 20 năm, theo đó, Tổng Công ty cam kết sẽ bán một lượng khí cố định hàng năm là 1,85 tỷ m<sup>3</sup> cho EVN trong giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA.

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 22 tháng 5 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (chuyển nhượng cho Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV từ ngày 10 tháng 6 năm 2010 và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) và Công ty TNHH Phú Mỹ 3 BOT Power (PM3 BOT), Tổng Công ty cam kết cung cấp cho PM3 BOT một lượng khí tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 18 tháng 9 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV làm đại diện và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) và Công ty TNHH Năng lượng Mekong (PM 2.2 BOT), Tổng Công ty cam kết cung cấp cho PM 2.2 BOT một lượng khí tối thiểu hàng năm là 0,85 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

Theo Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và lô 46 Cái Nước tháng 5 năm 2007 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV làm đại diện và hiện tại Tổng Công ty kế thừa) và Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau, Tập đoàn cam kết cung cấp cho công ty này một lượng khí cố định hàng năm là 1,5 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 25, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công cụ tài chính và công cụ nợ được trình bày tại Thuyết minh số 4.

SOC  
T  
H  
T  
NA  
TP  
2710  
NG TI  
AN  
TY  
AN  
HOC

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Báo cáo tài chính riêng

Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011

Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

đến ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ 31/12/2011 VND
<b>Tài sản tài chính</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.318.284.343.963
Đầu tư ngắn hạn	190.772.275.057
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.026.015.148.073
Đầu tư dài hạn	815.667.463.780
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.350.739.230.873</b>
<b>Công nợ tài chính</b>	
Các khoản vay	7.597.753.900.318
Phải trả người bán và phải trả khác	5.489.019.360.408
Chi phí phải trả	1.002.476.535.650
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.089.249.796.376</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Tổng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của tỷ giá và sự thay đổi về giá cả của hàng hóa.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM  
 HẠN  
 CHỨC  
 HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM  
 HỒ CHÍ MINH



**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN****Báo cáo tài chính riêng**Tòa nhà PV GAS Tower, số 673 đường Nguyễn Hữu Thọ  
Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamCho kỳ hoạt động từ ngày 16 tháng 5 năm 2011  
đến ngày 31 tháng 12 năm 2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	1.759.596.890.619	5.838.157.009.699	7.597.753.900.318
Phải trả người bán và phải trả khác	4.295.975.174.786	1.193.044.185.622	5.489.019.360.408
Chi phí phải trả	1.002.476.535.650	-	1.002.476.535.650
	<b>7.058.048.601.055</b>	<b>7.031.201.195.321</b>	<b>14.089.249.796.376</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính và không bao gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1- 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.318.284.343.963	-	8.318.284.343.963
Đầu tư ngắn hạn	190.772.275.057	-	190.772.275.057
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.026.015.148.073	-	6.026.015.148.073
Đầu tư dài hạn	-	815.667.463.780	815.667.463.780
	<b>14.535.071.767.093</b>	<b>815.667.463.780</b>	<b>15.350.739.230.873</b>

**37. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần kể từ ngày 16 tháng 5 năm 2011, do vậy báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động đầu tiên từ ngày 16 tháng 5 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty không có số liệu so sánh.



\_\_\_\_\_  
**Đỗ Khang Ninh**  
 Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_  
**Mai Hữu Ngân**  
 Kế toán trưởng

Ngày 05 tháng 3 năm 2012

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2010**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 29

105  
G  
Y K  
IAI  
TNE  
EVI  
10

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng thành viên**

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011) Thành viên (đến ngày 31 tháng 12 năm 2010)
Ông Lê Minh Hồng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 04 tháng 01 năm 2010 và chuyển công tác ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Đỗ Khang Ninh	Chủ tịch (đến ngày 04 tháng 01 năm 2010) Thành viên (từ ngày 04 tháng 01 năm 2010)
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 01 năm 2010)
Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2009 và chuyển công tác từ ngày 04 tháng 01 năm 2010)
Ông Nguyễn Trung Dân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (chuyển công tác từ ngày 04 tháng 01 năm 2011)
Ông Trần Hưng Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (chuyển công tác ngày 01 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 01 năm 2010)
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2010)
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2010 và chuyển công tác ngày 01 tháng 01 năm 2011)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**TỔNG  
CÔNG TY KHÍ  
VIỆT NAM  
CÔNG TY TNHH  
MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 19A đường Cộng Hòa  
Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Tổnq Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2011

Số: ~~6/19~~ /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (gọi tắt là “Tổng Công ty”) từ trang 5 đến trang 29. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán trình bày ở đoạn dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng chi phí thu dọn các đường ống khi kết thúc khai thác các công trình khí với số tiền là 77.140.233.977 đồng (số dư lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 578.774.423.056 đồng). Tại ngày lập báo cáo này, phương án và chi phí thu dọn các công trình khí nói trên chưa được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền. Chúng tôi cũng không thu thập được các bằng chứng kiểm toán cần thiết để xác định tính hợp lý của khoản chi phí nói trên, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản chi phí dự phòng này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.


### **Ý kiến ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết liên quan đến vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

*Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới vấn đề sau:*

Như trình bày tại Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty hiện đang ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn tại thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, theo đó doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2010 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2011 với số tiền lần lượt là 2.640 tỷ đồng và 2.590 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn tháng 11 và 12 năm 2009 được ghi nhận vào năm 2010 tương ứng là 2.607 tỷ đồng và 2.127 tỷ đồng).



  
Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 28 tháng 4 năm 2011*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*



**Trần Huy Công**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>16.241.376.873.327</b>	<b>10.757.633.221.304</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.927.167.508.497</b>	<b>2.281.485.673.442</b>
1. Tiền	111		2.872.009.982.480	1.991.506.562.579
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.055.157.526.017	289.979.110.863
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.201.551.000.000</b>	<b>2.674.045.500.583</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	2.201.551.000.000	2.674.045.500.583
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>7.412.309.845.015</b>	<b>3.814.561.438.117</b>
1. Phải thu khách hàng	131		6.158.060.939.052	2.934.746.283.825
2. Trả trước cho người bán	132		693.709.660.160	280.104.692.056
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		46.763.079.934	70.903.982.510
4. Các khoản phải thu khác	135		519.889.674.724	544.312.536.598
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(6.113.508.855)	(15.506.056.872)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>868.236.939.046</b>	<b>1.144.104.468.682</b>
1. Hàng tồn kho	141		946.220.261.132	1.198.243.026.452
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(77.983.322.086)	(54.138.557.770)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>832.111.580.769</b>	<b>843.436.140.480</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		97.609.993.625	89.833.285.780
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		338.099.836.975	129.121.001.548
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	30.910.899.789	99.547.887.675
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		365.490.850.380	524.933.965.477
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>23.422.228.747.821</b>	<b>11.136.200.864.467</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>6.640.270.170</b>	<b>85.500.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	85.500.000
2. Phải thu dài hạn khác	218		6.640.270.170	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.850.461.723.708</b>	<b>10.093.551.805.966</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	17.746.980.365.758	9.473.582.377.445
- Nguyên giá	222		25.537.511.197.950	17.810.840.200.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.790.530.832.192)	(8.337.257.823.025)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	54.268.768.464	866.258.818
- Nguyên giá	225		55.482.747.970	1.521.235.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.213.979.506)	(654.976.182)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	175.342.128.678	13.490.949.215
- Nguyên giá	228		183.172.745.374	19.233.391.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.830.616.696)	(5.742.442.747)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	873.870.460.808	605.612.220.488
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.328.255.146.316</b>	<b>629.645.490.567</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	14	627.856.495.218	423.751.276.603
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	712.708.531.956	447.045.324.791
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.309.880.858)	(241.151.110.827)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.236.871.607.627</b>	<b>412.918.067.934</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	3.231.988.195.711	353.942.344.341
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.985.054.753	57.187.500.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		898.357.163	1.788.223.593
<b>C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI</b>	<b>269</b>	<b>17</b>	<b>15.653.645.437</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200 + 269)</b>	<b>270</b>		<b>39.679.259.266.585</b>	<b>21.893.834.085.771</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>17.012.302.518.162</b>	<b>14.303.221.188.094</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>9.810.187.656.841</b>	<b>6.544.024.044.328</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	2.064.741.524.603	1.283.041.115.872
2. Phải trả người bán	312		4.461.715.612.146	3.471.733.644.255
3. Người mua trả tiền trước	313		132.607.101.700	272.035.332.969
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	254.312.586.058	8.757.257.237
5. Phải trả người lao động	315		85.731.706.964	71.246.117.866
6. Chi phí phải trả	316	20	408.726.828.356	131.745.484.548
7. Phải trả nội bộ	317		-	642.382.364.325
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	2.370.146.587.757	627.944.479.598
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		32.205.709.257	35.138.247.658
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.202.114.861.321</b>	<b>7.759.197.143.766</b>
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	22	44.265.687.854	1.629.670.994.116
2. Phải trả dài hạn khác	333		198.972.135.791	188.052.146.002
3. Vay và nợ dài hạn	334	23	5.382.515.946.148	5.482.742.134.621
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		22.506.110.661	21.573.096.990
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337		578.774.423.056	66.692.487.506
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		4.336.402.478	-
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		970.744.155.333	370.466.284.531
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>22.050.598.270.233</b>	<b>7.358.764.353.184</b>
<b>(400= 410+430+439)</b>				
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>22.045.720.711.829</b>	<b>7.351.588.701.067</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.455.050.754.975	5.068.993.804.933
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.254.472.277	-
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		6.710.919.929.696	-
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.561.854.279)	(6.501.673.520)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.469.719.828.337	835.463.974.369
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.753.694.107.517	1.270.467.878.633
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.657.643.473.306	183.164.716.652
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.877.558.404</b>	<b>7.175.652.117</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		4.877.558.404	7.175.652.117
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>616.358.478.190</b>	<b>231.848.544.493</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400+439)</b>	<b>440</b>		<b>39.679.259.266.585</b>	<b>21.893.834.085.771</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2010	31/12/2009
1. Nợ khó đòi đã xử lý	3.394.214.263	3.394.214.263
2. Ngoại tệ các loại	11.533.069	7.415.277
	45.781	-
	801.015	-



**Tổng Giám đốc**

Ngày 28 tháng 4 năm 2011

**Mai Hữu Ngạn**  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	48.076.583.629.369	30.485.218.232.557
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	82.202.154.080	30.484.298.553
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10	25	47.994.381.475.289	30.454.733.934.004
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	40.513.530.803.167	25.000.229.438.563
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.480.850.672.122	5.454.504.495.441
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	787.185.251.907	615.141.311.028
7. Chi phí tài chính	22	28	1.153.645.789.497	1.239.401.937.805
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		286.160.142.607	239.508.148.625
8. Chi phí bán hàng	24		703.305.657.661	643.493.792.097
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.072.230.676.234	367.913.742.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		5.338.853.800.637	3.818.836.333.755
11. Thu nhập khác	31	29	388.532.367.714	53.717.885.524
12. Chi phí khác	32	30	94.938.178.040	33.051.184.059
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		293.594.189.674	20.666.701.465
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		93.218.925.586	94.561.800.640
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		5.725.666.915.897	3.934.064.835.860
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	805.723.755.516	623.264.615.802
17. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	(3.892.254.720)	(80.187.500)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	31	4.923.835.415.101	3.310.880.407.558
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		176.119.934.507	25.741.940.122
- Lợi nhuận sau thuế của của công ty mẹ	62		4.747.715.480.594	3.285.138.467.436



**Đỗ Khang Ninh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2011

**Mai Hữu Ngạn**  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.725.666.915.897	3.934.064.835.860
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.734.004.329.585	937.425.629.833
Các khoản dự phòng	03	17.300.074.479	41.610.810.192
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	280.517.297.371	299.873.677.886
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(594.212.732.078)	(418.145.019.611)
Chi phí lãi vay	06	286.160.142.607	239.508.148.625
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	7.449.436.027.861	5.034.338.082.785
(Tăng) các khoản phải thu	09	(3.137.418.026.067)	(1.475.051.944.555)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	249.706.985.736	(866.451.528.343)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	3.841.314.505.165	3.376.430.073.221
(Tăng) chi phí trả trước và khác	12	(215.214.089.933)	(675.873.597.982)
Tiền lãi vay đã trả	13	(250.336.602.265)	(131.287.639.197)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(692.967.021.571)	(1.106.435.319.100)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	77.308.776.000	46.310.560.543
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(87.717.444.689)	(2.416.583.399.001)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>7.234.113.110.237</i>	<i>1.785.395.288.371</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.203.527.550.485)	(2.223.084.667.795)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	3.116.696.463	28.482.709.640
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.113.067.180.000)	(32.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.307.394.500.583	137.177.867.067
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(313.975.518.713)	(279.626.300.640)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	261.732.326.603	187.020.109.974
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	515.640.326.257	423.894.660.080
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(3.542.686.399.292)</i>	<i>(1.758.735.621.674)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	23.803.561.429
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.738.675.625.675	552.952.984.688
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.389.011.330.044)	(350.565.739.530)
4. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	(1.363.685.469)	(287.256.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.400.369.267.196)	(2.365.687.591.554)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(1.052.068.657.034)</i>	<i>(2.139.784.040.967)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	<i>2.639.358.053.911</i>	<i>(2.113.124.374.270)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.281.485.673.442	4.401.002.291.800
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	6.323.781.144	(6.392.244.088)
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	<i>4.927.167.508.497</i>	<i>2.281.485.673.442</i>



**Đỗ Khang Minh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 4 năm 2011

**Mai Hữu Ngân**  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 29 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (gọi tắt là "Tổng Công ty") - tiền thân là Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần 6 ngày 12 tháng 5 năm 2010.

Tổng Công ty đã tiến hành chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 11 năm 2010 và hiện tại đang trong quá trình chuyển từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại lầu 6, tòa nhà SCEPTA, 19A Cộng Hòa, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.294 (31 tháng 12 năm 2009: 1.650).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có các công ty con như sau:

- Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là "PVGAS South")
- Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "PVGAS North")
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (sau đây gọi tắt là "PVID")
- Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu Khí (sau đây gọi tắt là "PSCC")
- Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PV Cylinder").

**Hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí; tổ chức phân phối, kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, condensate,...; kinh doanh vật tư thiết bị, hoá chất trong lĩnh vực chế biến khí và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi; đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, tiêu thụ LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của Petro Việt Nam; tư vấn thiết kế, lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; nghiên cứu ứng dụng ngành khí, thiết kế, cải tạo công trình khí; cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông, lâm, ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; xuất nhập khẩu các sản phẩm khí lô, khí LNG, khí lỏng, condensate; nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí; tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí; đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài, đầu tư mua bán chuyển nhượng, đàm phán, ký hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí; mua các công ty khí quốc tế để trở thành thành viên của Tổng Công ty, bán các công ty con khi cần thiết; các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày theo giá gốc, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng, khoản tiền ủy thác quản lý vốn ngắn hạn và hưởng lãi suất ủy thác tương ứng với kết quả của hoạt động ủy thác.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2010</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 15
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	2 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 20

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và thay thế nhỏ nhằm duy trì điều kiện hoạt động bình thường của các tài sản được hạch toán vào chi phí trong năm. Các chi phí sửa chữa lớn hoặc thay thế mới làm thay đổi tính năng, công suất của tài sản được ghi nhận vào giá trị tài sản.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể, đối với các phương tiện vận tải thuê tài chính, Tổng Công ty xác định thời gian khấu hao là 6 năm.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, thương hiệu và các tài sản cố định vô hình khác.

Các tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo gian sử dụng đất, quyền sử dụng lâu dài (không có thời hạn) không phải trích khấu hao. Các tài sản cố định vô hình còn lại được khấu theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2010</u>
	Số năm
Thương hiệu	9
Phần mềm máy tính	3

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty khác với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% tổng số vốn tương đương quyền biểu quyết của các công ty này, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư (nếu có).

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp, khoản trả trước tiền thuê đất, giá trị vỏ bình gas và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê vào giá trị tài sản cố định xây dựng trên lô đất trong thời gian xây dựng và vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm kể từ khi tài sản xây dựng ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian sử dụng ước tính của vỏ bình (kỳ quỹ, kỳ cực vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác và được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas). Giá trị vỏ bình gas được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm Tổng Công ty phát hành hoá đơn giá trị gia tăng.



**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**

Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng 2.561.854.279 đồng (năm 2009: 6.501.673.520 đồng) và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào hợp nhất vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	10.526.193.376	6.399.437.633
Tiền gửi ngân hàng	2.861.483.789.104	1.984.133.464.119
Tiền đang chuyển	-	973.660.827
Các khoản tương đương tiền (i)	<u>2.055.157.526.017</u>	<u>289.979.110.863</u>
	<b><u>4.927.167.508.497</u></b>	<b><u>2.281.485.673.442</u></b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống	1.714.077.180.000	2.620.045.500.583
Ủy thác quản lý vốn ngắn hạn	487.473.820.000	54.000.000.000
	<b><u>2.201.551.000.000</u></b>	<b><u>2.674.045.500.583</u></b>

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**

Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	65.407.079.328	48.717.221.701
Nguyên liệu, vật liệu	312.601.443.267	673.856.625.150
Công cụ, dụng cụ	31.718.750.049	21.873.970.237
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.895.442.968	6.700.989.471
Thành phẩm	51.233.605.255	75.237.894.725
Hàng hóa	451.363.940.265	371.810.693.115
Hàng gửi bán	-	45.632.053
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>946.220.261.132</b>	<b>1.198.243.026.452</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(77.983.322.086)	(54.138.557.770)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>868.236.939.046</b>	<b>1.144.104.468.682</b>

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế xuất nhập khẩu	8.899.075.455	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.011.824.334	99.547.887.675
	<b>30.910.899.789</b>	<b>99.547.887.675</b>

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2010	463.794.634.865	263.997.744.862	140.477.568.255	61.616.885.474	16.880.953.367.014	17.810.840.200.470
Mua trong năm	16.959.571.645	36.583.252.039	36.966.405.112	13.977.176.104	21.075.495.439	125.561.900.339
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	318.446.364.858	522.558.173.953	75.069.537.511	416.810.359	2.296.838.186.103	3.213.329.072.784
Tăng theo đánh giá lại để cổ phần hóa	6.912.005.998	-	5.233.077.226	-	4.313.735.256.957	4.325.880.340.181
Tăng khác	1.926.282.513	58.997.673.725	32.860.414.264	726.909.390	21.332.610.962	115.843.890.854
Giảm theo đánh giá lại để cổ phần hóa	(4.188.717.525)	(60.746.717)	-	(2.104.441.191)	(398.850.404)	(6.752.755.837)
Thanh lý, nhượng bán	(16.940.000)	(121.090.910)	(2.172.595.430)	(30.480.252)	-	(2.341.106.592)
Điều chỉnh theo quyết toán	-	4.104.914	-	-	(35.365.939.455)	(35.361.834.541)
Giảm khác	(791.703.084)	(1.132.397.470)	(252.672.076)	(196.067.990)	(7.115.669.088)	(9.488.509.708)
Tại ngày 31/12/2010	<b>803.041.499.270</b>	<b>880.826.714.396</b>	<b>288.181.734.862</b>	<b>74.406.791.894</b>	<b>23.491.054.457.528</b>	<b>25.537.511.197.950</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2010	107.479.262.740	98.919.182.209	75.704.703.243	33.326.884.106	8.021.827.790.727	8.337.257.823.025
Khấu hao trong năm	466.952.964.466	93.234.143.867	32.680.736.800	17.470.803.332	1.120.560.837.984	1.730.899.486.449
Tăng theo đánh giá lại để cổ phần hóa	-	-	-	-	100.860.943	100.860.943
Tăng khác	184.513.010	6.392.448.946	(9.702.206.176)	119.263.364	13.931.996.936	10.926.016.080
Giảm do đánh giá lại để cổ phần hóa	(433.575.357.617)	(51.211.552.394)	(9.089.696.641)	(7.425.050.858)	(1.748.090.621.552)	(2.249.392.279.062)
Thanh lý, nhượng bán	(7.058.329)	(212.473.639)	(1.371.219.010)	(113.977.412)	-	(1.704.728.390)
Điều chỉnh theo quyết toán	-	1.505.764	-	-	(6.827.591.089)	(6.826.085.325)
Giảm khác	(4.551.102.016)	(13.405.088.855)	(3.342.048.283)	(287.758.141)	(9.144.264.233)	(30.730.261.528)
Tại ngày 31/12/2010	<b>136.483.222.254</b>	<b>133.718.165.898</b>	<b>84.880.269.933</b>	<b>43.090.164.391</b>	<b>7.392.359.009.716</b>	<b>7.790.530.832.192</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2010	<b>666.558.277.016</b>	<b>747.108.548.498</b>	<b>203.301.464.929</b>	<b>31.316.627.503</b>	<b>16.098.695.447.812</b>	<b>17.746.980.365.758</b>
Tại ngày 31/12/2009	<b>356.315.372.125</b>	<b>165.078.562.653</b>	<b>64.772.865.012</b>	<b>28.290.001.368</b>	<b>8.859.125.576.287</b>	<b>9.473.582.377.445</b>

Các công trình khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày trong nhóm "Tài sản cố định khác" bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 5.183.293.694.915 đồng được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 126.689.407.039 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 5.212.484.707.902 đồng).

Nguyên giá tài sản cố định để cầm cố thế chấp các khoản nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 345.765.136.773 đồng.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2010	-	1.521.235.000	1.521.235.000
Thuê tài chính trong năm	47.933.998.993	6.027.513.977	53.961.512.970
Tại ngày 31/12/2010	47.933.998.993	7.548.748.977	55.482.747.970
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2010	-	654.976.182	654.976.182
Khấu hao trong năm	-	559.003.324	559.003.324
Tại ngày 31/12/2010	-	1.213.979.506	1.213.979.506
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2010	47.933.998.993	6.334.769.471	54.268.768.464
Tại ngày 31/12/2009	-	866.258.818	866.258.818

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Thương hiệu VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	11.533.595.145	7.699.796.817	-	-	19.233.391.962
Tăng trong năm	154.352.774.678	3.834.201.112	1.464.370.376	4.288.007.246	163.939.353.412
Tại ngày 31/12/2010	165.886.369.823	11.533.997.929	1.464.370.376	4.288.007.246	183.172.745.374
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2010	60.095.000	5.682.347.747	-	-	5.742.442.747
Khấu hao trong năm	45.314.864	2.436.664.136	79.166.977	-	2.561.145.977
Giảm do đánh giá lại để cổ phần hóa	-	(472.972.028)	-	-	(472.972.028)
Tại ngày 31/12/2010	105.409.864	7.646.039.855	79.166.977	-	7.830.616.696
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2010	165.780.959.959	3.887.958.074	1.385.203.399	4.288.007.246	175.342.128.678
Tại ngày 31/12/2009	11.473.500.145	2.017.449.070	-	-	13.490.949.215

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	74.713.934.650	133.681.791.366
Kho chứa LPG lạnh	23.421.977.190	3.191.553.729
Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ	206.983.958.658	6.592.269.738
Dự án thu gom khí Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	-	43.440.638.892
Trạm nạp khí hóa lỏng Thị Vải	-	60.758.621.218
Dự án cao ốc văn phòng Dragon Tower (i)	306.893.194.595	157.697.490.313
Công trình CNG	-	24.431.497.323
Nhà máy bọc ống	-	82.462.744.918
Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ	43.646.077.990	10.465.070.386
Dự án đầu tư nâng công suất cầu cảng PVGAS Vũng Tàu	42.386.681.914	-
Dự án dây chuyền cấp khí cho Nhà máy đạm Cà Mau	33.282.518.193	-
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	14.513.863.444	-
Khác	128.028.254.174	82.890.542.605
	<b>873.870.460.808</b>	<b>605.612.220.488</b>

(i) Tổng Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long để xây dựng một cao ốc văn phòng trên diện tích 7.441 m<sup>2</sup> đất tại Khu số 8, Dự án Dragon City, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, Tổng Công ty là Nhà điều hành và góp 70% vốn đầu tư dự án. Theo hợp đồng, các bên được hưởng lợi nhuận từ dự án trên cơ sở kết quả kinh doanh của Nhà điều hành theo tỷ lệ góp vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của công trình này đang được ghi nhận trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản của Tổng Công ty.

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con sở hữu trực tiếp của Tổng Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	TP HCM	54%	54%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc	Hà Nội	62%	62%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (i)	Đồng Nai	0%	0%	Phân phối khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Sản xuất Bình khí	Đồng Nai	82%	91%	Sản xuất vỏ bình khí
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp khí	Vũng Tàu	51%	51%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hoá Dầu khí	Hà Nội	60%	60%	Hoạt động thể thao và văn hóa

(i) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam được chuyển nhượng toàn bộ cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (là công ty con của Tổng Công ty) theo hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 13 tháng 7 năm 2010. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	351.819.455.779	241.427.757.839
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	75.859.870.612	71.329.965.254
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	150.136.467.188	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	50.040.701.639	14.400.000.000
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	-	24.328.501.952
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	23.966.913.142
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam	-	10.763.828.416
Công ty TNHH Liên doanh Khí hóa lỏng Thăng Long	-	19.734.310.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm	-	17.800.000.000
	<b>627.856.495.218</b>	<b>423.751.276.603</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	TP Hồ Chí Minh	48,12%	Phân phối khí thấp áp
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Hà Nội	35,51%	Kinh doanh khí
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Tiền Giang	32,97%	Sản xuất ống thép
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	20,83%	Cho thuê kho LPG

**15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu (i)	393.170.000.000	435.270.000.000
Đầu tư trái phiếu	-	5.576.400.000
Ủy thác quản lý vốn dài hạn	318.067.180.000	-
Đầu tư dài hạn khác	1.471.351.956	6.198.924.791
	<b>712.708.531.956</b>	<b>447.045.324.791</b>

- (i) Đầu tư cổ phiếu bao gồm khoản mua cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á với số tiền là 311.250.000.000 đồng. Do số cổ phiếu này thuộc loại hạn chế chuyển nhượng và Tổng Công ty dự kiến nắm giữ dài hạn nên không thực hiện đánh giá để trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh (i)	2.729.738.580.027	-
Chi phí vô hình gas chờ phân bổ	384.906.006.871	297.540.311.870
Trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng	92.245.323.147	45.839.141.306
Chi phí trả trước dài hạn khác	25.098.285.666	10.562.891.165
	<b>3.231.988.195.711</b>	<b>353.942.344.341</b>

- (i) Lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	2010	2009
	VND	VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	17.392.939.375	-
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.739.293.938)	-
Số cuối năm	<b>15.653.645.437</b>	-

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay ngắn hạn	372.543.727.376	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 23)	1.692.197.797.227	1.283.041.115.872
	<b>2.064.741.524.603</b>	<b>1.283.041.115.872</b>

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	198.313.636.734	3.419.534.800
Thuế xuất, nhập khẩu	779.675.279	3.517.516.743
Thuế thu nhập doanh nghiệp	45.979.045.628	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.136.945.844	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.634.019.477	549.994.296
Các loại thuế khác	5.469.263.096	1.270.211.398
	<b>254.312.586.058</b>	<b>8.757.257.237</b>

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	54.880.344.256	51.028.840.128
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	66.165.414.580	-
Chi phí lãi vay	83.046.712.033	47.700.510.250
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí	136.051.323.285	-
Các khoản khác	68.583.034.202	33.016.134.170
	<b>408.726.828.356</b>	<b>131.745.484.548</b>

**21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền bán cổ phần lần đầu phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.886.949.950.000	-
Các khoản phải trả khác	483.196.637.757	627.944.479.598
	<b>2.370.146.587.757</b>	<b>627.944.479.598</b>

**22. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải trả dài hạn nội bộ	44.265.687.854	1.629.670.994.116
	<b>44.265.687.854</b>	<b>1.629.670.994.116</b>

Phải trả dài hạn nội bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về số vốn cấp cho Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ (đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty) để thực hiện Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Rồng - Đồi mồi với số tiền là 44.265.687.854 đồng.

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Vay dài hạn	7.033.281.647.694	6.765.102.707.408
Nợ dài hạn	41.432.095.681	680.543.085
Trừ: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.692.197.797.227)	(1.283.041.115.872)
	<b>5.382.515.946.148</b>	<b>5.482.742.134.621</b>

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.692.197.797.227	1.283.041.115.872
Trong năm thứ hai	1.376.633.727.161	1.248.361.870.912
Từ ba năm đến năm thứ năm	2.679.316.899.934	2.607.285.134.923
Sau năm năm	1.326.565.319.053	1.627.095.128.786
	<b>7.074.713.743.375</b>	<b>6.765.783.250.493</b>
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	1.692.197.797.227	1.283.041.115.872
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.382.515.946.148</b>	<b>5.482.742.134.621</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết một số khoản vay dài hạn có số dư lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Các khoản vay tại Công ty mẹ:

- Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư Châu Âu với hạn mức vay là 65 triệu USD và chịu lãi suất 4,48%/năm. Khoản vay này có thời hạn 10 năm và trả gốc và lãi 6 tháng 1 lần theo lịch trả nợ bắt đầu từ tháng 6 năm 2004. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn và được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 27.365.609 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 33.482.184 USD).
- Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Sea Bank) có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 42.802.270 USD và 95.543.447.716 đồng; chịu lãi suất lần lượt là Sibor 6 tháng + 1,95%/năm và 11,4%/năm. Các khoản vay này có thời hạn 7 năm và được sử dụng để đầu tư các công trình xây dựng cơ bản. Gốc và lãi vay được trả 6 tháng 1 lần sau 24 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 144.000.000 USD, chịu lãi suất là lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 0,5%/năm. Các khoản vay này có thời hạn 11 năm, trả gốc và lãi 6 tháng 1 lần sau 12 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên và được sử dụng để đầu tư Đường ống dẫn khí PM3 Cà Mau.
- Khoản vay từ Ngân hàng Calyon có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 22.727.273 USD chịu lãi suất Sibor 6 tháng + 1,3%/năm. Các khoản vay này có thời hạn 7 năm, trả gốc và lãi 6 tháng 1 lần sau 24 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên, khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính và được sử dụng để đầu tư Đường ống dẫn khí PM3 Cà Mau.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TPHCM (HD Bank), có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 180.562.958.000 đồng với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Các khoản vay này có thời hạn 5 năm, trả gốc và lãi 6 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được sử dụng để đầu tư Dự án cao ốc văn phòng Dragon Tower.
- Khoản vay từ Ngân hàng Standard Chartered với hạn mức vay là 133.000.000 USD và chịu lãi suất Libor 6 tháng + 2,5%/năm. Khoản vay này có thời hạn 5 năm và được sử dụng để đầu tư Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hồ, Rồng Đồi Mồi và các dự án khác. Gốc và lãi được trả từ tháng thứ 12 kể từ thời điểm ký hợp đồng vay ngày 01 tháng 12 năm 2010. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 7.829.562 USD.
- Các khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 27.309.865 USD và 170.163.550.122 đồng với lãi suất không cố định. Các khoản vay này có thời hạn từ 4 - 7 năm được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được sử dụng để đầu tư các công trình xây dựng cơ bản của Tổng Công ty.

Các khoản vay tại PVGAS South:

- Các khoản vay từ các ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam Gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm 631.276.817.272 đồng, 3.078.757 EUR và 5.491.757 USD. Các khoản vay này có thời hạn từ 3 đến 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay EUR tối thiểu 5,5% một năm và vay Việt Nam đồng là 8,3% năm đến 15% một năm. Các khoản vay này được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình thuộc dự án CNG và các kho chứa Dung Quất, Gò Dầu. PVGAS South sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay để thế chấp cho các khoản vay này.

Các khoản vay tại PVGAS North:

- Khoản vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ủy thác qua Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 243.000.000.000 đồng, nhằm tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của PVGAS North. Khoản vay không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất bằng 75% lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được niêm yết vào ngày xác định lãi suất. Khoản vay có thời hạn 3 năm từ ngày 09 tháng 7 năm 2010.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**

Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay tại PVID:

- Khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 13.822.686 USD và 60.620.548.543 đồng với lãi suất bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng Đồng Việt Nam. Thời hạn của khoản vay là 78 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được sử dụng để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy bọc ống tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Phú Mỹ với dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 3.004.430.000 đồng. Khoản vay được trả hàng quý với thời hạn là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất 14,5% một năm và được thay đổi ba tháng một lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	3.412.698.437.112	-	-	933.518.884.775	1.214.414.687.163	-	62.954.485.865	5.623.586.494.915
Tập đoàn cấp	1.656.295.367.821	-	-	-	-	-	-	1.656.295.367.821
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	3.284.978.092.436	3.284.978.092.436
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	832.309.314.475	56.397.072.031	-	(1.337.012.305.219)	(448.305.918.713)
Nộp Tập đoàn	-	-	-	(929.993.598.160)	-	-	(1.827.455.556.430)	(2.757.449.154.590)
Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chi tiêu từ quỹ	-	-	-	(370.626.721)	(343.880.561)	-	-	(714.507.282)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	(6.501.673.520)	-	(6.501.673.520)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>5.068.993.804.933</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>835.463.974.369</b>	<b>1.270.467.878.633</b>	<b>(6.501.673.520)</b>	<b>183.164.716.652</b>	<b>7.351.588.701.067</b>
Tăng vốn trong năm	2.323.297.613.085	1.254.472.277	-	-	-	-	-	2.324.552.085.362
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	4.747.715.480.594	4.747.715.480.594
Thay đổi theo kết quả cổ phần hóa (i)	3.063.186.755.069	-	6.710.919.929.696	-	-	-	-	9.774.106.684.765
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	1.462.511.783.005	486.428.970.302	-	(2.026.912.524.840)	(77.971.771.533)
Nộp Tập đoàn (ii)	-	-	-	(828.683.347.149)	-	-	(1.200.000.000.000)	(2.028.683.347.149)
Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	3.939.819.241	-	3.939.819.241
Thay đổi khác	(427.418.112)	-	-	427.418.112	(3.202.741.418)	-	(45.824.199.100)	(49.026.940.518)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>10.455.050.754.975</b>	<b>1.254.472.277</b>	<b>6.710.919.929.696</b>	<b>1.469.719.828.337</b>	<b>1.753.694.107.517</b>	<b>(2.561.854.279)</b>	<b>1.657.643.473.306</b>	<b>22.045.720.711.829</b>

- (i) Thay đổi theo kết quả cổ phần hóa phản ánh số vốn nhà nước tăng tại Tổng Công ty theo Quyết định số 1201/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Khí Việt Nam.
- (ii) Tổng Công ty thực hiện nộp Tập đoàn số tiền đã trích từ lợi nhuận năm 2009 vào Quỹ đầu tư phát triển theo phê duyệt phân phối lợi nhuận của Tập đoàn năm 2009 với số tiền là 828.683.347.149 đồng và tạm nộp Tập đoàn lợi nhuận năm 2010 là 1.200 tỷ đồng. Số phải nộp chính thức sẽ được Tập đoàn phê duyệt trong năm 2011.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. DOANH THU BÁN HÀNG**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>48.076.583.629.369</b>	<b>30.485.218.232.557</b>
Doanh thu bán khí	28.033.980.271.575	20.416.516.437.263
Doanh thu bán LPG, bupro	17.291.694.878.109	8.230.833.809.726
Doanh thu vận chuyển khí	2.332.121.553.959	1.641.935.709.171
Doanh thu khác	418.786.925.726	195.932.276.397
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>82.202.154.080</b>	<b>30.484.298.553</b>
Chiết khấu thương mại	61.592.761.338	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu	20.609.392.742	30.484.298.553
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>47.994.381.475.289</b>	<b>30.454.733.934.004</b>

Doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm phát hành hóa đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, theo đó doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2010 sẽ được ghi nhận trong năm 2011 với số tiền lần lượt là 2.640 tỷ đồng và 2.590 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn tháng 11 và 12 năm 2009 được ghi nhận vào năm 2010 tương ứng là 2.607 tỷ đồng và 2.127 tỷ đồng).

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán khí	25.034.219.185.182	17.749.039.201.059
Giá vốn bán LPG, bupro	14.714.790.566.928	6.388.291.852.965
Giá vốn vận chuyển khí	402.719.073.630	377.341.411.013
Giá vốn khác	361.801.977.427	485.556.973.526
	<b>40.513.530.803.167</b>	<b>25.000.229.438.563</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	414.071.606.291	381.000.120.725
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	191.566.034.717	183.827.650.523
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.970.897.695	31.776.178.145
Lãi từ bán các khoản đầu tư	126.107.460.266	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.469.252.938	18.537.361.635
	<b>787.185.251.907</b>	<b>615.141.311.028</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2010 VND	2009 VND
Chi phí lãi vay	286.160.142.607	239.508.148.625
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	574.922.779.744	299.873.677.886
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	280.517.297.371	697.268.240.130
Chi phí dự phòng	2.309.880.858	1.081.704.874
Chi phí tài chính khác	9.735.688.917	1.670.166.290
	<b>1.153.645.789.497</b>	<b>1.239.401.937.805</b>

**29. THU NHẬP KHÁC**

	2010 VND	2009 VND
Thu tiền phạt, bồi thường theo hợp đồng	245.032.664.791	-
Thu từ các đối tác chi phí trước hoạt động của liên doanh Lô B - Ô Môn	80.216.852.928	-
Thu tiền bồi thường chi phí khắc phục sự cố rò rỉ đường ống Sư tử Vàng - Rạng Đông	17.210.909.091	-
Thu nhập khác	46.071.940.904	53.717.885.524
	<b>388.532.367.714</b>	<b>53.717.885.524</b>

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	2010 VND	2009 VND
Chi phí trước hoạt động của dự án liên doanh Lô B - Ô Môn	71.783.976.428	-
Chi phí khắc phục sự cố rò rỉ đường ống Sư Tử Vàng - Rạng Đông	15.692.612.543	-
Chi phí khác	7.461.589.069	33.051.184.059
	<b>94.938.178.040</b>	<b>33.051.184.059</b>

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	5.725.666.915.897	3.934.064.835.860
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	805.723.755.516	623.264.615.802
Trong đó:		
- Công ty mẹ - Tổng Công ty Khí Việt Nam (i)	754.316.165.108	613.027.115.898
- Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam (ii)	37.315.896.294	3.418.166.389
- Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	1.459.538.016	1.664.913.642
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí	11.042.183.641	251.567.362
- Công ty Cổ phần Thể thao Văn hóa Dầu Khí	76.499.640	9.461.951
- Công ty Cổ phần Bình khí Dầu khí Việt Nam	-	-
- Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam	1.513.472.817	4.893.390.560
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.892.254.720)	(80.187.500)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>4.923.835.415.101</b>	<b>3.310.880.407.558</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

**(i) Công ty mẹ - Tổng Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:**

Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với các dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001; Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu, giảm 50% cho 7 năm tiếp theo, kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn.

Tổng Công ty được hưởng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án này từ năm 2010.

Tổng Công ty được hưởng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án này từ năm 2010.

Tổng Công ty được hưởng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí Sư Tử Đen/Sư Tử Vàng - Rạng đông theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 491210000102 ngày 08 tháng 5 năm 2008. Tổng Công ty đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án này từ năm 2010.

Tổng Công ty được hưởng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đầu tư Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án này từ năm 2010.

**(ii) Công ty con - Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:**

Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh của khí CNG, hoạt động kinh doanh khí CNG sẽ được hưởng thuế suất thuế TNDN là 20% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế hai năm và giảm 50% cho sáu năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Năm 2009 là năm đầu tiên hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế, Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế này.

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - công ty con của Công ty Cổ phần Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam, có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 25% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

	2010 VND	2009 VND
<b>Bán hàng</b>		
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	2.319.901.990.195	1.641.935.709.171
Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí	1.385.148.769.958	717.114.952.171
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	226.824.229.261	244.208.818.044
Tổng Công ty Điện lực dầu khí Việt Nam	9.388.720.913.680	4.341.150.335.062
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	2.496.193.711.762	-
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	300.330.951.266	205.781.768.449
<b>Mua hàng</b>		
Petro Việt Nam	3.011.433.411.897	2.792.035.709.238
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	23.990.562.071.242	-
<b>Các giao dịch khác</b>		
Vốn cấp từ Petro Việt Nam	2.758.239.314.658	1.656.345.367.821
Lãi ủy thác đầu tư thu từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	36.121.330.402	-
Lãi vay phải trả Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	59.359.991.833	291.854.281.891

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
<b>Các khoản phải thu</b>		
Petro Việt Nam	46.763.079.934	70.903.982.510
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí	2.094.873.736.573	434.921.792.196
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	269.472.389.393	87.518.892.820
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	252.995.702.327	1.235.580.001
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	8.618.303.694	30.770.208.707
<b>Các khoản phải trả</b>		
Petro Việt Nam	617.183.250.587	4.008.154.992
Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí VietsovPetro	24.709.908.737	23.557.580.336
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí	13.306.123.941	6.191.474.550
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	2.146.171.845	3.928.788.001
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)	840.773.308.789	-
Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	284.491.114.324	506.268.910.750
<b>Các khoản ủy thác đầu tư</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	777.300.000.000	54.000.000.000
<b>Các khoản vay</b>		
Petro Việt Nam	-	1.629.670.994.116
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí	1.350.776.354.012	1.328.634.406.192

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**33. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**i) Cam kết vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành sau:

	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>
Kho chứa LPG lạnh	397.060.862.464
Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hồ	146.342.089.379
Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Mỏ Rồng - Đồi mồi	708.110.363.535
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	570.936.571.491

**ii) Cam kết khác**

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận chuyển khí:

**Cam kết mua hàng**

Theo Hợp đồng GSPA Lô 06.1 ngày 15 tháng 12 năm 2000 và thỏa thuận bổ sung cho GSPA Lô 06.1 ngày 30 tháng 9 năm 2009 giữa các chủ khí Lô 06.1 (Công ty TNHH BP Exploration Operating, Công ty TNHH ONGC Videsh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện), Tổng Công ty cam kết mua một lượng khí tối thiểu là 3,6 tỷ m<sup>3</sup> một năm kể ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010 và 4 tỷ m<sup>3</sup> một năm trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Theo Hợp đồng GSPA ký ngày 19 tháng 4 năm 2005 giữa chủ khí Lô 11.2 (Công ty Dầu Quốc gia Hàn Quốc và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua một lượng khí tối thiểu là 1,216 tỷ m<sup>3</sup> khí mỗi năm.

Theo Hợp đồng mua bán khí thượng nguồn PM3 CAA (hợp đồng UGSA PM3 CAA) ngày 10 tháng 02 năm 2000 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) với các nhà thầu lô PM3 CAA và Petronas có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua từ các nhà thầu một lượng khí cố định là 1,5 tỷ m<sup>3</sup> một năm.

Theo Hợp đồng mua bán khí lô 46 Cái Nước ngày 23 tháng 7 năm 2003 giữa Tổng Công ty và các nhà thầu lô 46 Cái Nước có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua từ các chủ khí một lượng khí cố định hàng năm là 0,206 tỷ m<sup>3</sup> một năm.

**Cam kết bán hàng**

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 16 tháng 12 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có thời hạn 20 năm, theo đó, Tổng Công ty cam kết sẽ bán một lượng khí cố định hàng năm 1,85 tỷ m<sup>3</sup> cho EVN cho đến hết giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA.

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 22 tháng 5 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) và Nhà máy Điện Phú Mỹ 3 BOT (PM3), Tổng Công ty cam kết cung cấp cho PM3 một lượng khí cố định hàng năm là 0,85 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 18 tháng 9 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) và Công ty Mekong Energy (PM 2.2), Tổng Công ty cam kết cung cấp cho PM 2.2 một lượng khí cố định hàng năm là 0,85 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

Theo Hợp đồng mua bán khí Cửu Long ngày 26 tháng 12 năm 2006 giữa Tổng Công ty và Công ty Nhiệt điện Bà Rịa, Tổng Công ty sẽ thực hiện cung cấp khí cho Công ty Nhiệt điện Bà Rịa để vận hành nhà máy điện. Hợp đồng này được thỏa thuận gia hạn đến ngày 23 tháng 02 năm 2011.

Theo Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và lô 46 Cái Nước ngày tháng 5 năm 2007 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) và Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau, Tổng Công ty cam kết cung cấp cho công ty này một lượng khí cố định hàng năm là 1,5 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**

Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.



*[Signature]*  
**Đỗ Khang Ninh**  
**Tổng Giám đốc**

*Ngày 28 tháng 4 năm 2011*

*[Signature]*  
**Mai Hữu Ngạn**  
**Kế toán trưởng**



**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25



0028  
CÔNG  
TY  
TN  
TY TH  
HÀNH  
TP. H

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Thành viên**

Bà Nguyễn Thị Lan	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011) Thành viên (đến ngày 31 tháng 12 năm 2010)
Ông Lê Minh Hồng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 04 tháng 01 năm 2010 và chuyển công tác ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Đỗ Khang Ninh	Chủ tịch (đến ngày 04 tháng 01 năm 2010) Thành viên (từ ngày 04 tháng 01 năm 2010)
Ông Vũ Đình Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Phan Quốc Nghĩa	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đỗ Khang Ninh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 01 năm 2010)
Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2009 và chuyển công tác từ ngày 04 tháng 01 năm 2010)
Ông Nguyễn Trung Dân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (chuyển công tác từ ngày 04 tháng 01 năm 2011)
Ông Trần Hưng Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc (chuyển công tác ngày 01 tháng 11 năm 2010)
Ông Nguyễn Thanh Nghị	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 01 năm 2010)
Ông Dương Mạnh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Quang	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 12 năm 2010)
Ông Hồ Tùng Vũ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 10 năm 2010 và chuyển công tác ngày 01 tháng 01 năm 2011)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Khang Ninh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2011

Số: 524 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (gọi tắt là “Tổng Công ty”) từ trang 5 đến trang 25. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán trình bày ở đoạn dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Trong năm, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng chi phí thu dọn các đường ống khí kết thúc khai thác các công trình khí với số tiền là 77.140.233.977 đồng (số dư lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 578.774.423.056 đồng). Tại ngày lập báo cáo này, phương án và chi phí thu dọn các công trình khí nói trên chưa được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền. Chúng tôi cũng không thu thập được các bằng chứng kiểm toán cần thiết để xác định tính hợp lý của khoản chi phí nói trên, theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản chi phí dự phòng này cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

### **Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các điều chỉnh cần thiết liên quan đến vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

*Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính tới vấn đề sau:*

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty hiện đang ghi nhận doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn tại thời điểm phát hành hoá đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, theo đó doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2010 được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 với số tiền lần lượt là 2.640 tỷ đồng và 2.590 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn tháng 11 và 12 năm 2009 được ghi nhận vào năm 2010 tương ứng là 2.607 tỷ đồng và 2.127 tỷ đồng).



Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

*Ngày 23 tháng 3 năm 2011*  
*Hà Nội, CHXHCN Việt Nam*

Trần Huy Công  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>14.271.540.514.034</b>	<b>9.420.755.167.839</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>4.277.069.453.652</b>	<b>1.734.018.069.294</b>
1. Tiền	111		2.492.069.453.652	1.734.018.069.294
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.785.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.102.101.000.000</b>	<b>2.521.360.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	<b>6</b>	2.102.101.000.000	2.521.360.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>6.678.349.934.107</b>	<b>3.450.536.462.961</b>
1. Phải thu khách hàng	131		5.561.003.744.962	2.652.657.097.707
2. Trả trước cho người bán	132		604.611.993.363	137.149.704.170
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		46.763.079.934	70.903.982.510
4. Các khoản phải thu khác	135		465.971.115.848	590.677.687.888
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	(852.009.314)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>501.813.021.984</b>	<b>941.055.913.322</b>
1. Hàng tồn kho	141		579.194.542.097	995.086.614.802
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(77.381.520.113)	(54.030.701.480)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>712.207.104.291</b>	<b>773.784.722.262</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		81.865.239.854	77.496.992.982
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		273.124.635.821	81.859.819.935
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	<b>8</b>	27.687.408.099	101.021.781.012
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		329.529.820.517	513.406.128.333
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+250+260)	<b>200</b>		<b>21.706.246.922.357</b>	<b>10.517.392.407.988</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.312.962.593.499</b>	<b>9.469.775.762.403</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>9</b>	16.368.145.259.766	8.996.399.207.184
- Nguyên giá	222		23.906.722.367.370	17.161.623.262.578
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.538.577.107.604)	(8.165.224.055.394)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>10</b>	155.824.084.570	1.700.704.127
- Nguyên giá	228		161.845.333.203	5.939.217.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.021.248.633)	(4.238.513.791)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>11</b>	788.993.249.163	471.675.851.092
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.658.984.680.327</b>	<b>984.741.730.390</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>12</b>	454.571.698.783	480.923.641.390
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>13</b>	533.175.801.544	326.721.689.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>14</b>	671.237.180.000	405.846.400.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(228.750.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.734.299.648.531</b>	<b>62.874.915.195</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>15</b>	2.734.278.803.531	5.207.471.923
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	57.187.500.000
3. Tài sản dài hạn khác	268		20.845.000	479.943.272
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>35.977.787.436.391</b>	<b>19.938.147.575.827</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MÃ SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010		31/12/2009	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>13.998.332.127.843</b>		<b>12.716.418.367.474</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.852.429.704.622</b>		<b>5.595.227.442.219</b>	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.549.505.727.859		1.103.067.672.959	
2. Phải trả người bán	312		3.432.722.562.786		2.834.443.247.429	
3. Người mua trả tiền trước	313		13.483.753.232		233.001.800.948	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	190.585.636.668		4.902.008.195	
5. Phải trả người lao động	315		52.943.061.635		52.149.271.130	
6. Chi phí phải trả	316	18	349.199.859.641		100.377.747.237	
7. Phải trả nội bộ	317		-		492.382.364.325	
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	2.240.302.827.195		742.880.606.051	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		23.686.275.606		32.022.723.945	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.145.902.423.221</b>		<b>7.121.190.925.255</b>	
1. Phải trả dài hạn nội bộ	332	20	44.265.687.854		1.629.670.994.116	
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	4.534.443.706.946		5.034.921.142.439	
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		19.674.450.032		19.440.016.663	
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		578.774.423.056		66.692.487.506	
5. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		968.744.155.333		370.466.284.531	
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>		<b>21.979.455.308.548</b>		<b>7.221.729.208.353</b>	
<b>(400= 410+430)</b>						
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>21.974.577.750.144</b>		<b>7.214.553.556.236</b>	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.455.050.754.975		5.068.993.804.933	
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		6.710.919.929.696		-	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.418.845.980)		(7.389.647.791)	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.412.917.207.300		828.683.347.149	
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.745.891.310.113		1.267.078.551.945	
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.652.217.394.040		57.187.500.000	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>4.877.558.404</b>		<b>7.175.652.117</b>	
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		4.877.558.404		7.175.652.117	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>35.977.787.436.391</b>		<b>19.938.147.575.827</b>	

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2010	31/12/2009
1. Nợ khó đòi đã xử lý	3.394.214.263	3.371.892.815
2. Tài sản loại	9.706.879,69 28,80	7.415.276,72 -



**Đỗ Khang Ninh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2011

**Mai Hữu Ngân**  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010		2009	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	42.730.248.814.414		28.331.690.125.845	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	20.609.392.742		17.749.566.532	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10		42.709.639.421.672		28.313.940.559.313	
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	35.815.293.517.487		23.224.215.251.765	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		6.894.345.904.185		5.089.725.307.548	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	811.620.350.625		589.640.657.664	
7. Chi phí tài chính	22	26	1.066.635.397.920		1.182.172.557.446	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		230.085.688.101		217.936.576.624	
8. Chi phí bán hàng	24		429.111.819.637		415.454.741.214	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		924.344.816.270		294.424.336.313	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		5.285.874.220.983		3.787.314.330.239	
11. Thu nhập khác	31	27	361.602.432.887		31.364.676.644	
12. Chi phí khác	32	28	90.825.971.092		18.159.331.392	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		270.776.461.795		13.205.345.252	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.556.650.682.778		3.800.519.675.491	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	754.316.165.108		613.027.115.898	
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		4.802.334.517.670		3.187.492.559.593	



**Đỗ Khang Ninh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2011

**Mai Hữu Ngân**  
Kế toán trưởng

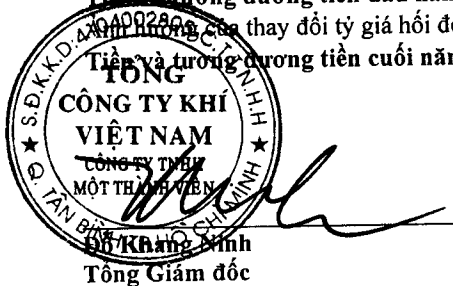


Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**MẪU SỐ B 03-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>5.556.650.682.778</b>	<b>3.800.519.675.491</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.640.754.633.224	867.826.846.282
Các khoản dự phòng	03	22.498.809.319	35.412.280.934
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	266.954.223.613	299.251.565.498
	05	(624.771.970.893)	(395.057.365.038)
Chi phí lãi vay	06	230.085.688.101	217.936.576.624
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>7.092.172.066.142</b>	<b>4.825.889.579.791</b>
(Tăng) các khoản phải thu	09	(2.754.585.336.034)	(1.100.314.236.260)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	437.248.960.776	(751.378.602.629)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.993.280.323.336	2.837.330.253.481
(Tăng) chi phí trả trước và khác	12	(3.241.900.180)	(676.899.537.228)
Tiền lãi vay đã trả	13	(194.739.486.318)	(111.252.795.071)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(682.841.443.775)	(1.102.920.135.482)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	17.531.595.450
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(73.349.632.911)	(2.380.517.795.724)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>6.813.943.551.036</b>	<b>1.557.468.326.328</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(3.140.177.575.716)	(1.683.655.744.766)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	(535.121.213)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.113.067.180.000)	(330.793.176.979)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.219.259.000.000	51.599.261.682
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(456.991.960.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	403.250.311.650	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	537.828.841.594	341.978.986.149
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2.549.898.562.472)</b>	<b>(1.621.405.795.127)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.755.978.667.815	320.483.027.305
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.083.428.927.195)	(350.565.739.530)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.400.000.000.000)	(2.356.884.722.154)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.727.450.259.380)</b>	<b>(2.386.967.434.379)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>2.536.594.729.184</b>	<b>(2.450.904.903.178)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.734.018.069.294	4.192.312.620.263
Tiền và tương đương tiền cuối năm	61	6.456.655.174	(7.389.647.791)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.277.069.453.652	1.734.018.069.294



Ngày 23 tháng 3 năm 2011

*(Signature)*  
**Mai Hữu Ngân**  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (gọi tắt là “Tổng Công ty”) - tiền thân là Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí - là công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 2232/QĐ-DKVN ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500102710 cấp lần đầu ngày 17 tháng 01 năm 2007 và thay đổi lần 6 ngày 12 tháng 5 năm 2010.

Tổng Công ty đã tiến hành chào bán chứng khoán lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 11 năm 2010 và hiện tại đang trong quá trình chuyển từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại lầu 6, tòa nhà SCEPTA, 19A Cộng Hòa, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1.115 (31 tháng 12 năm 2009: 1.085).

Các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty:

- Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ
- Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí
- Công ty Dịch vụ Khí
- Công ty Tư vấn Quản lý Dự án Khí
- Ban quản lý Dự án Khí - Đông Nam Bộ
- Công ty Khí Cà Mau
- Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn

**Hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm: thu gom, vận chuyển, tàng trữ, chế biến khí; tổ chức phân phối, kinh doanh các sản phẩm khí khô, khí LNG, CNG, LPG, condensate,...; kinh doanh vật tư thiết bị, hoá chất trong lĩnh vực chế biến khí và sử dụng khí và các sản phẩm khí; kinh doanh dịch vụ cảng, kho bãi; đầu tư cơ sở hạ tầng, hệ thống phân phối sản phẩm khí khô, khí lỏng đồng bộ, tiêu thụ LPG từ các nhà máy lọc hóa dầu và các nguồn khác của Petro Việt Nam; tư vấn thiết kế, lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình, dự án khí và liên quan đến khí; nghiên cứu ứng dụng ngành khí, thiết kế, cài tạo công trình khí; cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực khí, cài tạo, bảo dưỡng, sửa chữa động cơ, lắp đặt thiết bị chuyển đổi cho phương tiện giao thông vận tải và nông, lâm, ngư nghiệp sử dụng nhiên liệu khí; xuất nhập khẩu các sản phẩm khí lò, khí LNG, khí lỏng, condensate; nhập khẩu vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ ngành khí; tham gia đầu tư các dự án khí thượng nguồn nhằm tăng tính chủ động và hiệu quả cho hoạt động chế biến và kinh doanh sản phẩm khí; đầu tư tài chính vào các công ty bên ngoài, đầu tư mua bán chuyển nhượng, đàm phán, ký hợp đồng, dự án, tài sản, công trình khí; mua các công ty khí quốc tế để trở thành thành viên của Tổng Công ty, bán các công ty con khi cần thiết; các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được trình bày theo giá gốc, bao gồm tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng, khoản tiền ủy thác quản lý vốn ngắn hạn và hưởng lãi suất ủy thác tương ứng với kết quả của hoạt động ủy thác.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2010</b>
	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 15
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	2 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 20

Các chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và thay thế nhỏ nhằm duy trì điều kiện hoạt động bình thường của các tài sản được hạch toán vào chi phí trong năm. Các chi phí sửa chữa lớn hoặc thay thế mới làm thay đổi tính năng, công suất của tài sản được ghi nhận vào giá trị tài sản.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn sử dụng lâu dài nên không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá khoản đầu tư (nếu có).

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Căn cứ theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm Tổng Công ty phát hành hoá đơn giá trị gia tăng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ngoại tệ (Tiếp theo)**

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 tăng 2.418.845.980 đồng (năm 2009: 7.389.647.791 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS10.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các khoản chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền mặt	625.140.054	825.716.471
Tiền gửi ngân hàng	2.491.444.313.598	1.733.192.352.823
Các khoản tương đương tiền (i)	1.785.000.000.000	-
	<b>4.277.069.453.652</b>	<b>1.734.018.069.294</b>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn nhỏ hơn hoặc bằng 3 tháng tại các ngân hàng.

**6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống	1.614.627.180.000	2.121.360.000.000
Ủy thác quản lý vốn ngắn hạn	487.473.820.000	400.000.000.000
	<b>2.102.101.000.000</b>	<b>2.521.360.000.000</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	29.107.446.546
Nguyên liệu, vật liệu	232.847.623.079	655.560.487.513
Công cụ, dụng cụ	3.497.217.019	2.660.503.118
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.470.809.184	1.985.115.260
Thành phẩm	45.962.179.627	74.786.879.081
Hàng hóa	286.416.713.188	230.986.183.284
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>579.194.542.097</b>	<b>995.086.614.802</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(77.381.520.113)	(54.030.701.480)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>501.813.021.984</b>	<b>941.055.913.322</b>

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế xuất nhập khẩu	8.899.075.455	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.788.332.644	101.021.781.012
	<b>27.687.408.099</b>	<b>101.021.781.012</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2010	96.873.005.375	72.354.895.543	68.563.760.196	51.528.393.900	16.872.303.207.564	17.161.623.262.578
Mua trong năm	11.352.688.781	6.854.241.710	27.502.915.284	12.025.623.628	20.640.115.490	78.375.584.893
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	85.811.869.490	1.392.539.982	-	15.337.149	2.296.838.186.103	2.384.057.932.724
Tăng theo đánh giá lại để cổ phần hóa	6.912.005.998	-	5.233.077.226	-	4.313.735.256.957	4.325.880.340.181
Tăng khác	-	-	-	65.418.388	-	65.418.388
Giảm theo đánh giá lại để cổ phần hóa	(4.188.717.525)	(60.746.717)	-	(2.104.441.191)	(398.850.404)	(6.752.755.837)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(537.442.813)	-	-	(537.442.813)
Điều chỉnh theo quyết toán	-	4.104.914	-	-	(35.365.939.455)	(35.361.834.541)
Giảm khác	(200.364.549)	-	-	(175.723.936)	(252.049.718)	(628.138.203)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>196.560.487.570</b>	<b>80.545.035.432</b>	<b>100.762.309.893</b>	<b>61.354.607.938</b>	<b>23.467.499.926.537</b>	<b>23.906.722.367.370</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2010	29.020.543.729	59.787.318.191	29.225.747.169	26.465.322.554	8.020.725.123.751	8.165.224.055.394
Khấu hao trong năm	439.897.623.280	47.978.324.200	16.169.249.552	15.477.015.391	1.118.976.713.931	1.638.498.926.354
Tăng theo đánh giá lại để cổ phần hóa	-	-	-	-	100.860.943	100.860.943
Tăng khác	-	23.469.105	635.346.301	3.100.082	-	661.915.488
Giảm do đánh giá lại để cổ phần hóa	(433.575.357.617)	(51.211.552.394)	(9.089.696.641)	(7.425.050.858)	(1.748.090.621.552)	(2.249.392.279.062)
Thanh lý, nhượng bán	-	(200.364.549)	-	(102.949.162)	-	(303.313.711)
Điều chỉnh theo quyết toán	(221.926.957)	1.505.764	-	-	(6.827.591.089)	(6.826.085.325)
Giảm khác	-	(2.110.285)	-	(18.671.002)	(9.144.264.233)	(9.386.972.477)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>35.120.882.435</b>	<b>56.376.590.032</b>	<b>36.940.646.381</b>	<b>34.398.767.005</b>	<b>7.375.740.221.751</b>	<b>7.538.577.107.604</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 31/12/2010	161.439.605.135	24.168.445.400	63.821.663.512	26.955.840.933	16.091.759.704.786	16.368.145.259.766
Tại ngày 31/12/2009	67.852.461.646	12.567.577.352	39.338.013.027	25.063.071.346	8.851.578.083.813	8.996.399.207.184

Tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết với nguyên giá là 20.546.772.315 đồng (năm 2009: 5.173.872.863.726 đồng), trong đó, nguyên giá của các tài sản đang chờ thanh lý là 3.235.414.418 đồng (năm 2009: 1.996.487.612 đồng).

Các công trình khí tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày trong nhóm "Tài sản cố định khác" bao gồm một số tài sản có nguyên giá là 5.183.293.694.915 đồng được tạm tăng theo chi phí thực tế phát sinh đã tập hợp được để trích khấu hao khi công trình được đưa vào sử dụng. Nguyên giá các công trình này sẽ được điều chỉnh lại khi quyết toán công trình được phê duyệt.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2010	-	<b>5.939.217.918</b>	<b>5.939.217.918</b>
Tăng trong năm	152.316.000.000	3.590.115.285	155.906.115.285
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>152.316.000.000</b>	<b>9.529.333.203</b>	<b>161.845.333.203</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2010	-	<b>4.238.513.791</b>	<b>4.238.513.791</b>
Khấu hao trong năm	-	2.255.706.870	2.255.706.870
Giảm do đánh giá lại để cổ phần hóa	-	(472.972.028)	(472.972.028)
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>-</b>	<b>6.021.248.633</b>	<b>6.021.248.633</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2010	<b>152.316.000.000</b>	<b>3.508.084.570</b>	<b>155.824.084.570</b>
Tại ngày 31/12/2009	-	1.700.704.127	1.700.704.127

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<b>31/12/2010 VND</b>	<b>31/12/2009 VND</b>
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	74.713.934.650	133.681.791.366
Kho chứa LPG lạnh	23.421.977.190	3.191.553.729
Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ	228.417.497.948	6.592.269.738
Dự án thu gom khí Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	-	43.440.638.892
Trạm nạp khí hóa lỏng Thị Vải	-	60.758.621.218
Dự án cao ốc văn phòng Dragon Tower (i)	306.893.194.595	157.697.490.313
Dự án đầu tư nâng công suất cầu cảng PVGAS Vũng Tàu	42.386.681.914	-
Dự án dây chuyền cấp khí cho Nhà máy đạm Cà Mau	33.282.518.193	-
Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn 2	14.513.863.444	-
Khác	65.363.581.229	66.313.485.836
	<b>788.993.249.163</b>	<b>471.675.851.092</b>

(i) Tổng Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long để xây dựng một cao ốc văn phòng trên diện tích 7.441 m<sup>2</sup> đất tại Khu số 8, Dự án Dragon City, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, Tổng Công ty là Nhà điều hành và góp 70% vốn đầu tư dự án. Theo hợp đồng, các bên được hưởng lợi nhuận từ dự án trên cơ sở kết quả kinh doanh của Nhà điều hành theo tỷ lệ góp vốn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của công trình này đang được ghi nhận trên khoản mục chi phí xây dựng cơ bản của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính	Số tiền đầu tư tại ngày 31/12/2010 VND	Số tiền đầu tư tại ngày 31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam	TP HCM	54%	54%	Phân phối khí hóa lỏng	97.388.238.335	118.699.000.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Bắc	Hà Nội	62%	62%	Phân phối khí hóa lỏng	193.322.789.168	210.880.560.000
Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam (i)	Đồng Nai	0%	0%	Phân phối khí hóa lỏng	-	43.138.283.411
Công ty Cổ phần Sản xuất Bình khí	Đồng Nai	82%	91%	Sản xuất vỏ bình khí	50.699.840.000	50.989.080.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp khí	Vũng Tàu	51%	51%	Kinh doanh dịch vụ bọc ống	107.089.080.000	51.156.438.571
Công ty Cổ phần Thể thao Văn hoá Dầu khí	Hà Nội	60%	60%	Hoạt động thể thao và văn hóa	6.071.751.280	6.060.279.408
					<b>454.571.698.783</b>	<b>480.923.641.390</b>

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam được chuyển nhượng toàn bộ cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam theo hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 13 tháng 7 năm 2010.

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	316.175.801.544	59.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	67.000.000.000	67.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	150.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí miền Nam	-	11.000.000.000
Dự án Cao ốc Văn phòng Dragon Tower	-	131.787.379.000
Công ty TNHH Liên doanh Khí hóa lỏng Thăng Long	-	19.734.310.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hòa Cầm	-	17.800.000.000
	<b>533.175.801.544</b>	<b>326.721.689.000</b>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí	Việt Nam	48,12%	Phân phối khí thấp áp
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas đô thị	Việt Nam	35,51%	Kinh doanh khí
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí	Việt Nam	32,97%	Sản xuất ống thép

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đầu tư cổ phiếu (i)	358.170.000.000	400.270.000.000
Ủy thác quản lý vốn dài hạn	313.067.180.000	-
Đầu tư trái phiếu	-	5.576.400.000
	<b>671.237.180.000</b>	<b>405.846.400.000</b>

- (i) Đầu tư cổ phiếu bao gồm khoản mua cổ phần của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á với số tiền là 311.250.000.000 đồng. Do số cổ phiếu này thuộc loại hạn chế chuyển nhượng và Tổng Công ty dự kiến nắm giữ dài hạn nên không thực hiện đánh giá để trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Lợi thế kinh doanh (i)	2.729.738.580.027	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.540.223.504	5.207.471.923
	<b>2.734.278.803.531</b>	<b>5.207.471.923</b>

- (i) Lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay ngắn hạn (i)	156.656.320.896	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21)	1.392.849.406.963	1.103.067.672.959
	<b>1.549.505.727.859</b>	<b>1.103.067.672.959</b>

- (i) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và lãi suất được quy định cụ thể theo mỗi lần rút vốn.

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng	184.502.248.199	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.104.164.565
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.136.945.844	1.727.200.376
Các loại thuế khác	3.946.442.625	1.070.643.254
	<b>190.585.636.668</b>	<b>4.902.008.195</b>

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Chi phí nhà điều hành Nam Côn Sơn	54.880.344.256	51.028.840.128
Trích trước chi phí vận hành mỏ Rồng Đồi Mồi và Vòm Bắc mỏ Bạch Hổ	66.165.414.580	-
Chi phí lãi vay	83.046.712.033	47.700.510.250
Trích trước chi phí sửa chữa công trình khí	136.051.323.285	-
Các khoản khác	9.056.065.487	1.648.396.859
	<u>349.199.859.641</u>	<u>100.377.747.237</u>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Tiền bán cổ phần lần đầu phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.886.949.950.000	-
Các khoản phải trả khác	353.352.877.195	742.880.606.051
	<u>2.240.302.827.195</u>	<u>742.880.606.051</u>

**20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Phải trả dài hạn nội bộ	44.265.687.854	1.629.670.994.116
	<u>44.265.687.854</u>	<u>1.629.670.994.116</u>

Phải trả dài hạn nội bộ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh khoản phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về số vốn cấp cho Ban Quản lý Dự án Khí Đông Nam Bộ (đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty) để thực hiện Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Rồng Đồi mồi với số tiền là 44.265.687.854 đồng.

**21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	5.927.293.113.909	6.137.988.815.398
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.392.849.406.963)	(1.103.067.672.959)
	<u>4.534.443.706.946</u>	<u>5.034.921.142.439</u>

Chi tiết một số khoản vay dài hạn có số dư lớn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Vũng Tàu với hạn mức vay là 70 triệu USD và chịu lãi suất là Libor 6 tháng + 1,85%/năm. Khoản vay này có thời hạn là 10 năm và được sử dụng để đầu tư Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn. Gốc và lãi được trả 6 tháng một lần bắt đầu từ tháng thứ 36 kể từ lần rút vốn đầu tiên. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 8.900.000 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 18.300.000 USD).

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

- Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư Châu Âu với hạn mức vay là 65 triệu USD và chịu lãi suất 4,48%/năm. Khoản vay này có thời hạn 10 năm và trả gốc và lãi 6 tháng 1 lần theo lịch trả nợ bắt đầu từ tháng 6 năm 2004. Khoản vay này được sử dụng để đầu tư Dự án đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn và được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 27.365.609 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 33.482.184 USD).
- Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (Sea Bank) có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 42.802.270 USD và 95.543.447.716 đồng; chịu lãi suất lần lượt là Sibor 6 tháng + 1,95%/năm và 11,4%/năm. Các khoản vay này có thời hạn 7 năm và được sử dụng để đầu tư các công trình xây dựng cơ bản. Gốc và lãi vay được trả 6 tháng 1 lần sau 24 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên.
- Khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 144.000.000 USD, chịu lãi suất là lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 0,5%/năm. Các khoản vay này có thời hạn 11 năm, trả gốc và lãi 6 tháng 1 lần sau 12 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên và được sử dụng để đầu tư Đường ống dẫn khí PM3 Cà Mau.
- Khoản vay từ Ngân hàng Calyon có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 22.727.273 USD chịu lãi suất Sibor 6 tháng + 1,3%/năm. Các khoản vay này có thời hạn 7 năm, trả gốc và lãi 6 tháng 1 lần sau 24 tháng ân hạn kể từ ngày rút vốn đầu tiên, khoản vay này được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính và được sử dụng để đầu tư Đường ống dẫn khí PM3 Cà Mau.
- Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TPHCM (HD Bank), có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 180.562.958.000 đồng với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ. Các khoản vay này có thời hạn 5 năm, trả gốc và lãi 6 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được sử dụng để đầu tư Dự án cao ốc văn phòng Dragon Tower.
- Khoản vay từ Ngân hàng Standard Chartered với hạn mức vay là 133.000.000 USD và chịu lãi suất Libor 6 tháng + 2,5%/năm. Khoản vay này có thời hạn 5 năm và được sử dụng để đầu tư Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ, Rồng Đồi Mồi và các dự án khác. Gốc và lãi được trả từ tháng thứ 12 kể từ thời điểm ký hợp đồng vay ngày 01 tháng 12 năm 2010. Số dư nợ vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 7.829.562 USD.
- Các khoản vay từ Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam có số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 27.309.865 USD và 170.163.550.122 đồng với lãi suất không cố định. Các khoản vay này có thời hạn từ 4 - 7 năm được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, được sử dụng để đầu tư các công trình xây dựng cơ bản của Tổng Công ty.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.392.849.406.963	1.103.067.672.959
Trong năm thứ hai	1.180.175.778.598	1.095.688.565.420
Từ ba năm đến năm thứ năm	2.036.382.960.261	2.503.952.577.019
Sau năm năm	1.317.884.968.087	1.435.280.000.000
	<b>5.927.293.113.909</b>	<b>6.137.988.815.398</b>
Trừ số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	1.392.849.406.963	1.103.067.672.959
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>4.534.443.706.946</b>	<b>5.034.921.142.439</b>

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2009	3.412.698.437.112	-	929.993.598.160	1.212.500.000.000	-	-	5.555.192.035.272
Tập đoàn cấp	1.656.295.367.821	-	-	-	-	-	1.656.295.367.821
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	3.187.492.559.593	3.187.492.559.593
Trích lập các quỹ từ lợi	-	-	828.683.347.149	54.748.451.233	-	(1.302.549.503.163)	(419.117.704.781)
Nộp Tập đoàn	-	-	(929.993.598.160)	-	-	(1.827.455.556.430)	(2.757.449.154.590)
Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Chi tiêu từ quỹ	-	-	-	(169.899.288)	-	-	(169.899.288)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(7.389.647.791)	-	(7.389.647.791)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2009</b>	<b>5.068.993.804.933</b>	<b>-</b>	<b>828.683.347.149</b>	<b>1.267.078.551.945</b>	<b>(7.389.647.791)</b>	<b>57.187.500.000</b>	<b>7.214.553.556.236</b>
Tăng vốn trong năm	2.323.297.613.085	-	-	-	-	-	2.323.297.613.085
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.802.334.517.670	4.802.334.517.670
Thay đổi theo kết quả cổ phần hóa (i)	3.063.186.755.069	6.710.919.929.696	-	-	-	-	9.774.106.684.765
Trích lập các quỹ từ lợi	-	-	1.412.489.789.188	481.656.652.444	-	(1.963.849.130.396)	(69.702.688.764)
nhuận (ii)	-	-	-	-	-	(1.200.000.000.000)	(2.028.683.347.149)
Nộp Tập đoàn (iii)	-	-	(828.683.347.149)	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	4.970.801.811	-	4.970.801.811
Thay đổi khác	(427.418.112)	-	427.418.112	(2.843.894.276)	-	(42.955.493.234)	(45.799.387.510)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2010</b>	<b>10.455.050.754.975</b>	<b>6.710.919.929.696</b>	<b>1.412.917.207.300</b>	<b>1.745.891.310.113</b>	<b>(2.418.845.980)</b>	<b>1.652.217.394.040</b>	<b>21.974.577.750.144</b>

- (i) Thay đổi theo kết quả cổ phần hóa phản ánh số vốn nhà nước tăng tại Tổng Công ty theo Quyết định số 1201/QĐ-DKVN ngày 25 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty Khí Việt Nam.
- (ii) Trong năm, Tổng Công ty tạm phân phối lợi nhuận trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều với tổng số tiền là 1.964.349.130.396 đồng.
- (iii) Tổng Công ty thực hiện nộp Tập đoàn số tiền đã trích từ lợi nhuận năm 2009 vào Quỹ đầu tư phát triển theo phê duyệt phân phối lợi nhuận của Tập đoàn năm 2009 với số tiền là 828.683.347.149 đồng và tạm nộp Tập đoàn lợi nhuận năm 2010 là 1.200 tỷ đồng. Số phải nộp chính thức sẽ được Tập đoàn phê duyệt trong năm 2011.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>42.730.248.814.414</b>	<b>28.331.690.125.845</b>
Doanh thu bán khí	28.033.980.271.575	18.458.920.606.948
Doanh thu bán LPG, bupro và doanh thu khác	12.364.146.988.880	8.230.833.809.726
Doanh thu vận chuyển khí	2.332.121.553.959	1.641.935.709.171
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>20.609.392.742</b>	<b>17.749.566.532</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu	20.609.392.742	17.749.566.532
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>42.709.639.421.672</b>	<b>28.313.940.559.313</b>

Doanh thu bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn được ghi nhận tại thời điểm phát hành hóa đơn theo hướng dẫn tại Công văn số 5110-TC/TCT ngày 16 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, theo đó doanh thu và giá vốn của hoạt động bán khí và vận chuyển khí Nam Côn Sơn phát sinh trong tháng 11 và tháng 12 năm 2010 sẽ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011 với số tiền lần lượt là 2.640 tỷ đồng và 2.590 tỷ đồng (doanh thu và giá vốn tháng 11 và 12 năm 2009 được ghi nhận vào năm 2010 tương ứng là 2.607 tỷ đồng và 2.127 tỷ đồng).

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán khí	25.034.219.185.182	16.458.581.987.787
Giá vốn bán LPG, bupro và khác	10.378.355.258.675	6.388.291.852.965
Giá vốn vận chuyển khí	402.719.073.630	377.341.411.013
	<b>35.815.293.517.487</b>	<b>23.224.215.251.765</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	369.887.544.237	341.111.474.181
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	180.896.418.736	183.827.650.523
Cổ tức, lợi nhuận được chia	100.308.901.734	55.524.629.175
Lãi từ bán các khoản đầu tư	154.809.654.024	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.717.831.894	9.176.903.785
	<b>811.620.350.625</b>	<b>589.640.657.664</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	230.085.688.101	217.936.576.624
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	560.862.510.120	674.421.476.957
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	266.954.223.613	299.251.565.498
Hoàn nhập dự phòng tài chính	-	(9.719.405.953)
Chi phí tài chính khác	8.732.976.086	282.344.320
	<b>1.066.635.397.920</b>	<b>1.182.172.557.446</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. THU NHẬP KHÁC**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu tiền phạt, bồi thường theo hợp đồng	245.032.664.791	-
Thu từ các đối tác chi phí trước hoạt động của liên doanh Lô B - Ô Môn	80.216.852.928	-
Thu tiền bồi thường chi phí khắc phục sự cố rò rỉ đường ống Su từ Vàng - Rạng Đông	17.210.909.091	-
Thu nhập khác	19.142.006.077	31.364.676.644
	<b>361.602.432.887</b>	<b>31.364.676.644</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí trước hoạt động của dự án liên doanh Lô B - Ô Môn	71.783.976.428	-
Chi phí khắc phục sự cố rò rỉ đường ống Su Từ Vàng - Rạng Đông	15.392.473.047	-
Chi phí khác	3.649.521.617	18.159.331.392
	<b>90.825.971.092</b>	<b>18.159.331.392</b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.556.650.682.778</b>	<b>3.800.519.675.491</b>
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(100.308.901.734)	(155.712.923.694)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	78.043.414.266	98.141.968.311
Trích lập quỹ Phát triển khoa học công nghệ chưa trừ vào thu nhập trước thuế năm 2009	-	(370.466.284.531)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.534.385.195.310</b>	<b>3.372.482.435.577</b>
Thu nhập chịu thuế suất 0%	1.265.549.424.381	-
Thu nhập chịu thuế suất 10%	1.755.623.169.152	1.188.319.885.111
Thu nhập chịu thuế suất 20%	997.391.483.515	1.036.910.204.601
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 25%	1.515.821.118.262	1.147.252.345.865
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất</b>	<b>753.995.893.184</b>	<b>613.027.115.898</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung do ảnh hưởng của các khoản chi phí không hợp lý hợp lệ năm 2009	320.271.924	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>754.316.165.108</b>	<b>613.027.115.898</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung cho năm 2009 theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà Nước, đã được điều chỉnh vào kết quả kinh doanh năm 2010	37.791.361.446	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kết quả kinh doanh năm 2010	716.524.803.662	

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tổng Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi là 20% đối với các dự án Trung tâm Phân phối Khí Phú Mỹ theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 8898-BKH/DN ngày 31 tháng 12 năm 2001; Dự án Dịch vụ Vận chuyển condensate Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3399-BKH/DN ngày 28 tháng 5 năm 2002 và Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 6011-BKH/DN ngày 18 tháng 9 năm 2002 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Ngoài ra, Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm đầu, giảm 50% cho 7 năm tiếp theo, kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ Dự án Đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)**

Tổng Công ty được hưởng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Trạm nạp LPG Thị Vải theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000055 ngày 10 tháng 8 năm 2007. Tổng Công ty đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án này từ năm 2010.

Tổng Công ty được hưởng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 7 năm tiếp theo đối với Dự án Hệ thống Phân phối khí thấp áp Giai đoạn 2 theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 49221000047 ngày 02 tháng 7 năm 2007. Tổng Công ty đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án này từ năm 2010.

Tổng Công ty được hưởng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 1 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo đối với Dự án Đường ống dẫn khí Su Từ Đen/Su Từ Vàng - Rạng đông theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 491210000102 ngày 08 tháng 5 năm 2008. Tổng Công ty đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án này từ năm 2010.

Tổng Công ty được hưởng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo đối với Dự án Đầu tư Đường ống dẫn khí PM3 - Cà Mau theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 61101000095 ngày 09 tháng 02 năm 2010. Tổng Công ty đã đăng ký bắt đầu áp dụng ưu đãi miễn thuế đối với Dự án này từ năm 2010.

**30. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**i) Cam kết vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có các khoản cam kết vốn liên quan tới một số hợp đồng đầu tư xây dựng cơ bản lớn đang thực hiện chưa hoàn thành sau:

	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>
Kho chứa LPG lạnh	397.060.862.464
Đường ống dẫn khí Hải Sư Trắng/Tê Giác Trắng - Bạch Hổ	146.342.089.379
Dự án thu gom khí đồng hành mỏ Mỏ Rồng - Đồi Mồi	708.110.363.535
Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn	570.936.571.491

**ii) Cam kết khác**

Các khoản cam kết liên quan đến hoạt động kinh doanh và vận chuyển khí:

Cam kết mua hàng

Theo Hợp đồng GSPA Lô 06.1 ngày 15 tháng 12 năm 2000 và thỏa thuận bổ sung cho GSPA Lô 06.1 ngày 30 tháng 9 năm 2009 giữa các chủ khí Lô 06.1 (Công ty TNHH BP Exploration Operating, Công ty TNHH ONGC Videsh và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện), Tổng Công ty cam kết mua một lượng khí tối thiểu là 3,6 tỷ m<sup>3</sup> một năm kể ngày 01 tháng 7 năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2010, và 4 tỷ m<sup>3</sup> một năm trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Theo Hợp đồng GSPA ký ngày 19 tháng 4 năm 2005 giữa chủ khí Lô 11.2 (Công ty Dầu Quốc gia Hàn Quốc và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua một lượng khí tối thiểu là 1,216 tỷ m<sup>3</sup> khí mỗi năm.

**TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MTV**

Số 19A, đường Cộng Hòa, quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***30. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)**

Theo Hợp đồng mua bán khí thượng nguồn PM3 CAA (hợp đồng UGSA PM3 CAA) ngày 10 tháng 02 năm 2000 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) với các nhà thầu lô PM3 CAA và Petronas có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua từ các nhà thầu một lượng khí cố định là 1,5 tỷ m<sup>3</sup> một năm.

Theo Hợp đồng mua bán khí lô 46 Cái Nước ngày 23 tháng 7 năm 2003 giữa Tổng Công ty và các nhà thầu lô 46 Cái Nước có thời hạn 23 năm, Tổng Công ty cam kết mua từ các chủ khí một lượng khí cố định hàng năm là 0,206 tỷ m<sup>3</sup> một năm.

*Cam kết bán hàng*

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 16 tháng 12 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có thời hạn 20 năm, theo đó, Tổng Công ty cam kết sẽ bán một lượng khí cố định hàng năm 1,85 tỷ m<sup>3</sup> cho EVN cho đến hết giai đoạn bình ổn theo hợp đồng GSA.

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 22 tháng 5 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) và Nhà máy Điện Phú Mỹ 3 BOT (PM3), Tổng Công ty cam kết cung cấp cho PM3 một lượng khí cố định hàng năm là 0,85 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

Theo Hợp đồng bán khí Nam Côn Sơn ký ngày 18 tháng 9 năm 2001 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) và Công ty Mekong Energy (PM 2.2), Tổng Công ty cam kết cung cấp cho PM 2.2 một lượng khí cố định hàng năm là 0,85 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

Theo Hợp đồng mua bán khí Cửu Long ngày 26 tháng 12 năm 2006 giữa Tổng Công ty và Công ty Nhiệt điện Bà Rịa, Tổng Công ty sẽ thực hiện cung cấp khí cho Công ty Nhiệt điện Bà Rịa để vận hành nhà máy điện. Hợp đồng này được thỏa thuận gia hạn đến ngày 23 tháng 02 năm 2011.

Theo Hợp đồng mua bán khí PM3 CAA và lô 46 Cái Nước ngày tháng 5 năm 2007 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (do Tổng Công ty làm đại diện) và Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau, Tổng Công ty cam kết cung cấp cho công ty này một lượng khí cố định hàng năm là 1,5 tỷ m<sup>3</sup> khí cho đến năm 2023.

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.



**Đỗ Khang Ninh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2011

**Mai Hữu Ngân**  
Kế toán trưởng

